UK PACT
GREEN RECOVERY CHALLENGE FUND

SSC Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

SẢN PHẨM SỐ 1: SỔ TAY VỀ TRIỂN KHAI VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG

Hoạt động Thúc đẩy tài chính xanh thông qua cải thiện hoạt động công bố thông tin ESG, với trọng tâm thông tin rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu

Tháng 10, 2024

KHUYẾN CÁO VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam là cơ quan trực thuộc Bộ Tài chính, với chức năng phát triển thị trường vốn, điều tiết các hoạt động giao dịch chứng khoán, cấp phép cho các tổ chức tham gia thị trường, và giám sát thực thi các quy định. Để biết thêm thông tin, xin vui lòng truy cập www.ssc.gov.vn.

Với sự phối hợp từ phía Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam, nằm trong phạm vi Chương trình Hợp tác Thúc đẩy chuyển dịch vì khí hậu (UK PACT), tiếp nối các hoạt động hỗ trợ về tài chính xanh của Văn phòng Phát triển và Khối thịnh vượng chung Vương quốc Anh (UK FCDO), Hoạt động 'Thúc đẩy tài chính xanh thông qua cải thiện hoạt động công bố thông tin rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu (GRCF)' được triển khai nhằm mục đích hỗ trợ nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp trong nước hướng tới tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tài chính bền vững.

Là Sản phẩm đầu ra đầu tiên của Hoạt động GRCF, Sổ tay về triển khai và công bố thông tin ESG ('Sổ tay') này được phát hành bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam trên cơ sở dự án hợp tác nhằm thúc đẩy triển khai và công bố thông tin về môi trường, xã hội và quản trị của các doanh nghiệp tại Việt Nam.

Sổ tay này được ban hành dựa trên hiểu biết rằng các đối tượng, bao gồm người xây dựng Sổ tay, các tổ chức, các quốc gia mà họ đại diện, và tổ chức ấn hành Sổ tay này đều không tham gia vào hoạt động tư vấn pháp lý hoặc tài chính. Thông tin trong Sổ tay hướng dẫn này được xây dựng như một tài liệu hướng dẫn chung, và tổ chức phát hành không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất hoặc chi phí có thể phát sinh do việc sử dụng thông tin trong tài liệu này. Ấn phẩm này không nhằm mục đích bao quát tất cả các vấn đề. Các kết luận và diễn giải trong Sổ tay này không được quy kết cho và không nhất thiết phản ánh quan điểm của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam, của Chương trình UK PACT hoặc các chính phủ mà họ đại diện. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Chương trình UK PACT không đảm bảo tính chính xác tuyệt đối của dữ liệu trong ấn phẩm này và không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hậu quả nào do việc sử dụng dữ liệu trong ấn phẩm này.

Sổ tay này không được phép phổ biến vì mục đích thương mại như cho mượn, bán lại, cho thuê hoặc hoặc lưu hành thu lợi nhuận và việc sử dụng phải được sự đồng ý trước của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam.

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH, BẢNG VÀ HỘP THÔNG TIN 7
GIỚI THIỆU 17
1. Tổng quan về Sổ tay 17
2. Đối tượng hướng đến của Sổ tay 21
PHẦN 1: ĐỊNH HÌNH BỐI CẢNH ESG 22
1. Tổng quan về bối cảnh ESG 22
1.1 Tại sao cần triển khai ESG? 22
1.2 Xu thế triển khai ESG trên thế giới - Rủi ro và Cơ hội 26
1.3 Bối cảnh thị trường Việt Nam 29
2. Tổng quan về hệ thống quy định pháp luật liên quan đến phát triển bền vững 31
2.1 Bối cảnh hệ thống quy định pháp luật trên thế giới 31
2.2 Bối cảnh hệ thống quy định pháp luật tại Việt Nam 32
2.2.1. Tổng quan các chiến lược quốc gia liên quan tới phát triển bền vững của Việt Nam 32
2.2.2. Quy định pháp luật liên quan tới phát triển bền vững tại Việt Nam 37
2.2.3. Quy định về yêu cầu báo cáo và công bố thông tin ESG tại Việt Nam 45
3. Tiêu chuẩn và Khung báo cáo về ESG 50
3.1. Bối cảnh thay đổi về các Tiêu chuẩn và Khung báo cáo 50
3.2. Các Tiêu chuẩn và Khung về Công bố thông tin liên quan đến ESG tại Việt Nam 53
4. Tiếp cận Tài chính Bền vững 54
4.1. Tổng quan về Tài chính Bền vững 54
4.1.1. Bối cảnh Tài chính Bền vững 54
4.1.2. Các phương pháp Đầu tư Bền vững 56
4.2. Tiếp cận Tài chính Bền vững – Yêu cầu của nhà đầu tư là gì? 58
4.2.1 Công bố thông tin ESG 58
4.2.2 Xếp hạng ESG (ESG Rating) và Danh mục ESG (ESG Index) 58
PHẦN 2: TÍCH HỢP ESG VÀO QUẢN TRỊ VÀ VẬN HÀNH DOANH NGHIỆP 60
1. Phương pháp tiếp cận 6 bước xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động về ESG 60
1.1 BƯỚC 1: TÌM HIỂU 64
1.1.1 Mục tiêu 64
1.1.2 Phương pháp thực hiện 65
1.2 BƯỚC 2: ĐÁNH GIÁ VÀ NẮM BẮT 65
1.2.1 Bước 2.1: Đánh giá và Xác định chủ đề ESG trọng yếu 65
1.2.2 Bước 2.2: Đánh giá mức độ trưởng thành của hiệu quả năng lực triển khai ESG hiện tại 66
1.3 BƯỚC 3: LẬP KẾ HOẠCH 69

1.3.1 Mục tiêu 69
1.3.2 Phương án thực hiện 69
1.3.3 Nguồn tham khảo và Công cụ hỗ trợ 73
1.4 BƯỚC 4: TRIỂN KHAI 74
1.4.1 Mục tiêu 74
1.4.2 Phương án thực hiện 74
1.5 BƯỚC 5: GIÁM SÁT TIẾN ĐỘ VÀ ĐÁNH GIÁ 74
1.5.1 Mục tiêu 74
1.5.2 Phương án thực hiện 74
1.6 BƯỚC 6: BÁO CÁO 75
1.6.1 Mục tiêu 75
1.6.2 Phương án thực hiện 75
1.6.3 Nguồn tham khảo và Công cụ hỗ trợ 75
2. CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ NGUỒN THAM CHIẾU HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP ESG 75
2.1. Quản trị và Chiến lược 76
2.1.1. Quản trị và Văn hóa của tổ chức 78
2.1.2. Đánh giá chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững 86
2.1.3. Các Cam kết và Mục tiêu về ESG 94
2.2. Vận hành 99
2.2.1. Quản lý chuỗi cung ứng 99
2.2.2. Quản trị rủi ro 105
2.2.3. Tương tác với các bên liên quan 112
2.3. Dữ liệu và báo cáo 115
2.3.1. Công bố thông tin phát triển bền vững 115
2.3.2. Dữ liệu về ESG và Giải pháp công nghệ hỗ trợ 115
2.4. Giám sát 117
2.4.1. Soát xét và xác nhận nội bộ 117
2.4.2. Soát xét và xác minh độc lập bởi bên thứ ba 117
PHẦN 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG 118
1. Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững 118
1.1 Thiết lập nguồn lực cho công tác lập báo cáo ESG 118
1.2 Xây dựng kế hoạch chuyển đổi 119
1.3 Xác định nội dung báo cáo 119
1.4 Đánh giá hệ thống thông tin và các kiểm soát 119
1.5 Tổng hợp báo cáo ESG 120
1.6 Lên Kế hoạch cải thiện 120
2. Các Nguyên tắc hướng dẫn đối với công tác lập báo cáo 121
2.1 Các Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo 121

2.2 Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo 122
3. Cấu trúc báo cáo phát triển bền vững 123
3.1 Tuyên bố về tuân thủ các tiêu chuẩn và khung báo cáo quốc tế 124
3.1.1 Tuyên bố về tuân thủ 124
3.1.2 Soát xét và xác minh độc lập 125
3.2 Phạm vi báo cáo 125
3.2.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin 125
3.2.2 Nội dung báo cáo thông tin 126
3.3 Đánh giá chủ đề trọng yếu 126
3.3.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin 126
3.3.2 Nội dung báo cáo thông tin 127
3.4 Quản trị 127
3.4.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin 127
3.4.2 Nội dung báo cáo thông tin 127
3.5 Chiến lược 131
3.5.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin 131
3.5.2 Nội dung báo cáo thông tin 131
3.6 Quản trị rủi ro 135
3.6.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin 135
3.6.2 Nội dung báo cáo thông tin 135
3.7 Chỉ số và mục tiêu 137
3.7.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin 137
3.7.2 Nội dung báo cáo thông tin 138
3.8 Cơ sở báo cáo 147
3.8.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin 147
3.8.2 Nội dung báo cáo thông tin 147
PHẦN 4: HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI ESG ĐƠN GIẢN HÓA CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (DNNVV) 148
1. Về các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam 148
1.1. Tổng quan bối cảnh DNNVV tại Việt Nam 148
1.2. Các yếu tố thúc đẩy chuyển đổi ESG cho các DNNVV tại Việt Nam 149
1.3. Những thách thức trong việc chuyển đổi ESG của các DNNVV tại Việt Nam 150
2. Hướng dẫn triển khai ESG đơn giản hóa dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV) 152
2.1. Phương pháp tiếp cận 6 bước xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động về ESG 152
2.1.1. BƯỚC 1: TÌM HIỂU VÀ CÔNG NHẬN 153
2.1.2. BƯỚC 2: ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC ĐỊNH CHỦ ĐỀ ESG TRỌNG YẾU 154

2.1.3. BƯỚC 3: LẬP KẾ HOẠCH 158
2.1.4. BƯỚC 4: TRIỂN KHAI 163
2.1.5. BƯỚC 5: GIÁM SÁT TIẾN ĐỘ 164
2.1.6. BƯỚC 6: BÁO CÁO 164
PHẦN 5: TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA SỔ TAY TRIỂN KHAI VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG 173
PHẦN 6: PHỤ LỤC 185
Phụ lục A: Danh mục tham khảo về các chỉ số công bố thông tin về ESG 185
Phụ lục B: Công cụ tài chính bền vững 213
Phụ lục C: Yêu cầu để tiếp cận tài chính bền vững theo định chế cụ thể 216
Phụ lục D: Tổng quan về các tiêu chuẩn và khung báo cáo phát triển bền vững phổ biến ở quốc tế 219
Phụ lục E: Nghiên cứu tình huống – Tiêu chuẩn báo cáo và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) 221
Phụ lục F: Các yêu cầu chung về công bố thông tin tham chiếu với các tiêu chuẩn và khung công bố Quốc tế 222
Phụ lục G: Ví dụ về thực thi báo cáo tốt 226
Phụ lục H: Báo cáo phát triển bền vững – từ góc nhìn của DNNVV 252
Phụ lục I: VỀ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA EY (EY SUSTAINABILITY CRITICAL ASSESSMENT TOOL) 253
Phụ lục J: Thỏa thuận Xanh Châu Âu – Nhân tố thay đổi cuộc chơi xanh 271

DANH MỤC HÌNH, BẢNG VÀ HỘP THÔNG TIN

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Các chủ đề phổ biến đối với ESG. 22

Hình 2: Ba yếu tố chính thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp triển khai ESG 23

Hình 3: Những rủi ro liên quan đến ESG 26

Hình 4: Tổng số chính sách can thiệp về đầu tư có trách nhiệm mỗi năm (dữ liệu Tháng 4 năm 2022) 32

Hình 5: Các văn bản mang tính chất định hướng, chiến lược và kế hoạch hành động của Việt Nam có liên quan đến các chủ đề về phát triển bền vững 35

Hình 6: Tổng hợp các văn bản quy định pháp luật của Việt Nam về môi trường. 37

Hình 7: Gia tăng động thái tiến tới đồng nhất các tiêu chuẩn báo cáo liên quan phát triển bền vững. 52

Hình 8: Cấp độ trưởng thành của các doanh nghiệp Việt Nam trong công bố thông tin ESG. 54

Hình 9: Giá trị phát hành của thị trường nợ tín dụng bền vững qua các năm tại Việt Nam ... 55

Hình 10: Một số công ty xếp hạng ESG trên thị trường 58

Hình 11: Phương pháp tiếp cận 6 bước để xây dựng và triển khai kế hoạch hành động về ESG 61

Hình 12: Khung Tích hợp ESG 64

Hình 13: UNGC 10 Nguyên tắc UNGC liên kết với 17 SDGs 78

Hình 14: Kết quả thể hiện về EEDI cho thấy sự chênh lệch về tính đa dạng giữa các công ty dẫn đầu với các công ty 'Không có phụ nữ trong hội đồng': Các công ty lớn có tính đa dạng cao hơn so với các công ty nhỏ 80

Hình 15: Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Huyndai Motor trên toàn cầu 81

Hình 16: Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons tại Việt Nam 82

Hình 17: Cách tiếp cận tính trọng yếu hai chiều 86

Hình 18: Cách tiếp cận Đánh giá chủ đề trọng yếu 87

Hình 19: Một số nguồn tham chiếu cho công tác đánh giá trọng yếu được tổng hợp bởi COSO và WBCSD. 89

Hình 20: Sơ đồ và hướng dẫn của SASB 90

Hình 21: Ví dụ về Hướng dẫn đánh giá chủ đề trọng yếu của <IR>: Đánh giá tầm quan trọng của chủ đề 92

Hình 22: Các khía cạnh trong chiến lược phát triển bền vững 94

Hình 23: 3 bước giải quyết các vấn đề liên quan đến tính bền vững của chuỗi cung ứng. ... 100

Hình 24: Vòng đời chuỗi cung ứng 101

Hình 25: Cấu phần cốt lõi của một khung kiểm soát rủi ro. 105

Hình 26: Lập danh mục rủi ro liên quan phát triển bền vững. 106

Hình 27: Các bước để đưa các rủi ro về phát triển bền vững vào kiểm kê rủi ro có sẵn. 107

Hình 28: Giải pháp công nghệ cụ thể theo ngành có thể sử dụng để hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác và báo cáo phát triển bền vững. 116

Hình 29: Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững..... 118

Hình 30: Cấu trúc báo cáo phát triển bền vững 124

Hình 31 Các yếu tố thúc đẩy các DNNVV Việt Nam trong việc thúc đẩy chuyển đổi ESG 149

Hình 32 Lợi ích cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thúc đẩy bền vững 150

Hình 33: Ví dụ về Hướng dẫn đánh giá chủ đề trọng yếu của <IR>: Đánh giá tầm quan trọng của chủ đề 157

Hình 34: Công cụ hỗ trợ sản xuất bền vững - OECD – Minh họa: Ma trận đánh giá ưu tiên vấn đề 157

Hình 35: Nguồn và công cụ về tài chính bền vững 213

Hình 36: Thỏa thuận Xanh châu Âu - Chuyển đổi nền kinh tế EU vì một tương lai bền vững 272

Hình 37: Đánh giá tác động ngành phù hợp với 55 - Nguồn: Phân tích KPMG..... 277

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Cấu trúc Sổ tay 18

Bảng 2: Mối liên kết giữa một đề xuất hiệu quả về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) và việc tạo ra giá trị thông qua năm phương diện chính - Nguồn: McKinsey 2019 24

Bảng 3: Một số quy định ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp từ khi giai đoạn đầu tư đến khi vận hành..... 38

Bảng 4: Một số vấn đề chi tiết về Biến đổi khí hậu trong Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và Nghị định 06/2022. 40

Bảng 5: Tổng hợp các Luật chính có liên quan đến một số nhóm chủ đề/chủ đề trong khía cạnh Xã hội. 41

Bảng 6: Tóm tắt một số văn bản liên quan đến quản trị doanh nghiệp theo các loại hình doanh nghiệp khác nhau. 44

Bảng 7: Quy định về báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC 46

Bảng 8: Các thông tin được khuyến nghị/yêu cầu báo cáo liên quan đến ESG dựa trên các quy định của Việt Nam 47

Bảng 9: Khung Báo cáo Liên quan đến Khí hậu tại Việt Nam – Nguồn: 2022 Báo cáo Khí hậu năm 2022 tại ASEAN 53

Bảng 10: 'Yếu tố cần thiết' cho 5 phương pháp đầu tư bền vững – Bảng định nghĩa Khung báo cáo cảu PRI 57

Bảng 11: Các tiêu chí đánh giá ESG – Nguồn: ESG Rating providers, OECD, selected themes for illustration 59

Bảng 12: Đánh giá năng lực – Áp dụng từ Khung Mô hình của EY 67

Bảng 13: Mục tiêu phát triển bền vững quốc gia 70

Bảng 14: Ma trận xác định quy mô, phạm vi và khả năng khắc phục của tác động 92

Bảng 15: Đánh giá Sơ bộ tính trọng yếu của tác động 93

Bảng 16: Những quan sát về nỗ lực tạo mục đích cho ngưỡng ứng phó dựa trên bối cảnh. 95

Bảng 17: Áp dụng các tiêu chí ưu tiên đối với rủi ro phát triển bền vững (Tham khảo từ khung Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp ERM của COSO) 108

Bảng 18: Các phương pháp đánh giá mức độ nghiêm trọng của rủi ro về ESG 108

Bảng 19: Cân nhắc về dữ liệu, tham số và giả định 109

Bảng 20: Nguồn dữ liệu gợi ý cho đánh giá rủi ro phát triển bền vững 110

Bảng 21: Phương pháp chính để xác định phạm vi và giới hạn báo cáo 126

Bảng 22: Quản trị – Yêu cầu chung trong báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững 127

Bảng 23: Quản trị – Cân nhắc bổ sung về yêu cầu công bố thông tin liên quan đến khí hậu 129

Bảng 24: Yêu cầu quy định pháp luật về công bố thông tin Quản trị tại Việt Nam 130

Bảng 25: Chiến lược – Các yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững 131

Bảng 26: Chiến lược – Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu 133

Bảng 27: Quy định về công bố thông tin liên quan đến chiến lược ở Việt Nam 135

Bảng 28: Quản trị rủi ro - Yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan phát triển bền vững 135

Bảng 29: Quản trị rủi ro –Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan khí hậu 137

Bảng 30: Mục tiêu và chỉ số – Yêu cầu chung cho báo cáo thông tin về phát triển bền vững 138

Bảng 31: Các chỉ số và mục tiêu khuyến nghị thực hiện báo cáo 140

Bảng 32: Chỉ số và Mục tiêu – Các cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo liên quan đến khí hậu 144

Bảng 33: Quy định pháp luật về báo cáo Các chỉ số và mục tiêu về Môi trường và Xã hội tại Việt Nam 147

Bảng 34: Mục tiêu phát triển bền vững quốc gia 159

Bảng 35: Danh mục tham khảo về các chỉ số công bố thông tin 186

Bảng 36: Ví dụ về các kiểu công cụ tài chính bền vững 213

Bảng 37: Yêu cầu để tiếp cận tài chính bền vững theo định chế cụ thể trên thị trường Việt Nam 216

Bảng 38: Tổng quan về các tiêu chuẩn và khung báo cáo phát triển bền vững phổ biến ở quốc tế 219

Bảng 39: Liên kết các Mục tiêu SDG chọn lọc phù hợp với GESI theo GRI,SASB & CDP 221

Bảng 40: Quản trị - Các yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững 222

Bảng 41: Chiến lược - Các yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững 222

Bảng 42: Quản trị rủi ro - Các yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững 223

Bảng 43: Khuyến nghị chung về công bố thông tin về các chỉ tiêu và mục tiêu 223

Bảng 44: Mô tả theo mức độ trưởng thành của các phân loại xếp hạng doanh nghiệp (persona) của EY 253

Bảng 45: Công cụ đánh giá Chủ đề Phát triển bền vững tối quan trọng được cung cấp bởi EY 254

Bảng 46: Tám yếu tố chính của Thỏa thuận xanh châu Âu 272

HỘP THÔNG TIN

Hộp 1: Các rủi ro liên quan đến khí hậu - TCFD 26

Hộp 2: Nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc giải quyết các hệ quả về nhân quyền của biến đổi khí hậu 27

Hộp 3: Những thách thức và khuyến nghị đối với Chính phủ Việt Nam để đạt được các mục tiêu thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu - Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển (CCDR) của Ngân hàng Thế giới năm 2022 36

Hộp 4: Quản trị doanh nghiệp liên quan đến ESG 45

Hộp 5: Một số hướng dẫn về báo cáo và công bố thông tin ESG khác 49

Hộp 6: Đánh giá, xếp hạng các doanh nghiệp phát triển bền vững tại Việt Nam 49

Hộp 7: Các Mục tiêu Phát triển Bền vững 76

Hộp 8: Bộ Mười Nguyên tắc của Giao ước Toàn cầu Liên Hợp Quốc 77

Hộp 9: Thiết lập quan điểm ủng hộ của cấp lãnh đạo với Bình đẳng Giới và Hòa nhập Xã hội (GESI) trong doanh nghiệp 80

Hộp 10: Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Huyndai Motor 81

Hộp 11: Ví dụ - Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons 81

Hộp 12: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hỗ trợ triển khai kế hoạch chuyển đổi 83

Hộp 13: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp đem lại giá trị cho cộng đồng – EY Ripples ... 83

Hộp 14: Chế độ Đãi ngộ đối với cấp Điều hành ở Unilever 85

Hộp 15: Giải quyết sự chênh lệch về giới trong cơ hội nghề nghiệp và đãi ngộ ở các Doanh nghiệp Việt Nam 85

Hộp 16: [Dự thảo] ESRG 1 - Hướng dẫn về khái niệm tính trọng yếu hai chiều trong Tài liệu làm việc xây dựng tiêu chuẩn, Tháng 1-2022 88

Hộp 17: Ví dụ tham khảo về SASB – làm đánh giá cơ sở cho đánh giá chủ đề trọng yếu 90

Hộp 18: Hướng dẫn quy trình đánh giá trọng yếu và xếp hạng ưu tiên với các tác động – [Dự thảo] Hướng dẫn Báo cáo Phát triển bền vững của Châu Âu 1 (ESRG 1) – Hướng dẫn về khái niệm trọng yếu hai chiều trong xây dựng tiêu chuẩn 92

Hộp 19: Sáng kiến Nước tại Heineken 97

Hộp 20: IFC FOCUS 15: Hội đồng phát triển bền vững: Cấu trúc và Triển khai 98

Hộp 21: Những nhân tố cần cân nhắc khi phát triển chính sách Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội (GESI) 99

Hộp 22: Phổ thông hóa Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội trong chuỗi cung ứng thông qua cung cấp đầu vào, đầu ra và dịch vụ 104

Hộp 23: Các cân nhắc để đánh giá mức độ nghiêm trọng của các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững 107

Hộp 24: Sổ tay về Tương tác với các bên liên quan của tổ chức IFC 113

Hộp 25: Các sai lầm dễ mắc phải trong triển khai các công cụ, kỹ thuật và phương pháp tham vấn 114

Hộp 26: Tích hợp Bình đẳng giới và Hòa hợp xã hội vào tài chính bền vững 218

Hộp 27: Một mục trong Báo cáo Phát triển bền Vững của Vinamilk xác nhận tuân thủ các tiêu chuẩn báo cáo toàn cầu và đảm bảo độc lập có giới hạn 227

Hộp 28: Cụ thể hóa các khung và tiêu chuẩn mà BP PLC đã áp dụng trong báo cáo và chỉ rõ thông tin có thể được tìm thấy ở đâu. 228

Hộp 29: Phạm vi báo cáo phát triển bền vững năm 2021 của Tập đoàn Novaland 228

Hộp 30: Những vấn đề phát triển bền vững chủ chốt của Phillip Morris International (PMI) vào năm 2021 được xác định thông qua đánh giá chủ đề trọng yếu 229

Hộp 31: Biện pháp quản lý các chủ đề trọng yếu được nhận dạng năm 2021 của PMI 231

Hộp 32: Công bố thông tin về cấu trúc quản trị đối với phát triển bền vững của Johnson Matthey 234

Hộp 33: Quản trị các vấn đề phát triển bền vững ở Johnson Matthey năm 2022 236

Hộp 34: Chính sách đãi ngộ liên quan đến công tác phát triển bền vững của DSM đối với ban Điều hành năm 2018 237

Hộp 35: Mô hình kinh doanh và chiến lược sản phẩm của SAP năm 2022 237

Hộp 36: Quản lý các bên liên quan tại SAP năm 2022 238

Hộp 37: Tác động của các vấn đề phát triển bền vững đến kinh doanh của Societe Generale năm 2018 240

Hộp 38: Phản ứng của Aurizon với rủi ro và cơ hội liên quan khí hậu 242

Hộp 39: Khả năng ứng phó chiến lược dựa trên các kịch bản khí hậu tại Lendlease năm 2023 244

Hộp 40: Các quy trình và công cụ của Societe Generale để nhận dạng, ưu tiên và quản lý rủi ro liên quan khí hậu vào năm 2021 245

Hộp 41: Tích hợp rủi ro liên quan khí hậu vào khung đánh giá rủi ro tiêu chuẩn ở Societe Generale năm 2021 247

Hộp 42: Ví dụ về báo cáo các chỉ tiêu phát triển bền vững của SSAB năm 2017 248

Hộp 43: Ví dụ về báo cáo các mục tiêu phát triển bền vững của SSAB năm 2017 250

Hộp 44: Cơ sở báo cáo của các tiêu chí phát triển bền vững đã công bố của Tập đoàn NatWest: Tổng phạm vi phát thải các-bon 1, 2, 3 trong vận hành của năm báo cáo 2022... 251

Hộp 45: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG – TỪ GÓC NHÌN CỦA DNNVV – trích từ PTF-RNFRO – Hướng tới kinh doanh bền vững: thực hành tốt trong mô hình kinh doanh, báo cáo rủi ro và cơ hội ở Liên minh Châu Âu 252

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

	Từ viết tắt	Diễn giải (tiếng Anh)	Diễn giải (tiếng Việt)
A	ADB	Asian Development Bank	Ngân hàng Phát triển Châu Á
	AI	Artificial Intelligence	Trí tuệ Nhân tạo
	ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
B	BAU	Business As Usual	Kịch bản thông thường
	BSC	Balanced Scorecard	Thẻ điểm Cân bằng
	BSI	British Standards Institution	Viện tiêu chuẩn Anh Quốc
C	CBAM	Carbon Border Adjustment Mechanism	Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Các-bon
	CCDR	Country Climate and Development Report	Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển
	CDP	Carbon Disclosure Project	Dự án Công bố Các-bon
	CDSB	Climate Disclosure Standards Board	Ủy ban Tiêu chuẩn Công bố Khí hậu
	COSO	Committee of Sponsoring Organisations of the Treadway Commission	Ủy ban các Tổ chức Tài trợ của Ủy ban Treadwad
	CRA	Credit Rating Agency	Cơ quan Xếp hạng Tín dụng
	CSA	Corporate Sustainability Assessment	Đánh giá tính Bền vững của doanh nghiệp
	CSI	Corporate Sustainability Index	Chỉ số Doanh nghiệp Bền Vững
	CSRD	Corporate Sustainability Reporting Directive	Chỉ thị Báo cáo Phát triển Bền vững Doanh nghiệp
D	DFI	Development Finance Institution	Viện Tài chính Phát triển
	DNNN		Doanh nghiệp Nhà nước
	DNNVV		Doanh nghiệp nhỏ và vừa
	DNNY		Doanh nghiệp niêm yết
E	EC	European Commission	Ủy ban Châu Âu
	EEDI	Employee Engagement, Diversity, and Inclusion	Gắn kết nhân viên, Đa dạng, Hòa nhập
	EFRAG	European Financial Reporting Advisory Group	Nhóm Tư vấn Báo cáo tài chính châu Âu
	ERM	Enterprise Risk Management	Quản lý Rủi ro Doanh nghiệp
	ESG	Environmental, Social and Governance	Môi trường, Xã hội và Quản trị
	ESMA	European Securities Markets Authority	Cơ quan Giám sát Chứng khoán và Thị trường Châu Âu
	ESRS	European Sustainability Reporting Standards	Tiêu chuẩn Báo cáo bền vững của Châu Âu
	EVFTA	EU-Vietnam Free Trade Agreement	Thỏa thuận Thương mại Việt Nam – Châu Âu
F	FDI	Foreign Direct Investment	Vốn đầu tư trực tiếp từ niowcs ngoài
	FESE	Federation of European Securities Exchange	Liên đoàn Sở Giao dịch Chứng khoán Châu Âu
	FSB	Financial Stability Board	Ủy ban Ổn định Tài Chính
G	GDP	Gross Domestic Product	Tổng sản phẩm quốc nội
	GESI	Gender Equality and Social Inclusion	Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội
	GFANZ	Glasgow Financial Alliance for Net Zero	Liên hiệp Tài chính Glasgow về Phát thải ròng bằng 0
	GRI	Global Reporting Initiative	Sáng kiến Báo cáo toàn cầu
	GSSB	Global Sustainability Standards Board	Ủy ban Tiêu chuẩn Quốc tế về Phát triển Bền vững

	Từ viết tắt	Diễn giải (tiếng Anh)	Diễn giải (tiếng Việt)
	GSS+	Green, Social, Sustainability, Sustainability-linked and Transition	Xanh, Xã hội, Bền vững, Liên kết bền vững và Chuyển đổi
	GRCF	Green Recovery Challenge Fund	Thúc đẩy tài chính xanh thông qua cải thiện hoạt động công bố thông tin rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu
H	HR	Human Resources	Nguồn nhân lực
	HSBC	Hongkong Shanghai Banking Corporation	Tập đoàn Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải
I	ICMA	International Capital Market Association	Hiệp hội thị Trường vốn Quốc tế
	ICCP	Intergovernmental Panel on Climate Change	Ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu
	ICP	Informed Consultation and Participation	Tham vấn và tham gia có nhận thức
	IDPG	International Development Partner Group	Nhóm đối tác Phát triển quốc tế
	IFC	International Finance Corporation	Tổng Công ty Tài chính Quốc tế
	IFI	International financial institution	Định chế tài chính quốc tế
	IFRS	International Financial Reporting Standards	Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế
	IIRC	International Integrated Reporting Council	Hội đồng báo cáo tích hợp quốc tế
	IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
	IPCC	Intergovernmental Panel on Climate Change	Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu
	IPSC	Improving Private Sector Competitiveness	Dự án Tăng cường năng lực cạnh tranh khu vực tư nhân Việt Nam
	IR	Integrated Reporting	Báo cáo tích hợp
	ISAE	International Standard on Assurance Engagements	Tiêu chuẩn quốc tế về cam kết đảm bảo
	ISO	International Organization of Standardization	Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế
	ISSB	International Sustainability Standards Board	Ban Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế
	IT	Information Technology	Công nghệ thông tin
J	JETP	Just Energy Transition Partnership	Quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng
	JICA	Japan International Cooperation Agency	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản
K	KKR	Kohlberg Kravis Roberts	Kohlberg Kravis Roberts
	KNK		Khí nhà kính
	KPI	Key Performance Indicators	Các chỉ số đo lường hiệu quả chính
L	LMA	Loan Market Association	Hiệp hội thị trường cho vay
M	MDB	Multilateral Development Bank	Ngân hàng phát triển đa phương
	MPI	Major Payments Institution	Tổ chức thanh toán chính
	MSCI	Morgan Stanley Capital International	Tổ chức Vốn quốc tế Morgan Stanley
N	NBS	Network for Business Sustainability	Mạng lưới vì sự bền vững của doanh nghiệp
	NDC	National Determined Contributions	Đóng góp do quốc gia tự quyết định
	NFRD	Non-Financial Reporting Directive	Chỉ thị báo cáo phi tài chính

	Từ viết tắt	Diễn giải (tiếng Anh)	Diễn giải (tiếng Việt)
	NPL	Natural Language Processing	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên
O	OECD	Organisation for Economic Co-operation and Development	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
R	RBA	Responsible Business Alliance	Liên minh doanh nghiệp có trách nhiệm
S	SASB	Sustainability Accounting Standards Board	Ban Chuẩn mực Kế toán Bền vững
	SCORE	Sustaining Competitive and Responsible Enterprises	Dự án phát triển doanh nghiệp bền vững
	SDG	Sustainable Development Goal	Mục tiêu Phát triển bền vững
	SEC	U.S. Securities and Exchange Commission	Ủy ban Chứng khoán và Trao đổi Hoa Kỳ
	SECO	Swiss State Secretariat for Economic Affairs	Ban Thư ký Nhà nước về các vấn đề kinh tế
	SMBC	Sumitomo Mitsui Bankin Corporation	Tập đoàn Sumitomo Mitsui Banking
	SPI	Sustainability Progress Index	Bảng chỉ số Tiến độ Phát triển bền vững
	SVI	Social Value International	Giá trị xã hội quốc tế
T	TCFD	Task Force on Financial Disclosure	Lực lượng đặc nhiệm về công bố tài chính
U	UBCKNN		Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
	UK PACT	United Kingdom Partnering for Accelerated Climate Transitions	Chương trình Hợp tác Thúc đẩy chuyển dịch vì khí hậu
	UNDP	United Nations Development Programme	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
	UNGC	United Nations Global Compact	Hiệp ước Toàn cầu Liên Hợp Quốc
	UN PRI	United Nations Principles of Responsible Development	Nguyên tắc Phát triển có trách nhiệm của Liên hợp quốc
	USAID	U.S. Agency for International Development	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
V	VBCSD	Vietnam Business Community for Sustainable Development	Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam
	VCCI	Vietnam Chamber of Commerce and Industry	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
	VND	Vietnam Dong	Việt Nam Đồng
	VSO	Voluntary Service Overseas	Dịch vụ từ thiện Xuyên biên giới
W	WBG	World Bank Group	Nhóm Ngân hàng Thế giới
	WBCSD	World Business Council for Sustainable Development	Hội đồng doanh nghiệp thế giới vì sự phát triển bền vững
	WEF	World Economic Forum	Diễn đàn Kinh tế Thế giới

GIỚI THIỆU

1. Tổng quan về Sổ tay

Nằm trong phạm vi Chương trình Hợp tác Thúc đẩy chuyển dịch vì khí hậu (UK PACT), với sự phối hợp từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Hoạt động 'Thúc đẩy tài chính xanh thông qua cải thiện hoạt động công bố thông tin rủi ro tài chính liên quan đến khí hậu (GRCF)' được triển khai nhằm hỗ trợ nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp trong nước hướng tới tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn tài chính bền vững. Khuôn khổ Hoạt động cũng đảm bảo nhất quán với hiệp định giữa Việt Nam – Vương quốc Anh về hợp tác triển khai các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc, đồng thời thông qua các hiệp định và hiệp ước về biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Quỹ Châu Á (The Asia Foundation), phối hợp cùng Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ('EY Việt Nam') với vai trò là đơn vị cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, đã được lựa chọn là Đơn vị triển khai cho toàn bộ phạm vi công việc của Hoạt động GRCF trong khuôn khổ Chương trình UK PACT.

Phạm vi Hoạt động GRCF bao gồm các sản phẩm đầu ra sau:

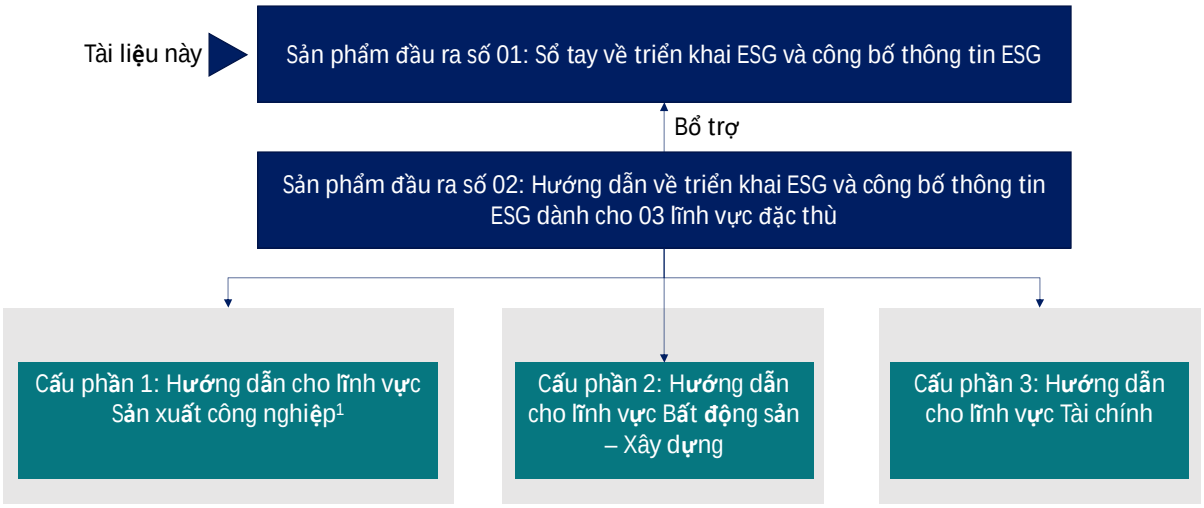

1. Lĩnh vực Sản xuất công nghiệp trong Dự án này được hiểu là lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo (nhóm ngành C) được phân loại trong Quyết định số 27/2018/QD-TTg ngày 6 tháng 7 năm 2018 về ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Một số ngành điển hình trong nhóm này sẽ được xác định trong quá trình phân tích chi tiết.

Sản phẩm đầu ra đầu tiên của Hoạt động GRCF - Sổ tay về triển khai và công bố thông tin ESG ('Sổ tay') nhằm đưa ra hướng dẫn và cung cấp tài liệu tham chiếu cho các doanh nghiệp tại Việt Nam trong việc tích hợp ESG vào quản trị, chiến lược và vận hành để ứng phó với các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững và nâng cao năng lực công bố thông tin phát triển bền vững, đảm bảo tuân thủ với các yêu cầu pháp lý và thông lệ hàng đầu trong nước và quốc tế. Thêm vào đó, Sổ tay sẽ đưa ra các đề xuất khuyến nghị liên quan đến khí hậu để các doanh nghiệp cân nhắc khi xác định phương án ứng phó với các rủi ro khí hậu trọng yếu đang dần hiện hữu.

Sổ tay về triển khai và công bố thông tin ESG bao gồm 04 phần chính:

- Phần đầu tiên giới thiệu bối cảnh xoay quanh vấn đề phát triển bền vững trên thế giới và tại Việt Nam, sự cấp thiết trong việc xây dựng báo cáo phát triển bền vững phù hợp với hành lang pháp lý và những yêu cầu khác đối với các tổ chức, doanh nghiệp.

- Phần thứ hai giới thiệu cho doanh nghiệp về Phương pháp tiếp cận 6 bước để xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi ESG, kèm theo khung mô hình hướng dẫn tích hợp ESG vào mỗi cấu phần năng lực của doanh nghiệp, từ đó, hình thành nền tảng cho công tác thu thập và báo cáo các thông tin liên quan. Phần này cũng đưa ra các công cụ, phương pháp, các thông lệ tốt và nguồn tham chiếu để hỗ trợ doanh nghiệp trong xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi ESG và tích hợp ESG vào doanh nghiệp đối với mỗi cấu phần năng lực.
- Phần thứ ba tập trung vào phân tích các thông lệ tốt về báo cáo phát triển bền vững dựa trên những tiêu chuẩn và khung về báo cáo được công nhận trên thế giới và các yêu cầu theo quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến công bố thông tin về phát triển bền vững cho công ty đại chúng tại Việt Nam.
- Phần thứ tư cung cấp hướng dẫn ESG đơn giản hóa cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ để họ có thể tích hợp các nguyên tắc ESG vào quản trị, chiến lược và hoạt động của mình. Nó cũng cải thiện việc công bố ESG của họ thông qua hướng dẫn toàn diện và tinh gọn, giúp việc triển khai và áp dụng ESG trở nên dễ dàng hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam.
- Bên cạnh đó, phần thứ năm đưa ra Tổng hợp các nội dung chính của Sổ tay triển khai và công bố thông tin ESG bao gồm các đánh giá, phương pháp và khuyến nghị chính.

Cấu trúc chi tiết của Sổ tay được trình bày trong Bảng 1 dưới đây:

Bảng 1: Cấu trúc Sổ tay

CẤU TRÚC SỔ TAY	NỘI DUNG CHI TIẾT
PHẦN 1: ĐỊNH HÌNH BỐI CẢNH ESG	1. Tổng quan về bối cảnh ESG Định nghĩa về khái niệm ESG, Tổng quan về xu thế toàn cầu – Rủi ro và Cơ hội trong bối cảnh thị trường Việt Nam. 2. Tổng quan về hệ thống quy định pháp luật Tóm tắt các điểm chính về hệ thống quy định pháp luật liên quan đến công bố thông tin ESG trên thế giới và ở Việt Nam. 3. Các Tiêu chuẩn và Khung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững Xác định những Tiêu chuẩn và Khung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững quan trọng trên thế giới và tại Việt Nam. 4. Các yêu cầu của nhà đầu tư liên quan đến Tài chính bền vững Cung cấp thông tin về các yêu cầu của nhà đầu tư về công bố thông tin phát triển bền vững và các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến tài chính bền vững.

CẤU TRÚC SỔ TAY	NỘI DUNG CHI TIẾT
	1. Phương pháp tiếp cận 6 bước đối với tích hợp ESG vào quản trị và vận hành doanh nghiệp Trình bày phương pháp tiếp cận toàn diện đối với quá trình tích hợp ESG dựa trên Khung Mô hình Năng lực ESG do EY xây dựng. 2. Các công cụ hỗ trợ và nguồn tham chiếu hướng dẫn tích hợp ESG Trình bày về các công cụ, phương pháp, các thông lệ tốt và nguồn tham chiếu để hỗ trợ doanh nghiệp trong xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi ESG và tích hợp ESG vào doanh nghiệp đối với mỗi cấu phần năng lực. 2.1. Quản trị và Chiến lược Trình bày về yêu cầu tích hợp yếu tố phát triển bền vững trong mô hình quản trị, phương hướng chiến lược, văn hóa và các nguyên tắc về giá trị, và cơ chế đưa ra quyết định cho các vấn đề ESG trong doanh nghiệp. 2.2. Vận hành Trình bày phương pháp và các khuyến nghị trong tích hợp các hệ thống và quy trình phục vụ ESG vào vận hành trên chuỗi giá trị đảm bảo phù hợp với quản trị và chiến lược ESG của doanh nghiệp. 2.3. Dữ liệu và Báo cáo Trình bày các phương án trong quản lý dữ liệu về ESG và các giải pháp công nghệ liên quan. 2.4. Giám sát Trình bày các hướng dẫn liên quan tới công tác soát xét và xác minh nội bộ và độc lập bởi bên thứ ba đối với các hoạt động vận hành và việc công bố thông tin ESG.
	1. Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững Đưa ra hướng dẫn về quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững. 2. Các nguyên tắc báo cáo và công bố thông tin về phát triển bền vững Trình bày những nguyên tắc xác định nội dung và yêu cầu chất lượng của báo cáo phát triển bền vững. 3. Cấu trúc báo cáo phát triển bền vững Trình bày cấu trúc chung của báo cáo phát triển bền vững, bao gồm danh sách các cấu phần nội dung chính (không bao gồm toàn bộ) về công bố thông tin phát triển bền

CẤU TRÚC SỔ TAY	NỘI DUNG CHI TIẾT
	vững, các yêu cầu nội dung liên quan đến khí hậu cho các doanh nghiệp; và các yêu cầu công bố thông tin theo quy định pháp luật đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam.
PHẦN 4: HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI ESG ĐƠN GIẢN HÓA CHO DNNVV	1. DNNVV tại Việt Nam Dựa vào bối cảnh ESG của các DNNVV tại Việt Nam, tập trung vào các cơ hội và thách thức trong chuyển đổi ESG cho các DNNVV tại Việt Nam. 2. Hướng dẫn triển khai đơn giản hóa dành cho các DNNVV Trình bày một cách tiếp cận tinh gọn và toàn diện cho hành trình tích hợp và báo cáo ESG cho các DNNVV tại Việt Nam.
PHẦN 5: TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA SỔ TAY ESG	Tổng hợp các nội dung chính của Sổ tay triển khai và công bố thông tin ESG bao gồm các đánh giá, phương pháp và khuyến nghị chính.

Thêm vào đó, nhận thức được kỳ vọng ngày càng tăng về đảm bảo tính đa dạng và hòa nhập trong văn hóa làm việc đối với nguồn nhân lực trong khuôn khổ về ESG, các nội dung của Sổ tay sẽ bao gồm một số khuyến nghị với trọng tâm Đa dạng và Hòa nhập (Diversity and Inclusion) để doanh nghiệp cân nhắc.

Xuyên suốt Sổ tay, các ký hiệu sẽ được sử dụng để thể hiện các nội dung liên quan đến: (1) Hướng dẫn cụ thể hoặc thông tin bổ sung, (2) Các điển hình hoặc ví dụ, hoặc (3) Các nội dung với trọng tâm Đa dạng và Hòa nhập, như được trình bày dưới đây.

Các ký hiệu sau đây thể hiện:		
Hướng dẫn hoặc thông tin bổ sung	Điển hình hoặc ví dụ	Nội dung trọng tâm về Đa dạng và hòa nhập

2. Đối tượng hướng đến của Sổ tay

Sổ tay này hướng tới tất cả các đối tượng tổ chức và doanh nghiệp, đặc biệt là các tổ chức và doanh nghiệp dự kiến triển khai hoặc đang trong quá trình triển khai tích hợp và công bố thông tin ESG, trong đó chủ yếu tập trung vào doanh nghiệp niêm yết và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Đối với doanh nghiệp niêm yết (DNNY): Hiện tại chưa có yêu cầu bắt buộc nhưng việc tích hợp và công bố thông tin ESG đang trở nên ngày càng quan trọng và mang lại nhiều cơ hội cho doanh nghiệp. Bên cạnh các quy định liên quan đến phát triển bền vững ngày càng phổ biến và áp lực ngày càng lớn từ nhà đầu tư, khách hàng và các bên liên quan trong chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp triển khai phát triển bền vững và thực hiện việc công bố thông tin sẽ có khả năng tiếp cận nguồn vốn một cách thuận lợi hơn, nhất là nguồn vốn xanh, trái phiếu xanh hay các khoản vay xanh. Tuy nhiên, các DNNY đang phải đối mặt với một số thách thức trong việc triển khai và công bố thông tin ESG như (1) xác định đâu là chủ đề ESG trọng yếu của doanh nghiệp; (2) đảm bảo tính nhất quán của các giải pháp hướng đến giải quyết các vấn đề trọng yếu và phù hợp với định hướng chiến lược của doanh nghiệp; (3) đảm bảo thông tin được công bố chính xác và đáng tin cậy; và (4) quản lý và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các bên liên quan về công bố thông tin về phát triển bền vững theo các khuôn khổ và tiêu chuẩn trong và ngoài nước.

Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV): Các DNNVV với nguồn lực hạn chế thường gặp phải các vấn đề như thiếu thời gian, kiến thức, năng lực hoặc kinh phí để giải quyết các vấn đề với quy mô lớn như biến đổi khí hậu, nhân quyền hay phân biệt đối xử; hoặc không biết phải bắt đầu từ đâu. Kết quả là, các DNNVV tụt hậu về ESG có nguy cơ mất đi cơ hội quý giá so với các công ty lớn, đặc biệt là khi ngày càng có nhiều quy định pháp luật liên quan đến ESG – trong nước và quốc tế, và đồng thời, ESG đang trở thành một trong những yếu tố tiên quyết trong việc tiếp cận nguồn vốn xanh như hiện nay. Trong môi trường kinh doanh hiện đại, các bên liên quan bao gồm nhà đầu tư, khách hàng và nhân viên đang ngày càng coi trọng các hoạt động bền vững khiến việc tích hợp các nguyên tắc và thực hành ESG vào chiến lược và hoạt động trở thành lợi thế cạnh tranh của DNNVV.

Áp dụng hướng dẫn này cho DNNVV

Các rủi ro liên quan đến ESG có tầm quan trọng đối với các DNNVV tương tự như đối với các doanh nghiệp lớn, DNNY hay cơ quan chính phủ. Tuy nhiên, nguồn lực hạn chế của DNNVV dẫn đến khó khăn và thách thức trong việc thiết lập một hệ thống quản trị toàn diện để xác định, đánh giá và đối phó với tất cả các rủi ro liên quan đến ESG.

Các DNNVV nên áp dụng cách tiếp cận hợp lý để tận dụng các nguồn lực có sẵn một cách hiệu quả thông qua xác định các chủ đề và vấn đề ESG trọng yếu đối với doanh nghiệp. Phần 4 – Hướng dẫn triển khai ESG đơn giản hóa cho DNNVV của tài liệu này sẽ đưa ra hướng dẫn về phương pháp tiếp cận được đơn giản hóa nhằm hỗ trợ cho các DNNVV trong hành trình hướng tới thực hành phát triển bền vững và triển khai công bố thông tin về ESG.

PHẦN 1: BỐI CẢNH ESG

1. Tổng quan về bối cảnh ESG

1.1 Tại sao cần triển khai ESG?

Bối cảnh kinh doanh của các doanh nghiệp đang trải qua giai đoạn nhiều biến động và thay đổi mạnh mẽ khi phải đối mặt với nhiều biến cố về tự nhiên và xã hội, tạo ra tác động đáng kể đối với nhiều lĩnh vực ngành nghề, xã hội và nền kinh tế. Các chính phủ, doanh nghiệp và nhà đầu tư đang trong quá trình tái định hướng trong bối cảnh mới – khi mà cách tiếp cận đa chiều với các bên liên quan là cần thiết để thiết lập khả năng ứng phó cho tương lai[1]. Đối diện với những thay đổi này, thông qua tích hợp các yếu tố Môi trường, Xã hội, Quản trị (ESG) và chiến lược vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, doanh nghiệp có thể bảo vệ và kiến tạo giá trị dài hạn cho nhà đầu tư, nhân viên, khách hàng và tất cả các bên liên quan khác.

Thuật ngữ Môi trường, Xã hội và Quản trị (Environmental, Social and Governance (ESG)) thường được sử dụng tương đương với thuật ngữ phát triển bền vững. Phạm vi của ESG bao gồm nhưng không giới hạn ở những chủ đề sau đây:

Hình 1: Các chủ đề phổ biến đối với ESG. [2]

1.1.1. Nhu cầu của các bên liên quan định hình quá trình chuyển đổi bền vững

Các bên liên quan đang yêu cầu các doanh nghiệp triển khai và công bố nhiều thông tin hơn, như một công cụ để hiểu thêm về cách các doanh nghiệp nhận diện và ứng phó với các rủi ro ESG. Các cơ quan quản lý, các nhà đầu tư, đội ngũ nhân viên và các bên liên quan khác đều đưa ra các yêu cầu riêng của mình nhằm khẳng định phát triển bền vững là một nhu cầu chiến lược tất yếu đối với các doanh nghiệp để có thể vận hành một cách thành công trong tương lai.

Về phía các cơ quan quản lý:

- Các chính phủ trên thế giới đang gia tăng áp lực, yêu cầu các doanh nghiệp phải vận hành bền vững. Các chế tài của chính phủ đối với việc không tuân thủ các quy định về khí hậu đã gây tổn thất cho các doanh nghiệp trên khắp thế giới. Trên cơ sở xem xét những rủi ro

có thể xảy ra nếu không có hành động từ các doanh nghiệm, chính phủ có thể sẽ đưa các yếu tố về quản lý phát triển bền vững vào quy định pháp luật bắt buộc.[3]

- Nhiều cơ quan quản lý đang tăng cường áp lực công bố thông tin và hành động triển khai ESG lên các DNNY.
- Các quy định toàn cầu về báo cáo ESG đang liên tục yêu cầu nâng cao tính nhất quán, chính xác và minh bạch của thông tin được công bố.

Hình 2: Ba yếu tố chính thúc đẩy các tổ chức, doanh nghiệp triển khai ESG

*Về phía các nhà **đầu tư** nhà **đầu tư**:*

- Thị trường vốn đang đẩy mạnh việc đưa các chỉ số ESG vào quyết định đầu tư do mối liên hệ của chúng với hiệu quả tài chính và khả năng cạnh tranh dài hạn.[4]
- Các doanh nghiệp đi đầu trong ESG đang hưởng lợi từ chi phí vốn thấp hơn.
- Hiệu suất ESG cao hơn có thể cải thiện quan điểm của các bên liên quan.
- Theo một khảo sát gần đây của EY, 90% các nhà đầu tư tổ chức toàn cầu sẽ xem xét lại việc đầu tư nếu các doanh nghiệp không cân nhắc các tiêu chí ESG trong mô hình kinh doanh của họ.[5]

*Về phía **đội ngũ** nhân viên và các bên liên quan khác:*

- **Đội ngũ** nhân viên: Việc thực hành quản lý ESG giúp tăng cường quan hệ lao động trong doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có giá trị môi trường và xã hội cao thường sẽ thu hút và giữ được nhân tài tốt hơn.
- Xu **hướng** của các doanh nghiệp trên thế giới: Nhiều doanh nghiệp đang triển khai phát triển bền vững như một chiến lược doanh nghiệp cốt lõi do tiềm năng tài chính của các cơ hội phát triển bền vững và xu hướng tìm kiếm công việc "có ý nghĩa"của các nhân sự hiện nay. Các doanh nghiệp tại Việt Nam cần đẩy mạnh thực hành ESG để không bị bỏ lại phía sau so với các doanh nghiệp cùng ngành trong hành trình phát triển bền vững.
- Ng**ười** tiêu dùng:
  - Nhu cầu của người tiêu dùng đối với sản phẩm bền vững đang ngày một tăng lên. Họ sẵn lòng xem xét lại thói quen mua sắm của mình để tích hợp lợi ích môi trường và xã hội vào quyết định mua hàng của họ. Điều này có nghĩa là thị trường có thể sẽ thay đổi và mở ra những cơ hội mới để khai thác giá trị tiêu dùng.
  - Doanh thu từ sản phẩm bền vững đang tăng trưởng với tốc độ gấp khoảng sáu lần so với các sản phẩm khác.[6] Đến năm 2025, người tiêu dùng sẽ ngày càng ưa chuộng sản phẩm hoặc dịch vụ ít gây hại cho môi trường, sức khỏe con người và xã hội.[7]
  - Xu hướng này đặc biệt được đẩy mạnh bởi thế hệ trẻ hơn, những người có mối liên kết mạnh mẽ với ý nghĩ rằng tương lai của họ có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi các hậu quả của biến đổi khí hậu.
- Th**ế hệ** Z (Gen Z) **đang nổi** lên: Là người tiêu dùng, nhà đầu tư và nhân viên, Gen Z có thể đưa ra những kỳ vọng khác biệt liên quan đến phát triển bền vững, xã hội, công nghệ và

đạo đức; những người thuộc nhóm này thường tiến bộ hơn về các vấn đề xã hội so với các thế hệ trước và cùng cam kết với sự phát triển bền vững toàn cầu.[8]

1.1.2. ESG kiến tạo giá trị lâu dài như thế nào?

Các nhà đầu tư, người tiêu dùng, chính phủ và các bên liên quan khác đang ngày càng đẩy mạnh chuyển đổi phát triển bền vững và các doanh nghiệp trong nước cần xem xét thực hiện sự chuyển đổi này để tạo dựng giá trị lâu dài.

Bài viết của McKinsey Quarterly 2019 với tiêu đề "Năm cách thức ESG giúp kiến tạo giá trị"[9] đã cung cấp một khung mẫu để hiểu cách một đề xuất ESG hiệu quả có thể tạo ra giá trị và mối liên kết với dòng tiền thông qua 5 phương diện, bao gồm: (1) thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, (2) giảm chi phí, (3) hạn chế sự can thiệp từ quy định và pháp luật, (4) tăng năng suất nhân viên, và (5) tối ưu hóa đầu tư và chi tiêu vốn. Các doanh nghiệp nên tận dụng năm đòn bẩy này để nắm bắt các cơ hội về ESG - như được tóm tắt trong Bảng dưới đây.

Bảng 2: Mối liên kết giữa một đề xuất hiệu quả về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) và việc tạo ra giá trị thông qua năm phương diện chính - Nguồn: McKinsey 2019[10]

	Mô tả	Đề xuất ESG hiệu quả (ví dụ)	Đề xuất ESG kém hiệu quả (ví dụ)
Tăng trưởng doanh thu	• ESG thúc đẩy tăng trưởng doanh thu bằng cách cho phép tiếp cận thị trường mới và mở rộng thị trường hiện có. • Khi có được sự tin tưởng từ phía các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp có khả năng cao hơn trong việc được cấp quyền truy cập, phê duyệt và cấp giấy phép mở ra cơ hội mới cho tăng trưởng. • ESG cũng thay đổi về ưu tiên lựa chọn của người tiêu dùng, cho phép các doanh nghiệp bền vững có thể thu mức phí cao hơn.	• Thu hút khách hàng B2B và B2C với các sản phẩm bền vững hơn. • Tiếp cận đến các nguồn lực tốt hơn thông qua mối quan hệ chặt chẽ hơn với cộng đồng và chính phủ.	• Mất khách hàng do triển khai phát triển bền vững yếu kém (ví dụ: quyền con người, chuỗi cung ứng) hoặc quan niệm sản phẩm không bền vững/ không an toàn; • Mất quyền tiếp cận tài nguyên, nguồn lực (bao gồm cả việc đóng cửa hoạt động) do mối quan hệ cộng đồng và lao động còn yếu.
Giảm chi phí	• Giảm bớt và loại bỏ chất thải thông qua cải thiện chính sách quản lý tài nguyên	• Lượng tiêu thụ năng lượng thấp hơn • Giảm lượng nước tiêu thụ	• Tạo ra lượng chất thải không cần thiết và phải trả chi phí xử lý

	Mô tả	Đề xuất ESG hiệu quả (ví dụ)	Đề xuất ESG kém hiệu quả (ví dụ)
	• Giảm tác động môi trường trên chuỗi giá trị và giảm chi phí thông qua triển khai quản lý chuỗi cung ứng bền vững • Đổi mới để cải tiến các quy trình hiện có		chất thải tương ứng cao hơn • Tiêu tốn nhiều chi phí đóng gói hơn
Tác động của các quy định pháp luật	• Giảm nguy cơ về pháp lý đối với hoạt động của doanh nghiệp. • Tạo dựng sự hỗ trợ từ chính phủ	• Mức độ tự do trong chiến lược lớn hơn nhờ giảm áp lực từ các quy định pháp luật • Nhận được trợ cấp và hỗ trợ chính phủ	• Chịu sự hạn chế từ quảng cáo và bán hàng trực tiếp • Chịu phạt, tiền phạt và các chế tài pháp lý
Nâng cao Năng suất	• Thu hút và giữ chân những nhân viên trình độ cao. • Nâng cao động lực cho nhân viên thông qua truyền thông về ý nghĩa và mục đích công việc, từ đó, thúc đẩy tăng năng suất	• Tăng động lực của nhân viên • Thu hút tài năng thông qua uy tín xã hội lớn hơn	• Đối mặt với vấn đề về "danh tiếng xã hội", điều làm hạn chế nguồn nhân lực • Mất nhân lực tài năng do mục đích chưa rõ ràng
Đầu tư và Tối ưu hóa Tài sản	• Tăng cường lợi tức đầu tư bằng cách phân bổ vốn tốt hơn cho dài hạn. • Tránh đầu tư vào những lĩnh vực có thể sẽ không hiệu quả do các vấn đề môi trường trong dài hạn. • Cải thiện khả năng tiếp cận nguồn vốn khi ESG là một trong những tiêu chí tiên quyết mà nhà đầu tư cân nhắc trong quá trình đưa ra quyết định đầu tư của họ.	• Phân bổ vốn cho những cơ hội bền vững hơn, ví dụ như năng lượng tái tạo, giảm lãng phí, nhà máy và thiết bị bền vững hơn.	• Tài sản bị mất giá trị do phải ghi giảm trừ trước khi hết vòng đời sản phẩm. • Yếu thế so với các đối thủ cạnh tranh trong việc đầu tư để giảm thiểu thiếu hụt năng lượng.

1.2 Xu thế triển khai ESG trên thế giới - Rủi ro và Cơ hội

1.2.1. Rủi ro liên quan đến ESG

Bối cảnh rủi ro toàn cầu đang thay đổi

Trong vài thập niên trở lại đây – cụ thể là 10 năm gần đây – các rủi ro liên quan đến ESG ngày càng gia tăng nhanh chóng[11]. Theo đó, sự giám sát trong quản lý những rủi ro này cũng yêu cầu mức độ tập trung cao hơn.

Theo Báo cáo Rủi ro Toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF)[12], các rủi ro về môi trường và xã hội đang là trọng điểm trong góc nhìn về rủi ro toàn cầu trong thập niên tới. Tất cả 05 rủi ro đứng đầu toàn cầu đều thuộc lĩnh vực môi trường và xã hội, bao gồm rủi ro về thất bại trong giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu, thảm họa thiên nhiên và các sự kiện thời tiết khắc nghiệt, mất đa dạng sinh học và sụp đổ hệ sinh thái, cùng với tình trạng buộc phải di cư trên diện rộng. Đối với các doanh nghiệp, sự thay đổi về bối cảnh này có nghĩa là các rủi ro về phát triển bền vững có thể hiện diện nhanh chóng và nghiêm trọng hơn.

Rủi ro liên quan đến ESG[13] là những rủi ro liên quan đến môi trường, xã hội và quản trị có thể ảnh hưởng đến một doanh nghiệp.

Hình 3: Những rủi ro liên quan đến ESG[14]

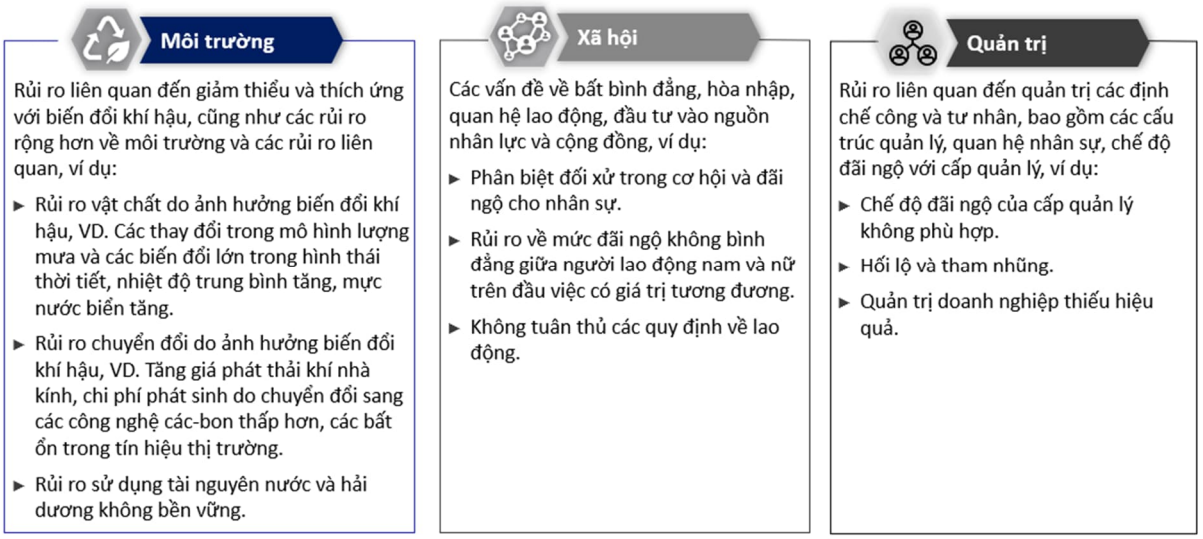

Hộp 1: Các rủi ro liên quan đến khí hậu - TCFD[15]

Một yếu tố quan trọng của khung báo cáo chung về công bố tài chính liên quan đến khí hậu là sự phân loại các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu một cách nhất quán.

Financial Stability Board (FSB) (Ủy ban Ổn định Tài Chính) đã thành lập Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Tài chính liên quan đến Khí Hậu (TCFD) để cải thiện và tăng cường báo cáo thông tin tài chính liên quan đến khí hậu. TCFD chia các rủi ro liên quan đến khí hậu thành hai nhóm phân loại chính: (1) rủi ro liên quan đến sự chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp hơn và (2) rủi ro liên quan đến tác động vật lý của biến đổi khí hậu.

a. Rủi ro chuyển đổi

Việc chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp hơn có thể kéo theo các thay đổi lớn về chính sách, pháp lý, công nghệ và thị trường để giải quyết các yêu cầu về giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tùy thuộc vào tính chất, tốc độ và trọng tâm của những thay đổi này, rủi ro chuyển đổi có thể có nhiều mức độ rủi ro khác nhau về tài chính và danh tiếng đối với doanh nghiệp.

b. Rủi ro vật lý

Rủi ro vật lý do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu có thể do một sự kiện (cấp tính) hoặc sự chuyển đổi dài hạn (mãn tính) trong các mô hình khí hậu. Những rủi ro vật lý có thể có hệ quả tài chính đối với doanh nghiệp, ví dụ như thiệt hại trực tiếp tới tài sản và các tác động gián tiếp đến từ gián đoạn chuỗi cung ứng. Hiệu quả tài chính của các doanh nghiệp có thể cũng bị ảnh hưởng bởi các thay đổi về mức độ sẵn có, nguồn cung ứng và chất lượng nước; an toàn thực phẩm; và những thay đổi nhiệt độ khắc nghiệt ảnh hưởng đến tài sản, vận hành, chuỗi cung ứng, nhu cầu vận chuyển và an toàn lao động của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, để ứng phó với các rủi ro liên quan đến ESG đang gia tăng và đáp ứng các yêu cầu từ phía xã hội, nhà đầu tư và trong phạm vi ngành, lĩnh vực, cũng như các yêu cầu pháp luật và quy định mới về môi trường, các doanh nghiệp đang đối mặt với nhiều thách thức[16], bao gồm:

a. Phạm vi rộng của các vấn đề về phát triển bền vững với tiền lệ hạn chế: Rủi ro mới hoặc đang gia tăng như biến đổi khí hậu thường khó để nhận diện, cùng với đó, ảnh hưởng trên khía cạnh tài chính hoặc kinh doanh của những rủi ro đã biết lại không rõ ràng hoặc khó có thể đo lường được tức thời.

b. Yêu cầu đầu tư lớn hơn vào dữ liệu và công nghệ: Mức độ trưởng thành còn hạn chế của các công nghệ hỗ trợ về phát triển bền vững và triển khai ESG, cùng với nhu cầu về sự minh bạch của nguồn dữ liệu ở tất cả các lĩnh vực đang đặt ra các yêu cầu khắt khe và chi tiết hơn và do đó, yêu cầu lớn hơn về vốn đầu tư.

c. Thiếu những chỉ số và khung triển khai chung cho phát triển bền vững: Ước tính có khoảng 600 tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững trên toàn cầu[17], song song với việc thị trường và khung pháp lý đang liên tục thay đổi, các doanh nghiệp đang gặp nhiều thách thức để thực hiện báo cáo minh bạch, nhất quán và đảm bảo có thể so sánh với các doanh nghiệp cùng ngành.

d. Các cách tiếp cận thiếu hệ thống: Nhiều doanh nghiệp thực hiện quản lý các vấn đề phát triển bền vững trên cơ sở đối phó, không có cách tiếp cận thống nhất, chiến lược hay sự giám sát toàn diện, chặt chẽ.

e. Rủi ro liên quan đến ESG không được tích hợp: Hạn chế trong việc tích hợp ESG vào mô hình quản trị và giám sát hiện hành có khả năng dẫn tới các thiếu sót liên quan đến quản lý rủi ro trong toàn bộ doanh nghiệp.

Hộp 2: Nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc giải quyết các hệ quả về nhân quyền của biến đổi khí hậu

Các cộng đồng, nhóm và cá nhân dễ bị tổn thương bị ảnh hưởng mạnh mẽ hơn bởi các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu so với các nhóm khác. Theo Hội đồng Liên minh Chính phủ về Biến đổi Khí

hậu, "những đối tượng bên lề về mặt xã hội, kinh tế, chính trị, thể chế đặc biệt nhạy cảm với biến đổi khí hậu và cả các biện pháp giảm thiểu và thích ứng."[18]

Như đã nêu trong 'Các câu hỏi thường gặp về nhân quyền và biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc' (Tờ trình số 38)[19], "vì vậy, ngăn chặn và ứng phó với các tác động của biến đổi khí hậu phải là một quá trình có nhiều sự tham gia nhằm trao quyền cho mọi người, cho phép họ hành động như các tác nhân của sự thay đổi".

Tờ Trình cũng nhấn mạnh trách nhiệm độc lập của doanh nghiệp về tôn trọng nhân quyền, bất kể Chính phủ có thực hiện nghĩa vụ của họ như thế nào, đồng thời đưa ra các khuyến nghị về hành động của doanh nghiệp bao gồm:

- "Có chính sách rõ ràng về cam kết của họ đối với tôn trọng nhân quyền, bao gồm cả việc giảm thiểu biến đổi khí hậu và các biện pháp cụ thể sẽ được thực hiện;
- Triển khai quy trình thẩm định quyền con người để nhận dạng, ngăn chặn, giảm thiểu và ghi nhận về cách họ giải quyết các tác động đến nhân quyền, nhằm biết và thể hiện rằng họ tôn trọng nhân quyền. Thực hiện đánh giá về tác động xã hội và môi trường là một phần không thể thiếu trong quá trình này;
- Có các quy trình cho phép khắc phục mọi tác động tiêu cực đến nhân quyền mà họ gây ra hoặc góp phần tác động, bao gồm cả việc phát thải khí nhà kính và chất thải độc hại trực tiếp hoặc gián tiếp."

1.2.2. Cơ hội mở ra nhờ triển khai ESG

Theo báo cáo ESG: Từ thách thức đến cơ hội (UNDP)[20], mặc dù việc triển khai và công bố ESG đòi hỏi sự thay đổi đáng kể về mặt tổ chức nhưng đồng thời nó cũng mở ra nhiều cơ hội mới, tạo ra doanh thu dài hạn, mở rộng sang các thị trường đầy tiềm năng hoặc giảm chi phí.

Đối với doanh nghiệp:

f. Khung ESG giúp doanh nghiệp đo lường tác động đối với môi trường, cộng đồng nơi doanh nghiệp vận hành hoặc xã hội nói chung và thiết lập các mục tiêu kinh doanh nhằm cân bằng lợi nhuận với mục tiêu phát triển bền vững.

g. Các tiêu chuẩn ESG tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi của doanh nghiệp trước các rủi ro phi tài chính đe dọa tính liên tục trong vận hành kinh doanh như biến đổi khí hậu, đột phá công nghệ, từ đó giúp doanh nghiệp phát triển các chiến lược thích ứng và giảm thiểu tác động phù hợp để cắt giảm chi phí.

h. ESG mở ra cơ hội tiếp thị mới cho doanh nghiệp và rút ngắn khoảng cách giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng. Việc giải quyết các vấn đề về môi trường, xã hội và quản trị có thể được sử dụng để định vị tổ chức là một doanh nghiệp có trách nhiệm với những tác động tích cực đến xã hội.

i. Việc nâng cao vị thế xã hội và danh tiếng của doanh nghiệp thông qua các hoạt động ESG tạo điều kiện để thu hút và giữ chân nhân tài vì ngày càng có nhiều người chú ý đến giá trị và văn hóa doanh nghiệp của nhà tuyển dụng khi lựa chọn nơi làm việc.

Đối với khách hàng: Xếp hạng ESG có thể đóng vai trò là thước đo để đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tính cởi mở của doanh nghiệp trong việc giải quyết các vấn đề môi trường và xã hội, từ đó đưa ra các quyết định mua hàng phù hợp với giá trị của bản thân.

Đối với chính phủ: Việc thực hiện báo cáo ESG một cách rộng rãi giúp đo lường những đóng góp tài chính của các doanh nghiệp trong việc đạt SDGs. Nhờ đó, việc lập kế hoạch ngân sách công cho SDG và tài trợ trực tiếp cho các lĩnh vực cần thiết sẽ dễ dàng hơn.

1.3 Bối cảnh thị trường Việt Nam

Với khung pháp lý đang thay đổi để thích ứng với những chuyển dịch ở quốc tế, các doanh nghiệp đang dần nhận ra sự cần thiết phải ứng phó với các rủi ro về phát triển bền vững, đặc biệt là các rủi ro liên quan đến biến đối khí hậu. Sự quan tâm đến các vấn đề ESG ở Việt Nam đang ngày càng tăng dần qua các năm.

Về điều kiện tự nhiên, Việt Nam đặc biệt nhạy cảm với các tác động của biến đổi khí hậu do sở hữu đường bờ biển dài 3.300 km và nhiều thành phố nằm ở vùng trũng và các vùng đồng bằng ven sông. Tính đến năm 2021, Việt Nam xếp hạng 3 trên 10 quốc gia ASEAN có khả năng chịu tác động cao nhất với các sự kiện thời tiết khắc nghiệt và biến đổi khí hậu. [21] Việt Nam xếp hạng 127 trong số 182 quốc gia theo Sáng kiến Thích ứng Biến đổi Khí hậu Toàn cầu Notre Dame (ND-GAIN) và đứng thứ 13 trong số 180 quốc gia theo Chỉ số Rủi ro Khí hậu Toàn cầu Germanwatch giai đoạn 2000-2019. Việt Nam cũng chưa chuẩn bị kỹ để đối phó với các hiện tượng cực đoan, nhiệt độ nóng hơn và mực nước biển dâng (xếp thứ 91 trong số 192 quốc gia theo Chỉ số Sẵn sàng ND-GAIN). Việt Nam là một trong những nền kinh tế có cường độ phát thải khí nhà kính cao nhất khu vực Đông Á (được đo bằng lượng phát thải trên một đơn vị sản lượng), tương đương với Indonesia, nhưng cao hơn nhiều so với Trung Quốc hay Philippines. Theo báo cáo về Khí hậu và Phát triển quốc gia Việt Nam của tổ chức Ngân hàng Thế giới năm 2022, tăng trưởng kinh tế, đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh chóng của đất nước trong 30 năm qua dựa trên nguồn năng lượng phụ thuộc vào than đã sản sinh lượng phát thải khí nhà kính đáng kể.

Nếu không có những biện pháp thích ứng nhanh chóng và toàn diện, tác động của biến đổi khí hậu lên đối tượng thu nhập thấp có thể đưa thêm 400.000 đến 1 triệu người vào hoàn cảnh đói nghèo vào năm 2030. [22] Đây sẽ là một bước tụt hậu lớn sau khi Việt Nam đã đánh dấu xóa đói giảm nghèo trong suốt vài thập kỉ vừa qua. [23] Nghiên cứu gần đây nhất về đánh giá mức đói nghèo của WBG cho thấy 10% hộ gia đình Việt Nam nằm trong nhóm dễ bị tổn thương, có nguy cơ rơi vào đói nghèo do chịu tác động của các sự kiện liên quan đến biến đổi khí hậu.[24]

Báo cáo về Khí hậu và Phát triển quốc gia Việt Nam của tổ chức Ngân hàng Thế giới năm 2022 [25] cũng đề cập rằng các lĩnh vực dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu là khai khoáng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp, bán buôn, bán lẻ, và khách sạn/nhà ở. Ngoài ra, nhiều công ty có các khoản đầu tư dài hạn lớn vào các dây chuyền sản xuất phát thải cao, khiến sản phẩm của họ có nguy cơ bị mất khả năng cạnh tranh ở các thị trường xuất khẩu đang ngày càng ''sạch'' hơn.

Báo cáo này cũng đề xuất Việt Nam chuyển dịch mô hình phát triển bằng cách tích hợp hai phương hướng chủ chốt – phương hướng nâng cao khả năng ứng phó và phương hướng giảm thiểu các-bon – để hỗ trợ quốc gia cân bằng những mục tiêu phát triển với các rủi ro khí hậu đang gia tăng. Việc này đặt ra yêu cầu cần có những nỗ lực triệt để nhằm giúp Việt Nam đạt được cam kết quốc gia phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, một trong số đó là sự hoàn thiện của khung pháp lý để đảm bảo tuân thủ trong cả khu vực kinh tế công và tư nhân.

Nhiều nhân tố khác nhau chỉ ra rằng thị trường Việt Nam đang trên lộ trình đúng đắn hướng đến phát triển bền vững, đặc biệt là trong hoạt động kinh doanh và công bố thông tin. Những xu hướng này phần lớn được định hình bởi nhu cầu từ các bên liên quan ở Việt Nam, bao gồm nỗ lực và áp lực của Chính phủ ngày càng tăng nhằm cải thiện hoạt động kinh doanh bền vững cũng như cân nhắc và yêu cầu liên quan đến ESG ngày càng cao của nhà đầu tư.

Chính phủ Việt Nam đã tích hợp các mục tiêu phát triển bền vững vào Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội giai đoạn 2021 – 2030, nhấn mạnh việc huy động tài nguyên hiệu quả, cụ thể là trữ lượng lớn tài nguyên nông nghiệp, lâm nghiệp và khoáng sản để phát triển bền vững. Đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu, sau khi Việt Nam cam kết thực hiện các cơ chế trong Thỏa thuận Paris và đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều quyết định phê duyệt các dự án, chiến lược và kế hoạch hành động nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh hướng tới quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế khử các-bon.

Theo đó, trong một khảo sát thực hiện vào năm 2022[26], cam kết triển khai ESG ở doanh nghiệp Việt Nam được đánh giá là ở mức cao, với 80% các đại diện doanh nghiệp tham gia xác nhận họ đã thực hiện các mục tiêu ESG hoặc đã lập kế hoạch để thực hiện trong tương lai gần. Các doanh nghiệp tiến xa nhất trong triển khai ESG thường thuộc nhóm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, chủ yếu do họ được thừa hưởng các sáng kiến từ các công ty mẹ ở nước ngoài. Bên cạnh đó, khảo sát cũng cho thấy các lãnh đạo doanh nghiệp Việt Nam đặc biệt chú trọng yếu tố Quản trị trên cơ sở rằng nếu hoạt động quản trị vững mạnh, các khía cạnh môi trường và xã hội cũng sẽ được cải thiện tương đương. Như vậy, Báo cáo về phát triển bền vững, một công cụ để truyền đạt về nỗ lực hành động của doanh nghiệp, đang tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng. Tuy nhiên, khảo sát vào năm 2022 cũng chỉ ra rằng 67% các bên tham gia khảo sát đang gặp khó khăn do thiếu quy định minh bạch, cụ thể liên quan đến các quy tắc tài chính xanh và các lĩnh vực mục tiêu. Hơn 50% các công ty được khảo sát cũng thừa nhận khó khăn trong việc đưa ESG vào khuôn khổ doanh nghiệp, do việc thiếu kiến thức, năng lực và chất lượng công bố thông tin cũng như nhận thức của đối tác về các nhân tố ESG còn thấp. Trong một khảo sát vào năm 2021 đối với 70 công ty niêm yết[27], những thách thức mà các bên tham gia thị trường tài chính xanh gặp phải bao gồm: (1) thiếu năng lực nhân sự để thực hiện báo cáo phát triển bền vững, (2) hướng dẫn báo cáo phát triển bền vững chưa cụ thể cho tất cả các ngành và lĩnh vực, (3) thiếu động lực cho các doanh nghiệp thực hiện báo cáo phát triển bền vững, và (4) xây dựng năng lực không đầy đủ.

Thêm vào đó, cần phải ghi nhận rằng các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ ít bày tỏ sự quan tâm với chủ đề này, trong khi cam kết ở các tập đoàn lớn thường bị ảnh hưởng bởi nhu cầu từ độ hiện diện xã hội cao, cụ thể từ các nhà đầu tư, người tiêu dùng hoặc nhân viên trong doanh nghiệp. Các DNNVV đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế và không nằm ngoài xu hướng phát triển bền vững hiện nay. Giống như các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng phải đối mặt với các áp lực từ các bên liên quan của họ trong việc chuyển đổi phát triển bền vững, tuy nhiên, các DNNVV còn phải đối đầu với một số thách thức trong việc áp dụng các thông lệ về phát triển bền vững bao gồm chi phí trả trước cao hơn, thiếu chuyên gia, thiếu dữ liệu trong khi các hướng dẫn báo cáo vẫn tương đối phức tạp.

2. Tổng quan về hệ thống quy định pháp luật liên quan đến phát triển bền vững

2.1 Bối cảnh hệ thống quy định pháp luật trên thế giới

Theo cơ sở dữ liệu cung cấp bởi Viện Nghiên cứu Grantham về Biến đổi Khí hậu và Môi trường cùng với Trung tâm Sabin về Luật Biến đổi Khí hậu, số lượng quy định luật về biến đổi khí hậu trên toàn cầu đã gia tăng gấp 20 lần kể từ năm 1997, bao gồm hơn 1200 chính sách liên quan trên 164 quốc gia chịu trách nhiệm cho 95% lượng phát thải khí nhà kính toàn cầu. [28]

Môi trường pháp lý ESG đang thay đổi với những phát triển mới ở cả quốc tế và trong khu vực ASEAN. Liên minh Châu Âu đã phát hành Chỉ thị Báo cáo Phát triển bền vững cho Doanh nghiệp (CSRD), yêu cầu các doanh nghiệp châu Âu và ít nhất là 10.300 doanh nghiệp nằm ngoài châu Âu[29] báo cáo theo Tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển bền vững (ESRS), bao gồm tác động của các chuỗi giá trị doanh nghiệp.[30] Chỉ thị nói trên có hiệu lực từ tháng 1 năm 2023.

Các cơ quan quản lý và các sàn trao đổi mua bán cổ phiếu đang đáp lại nhu cầu gia tăng của nhà đầu tư đối với thông tin ESG đồng nhất và liên kết với hiệu suất tài chính. Singapore đã phát hành luật niêm yết, theo đó, các doanh nghiệp phát hành cổ phiếu cần phải chuẩn bị báo cáo phát triển bền vững hàng năm, bao gồm các nội dung về xác định các chủ đề trọng yếu, chính sách, quy trình, hiệu quả, mục tiêu và cam kết của ban lãnh đạo về ESG.[31] Quốc gia này cũng đang xem xét đưa ra quy định báo cáo bắt buộc cho các doanh nghiệp không niêm yết. [32]

Mặc dù không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi những quy định nói trên, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn có thể chịu những tác động gián tiếp – chẳng hạn như thông qua các cam kết quốc tế đưa ra trong khuôn khổ Thỏa thuận Thương mại Việt Nam – Châu Âu (EVFTA), hoặc qua việc tìm kiếm đầu tư từ các nguồn tài chính quốc tế.

Các định chế tài chính quốc tế (IFI) là nguồn tài chính then chốt đối với các doanh nghiệp Việt Nam. Nhiều tổ chức tài chính quốc tế không bị ràng buộc bởi các quy định và sự giám sát quốc tế khắt khe nhưng vẫn tham gia vào các cam kết bền vững (ví dụ như tham gia Liên minh Tài chính Glasgow cho mục tiêu Phát thải ròng bằng 0) để đảm bảo đồng nhất với quá trình chuyển đổi toàn cầu hướng tới phát thải ròng bằng 0.

Những quy định nói trên đang mở rộng cả về phạm vi và quy mô. Chẳng hạn, trong năm 2021, có 162 chính sách về thực hành trách nhiệm mới hoặc được điều chỉnh, 54 (tương đương 33%) trong số đó là chính sách về công bố thông tin phát triển bền vững. Hầu hết các chính sách này đến từ châu Âu, tuy nhiên các quy định về đầu tư có trách nhiệm ở châu Á cũng đang gia tăng (Hình 4).

Hình 4: Tổng số chính sách can thiệp về đầu tư có trách nhiệm mỗi năm (dữ liệu Tháng 4 năm 2022) [33]

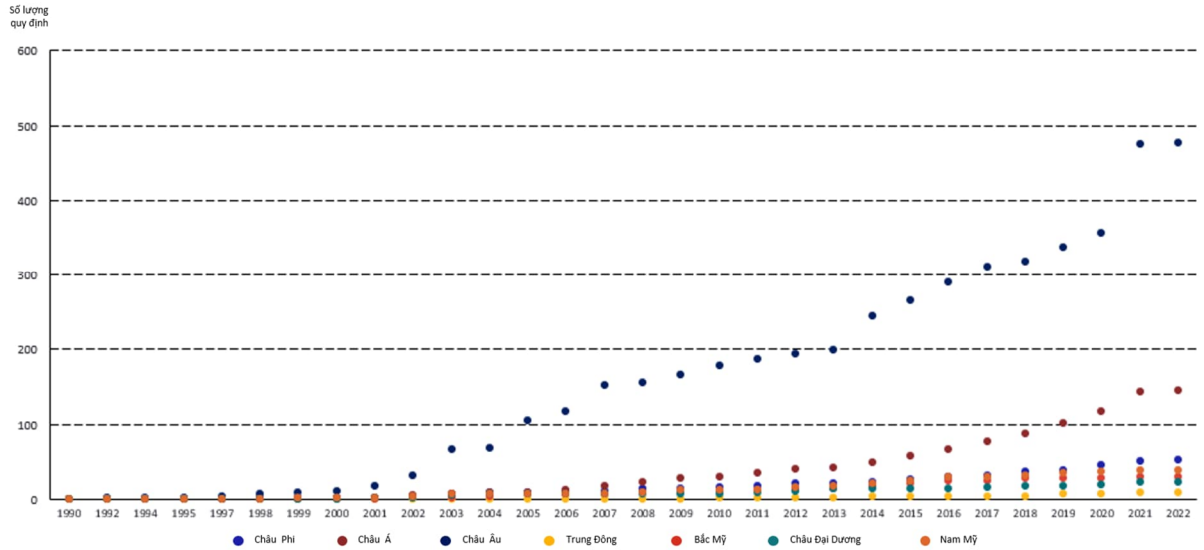

Các động lực này đang ảnh hưởng đến các quyết định tài chính từ các định chế tài chính. Vào tháng 10 năm 2023, các thành viên của Liên minh Ngân hàng Phát thải ròng bằng 0 – bao gồm 134 ngân hàng với tổng tài sản quản lý là 74 nghìn tỉ Đô-la Mỹ và một phần của Liên minh Tài chính Glasgow về Phát thải ròng bằng 0 – đã cam kết điều chỉnh các danh mục cho vay và đầu tư của họ để đạt được Phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 hoặc sớm hơn.[34] Kể cả khi Việt Nam chưa có các quy định về một số yêu cầu bắt buộc liên quan đến ESG, các doanh nghiệp Việt Nam khi tìm kiếm nguồn tài chính từ các nhà đầu tư quốc tế sẽ cần phải nhận thức được và tuân thủ các cam kết cũng như yêu cầu về ESG từ các nhà đầu tưnhà đầu tư theo phạm vi quy định pháp lý tương ứng của các bên này.

2.2 Bối cảnh hệ thống quy định pháp luật tại Việt Nam

2.2.1. Tổng quan các chiến lược quốc gia liên quan tới phát triển bền vững của Việt Nam

Phát triển bền vững nói chung và các vấn đề về môi trường nói riêng không phải vấn đề mới trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Tuy nhiên, mức độ quan trọng, mối quan tâm của các chính phủ đối với vấn đề này có sự thay đổi phù hợp với bối cảnh, mức độ phát triển của xã hội. Năm 2015 có thể được coi là năm bước ngoặt đối với các vấn đề về phát triển bền vững với sự thông qua của Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển Bền vững (Transforming our world: the 2030 Agenda for Sustainable Development) và Thỏa thuận Paris về khí hậu (Paris Agreement). Việt Nam cũng ban hành các văn bản về định hướng chiến lược, chiến lược, kế hoạch hành động và các chương trình hành động ở cấp độ quốc gia, và từng ngành phù hợp với các cam kết quốc tế của mình trong suốt giai đoạn từ năm 2017 đến nay. Các văn bản mang tính chất định hướng, chiến lược và kế hoạch hành động của Việt Nam có liên quan đến các chủ đề về phát triển bền vững được tóm tắt (không đầy đủ) trong Hình 5 bên dưới.

Trong đó, 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc được Việt Nam cụ thể hóa thành các mục tiêu và nhiệm vụ của các Bộ, ngành đến năm 2030 trong Quyết định 622/QĐ-TTg năm 2017 (Quyết định 622). Trong các năm 2018 – 2019, Kế hoạch hành động của từng ban ngành (ví dụ như: tài nguyên và môi trường, xây dựng, ngân hàng, y tế, khoa học công

nghệ) cũng được xây dựng để triển khai Kế hoạch hành động quốc gia trong Quyết định 622. Một số chương trình hướng đến mục tiêu phát triển bền vững cũng được phê duyệt như sản xuất và tiêu dùng bền vững; an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng nông thôn mới, v.v. Mới nhất gần đây, Quyết định 841/QĐ-TTg (Quyết định 841) phê duyệt Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam bao gồm các mục tiêu và các chỉ tiêu cho hai giai đoạn đến năm 2025 và đến năm 2030. Các chỉ tiêu tương ứng cho 17 mục tiêu phát triển bền vững cũng được điều chỉnh với các trọng tâm mới về phát triển bền vững nói chung bao gồm các vấn đề về môi trường và biến đổi khí hậu.

Cho giai đoạn 2021 – 2030, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm trong Đại hội Đảng lần thứ XIII đặt ra các mục tiêu chi tiết và các giải pháp đột phá để định hướng cho toàn bộ nền kinh tế Việt Nam. Dựa trên Chiến lược này, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021 – 2025 cũng được Quốc Hội phê duyệt chi tiết hóa các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ cần triển khai. Bên cạnh đó, các Chiến lược và Kế hoạch hành động với trọng tâm về phát triển bền vững nói chung và các vấn đề về môi trường nói riêng cũng được ban hành, trong đó có thể kể đến:

- Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 1658/QĐ-TTg) và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 (Quyết định 822/QĐ-TTg). Trong đó tăng trưởng xanh được coi là một phương thức quan trọng để thực hiện phát triển bền vững, đóng góp trực tiếp vào giảm phát thải khí nhà kính để hướng tới nền kinh tế trung hòa các-bon trong dài hạn. Các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về tăng trưởng xanh bao gồm nhiều khía cạnh của phát triển bền vững được cụ thể hóa thành 18 chủ đề trong Kế hoạch hành động quốc gia trong đó có các chủ đề chung về hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức; phát triển nguồn nhân lực; huy động nguồn lực tài chính và thúc đẩy đầu tư, v.v. và các chủ đề riêng cho từng ngành như năng lượng, công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng, v.v. Dựa trên Chiến lược và Kế hoạch Hành động Quốc gia, một số ngành đã xây dựng kế hoạch hành động của ngành như: ngân hàng, nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2050 (Quyết định 450/QĐ-TTg) cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong lĩnh vực bảo vệ môi trường bao gồm các vấn đề về ô nhiễm môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng và khai thác tài nguyên, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

Đặc biệt, đối với *vấn đề biến đổi khí hậu*, sau khi Việt Nam cam kết triển khai các cơ chế trong Thỏa thuận Paris và đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều quyết định phê duyệt đề án, chiến lược, kế hoạch hành động như:

- Đề án về nhiệm vụ giải pháp triển khai COP26 (Quyết định 888/QĐ-TTg).
- Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 (Quyết định 896/QĐ-TTg) làm rõ hơn các mục tiêu và nhiệm vụ cho hai chủ đề chính là thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.
- Kế hoạch hành động giảm phát thải khí metan (Quyết định 942/QĐ-TTg).

Một số mục tiêu, chỉ tiêu về ứng phó với biến đổi khí hậu đến năm 2030 giữa các văn bản liên quan đến biến đổi khí hậu như sau:

- Tỷ lệ che phủ rừng ở mức ổn định: 42 - 43%
- Tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp: 15 - 20%
- Tỷ lệ giảm phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường: 43,5%
    - Tỷ lệ các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hàng năm từ 2000 tấn CO2 tương đương trở lên xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính: 100%
    - Cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 15% so với năm 2014

KHÔNG ĐẦY ĐỦ

Hình 5: Các văn bản mang tính chất định hướng, chiến lược và kế hoạch hành động của Việt Nam có liên quan đến các chủ đề về phát triển bền vững

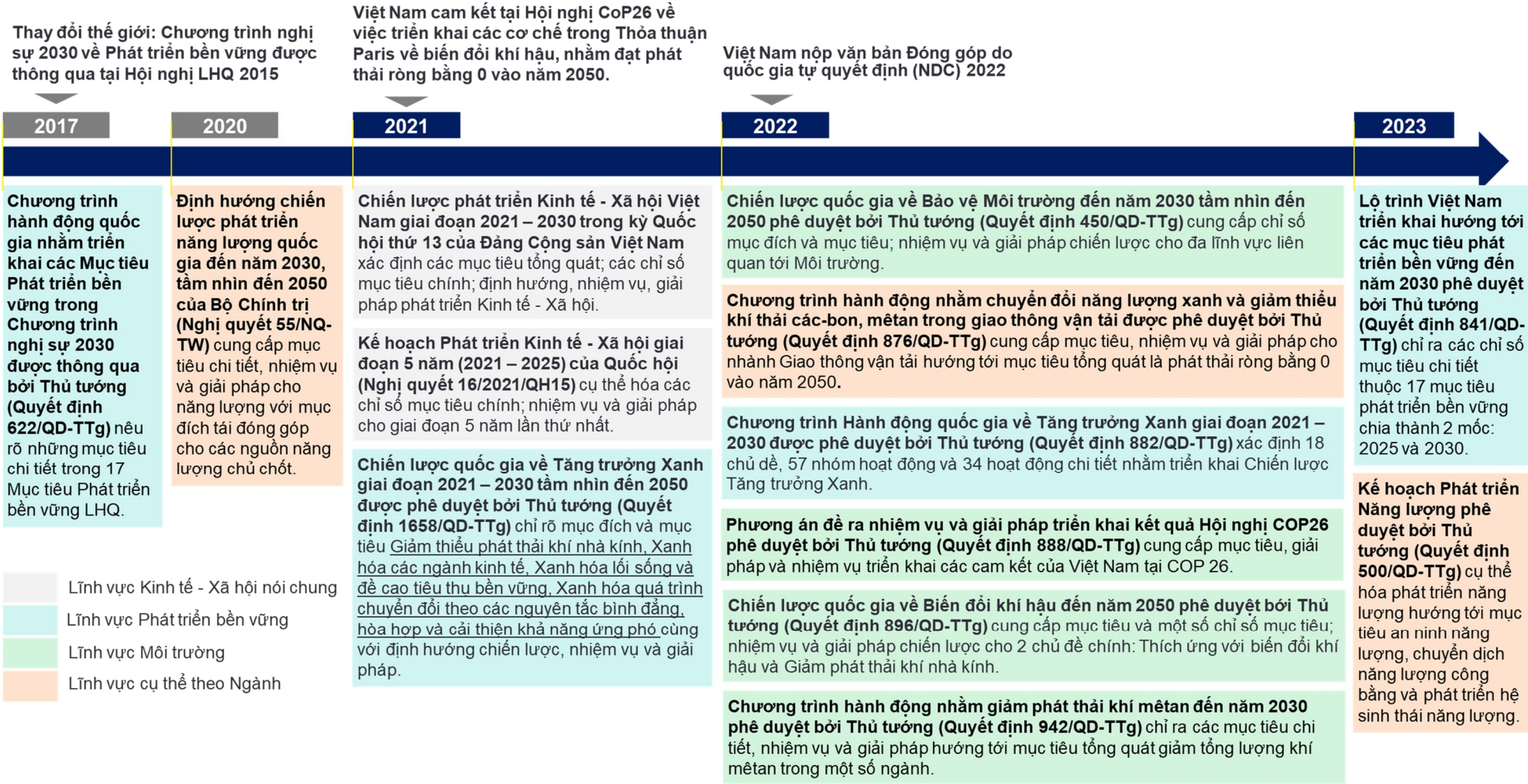

Hộp 3: Những thách thức và khuyến nghị đối với Chính phủ Việt Nam để đạt được các mục tiêu thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu - Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển (CCDR) của Ngân hàng Thế giới năm 2022[35]

Nhìn chung, khung chính sách của Việt Nam về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường đã được các cơ quan quản lý liên quan chính thiết lập, tạo tiền đề cho việc triển khai hành động trong tương lai. Tuy nhiên, có thể thấy sự thiếu nhất quán giữa các chính sách về môi trường; các chiến lược với các mục tiêu tương đồng đôi khi không có sự tham chiếu lẫn nhau, thường là do thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan.[36] Khung thể chế hiện tại còn gặp nhiều khó khăn bởi sự thiếu vắng một cơ quan đầu mối rõ ràng trong chính phủ, vì các chiến lược và kế hoạch, có thể là chưa hoàn thiện đầy đủ, hiện đang được xây dựng song song bởi các bộ khác nhau.[37] Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến phát triển bền vững ở Việt Nam cũng đa dạng, phức tạp theo các nhóm chủ đề khác nhau. Trong Phụ lục J – Thỏa thuận Xanh EU – Nhân tố thay đổi cuộc chơi Xanh đã được ra nội dung nghiên cứu trường hợp điển hình về hệ thống chính sách và sáng kiến thống nhất và nhất quán của EU nhằm thực hiện mục tiêu trung hòa khí hậu. Theo đó, có thể rút ra các bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong xây dựng các biện pháp ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển (CCDR) của Ngân hàng Thế giới năm 2022[38] đã chỉ ra những thách thức đối với chính phủ Việt Nam cần được sớm giải quyết, bao gồm:

- "Các chiến lược khí hậu của Việt Nam cần được tái cân bằng để đưa vào các chính sách và nguồn đầu tư mạnh mẽ cho hoạt động thích ứng cũng như giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Các chiến lược mới hiện đang nhấn mạnh đến việc giảm thiểu. Tuy nhiên, là quốc gia có mức độ dễ bị tổn thương cao, Việt Nam cũng cần đầu tư đáng kể vào việc xây dựng khả năng chống chịu, bởi vì biến đổi khí hậu đã và đang có tác động nghiêm trọng đối với tăng trưởng. Sự mất cân bằng giữa giảm thiểu và thích ứng được thể hiện rõ nhất trong Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam, trong đó có đặt ra một số mục tiêu về cường độ sử dụng năng lượng (trên phạm vi toàn quốc và theo từng ngành), nhưng không có mục tiêu cụ thể tương tự về khả năng thích ứng — mặc dù chiến lược này thừa nhận tầm quan trọng của khả năng chống chịu trong ngành nông nghiệp, giao thông và hệ thống đô thị

- Cần có sự thống nhất cao hơn trong các văn bản chính sách khí hậu quan trọng. Các cam kết và chiến lược mới do các bộ soạn thảo đặt ra các mục tiêu và ưu tiên một cách không nhất quán, gây khó khăn cho việc xác định tầm nhìn và có khả năng cản trở quá trình triển khai thực hiện. Ví dụ, NDC định nghĩa mục tiêu giảm nhẹ là giảm phát thải GHG so với kịch bản thông thường (BAU), trong khi Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam nhắm đến cường độ phát thải các-bon trên đơn vị GDP. Các chỉ số này có mối liên quan với nhau, nhưng vẫn có điểm khác biệt, ví dụ như việc giảm cường độ phát thải các-bon trên đơn vị GDP có giúp giảm phát thải tuyệt đối hay không còn phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng GDP.

- Các chiến lược mới vẫn chưa được chuyển hóa thành những thay đổi đáng kể trong chính sách tài khóa của Việt Nam. Ví dụ, đã có một số tiến bộ trong phát triển công cụ định giá các-bon, nhưng các công cụ này vẫn chưa được thực hiện trên quy mô lớn. Thuế các-bon hiện tại - Thuế Bảo vệ Môi trường (EPT) - vào khoảng 0,5 USD/tCO2e đối với than, 77,60 USD/tCO2e đối với xăng và 32,90 USD/ tấn CO2e đối với dầu diesel, thấp hơn hầu hết các quốc gia và quá thấp để khuyến khích thực hiện khử các-bon trên quy mô lớn. Tuy nhiên, các nhà chức trách đã thể hiện mối quan tâm mạnh mẽ đến việc sử dụng công cụ giới hạn số lượng trong hệ thống mua bán phát thải (đang được chuẩn bị với sự hỗ trợ của Nhóm Ngân hàng Thế giới) và đã bắt đầu dịch chuyển trợ cấp từ xăng dầu sang các nguồn năng lượng tái tạo, góp phần vào sự bùng nổ đầu tư tư nhân vào năng lượng mặt trời trong năm 2020.[39]

- Về mặt chi tiêu, một nghiên cứu phân tích của 6 Bộ chủ chốt gần đây cho thấy mức chi tiêu liên quan đến khí hậu có sự thay đổi giữa các năm, nhưng tương đối ổn định, dao động từ 26 đến 38% tổng ngân sách cộng gộp của các Bộ trong giai đoạn 2016-2020.[40]
- Khoảng 25% chi đầu tư công hoàn toàn hoặc một phần hướng đến mục tiêu thích ứng, chủ yếu vào các dự án thủy lợi và giao thông. Dù có nhiều hứa hẹn, nhưng những số liệu này nên được diễn giải một cách thận trọng vì chưa có một phương pháp luận được công nhận nào để phản ánh các con số này trong ngân sách. Ngoài ra, còn có những điểm chưa hiệu quả trong công tác quản lý đầu tư công và hoạt động bảo trì, bảo dưỡng thường chưa được đầu tư một cách đầy đủ ở Việt Nam.[41] Hoạt động mua sắm công xanh cũng mới chỉ ở giai đoạn sơ khai do các khung pháp lý và thể chế hiện có còn cần phải điều chỉnh cho phù hợp với các thông lệ quốc tế tốt nhất."

Cần có một số cải cách thể chế để đảm bảo rằng các chiến lược và kế hoạch song song được liên kết đầy đủ, bao gồm:

- Thiết lập một cơ quan đầu mối vững chắc về thể chế (chẳng hạn như Ủy ban Biến đổi khí hậu do Thủ tướng Chính phủ làm Chủ tịch) để đảm bảo có sự lãnh đạo và điều phối mạnh mẽ cho hành động về biến đổi khí hậu và các hành động được phối hợp trong Chính phủ,
- Tinh giản các quy trình và thủ tục hành chính để đẩy nhanh các quyết định và quy trình phê duyệt
- Sử dụng các công cụ định giá dựa trên thị trường hoặc định giá tương đối để khuyến khích thay đổi hành vi trong khu vực tư nhân (chẳng hạn như thông qua định giá các-bon) và trong cơ quan hành chính công ở cấp quốc gia và cấp tỉnh
- Thực thi các quy tắc và quy định để nâng cao động lực, lòng tin và sự công bằng
- Tăng cường sự tham gia để đảm bảo trách nhiệm giải trình và tính minh bạch, bằng cách tăng cường dữ liệu mở và các sáng kiến Chính phủ điện tử (bao gồm cải thiện số liệu thống kê như phát triển Hệ thống Tài khoản Kinh tế và Môi trường); truyền thông tốt hơn tinh thần cấp bách liên quan đến biến đổi khí hậu, bao gồm cả thông qua giáo dục; và tăng cường sự tham gia của xã hội và khu vực tư nhân vào các quá trình ra quyết định về khí hậu của đất nước.

2.2.2. Quy định pháp luật liên quan tới phát triển bền vững tại Việt Nam

Như đã đề cập, các vấn đề về phát triển bền vững (ESG) không phải là các vấn đề mới nhưng các quy định có thay đổi phù hợp với bối cảnh và mục tiêu phát triển. Hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến phát triển bền vững ở Việt Nam cũng đa dạng và phức tạp theo từng nhóm chủ đề khác nhau. Nội dung của phần tổng hợp không đầy đủ các văn bản pháp luật có liên quan đến các khía cạnh: Môi trường, Xã hội, Quản trị doanh nghiệp, trong đó tập trung nhiều hơn vào khía cạnh Môi trường và Biến đổi khí hậu.

2.2.2.1. Về các vấn đề môi trường

Hệ thống quy định pháp luật của Việt Nam về môi trường bao gồm nhiều văn bản cho các chủ đề khác nhau liên quan đến môi trường. Trong đó, Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn triển khai được coi là có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp nói chung. Các văn bản được tổng hợp như sau:

Hình 6: Tổng hợp các văn bản quy định pháp luật của Việt Nam về môi trường.

Đối với các vấn đề về môi trường, dựa trên Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn triển khai, một số quy định ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp từ giai đoạn đầu tư đến khi vận hành được tóm tắt như hình bên dưới. Yêu cầu tuân thủ các quy định này sẽ khác biệt tùy theo đặc thù hoạt động của doanh nghiệp.

Bảng 3: Một số quy định ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp từ khi giai đoạn đầu tư đến khi vận hành.

Giai đoạn	Một số yêu cầu liên quan đến Bảo vệ môi trường[42], sử dụng năng lượng[43]
Đầu tư	Tùy từng dự án theo quy định về phân loại dự án, chủ đầu tư cần thực hiện các hoạt động sau: • Thực hiện đánh giá tác động môi trường sơ bộ, và đánh giá tác động môi trường, trong đó bao gồm thực hiện tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp từ dự án và các cơ quan, tổ chức có liên quan • Thực hiện đầu tư công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và bảo vệ môi trường • Xây dựng kế hoạch quản lý, giám sát, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường • Xin giấy phép môi trường
Vận hành	Tùy theo từng dự án, hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, các doanh nghiệp cần triển khai hoặc được khuyến khích triển khai các hoạt động sau: *Xây dựng nền tảng, nguồn lực* • Tổ chức, bố trí nhân sự có chuyên môn về bảo vệ môi trường

Giai đoạn	Một số yêu cầu liên quan đến Bảo vệ môi trường[42], sử dụng năng lượng[43]
	• Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định về bảo vệ môi trường (có thể bao gồm hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001) • Áp dụng Mô hình quản lý năng lượng bao gồm: công bố mục tiêu, chính sách về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; có mạng lưới và người quản lý năng lượng; định kỳ tổ chức đào tạo, tập huấn cho người lao động về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả *Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh* • Thu gom, tái sử dụng, xử lý nước thải • Thu gom, xử lý khí thải • Quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động cần thiết liên quan đến chất thải từ: phát sinh - giảm thiểu - phân loại - thu gom - lưu trữ - trung chuyển - vận chuyển - tái sử dụng - tái chế - xử lý, tiêu hóa chất thải theo quy định đặc thù cho từng loại chất thải và trong từng lĩnh vực cụ thể, bao gồm nghiên cứu và áp dụng các giải pháp tiết kiệm tài nguyên, năng lượng; sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu thân thiện môi trường, năng lượng tái tạo; áp dụng công nghệ, chương trình sản xuất sạch hơn, kiểm soát môi trường và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải • Thực hiện dán nhãn năng lượng phương tiện, thiết bị trước khi đưa ra thị trường • Tổ chức tái chế sản phẩm, bao bì hoặc đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam • Thực hiện đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, bao bì chứa chất độc hại, khó có khả năng tái chế hoặc gây khó khăn cho việc thu gom, xử lý *Nghiên cứu và cải thiện công tác bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng* • Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp kỹ thuật tốt nhất trong phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường • Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bụi, bức xạ nhiệt, khí thải, nước thải và xử lý ô nhiễm tại chỗ • Thực hiện kiểm toán năng lượng; xây dựng, triển khai và báo cáo về kế hoạch hằng năm và năm năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả *Kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường* • Thực hiện quan trắc môi trường, nước thải, bụi, khí thải • Tổ chức kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ

Giai đoạn	Một số yêu cầu liên quan đến Bảo vệ môi trường[42], sử dụng năng lượng[43]
	• Thực hiện kiểm toán môi trường *Liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu* • Tổ chức thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu phát thải khí nhà kính • Xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính *Thực hiện các báo cáo về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu (tham khảo thêm phần* Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững *chi tiết về một số thông tin, báo cáo của doanh nghiệp)*

Bảng 4: Một số vấn đề chi tiết về Biến đổi khí hậu trong Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và Nghị định 06/2022.

Một số vấn đề chi tiết về Biến đổi khí hậu trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định 06/2022

Tiêu chí của các cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính

i. Có mức phát thải khí nhà kính hằng năm từ 3.000 tấn CO2 tương đương trở lên hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:
   a. Nhà máy nhiệt điện, cơ sở sản xuất công nghiệp có tổng lượng tiêu thụ năng lượng hằng năm từ 1.000 tấn dầu tương đương (TOE) trở lên;
   b. Công ty kinh doanh vận tải hàng hóa có tổng tiêu thụ nhiên liệu hằng năm từ 1.000 TOE trở lên;
   c. Tòa nhà thương mại có tổng tiêu thụ năng lượng hằng năm từ 1.000 TOE trở lên;
   d. Cơ sở xử lý chất thải rắn có công suất hoạt động hằng năm từ 65.000 tấn trở lên.

Danh mục các cơ sở phải kiểm kê khí nhà kính được ban hành năm 2022, và sẽ được rà soát 2 năm một lần bao gồm 21 lĩnh vực thuộc 6 ngành vào hơn 1.800 cơ sở *(Quyết định 13/2024/QĐ-TTg)*.

Lộ trình thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đối với các cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính: các cơ sở phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính, xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo hạn ngạch; được phép trao đổi, mua bán hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon trên sàn giao dịch tín chỉ các-bon trong giai đoạn 2026 – 2030.

Lộ trình triển khai thị trường các bon trong nước bao gồm 2 giai đoạn, và chính thức vận hành trong năm 2028.

Phương pháp kiểm kê khí nhà kính được áp dụng theo hướng dẫn kiểm kê khí nhà kính của Ban liên chính phủ về biến đổi khí hậu (ICCP). Việt Nam hiện tại đã công bố Danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính áp dụng cho các lĩnh vực *(Quyết định 2626/QĐ-BTNMT)* năm 2022 và ban hành hướng dẫn chi tiết cho một lĩnh vực là Quản lý chất thải *(Thông tư 17/2022/TT-BTNMT)*.

2.2.2.2. Về các vấn đề xã hội

Các vấn đề liên quan đến xã hội rất đa dạng và không có định nghĩa hoặc quy định cụ thể về phạm vi. Vì vậy, bảng dưới đây tổng hợp các Luật chính có liên quan đến một số nhóm chủ đề/chủ đề trong khía cạnh Xã hội.

Bảng 5: Tổng hợp các Luật chính có liên quan đến một số nhóm chủ đề/chủ đề trong khía cạnh Xã hội.

TT	Nhóm chủ đề / Chủ đề	Luật có liên quan	Tóm tắt nội dung
1	Lao động	Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14	Quy định tiêu chuẩn lao động; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.
1.1	Quan hệ lao động (đối thoại và thương lượng tập thể giữa người lao động, tổ chức đại diện, người sử dụng lao động)	Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14	▪ Quy định về xác lập quan hệ lao động qua đối thoại, thương lượng, thỏa thuận theo nguyên tắc tự nguyện, thiện chí, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. ▪ Quy định về tổ chức, nội dung đối thoại tại nơi làm việc, nguyên tắc, nội dung, quyền, đại diện và quy trình thương lượng tập thể. ▪ Công đoàn tham gia cùng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hỗ trợ xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định; giám sát việc thi hành quy định của pháp luật về lao động; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.
		Luật Công đoàn số: 12/2012/QH13	Quy định về quyền thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn của người lao động; chức năng, quyền, trách nhiệm của Công đoàn; quyền, trách nhiệm của đoàn viên Công đoàn; trách nhiệm của tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp sử dụng lao động đối với Công đoàn; bảo đảm hoạt động của Công đoàn; giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm pháp luật về công đoàn.
1.2	Điều kiện lao động (thời gian làm việc, tiền lương, bảo vệ thai	Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14	Quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp trong việc bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp;

TT	Nhóm chủ đề / Chủ đề	Luật có liên quan	Tóm tắt nội dung
	sản, an toàn vệ sinh lao động, thanh tra lao động, v.v.)		không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.
		Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14	Quy định thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, tiền lương, bảo vệ thai sản cho người lao động.
		Luật An toàn vệ sinh lao động số: 84/2015/QH13	Quy định việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; chính sách, chế độ đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động.
		Luật Bảo hiểm xã hội số: 58/2014/QH13	Quy định quyền và trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động liên quan đến bảo hiểm xã hội.
		Luật Bảo hiểm y tế số: 25/2008/QH12	Quy định về trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động liên quan đến chế độ bảo hiểm y tế.
1.3	Bóc lột lao động, bắt buộc, cưỡng ép lao động	Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14	Quy định một trong các nghĩa vụ của doanh nghiệp là không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động.
		Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14	Nghiêm cấm các hành vi ngược đãi người lao động, cưỡng bức lao động.
1.4	Lao động trẻ em	Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14	Quy định một trong các nghĩa vụ của doanh nghiệp là không sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật.
		Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14	Quy định về dụng lao động chưa thành niên, nguyên tắc sử dụng lao động chưa thành niên.
		Luật Trẻ em số: 102/2016/QH13	Quy định trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động; không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật; không bị bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em.
1.5	Người lao động di cư	Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước	Quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp

TT	Nhóm chủ đề / Chủ đề	Luật có liên quan	Tóm tắt nội dung
		ngoài theo hợp đồng số: 69/2020/QH14	và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng cho người lao động.
1.6	Bình đẳng	Bộ Luật Lao động số: 45/2019/QH14	• Quy định về bảo đảm thực hiện bình đẳng giới và các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong tuyển dụng, bố trí, sắp xếp việc làm, đào tạo, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, tiền lương và các chế độ khác. • Quy định về sử dụng lao động là người khuyết tật.
		Luật Người khuyết tật số: 51/2010/QH12	Quy định về việc làm đối với người khuyết tật và sử dụng lao động là người khuyết tật.
		Luật Bình đẳng giới số: 73/2006/QH 11	Quy định nguyên tắc và các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong các lĩnh vực kinh tế, lao động.
2	Bảo vệ người tiêu dùng	Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số: 59/2010/QH12[44]	Quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh đối với người tiêu dùng; giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh.
		Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14	Quy định nghĩa vụ của doanh nghiệp về cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; Bảo đảm các điều kiện công bằng và thuận lợi cho khách hàng; Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ cung ứng.
		Luật Thương mại số: 36/2005/QH11	Quy định thương nhân thực hiện hoạt động thương mại có nghĩa vụ thông tin đầy đủ, trung thực cho người tiêu dùng về hàng hoá và dịch vụ mà mình kinh doanh và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đó, chịu trách nhiệm về chất lượng, tính hợp pháp của hàng hoá, dịch vụ mà mình kinh doanh.
3	Phòng chống tham nhũng	Luật Phòng, chống tham nhũng số: 36/2018/QH14	Quy định về việc áp dụng luật phòng, chống tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước bao gồm các biện pháp phòng, chống tham nhũng, thanh tra, phát hiện tham nhũng.

2.2.2.3. Về quản trị doanh nghiệp

Các vấn đề về quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam không có các văn bản mang tính chất định hướng, chiến lược như các vấn đề về xã hội, môi trường. Hoạt động quản trị doanh nghiệp được quy định trong quy định về doanh nghiệp, chứng khoán và được khuyến khích áp dụng theo các thông lệ tốt trên thế giới. Khía cạnh quản trị doanh nghiệp được quy định trong các văn bản hiện tại ở Việt Nam tập trung vào các vấn đề như cấu trúc quản trị; quyền hạn và nghĩa vụ, chế độ làm việc của các cấp quản trị trong doanh nghiệp; tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên tham gia quản trị doanh nghiệp; điều kiện thực hiện và các thủ tục liên quan đến hoạt động quản trị doanh nghiệp; các yêu cầu về công khai, công bố thông tin và các nội dung khác. Cấu trúc quản trị và các yêu cầu khác về quản trị doanh nghiệp được quy định theo từng loại hình doanh nghiệp khác nhau trong đó có các văn bản đặc thù áp dụng với công ty đại chúng. Một số văn bản liên quan đến quản trị doanh nghiệp áp dụng với công ty đại chúng được tóm tắt như sau:

Bảng 6: Tóm tắt một số văn bản liên quan đến quản trị doanh nghiệp theo các loại hình doanh nghiệp khác nhau.

Văn bản	Đối tượng áp dụng
Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14	Toàn bộ loại hình doanh nghiệp
Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14	• Công ty đại chúng • Công ty chứng khoán • Công ty quản lý quỹ chứng khoán
Thông tư 96/2020/TT-BTC – hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	• Công ty đại chúng • Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng • Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng • Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp • Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam và chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng
Nghị định 155/2020/NĐ-CP – Quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán	• Công ty đại chúng • Công ty chứng khoán • Công ty quản lý quỹ chứng khoán

Hộp 4: Quản trị doanh nghiệp liên quan đến ESG

Các Nguyên tắc quản trị công ty của OECD[45] đề cập đến trách nhiệm của Hội đồng quản trị liên quan đến các vấn đề về ESG bao gồm: "giám sát các hệ thống được xây dựng để đảm bảo công ty tuân thủ các luật lệ có liên quan, bao gồm luật thuế, cạnh tranh, lao động, môi trường, công bằng cơ hội, sức khỏe và an toàn lao động" và "quan tâm tới và giải quyết công bằng lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan bao gồm người lao động, chủ nợ, khách hàng, nhà cung cấp và cộng đồng sở tại (bao gồm: tuân thủ các tiêu chuẩn về môi trường và xã hội)".

Theo Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo Thông lệ Tốt Nhất của Việt Nam (dành cho Công ty đại chúng tại Việt Nam)[46] có đề cập đến Nguyên tắc 1.1 "Hội đồng Quản trị cần phải xác định rõ ràng và công bố toàn bộ các vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của mình." Trong đó bao gồm trách nhiệm của HĐQT liên quan đến theo dõi tính hiệu quả của công tác quản trị, chính sách và hoạt động môi trường và xã hội, và việc tuân thủ luật pháp hiện hành của công ty.

Tuy nhiên, các các văn bản pháp luật hiện tại ở Việt Nam chỉ quy định chung, chưa có các hướng dẫn, quy định cụ thể về tổ chức, vai trò và trách nhiệm của các cấp và thành viên giữ các chức vụ trong quản trị doanh nghiệp liên quan đến ESG.

Việc tích hợp các vấn đề về ESG trong quản trị doanh nghiệp được đề cập trong Phần 2 của Tài liệu này.

2.2.3. Quy định về yêu cầu báo cáo và công bố thông tin ESG tại Việt Nam

Tại Việt Nam, hiện nay chỉ có các công ty đại chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam bắt buộc phải công bố thông tin về phát triển bền vững hàng năm theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC với nội dung được trích tại Bảng 7 dưới đây. Các doanh nghiệp khác hiện chưa có quy định nào bắt buộc phải công bố thông tin về phát triển bền vững, thay vào đó phải nộp một số báo cáo định kỳ nhất định cho cơ quan chức năng (các báo cáo với nội dung liên quan đến môi trường và xã hội được đề cập tại Bảng 8), với phạm vi áp dụng theo từng trường hợp nhất định và không bao gồm các cân nhắc về phát triển bền vững. Việc thực hiện báo cáo định kỳ này được quy định trong các văn bản khác nhau trên các lĩnh vực về môi trường, lao động và quản trị với phạm vi áp dụng khác nhau.

2.2.3.1. Quy định về công bố thông tin ESG theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC

Tại mục II, Phụ lục IV – hướng dẫn báo cáo tình hình hoạt động trong năm của doanh nghiệp trong Báo cáo thường niên được ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng về dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, doanh nghiệp được yêu cầu báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội với nội dung được trích dẫn trong Bảng 7 dưới đây.

Bảng 7: Quy định về báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC[47]

STT	Chủ đề	Nội dung công bố
1.	Tác động lên môi trường	• Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp • Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính
2.	Quản lý nguồn nguyên vật liệu	• Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm • Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức
3.	Tiêu thụ năng lượng	• Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp • Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả • Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này
4.	Tiêu thụ nước	• Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng • Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng
5.	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	• Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường • Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

6.	Chính sách liên quan đến người lao động	• Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
		• Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
		• Hoạt động đào tạo người lao động:
		  ◦ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
		  ◦ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

7.	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng
8.	Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh	

STT	Chủ đề	Nội dung công bố
	theo hướng dẫn của UBCKNN	

2.2.3.2. Các quy định khác có liên quan đến báo cáo tác động môi trường và xã hội

Bên cạnh Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn về công bố thông tin ESG, hiện nay một số quy định tại Việt Nam khuyến nghị/yêu cầu các doanh nghiệp báo cáo một số thông tin liên quan đến tác động của doanh nghiệp đến các vấn đề môi trường, xã hội và quản trị. Liên quan đến các vấn đề này, các yêu cầu báo cáo có thể được chia theo ba khía cạnh chính: môi trường, xã hội, và quản trị. Bảng 8 dưới đấy tổng hợp các thông tin doanh nghiệp cần báo cáo theo ba nhóm trên.

Bảng 8: Các thông tin được khuyến nghị/yêu cầu báo cáo liên quan đến ESG dựa trên các quy định của Việt Nam.

Khía cạnh	Nội dung báo cáo	Đối tượng áp dụng	Văn bản quy định
Môi trường	1. Thông tin môi trường: a) Thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp b) Thông tin về chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định của pháp luật c) Thông tin về quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá tác động môi trường; kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định.	Chủ đầu tư dự án, cơ sở	Điểm b khoản 1 Điều 114, luật số: 72/2020/QH14 - Luật Bảo vệ Môi trường
	2. Thông tin liên quan đến giảm nhẹ khí nhà kính: a) Báo cáo kiểm kê khí nhà kính hai năm một lần b) Kế hoạch giảm nhẹ khí nhà kính c) Báo cáo kết quả giảm nhẹ khí nhà kính hàng năm	Các cơ sở thuộc danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải kiểm kê khí nhà kính do Thủ tướng Chính phủ ban hành.	Nghị định số 06/2022/NĐ-CP - Quy định Giảm nhẹ Phát thải Khí nhà kình và Bảo vệ Tầng Ô-dôn: - Khoản 4 Điều 11 - Khoản 4 Điều 13 - Điểm a Khoản 3 Điều 10
Xã hội	1. Báo cáo tình hình sử dụng lao động	Người sử dụng lao động khai trình việc sử dụng lao động theo Nghị định số 122/2020/NĐ-CP của Chính phủ	Khoản 1 Điều 4 Nghị định 145/2020/NĐ-CP Quy định Chi tiết và Hướng dẫn Thi hành Một số Điều của Bộ luật Lao động về Điều kiện Lao động và

Khía cạnh	Nội dung báo cáo	Đối tượng áp dụng	Văn bản quy định
			Quan hệ Lao động
	2. Báo cáo về công tác an toàn, vệ sinh lao động bao gồm tổng số lao động (lao động nữ, lao động là người chưa thành niên, làm việc trong điều kiện nặng nhọc v.v); tai nạn lao động; bệnh nghề nghiệp; phân loại sức khỏe người lao động; thời gian làm việc, nghỉ ngơi.	- Doanh nghiệp - Hợp tác xã - Hộ gia đình - Các tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh.	Điều 10 Thông tư số: 07/2016/TT-BLĐTBXH Quy định một số Nội dung Tổ chức Thực hiện Công tác An toàn, Vệ sinh Lao động đối với Cơ sở Sản xuất, Kinh doanh
Quản trị	1. Điều lệ công ty 2. Mục tiêu tổng quát; mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hàng năm 3. Báo cáo thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức của công ty 4. Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác	Doanh nghiệp nhà nước	Điều 109, Luật số: 59/2020/QH14 - Luật Doanh nghiệp
	1. Báo cáo thường niên: a) Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh, bộ máy quản lý b) Định hướng phát triển (bao gồm các mục tiêu phát triển bền vững - môi trường, xã hội và cộng đồng các chương trình liên quan) c) Các rủi ro (bao gồm các rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh) d) Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm các thông tin về lao động, chính sách với người lao động) e) Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội: tác động lên môi trường, quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chính sách liên quan đến người lao động, trách nhiệm với cộng đồng địa phương 2. Báo cáo tình hình quản trị công ty	Công ty đại chúng	Điều 120, Luật số: 54/2019/QH14 - Luật Chứng khoán
	1. Điều lệ công ty 2. Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm, nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc 3. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hàng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Công ty Cổ phần khác 2 nhóm trên	Điều 176, Luật số: 59/2020/QH14 - Luật Doanh nghiệp

Như vậy, yêu cầu bắt buộc công bố thông tin về ESG hiện nay chỉ áp dụng đối với các công ty đại chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Đối với các đối tượng doanh nghiệp khác, chưa có quy định bắt buộc về việc công bố thông tin ESG. Đồng thời, chưa có quy định cụ thể nào ở Việt Nam yêu cầu các tổ chức và doanh nghiệp phải công bố thông tin liên quan đến khí hậu.

Trong bối cảnh việc các quy định toàn cầu về công bố thông tin ESG, đặc biệt là thông tin liên quan đến khí hậu, ngày càng phổ biến, với áp lực ngày càng gia tăng từ nhà đầu tư, khách hàng và các bên liên quan trong chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp đã và đang hướng tới thực hiện công bố thông tin ESG nhằm tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn một cách thuận lợi hơn, nhất là nguồn vốn xanh, trái phiếu xanh hay các khoản vay xanh. Tuy nhiên, các doanh nghiệp đang phải đối mặt với một số thách thức trong công bố thông tin ESG như (1) xác định chủ đề ESG trọng yếu của doanh nghiệp; (2) đảm bảo thông tin được công bố chính xác và đáng tin cậy, có thể so sánh được; và (3) quản lý và đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của các bên liên quan về công bố thông tin về phát triển bền vững theo các khuôn khổ và tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Các DNNVV với nguồn lực hạn chế còn gặp phải các vấn đề như thiếu thời gian, kiến thức, năng lực hoặc kinh phí trong việc thu thập dữ liệu và công bố thông tin ESG.

Việc này đặt ra yêu cầu với các cơ quan quản lý cần xây dựng hướng dẫn cụ thể để hỗ trợ các doanh nghiệp, bao gồm các DNNVV trong việc triển khai công bố thông tin một cách nhất quán, đáng tin cậy và tuân thủ với các tiêu chuẩn báo cáo trong nước và quốc tế, đặc biệt đáp ứng các yêu cầu mới về công bố thông tin liên quan đến khí hậu. Tài liệu Sổ tay này, được phát hành bởi UBCKNN, sẽ đóng góp vào việc hỗ trợ doanh nghiệp và tổ chức tại Việt Nam trong thực hiện công bố thông tin về ESG.

Hộp 5: Một số hướng dẫn về báo cáo và công bố thông tin ESG khác

Bên cạnh các quy định pháp luật liên quan đến báo cáo và công bố thông tin về ESG, một số tài liệu hướng dẫn cũng được xây dựng để hỗ trợ doanh nghiệp triển khai có thể kể đến bao gồm:

- Hướng dẫn lập báo cáo phát triển bền vững (2013) được phối hợp xuất bản bởi IFC và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – cung cấp thông tin hỗ trợ doanh nghiệp bắt đầu lập báo cáo bền vững bao gồm: các tiêu chuẩn và nguồn tham chiếu; các bước cơ bản cần tiến hành trong quy trình báo cáo; các yếu tố thành công chính, v.v.
- Hướng dẫn công bố thông tin về môi trường và xã hội (2016) được phối hợp xuất bản bởi IFC và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – hướng dẫn bổ sung cho doanh nghiệp thực hiện yêu cầu theo Thông tư 155/2015/TT-BCT (tuy nhiên Thông tư này đã được thay thế bởi Thông tư 96/2020/TT-BCT). Hướng dẫn tham chiếu đến Hướng dẫn của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) để cung cấp các thông tin hỗ trợ doanh nghiệp lập báo cáo phát triển bền vững liên quan đến các chỉ tiêu môi trường và xã hội. Hướng dẫn cung cấp cơ bản các bước cần thực hiện để công bố thông tin và các chỉ số hoạt động cần công bố theo GRI.
- Sổ tay Hướng dẫn Báo cáo phát thải khí nhà kính (2023) do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật từ IFC, SECO và BSI Việt Nam – cung cấp các khái niệm, tiêu chuẩn quốc tế, quy định và tiêu chuẩn của Việt Nam và các bước thực hiện kiểm kê và báo cáo khí nhà kính.

Hộp 6: Đánh giá, xếp hạng các doanh nghiệp phát triển bền vững tại Việt Nam

Theo Quyết định 622/QĐ-TTg năm 2017 phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 về sự phát triển bền vững, mục tiêu 12.6 về khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp

các thông lệ bền vững đặt ra nhiệm vụ chi tiết về "Thực hiện đánh giá, xếp hạng thường niên các doanh nghiệp phát triển bền vững tại Việt Nam". Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) là đơn vị chủ trì thực hiện mục tiêu này.

Trước đó, Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển Bền vững Việt Nam (VBCSD) được thành lập và chính thức ra mắt vào năm 2010 với nhiệm vụ phát huy vai trò tích cực và sự ủng hộ nhiệt tình của cộng đồng doanh nghiệp trong việc thực hiện Chiến lược Phát triển bền vững tại Việt Nam, tạo thuận lợi cho việc chia sẻ kinh nghiệm và các thực hành tốt, tăng cường phối hợp chặt chẽ và đối thoại giữa cộng đồng doanh nghiệp, Chính phủ và các đối tác trong xã hội nhằm đẩy mạnh phát triển bền vững[48]. VBCSD cũng là đơn vị của VCCI tổ chức Chương trình Đánh giá, công bố các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam (Chương trình Chỉ số Doanh nghiệp Bền Vững (CSI)).

Chương trình CSI đã được triển khai từ năm 2016, và được tổ chức định kỳ hàng năm. Hàng năm, Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững (Bộ chỉ số CSI) sẽ được rà soát, điều chỉnh và công bố để các doanh nghiệp tham chiếu và đánh giá. Bộ chỉ số CSI bao gồm các nội dung về thông tin kinh tế - xã hội – môi trường, thông tin về cơ cấu, mô hình tổ chức và các nhân sự chủ chốt cùng với các chỉ số ở 4 chủ đề: Chỉ số kết quả, Chỉ số quản trị, Chỉ số môi trường, Chỉ số lao động và xã hội. Năm 2023, bộ chỉ số CSI được công bố gồm 130 chỉ số bao gồm 82 chỉ số cơ bản và 48 chỉ số nâng cao. Tài liệu hướng dẫn về Bộ chỉ số CSI cũng cung cấp cho các doanh nghiệp các hướng dẫn về triển khai một số vấn đề về phát triển bền vững trong nghiệp[49].

Tham gia Chương trình CSI, các doanh nghiệp sẽ tự nguyện đăng ký tham gia, thực hiện cung cấp thông tin, đánh giá các chỉ số và gửi kèm các tài liệu chứng minh cho từng chỉ số. Dựa trên thông tin, tài liệu do doanh nghiệp cung cấp, các doanh nghiệp sẽ được đánh giá và xếp hạng để hoàn thiện Danh sách 100 Doanh nghiệp bền vững Việt Nam (CSI100). Các doanh nghiệp tham gia sẽ được giấy chứng nhận CSI cho giai đoạn tham gia và có thể được sử dụng logo, hình ảnh của Chương trình để truyền thông.

3. Tiêu chuẩn và Khung báo cáo về ESG

3.1. Bối cảnh thay đổi về các Tiêu chuẩn và Khung báo cáo

Gia tăng nỗ lực tiến tới đồng nhất các tiêu chuẩn báo cáo tài chính liên quan phát triển bền vững

Do thiếu sự đồng thuận về yêu cầu nội dung báo cáo và sự cần thiết phải so sánh giữa các báo cáo thuộc các định chế khác nhau, đang có những động thái toàn cầu tiến tới việc đồng nhất toàn cầu các tiêu chuẩn báo cáo tài chính liên quan phát triển bền vững. Tổ chức IFRS đã kết luận rằng cần cấp thiết thành lập một khung báo cáo phát triển bền vững toàn cầu để đạt được hệ thống báo cáo thông tin có thể so sánh, có tính nhất quán và đáng tin cậy. Tuy nhiên, quá trình này có thể còn nhiều nhiều thách thức do những khác biệt trong ràng buộc pháp lý ở các quốc gia và trên quốc tế, cụ thể về các chính sách công và quy định cụ thể theo ngành.[50]

Hội đồng Tiêu chuẩn Phát triển bền vững Quốc tế (ISSB) đang làm việc để cung cấp một cơ sở chung toàn cầu về công bố thông tin phát triển bền vững, trong khi các định chế khác, chẳng hạn như ở châu Âu, đang soạn thảo tiêu chuẩn riêng để hỗ trợ các sáng kiến sẵn có của họ

(Hình 8). Tổ chức IFRS cũng sẽ đảm nhiệm trách nhiệm của TCFD về giám sát công tác báo cáo liên quan đến biến đổi khí hậu kể từ năm 2024.[51]

Một bước tiến lớn được đánh dấu liên quan đến công tác báo cáo phát triển bền vững toàn cầu khi Biên bản ghi nhớ thỏa thuận được ký kết giữa IFRS và GRI vào tháng 3 năm 2022. Biên bản thể hiện sự đồng nhất giữa một bên là hội đồng thiết lập tiêu chuẩn trên thị trường vốn (Hội đồng ISSB thuộc IFRS) với một bên là hội đồng thiết lập tiêu chuẩn hướng tới đa bên liên quan (Hội đồng GSSB thuộc GRI) để đưa ra một cách tiếp cận có liên kết cho báo cáo ESG. Theo đó, sự đồng nhất này sẽ làm cầu nối khép lại khoảng cách về các giá trị và tác động trong kinh doanh để nâng cao mức độ minh bạch và trách nhiệm giải trình trong các tổ chức và doanh nghiệp.

Mặc dù sẽ cần thêm thời gian để các nỗ lực đồng nhất nói trên đạt được kết quả, hiện tại đã có các hướng dẫn chi tiết đến từ cả các đơn vị báo cáo và kiểm toán quốc tế để hỗ trợ các tiến triển đáng kể trong quá trình công bố thông tin, cũng như tăng cường chất lượng và mức độ nhất quán của các thông tin được công bố.

Hình 7: Gia tăng động thái tiến tới đồng nhất các tiêu chuẩn báo cáo liên quan phát triển bền vững.[52]

KHÔNG ĐẦY ĐỦ

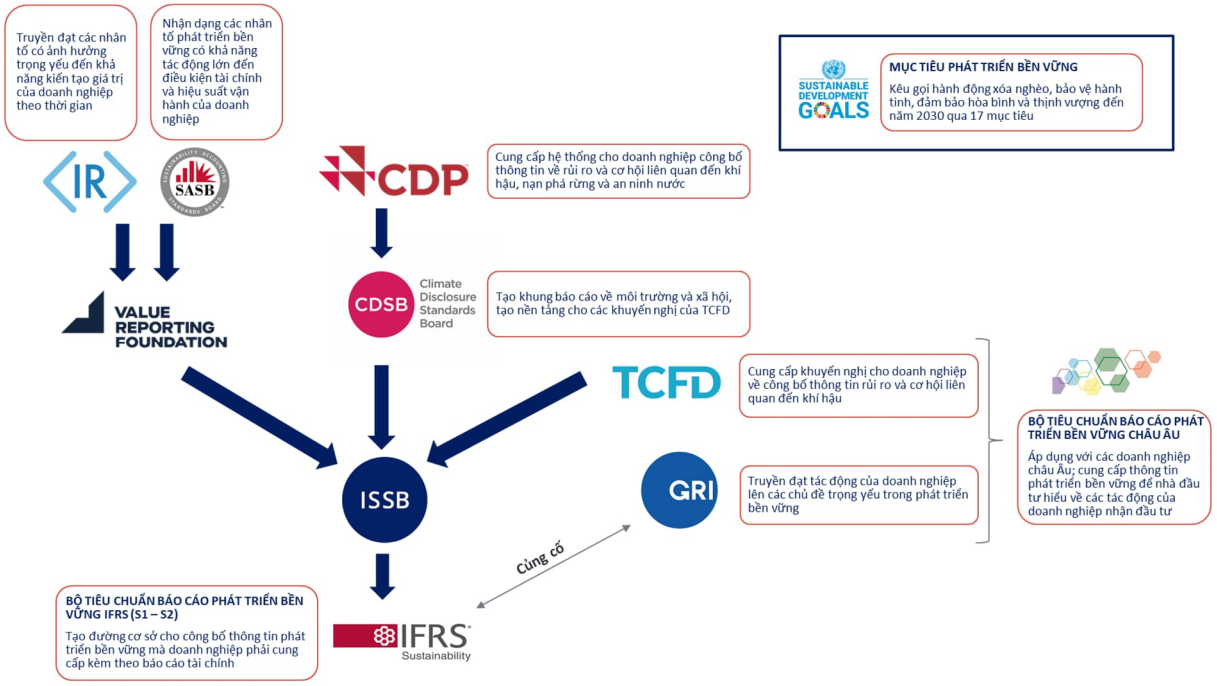

Sự cần thiết trong đảm bảo việc hỗ trợ ra quyết định của công tác công bố thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu

Như đã đề cập trong mục 1.2 của phần này, biến đổi khí hậu là một trong số các rủi ro toàn cầu hàng đầu, đe dọa đến vận hành doanh nghiệp từ trong ngắn hạn, trung hạn đến dài hạn do đây là rủi ro có quy mô lớn, bản chất dài hạn và ít tiền lệ.

Do đó, các doanh nghiệp sẽ ngày càng được kỳ vọng phải đưa rủi ro khí hậu vào cân nhắc khi chuẩn bị báo cáo tài chính theo những tiêu chuẩn và quy trình kế toán, kiểm toán hiện hành. Kỳ vọng này đến từ việc các nhà đầu tư đang công khai thông báo và nhận thức đầy đủ hơn rằng rủi ro khí hậu là một rủi ro trọng yếu trong đầu tư, đặc biệt là với doanh nghiệp nằm trong các ngành phát thải các-bon lớn.[53] Đơn vị xếp hạng đánh giá doanh nghiệp phát triển bền vững MSCI cũng xác nhận rằng nhà đầu tư đang nhấn mạnh các hành động quản trị rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu.

Việc gia tăng nhu cầu cần có thông tin liên quan đến khí hậu trong việc đưa ra quyết định đã dẫn tới sự phát triển của một số tiêu chuẩn công bố thông tin tập trung vào khí hậu: [54]

- Được lập ra bởi Hội đồng FSB năm 2015 để cải thiện và tăng tiến hoạt động báo cáo thông tin tài chính liên quan tới khí hậu, lực lượng TCFD đã trở thành tiêu chuẩn cơ sở cho công bố thông tin về rủi ro khí hậu.[55]
- Hội đồng GSSB đã thông qua dự án Tiêu chuẩn Khí hậu vào tháng 2 năm 2023 để rà soát và điều chỉnh các tiêu chuẩn GRI liên quan đến khí hậu cũng như tích hợp các vấn đề mới về tác động của biến đổi khí hậu, không chỉ dừng lại ở tiêu thụ năng lượng và phát thải khí nhà kính.[56]
- Tiêu chuẩn IFRS S2 về Công bố thông tin liên quan Khí hậu được phát hành tháng 6 năm 2023 và áp dụng cho kỳ báo cáo hàng năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024.[57]

- Tháng 7 năm 2023, Ủy ban Châu Âu (EC) tiếp nhận Tiêu chuẩn Báo cáo Phát triển bền vững Châu Âu (ESRS) với phạm vi đầy đủ từ môi trường, xã hội, quản trị, bao gồm biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học và nhân quyền.[58]

Vì vậy, các doanh nghiệp Việt Nam cần nhận thức được các yêu cầu mới về công bố thông tin liên quan khí hậu để đảm bảo chất lượng và sự toàn diện của báo cáo phát triển bền vững đạt kì vọng của nhà đầu tư.

3.2. Các Tiêu chuẩn và Khung về Công bố thông tin liên quan đến ESG tại Việt Nam

Tại Việt Nam, theo Báo cáo Khí hậu năm 2022 tại ASEAN – Tình trạng Điển hình của Doanh nghiệp,[59] Khung Báo cáo ESG được sử dụng rộng rãi nhất tại Việt Nam là Khung Báo cáo Toàn cầu (GRI) và Khung Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc (SDG). Báo cáo đã nghiên cứu 100 công ty hàng đầu theo vốn hóa thị trường được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó chỉ có 40 công ty công bố báo cáo phát triển bền vững với thông tin liên quan đến khí hậu. Bảng dưới đây liệt kê các khung báo cáo được sử dụng trong báo cáo liên quan đến khí hậu tại Việt Nam.

Bảng 9: Khung Báo cáo Liên quan đến Khí hậu tại Việt Nam – Nguồn: 2022 Báo cáo Khí hậu năm 2022 tại ASEAN

	GRI	IIRC	SASB	SDG	TCFD
Việt Nam	65%	8%	2%	42%	0%

Mặc dù việc áp dụng GRI trong báo cáo phát triển bền vững của các doanh nghiệp đã có từ trước các cam kết quốc gia tại CoP26 và Thông tư 96, nhưng tầm quan trọng của nó ngày càng tăng kể từ khi ra mắt phiên bản tiếng Việt vào năm 2017, do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (GRI) và Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức[60]. Theo các tập đoàn lớn, nhiều doanh nghiệp đang sử dụng các tiêu chuẩn GRI Toàn cầu và các tiêu chuẩn Chủ đề GRI để định hướng các chủ đề trọng yếu của họ và cách thông tin cho nhiều bên liên quan một cách phù hợp.

Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Hồ Chí Minh đều là thành viên của Sáng kiến giao dịch Chứng khoán Bền vững Liên Hợp Quốc (2017) và thể hiện sự ủng hộ đối với lực lượng TCFD (2019)[61]. Tuy nhiên, theo Hướng dẫn và Thông lệ tốt nhất trong Công bố thông tin Rủi ro khí hậu theo TCFD tại Việt Nam[62], hiện chưa có luật niêm yết hay hướng dẫn chính thống cụ thể về công bố thông tin liên quan khí hậu tại Việt Nam.

Theo một khảo sát thực hiện vào năm 2022[63], chỉ có 30% doanh nghiệp Việt Nam đã triển khai công bố thông tin ESG (Xem Hình 9 bên dưới). Khảo sát này cũng chỉ ra rằng doanh nghiệp Việt Nam đang tụt lại phía sau xu hướng thế giới trong việc áp dụng kiểm toán độc lập cho báo cáo ESG và chỉ có 36% doanh nghiệp xác nhận báo cáo của họ được kiểm toán hoặc kiểm định bởi bên thứ ba độc lập.

Hình 8: Cấp độ trưởng thành của các doanh nghiệp Việt Nam trong công bố thông tin ESG[64]

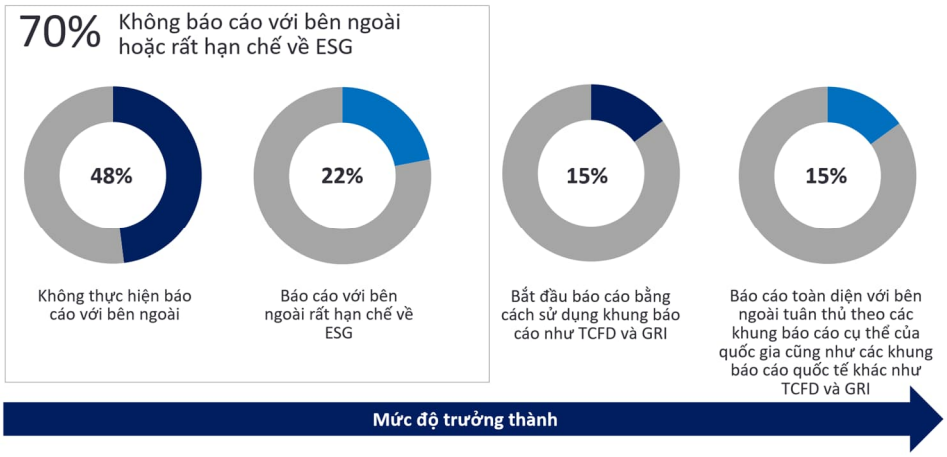

4. Tiếp cận Tài chính Bền vững

4.1. Tổng quan về Tài chính Bền vững

4.1.1. Bối cảnh Tài chính Bền vững

Hiện nay, thế giới đang đứng trước một sự chuyển đổi mang tính nền tảng sẽ định hình lại các hoạt động tài chính. Nguyên tắc Đầu tư Trách nhiệm của Liên Hợp Quốc tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 5.372[65] chữ ký đồng thuận từ chủ sở hữu tài sản, nhà quản lý đầu tư cho đến nhà cung cấp dịch vụ tài chính; tổng lượng Tài sản thuộc Quản lý (Assets Under Management) tính đến ngày 30 tháng 3 năm 2021 là 121,3 nghìn tỷ Đô-la Mỹ dựa trên 3.826 chữ ký đồng thuận (theo dữ liệu báo cáo gần có thể thu thập gần nhất với thời gian xuất bản). Hướng dẫn về rủi ro và cơ hội khí hậu được khuyến khích bởi Lực lượng đặc nhiệm Công bố thông tin tài chính liên quan Khí hậu (TCFD) hiện có 4.000 bên ủng hộ thuộc 101 khu vực pháp lý[66]. Sự mở rộng và tiếp nhận các sáng kiến đưa ra bởi nhà đầu tư về thực thi phát triển bền vững tự nguyện đang nhanh chóng trở thành tiêu chuẩn mới được yêu cầu trong ngành và ở các doanh nghiệp ngang hàng để đảm bảo tính cạnh tranh.

Đầu tư ESG đang gia tăng nhanh chóng như một công cụ để xây dựng khả năng ứng phó và giảm nhẹ rủi ro trong các khoản đầu tư. Song hành với báo cáo phi tài chính, điều này đã hỗ trợ các nhà đầu tư phát hiện những rủi ro tiềm tàng trên khía cạnh môi trường và xã hội mà trước đây không được xem xét qua các cơ chế truyền thống. [67]

Cùng với việc các nhà đầu tưnhà đầu tư gia tăng quản lý rủi ro trên danh mục đầu tư dài hạn và kiến tạo giá trị tích cực cho xã hội, tích hợp rủi ro và cơ hội phát triển bền vững vào cho vay và đầu tư đã trở nên phổ biến hơn. Một ví dụ là Liên hiệp Tài chính Glasgow về Phát thải ròng bằng 0 (GFANZ), một sự liên kết giữa 8 đồng minh tài chính có phát thải ròng bằng 0 yêu cầu thành viên của Liên hiệp phải cam kết với mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Tính đến tháng 11 năm 2022, Liên hiệp đã có hơn 550 chữ ký đồng thuận ở 50 quốc gia, với tổng Tài sản thuộc Quản lý lên tới 153 nghìn tỷ Đô-la Mỹ. [68]

Thị trường tài chính bền vững Việt Nam tồn tại tiềm năng mở rộng tương đối lớn trong những năm sắp tới. Tính tới cuối năm 2022, thị trường nợ bền vững ASEAN[69] đạt tới 128,8 tỷ Đô-la

Mỹ tổng khối lượng[70]. Việt Nam là thị trường nhỏ nhất trong số 6 quốc gia ASEAN tham gia (In-đô-nê-xi-a, Mã Lai, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan và Việt Nam) với xấp xỉ 1,9 tỷ Đô-la Mỹ[71]. Tuy nhiên, thị trường Việt Nam đã gia tăng phân hóa trong hai năm qua, cùng với các phát hành phát triển bền vững và liên kết phát triển bền vững đầu tiên (Xem Hình 10 bên dưới). Trong vài năm tới, các thay đổi mới như hệ thống phân loại ngành kinh tế xanh và thỏa thuận Hợp tác Chuyển đổi Năng lượng công bằng (JETP) tại Việt Nam có thể đưa thị trường tài chính bền vững Việt Nam phát triển mạnh mẽ hơn.

Hình 9: Giá trị phát hành của thị trường nợ tín dụng bền vững qua các năm tại Việt Nam[72]

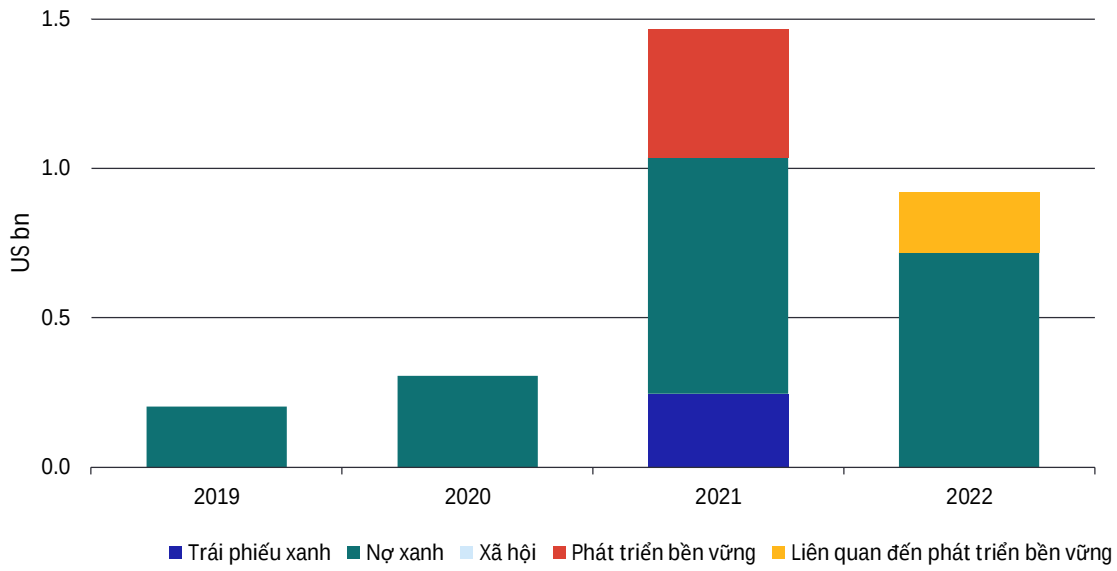

Theo Báo cáo Khí hậu và Phát triển Quốc gia Việt Nam của Ngân hàng Thế giới[73], Việt Nam cần khoảng 368 tỷ Đô-la Mỹ cho đến năm 2040, tương đương 6,8% GDP mỗi năm để đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0. Báo cáo cũng chỉ ra rằng số tiền cần thiết cho việc thích ứng biến đổi khí hậu ước tính vào khoảng 253 tỉ Đô-la Mỹ từ năm 2022 đến năm 2040, trong khi số tiền cần thiết cho quá trình giảm thiểu các-bon ước tính là 114 tỷ Đô-la Mỹ cho giai đoạn 2022-2040. Tuy nhiên, theo số liệu từ Ngân hàng Nhà nước (NHNN), tính đến 30/06/2023, dư nợ tín dụng xanh của Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn, khoảng 528,3 nghìn tỷ VNĐ, chiếm khoảng 4,2% tổng dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế[74]. Trong 12 lĩnh vực xanh được Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn các tổ chức tín dụng cho vay, dư nợ tín dụng tập trung chủ yếu vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (chiếm 45%) và nông nghiệp xanh (31%).[75]

Tại Việt Nam, tín dụng xanh, đặc biệt là các khoản vay xanh, chiếm phần lớn thị trường nợ bền vững. Ví dụ, vào năm 2022, Tập đoàn PC1 và Công ty Cổ phần Vingroup tại Việt Nam lần lượt ký khoản vay thỏa thuận trị giá 173 triệu và 500 triệu Đô-la Mỹ. Năm 2021, Công ty Cổ phần Vinpearl phát hành trái phiếu phát triển bền vững trị giá 425 triệu, và năm 2022, hai nhà phát hành BIM Land và Chailease Holding phát hành các khoản vay liên kết phát triển bền vững trị giá 197 triệu.[76] Đáng chú ý, 80% doanh thu đến từ khoản vay 90 triệu Đô-la Mỹ của Chailease sẽ được sử dụng để đầu tư cho các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa tại Việt Nam, như một khoản vay xã hội. [77]

4.1.2. Các phương pháp Đầu tư Bền vững

Thực hành tài chính bền vững bao hàm nhiều biện pháp và công cụ khác nhau nhằm tích hợp những cân nhắc về phát triển bền vững vào các quy trình đưa ra quyết định tài chính. Tổ chức Nguyên tắc Đầu tư Trách nhiệm (PRI) hợp tác với Viện Phân tích tài chính Công chứng (CFA) và Liên hiệp Đầu tư bền vững toàn cầu (GSIA) để cùng xác định những "yếu tố cần thiết" cho năm phương pháp đầu tư bền vững: "sàng lọc", "đầu tư theo chủ điểm", "đầu tư theo tác động", "tích hợp ESG", và "quyền quản lý (stewardship)", được tóm tắt trong Bảng 10 dưới đây.[78]

Bảng 10: 'Yếu tố cần thiết' cho 5 phương pháp đầu tư bền vững – Bảng định nghĩa Khung báo cáo của PRI.[79]

Phương pháp	Sàng lọc	Đầu tư theo chủ điểm	Đầu tư theo tác động	Tích hợp ESG	Quyền Quản lý
Định nghĩa	Áp dụng các quy tắc dựa trên tiêu chí đã xác định để quyết định khoản đầu tư có được cho phép thông qua hay không.	Lựa chọn tài sản đầu tư với mục đích tiếp cận các xu thế cụ thể.	Đầu tư với ý định tạo ra tác động tích cực, có thể đo lường được, liên quan tới môi trường và xã hội bên cạnh đảm bảo mục đích thu lợi nhuận về tài chính.	Liên tục cân nhắc các nhân tố ESG trong quá trình phân tích đầu tư và quy trình đưa ra quyết định nhằm cải thiện doanh thu qua điều chỉnh rủi ro.	Sử dụng quyền lợi và ảnh hưởng của nhà đầu tư để bảo vệ và củng cố giá trị dài hạn cho khách hàng và bên thụ hưởng, bao gồm các tài sản kinh tế, xã hội và môi trường chung mà lợi ích của họ phụ thuộc.
Mục đích	Có thể có nhiều mục đích khác nhau, ví dụ như đạt các mục tiêu về đầu tư tập trung, tuân thủ pháp luật, thỏa mãn nhu cầu nhà đầu tư, và hạn chế rủi ro.	Xây dựng danh mục tài sản đầu tư, trong đó các tài sản này được lựa chọn theo quy trình từ trên xuống với kì vọng thu lợi từ các xu thế cụ thể trong trung hạn và dài hạn.	Nhằm đóng góp hoặc thúc đẩy các tác động tích cực, đồng thời đảm bảo đạt được mục tiêu lợi nhuận tài chính.	Tìm kiếm thông tin ESG, đánh giá tính trọng yếu, tích hợp thông tin trọng yếu vào phân tích và đưa ra quyết định đầu tư.	Chủ động sử dụng các quyền lợi và ảnh hưởng (không chỉ trong phạm vi về sở hữu vốn) để bảo vệ và củng cố lợi ích của khách hàng và các bên thụ hưởng.
Các điểm xem xét chính	Tiêu chí sàng lọc có thể dựa trên nhiều đặc điểm đầu tư khác nhau, bao gồm vốn hóa thị trường, xếp hạng tín dụng, khối lượng giao dịch, vị trí địa lý, và các đặc điểm liên quan đến ESG (môi trường, xã hội, quản trị).	Tập trung vào các xu thế được dự đoán và các tài sản liên quan đến các xu thế này – có thể trong trung hạn hoặc dài hạn, phạm vi theo vùng hoặc toàn cầu, xuyên suốt các ranh giới ngành hoặc khu vực ngành truyền thống. Đầu tư theo chủ điểm có thể tập trung vào một xu thế hoặc nhiều xu thế liên quan.	Yêu cầu xem xét xem các cải thiện dự kiến về môi trường và xã hội có thực sự xảy ra không, và cải thiện tới mức độ nào Theo đuổi mục tiêu về lợi nhuận tài chính bên cạnh các tác động tích cực khác có thể đo lường được	Tích hợp ESG yêu cầu nhận dạng và đánh giá các rủi ro/cơ hội phát triển bền vững liên quan đến khoản đầu tư, đánh giá trọng lượng của thông tin và đưa ra quyết định về các khoản đầu tư. Đây là một hoạt động liên tục trong quy trình đầu tư, không phải chỉ diễn ra một lần.	Xem xét 1 góc nhìn đa chiều về giá trị chung cho khách hàng và các bên thụ hưởng: Giá trị thị trường của cả danh mục đầu tư; năng lực kiến tạo giá trị dài hạn của doanh nghiệp và nền kinh tế; và tài sản môi trường, thiên nhiên, trí tuệ, xã hội và định chế chung quyết định mọi nền kinh tế.

4.2. Tiếp cận Tài chính Bền vững – Yêu cầu của nhà đầu tư là gì?

Nhà đầu tư và doanh nghiệp cần thu thập các dữ liệu và thông tin có thể so sánh, nhất quán và tin cậy từ môi trường kinh doanh thực tế và đưa vào quá trình ra quyết định để có thể hiểu được đầy đủ các rủi ro phát triển bền vững mà doanh nghiệp của họ phải đối mặt và tạo ra. Những thông tin này tạo điều kiện cho nhà đầu tư hiểu rõ và đánh giá được tốt hơn các tác động về phát triển bền vững của dự án, cho phép các định chế tài chính cho vay hoặc xin cấp vốn dựa trên đánh giá chính xác và kịp thời về các rủi ro liên quan khí hậu. Hơn nữa, thông tin minh bạch sẽ tăng cường năng lực của doanh nghiệp trong công bố tới các bên liên quan về các bước chuyển đổi hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

4.2.1 Công bố thông tin ESG

Nhằm đáp ứng các nhu cầu ngày càng lớn của nhà đầu tư và người tiêu dùng, các doanh nghiệp đang tăng cường công tác báo cáo thông tin về phát triển bền vững. Nhằm hỗ trợ các nhà đầu tư đưa ra quyết định, đã có các tiêu chuẩn và khung công bố thông tin ESG được xây dựng và công nhận trên thế giới. Các nỗ lực gần đây để đồng nhất hệ thống báo cáo phát triển bền vững đang được thực thi như đề cập trong phần 1 – mục 3.1.

Để duy trì tiếp cận nguồn vốn, các doanh nghiệp sẽ cần phải tìm hiểu rõ bối cảnh về yêu cầu báo cáo phát triển bền vững đang thay đổi. Các doanh nghiệp tại Việt Nam để cạnh tranh nguồn đầu tư trên các thị trường tài chính quốc tế nên hướng tới liên tục cải thiện kế hoạch về công bố thông tin ESG – trên cả các yêu cầu nằm ngoài phạm vi quốc gia, bởi họ có thể bị ràng buộc bởi các tiêu chuẩn và kỳ vọng quốc tế. [80]

4.2.2 Xếp hạng ESG (ESG Rating) và Danh mục ESG (ESG Index)

Một trong những cách thức chính để nhà đầu tư và các đối tượng tham gia thị trường khác sử dụng thông tin phát triển bền vững là thông qua xếp hạng ESG từ các bên xếp hạng có uy tín. Các doanh nghiệp cũng có thể đăng ký xếp hạng ESG từ các tổ chức xếp hạng uy tín (xem Hình 10) để hỗ trợ thông tin tới nhà đầu tư hiện có và tiềm năng về cách thức mà doanh nghiệp ứng phó với các vấn đề phát triển bền vững trong dự án hoặc hoạt động kinh doanh. [81]

Hình 10: Một số công ty xếp hạng ESG trên thị trường

MSCI SUSTAINALYTICS MOODY'S REFINITIV S&P Global Bloomberg ISS ESG

Mỗi bên đánh giá xếp hạng phát triển bền vững có tiêu chí, thang điểm và phương pháp tính điểm riêng, và việc lựa chọn bên đánh giá xếp hạng phụ thuộc và bối cảnh và nhu cầu các bên liên quan của doanh nghiệp. Phương pháp tính điểm cho xếp hạng đánh giá ESG bắt đầu với việc xem xét từng tiêu chí liên quan trong mỗi nhân tố Môi trường, Xã hội và Quản trị - được đưa ra trong Bảng 11 dưới đây.

Bảng 11: Các tiêu chí đánh giá ESG – Nguồn: ESG Rating providers, OECD, selected themes for illustration[82]

Nhân tố môi trường	Nhân tố xã hội	Nhân tố quản trị
Sử dụng tài nguyên thiên nhiên	Lực lượng lao động	Sự độc lập của Hội đồng Quản trị
Phát thải khí các-bon	Nhân quyền	Sự đa dạng của Hội đồng Quản trị
Hiệu quả năng lượng	Đa dạng	Quyền lợi cổ đông
Ô nhiễm/chất thải	Chuỗi cung ứng	Đãi ngộ đối với ban Điều hành
Cơ hội môi trường		Đạo đức doanh nghiệp

Các bên đánh giá xếp hạng tín dụng (Credit Rating Agencies) cũng hỗ trợ bên cho vay và nhà đầu tư xác định chi phí nợ: các bên liên quan này dựa vào các CRA để bổ sung thông tin cho quyết định đầu tư của họ vào trái phiếu và các công cụ tín dụng khác. Các CRA đang gia tăng tích hợp rủi ro ESG vào xếp hạng hiện có của họ và phát triển những thang xếp hạng ESG mới.[83]

PHẦN 2: TÍCH HỢP ESG VÀO QUẢN TRỊ VÀ VẬN HÀNH DOANH NGHIỆP

Phần này sẽ tập trung mô tả phương pháp tiếp cận và khung mô hình nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tích hợp ESG vào chiến lược, vận hành và chuỗi giá trị. Các nội dung trong phần này cũng sẽ hỗ trợ doanh nghiệp phát triển cơ chế quản trị đầy đủ, chặt chẽ, đặc biệt là trong quản trị rủi ro. Thông qua việc áp dụng và triển khai theo khung mô hình tích hợp, doanh nghiệp có thể đạt được những lợi thế hữu hình và vô hình liên quan đến định vị thương hiệu, xây dựng giá trị dài hạn, tạo lập vị thế khác biệt trên thị trường và hiệu quả vận hành.

1. Phương pháp tiếp cận 6 bước xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động về ESG

Các tổ chức từ doanh nghiệp, các cơ quan quản lý đến các tổ chức phi lợi nhuận đang đứng trước sự gia tăng tính nghiêm trọng của các vấn đề về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) và có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận, thành công, và thậm chí khả năng tồn tại của tổ chức. Do vậy, mỗi tổ chức cần hành động để ứng phó với các vấn đề về ESG đa dạng với phạm vi ảnh hưởng rộng, tác động đến khả năng của tổ chức trong kiến tạo giá trị về dài hạn. Các vấn đề ESG này bao gồm cả các vấn đề cấp thiết ở cấp toàn cầuvà các bài toán cụ thể theo từng ngành, từ đó, đặt ra yêu cầu kết nối các chức năng của doanh nghiệp một cách nhất quán và toàn diện. Bên cạnh đó, doanh nghiệp đang dần nhận ra các lợi thế và cơ hội tiềm năng lớn mà triển khai tích hợp ESG có thể mang lại trong hiệu quả chi phí, cạnh tranh và tiềm năng lợi nhuận, ngay cả khi việc tích hợp ESG chỉ ở mức tối thiểu.

Đối mặt với các thách thức và cơ hội này, các doanh nghiệp đang đặt ra các câu hỏi về điểm xuất phát hay cách thức để bắt đầu hành trình tích hợp ESG. Phần này sẽ miêu tả phương án tiếp cận gồm 6 bước để xây dựng và triển khai kế hoạch hành động về ESG, được mô tả trong Hình 11 dưới đây:

Hình 11: Phương pháp tiếp cận 6 bước để xây dựng và triển khai kế hoạch hành động về ESG

VỀ MÔ HÌNH CỦA PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN: QUY TRÌNH THEO VÒNG LẶP, LINH HOẠT, HỖ TRỢ CHO VIỆC CẢI TIẾN LIÊN TỤC

Khả năng tích hợp ESG của doanh nghiệp có thể phát triển và thay đổi theo thời gian, và không có cách tiếp cận chung nào phù hợp cho tất cả các doanh nghiệp trong việc thực hiện tích hợp ESG. Do đó, phương pháp tiếp cận này đã được thiết lập theo hướng một quy trình lặp đi lặp lại và liên tục (Hình 11), mô phỏng theo một vòng đời dự án. Đồng thời, khó có thể ấn định điểm khởi đầu cũng như điểm kết thúc đối với hành trình phát triển bền vững của một doanh nghiệp, cũng như không có cách tiếp cận nào đảm bảo doanh nghiệp sẽ thực hiện chính xác và toàn diện theo chiến lược ngay trong lần thử đầu tiên. Phương pháp tiếp cận này đã được xây dựng dựa trên cơ sở lập luận này, cùng với việc tham chiếu tới một số hướng dẫn về tích hợp phát triển bền vững bao gồm:

- UN Global Compact Management model - Framework for Implementation: Human Rights, Labour, Environment, Anti-Corruption (Mô hình Quản trị của UN Global Compact: Khung triển khai về: Nhân quyền, Lao động, Môi trường, Chống tham nhũng);[84]

- Malaysia's SME Sustainability Action Guide developed by UN Global Compact Malaysia & Brunei (Hướng dẫn thực hành bền vững cho SME của Malaysia – được xây dựng bởi UN Global Compact Malaysia và Brunei); [85]
- UN Global Compact Network UK Sustainable Development Goals – Playbook For Small-Medium Enterprises (UN Global Compact – Vương quốc Anh – Các mục tiêu phát triển bền vững – Sổ tay cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa);[86]
- Exponential Roadmap Initiative - The 1.5°C Business Playbook (Sáng kiến Exponential Roadmap – Sổ tay doanh nghiệp hướng tới mục tiêu 1,5ºC);[87]
- TPT Delivery Group's Transition Planning Cycle (Vòng đời kế hoạch chuyển đổi của TPT Delivery Group)[88].

Mô hình tiếp cận có tính linh hoạt và có thể được sử dụng để lồng ghép các nỗ lực chuyển đổi ESG vào việc lập kế hoạch chiến lược hàng năm và hướng dẫn hành trình chuyển đổi ESG, hỗ trợ trong việc đưa ra phương án xử lý với các vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, hoặc sử dụng kết hợp cho tất cả các mục đích này. Do đó, phương pháp này có thể được áp dụng cho các chu kỳ hàng năm, nửa năm hoặc trong các trường hợp phát sinh đột ngột.

Mặc dù mỗi bước của Phương pháp tiếp cận là một thành phần quan trọng để hỗ trợ hành trình bền vững của doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể thay đổi thứ tự của các bước này tùy thuộc vào hoàn cảnh của mình. Ví dụ: doanh nghiệp có thể báo cáo kết quả đánh giá hiện trạng triển khai ESG trước khi xây dựng kế hoạch chuyển đổi ESG của mình. Thêm vào đó, doanh nghiệp có thể thực hiện đồng thời hai hoặc nhiều bước.

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ 6 BƯỚC THỰC HIỆN

Hành trình bắt đầu với việc doanh nghiệp tiến hành tìm hiểu, nâng cao kiến thức và nhận thức về ESG liên quan đến công tác vận hành kinh doanh (Bước 1).

Trên cơ sở các hiểu biết này, doanh nghiệp cần xác định và hiểu rõ ảnh hưởng của các vấn đề ESG trọng yếu đối vơis sự phát triển, hiệu quả hoạt động và định vị doanh nghiệp, cũng như những tác động của doanh nghiệp đến môi trường và xã hội.Từ đó, doanh nghiệp cần đánh giá hiệu quả triển khai về phát triển bền vững hiện tại trong quản lý và ứng phó với những vấn đề liên quan đến ESG – để nhìn nhận về cách những vấn đề này hiện đang được tích hợp trong kinh doanh như thế nào (Bước 2). Cụ thể, hiệu quả triển khai về phát triển bền vững của doanh nghiệp có thể được đánh giá dựa trên cấp độ trưởng thành của các cấu phần năng lực riêng biệt của doanh nghiệp, theo đó, việc nâng cao cấp độ tích hợp ESG vào mỗi cấu phần năng lực sẽ nâng cao hiệu quả triển khai công tác phát triển bền vững trong toàn doanh nghiệp. Mức độ tích hợp ESG ở mỗi cấu phần càng cao, hiệu quả triển khai về phát triển bền vững càng cao, cũng có nghĩa là khả năng ứng phó với rủi ro liên quan ESG và kiến tạo giá trị cho doanh nghiệp và các bên liên quan càng lớn. Nhìn chung, trong doanh nghiệp, những năng lực này có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi: mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị, quản trị và chiến lược, con người và văn hóa, quản trị rủi ro, tương tác với các bên liên quan, dữ liệu và công nghệ, cùng với báo cáo và giám sát.

Từ đánh giá mức độ trưởng thành – mức cơ sở hiện tại, doanh nghiệp sẽ định hình hiệu quả triển khai về phát triển bền vững mong muốn trong tương lai bằng cách xác định cấp độ trưởng thành kỳ vọng cho mỗi cấu phần năng lực và xây dựng kế hoạch hành động để đạt đến

cấp độ đó. Nói một cách khác, doanh nghiệp cần đưa ra quyết định về mức độ và cách thức mà ESG nên được tích hợp vào hoạt động kinh doanh trong tương lai (Bước 3).

Một khi kế hoạch hành động ESG đã được hình thành, doanh nghiệp sẽ triển khai kế hoạch bằng cách tận dụng những nguồn lực nội bộ và tìm kiếm, tiếp nhận các nguồn lực bên ngoài (Bước 4). Để đảm bảo triển khai kế hoạch hiệu quả, doanh nghiệp nên thực hiện theo dõi, giám sát (Bước 5) và thực hiện báo cáo (Bước 6) về tiến độ và thành tựu của Kế hoạch Hành động ESG.

Thêm vào đó, do những tác động đáng kể của biến đổi khí hậu, tất cả các doanh nghiệp, kể cả các DNNVV, nên thực hiện giảm thiểu các-bon trong hoạt động vận hành kinh doanh. Theo đó, các doanh nghiệp nên ưu tiên quản lý phát thải, đặc biệt, nên tiến hành đo lường Phạm vi 1 và Phạm vi 2 của phát thải các-bon. Bên cạnh những sáng kiến nhằm giảm phát thải (Ví dụ, các biện pháp giảm thiểu), doanh nghiệp có thể thực hiện chủ động ứng phó và xử lý các tác động khí hậu hiện tại và dự kiến trong tương lai có khả năng ảnh hưởng đến kinh doanh (Ví dụ, triển khai các biện pháp thích ứng).[89]

Mục 1.1 đến 1.6 dưới đây sẽ miêu tả chi tiết về thực hiện 6 bước này.

KHUNG MÔ HÌNH NĂNG LỰC CHO TÍCH HỢP ESG

Trong Sổ tay này sẽ giới thiệu Khung mô hình Năng lực cho Tích hợp ESG (gọi tắt là 'Khung Mô hình tích hợp ESG') được điều chỉnh từ Mô hình Năng lực Chương trình ESG – được xây dựng và phát triển bởi EY - là công cụ bổ trợ cho doanh nghiệp khi thực hiện phương pháp tiếp cận 6 bước để xây dựng và triển khai kế hoạch hành động ESG.

Khung mô hình tích hợp ESG bao gồm bộ tổng hợp và liệt kê các cấu phần năng lực mà thông qua việc đưa các yếu tố ESG vào xem xét trong mỗi cấu phần năng lực, doanh nghiệp có thể củng cố và cải thiện hiệu quả về triển khai phát triển bền vững và thực hành ESG thành công.

Theo đó, Khung mô hình bao gồm bốn nhóm năng lực chính trong triển khai ESG của tổ chức và doanh nghiệp: (1) Quản trị và Chiến lược, (2) Vận hành, (3) Dữ liệu và Báo cáo, và (4) Giám sát (Xem hình dưới). Những phân nhóm này sẽ được cân nhắc trong suốt hành trình ESG của doanh nghiệp, từ đánh giá trạng thái hiện tại cho đến xác định trạng thái tương lai và xây dựng lộ trình và kế hoạch hành động ESG của doanh nghiệp. Theo đó, việc đánh giá và xác định mức độ tích hợp các yếu tố ESG sẽ được thực hiện đối với 4 phân nhóm theo thứ tự từ trên xuống dưới, đi từ bước xác định chiến lược cho đến bước báo cáo kết quả ra bên ngoài:

1. Quản trị và Chiến lược: đặt trọng tâm thiết lập mục tiêu về phát triển bền vững từ lớp quản trị trên cùng, quyết định những vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững đối với doanh nghiệp, thiết lập quản trị chặt chẽ và chiến lược toàn diện về phát triển bền vững trong bối cảnh đang biến đổi về kinh doanh và xã hội.
2. Vận hành: chú trọng đưa các yếu tố phát triển bền vững vào tầng vận hành của doanh nghiệp, bao gồm Quản lý Chuỗi giá trị, Quản trị rủi ro và Quản lý Các bên liên quan, xây dựng và củng cố khả năng chống chịu và phục hồi, từ đó cho phép doanh nghiệp tạo ra những giá trị dài hạn, bền vững.
3. Dữ liệu và Báo cáo: đảm bảo ý nghĩa và tính hữu dụng của báo cáo phát triển bền vững, đi kèm với đảm bảo về dữ liệu, giải pháp công nghệ hỗ trợ, từ đó, giúp đưa

ra các góc nhìn chuyên sâu về chất lượng của quá trình ra quyết định của doanh nghiệp và tính ứng dụng về dài hạn.

4. Giám sát: đảm bảo tính tuân thủ và soát xét cuối cùng trong việc thực thi tất cả các cấu phần nói trên.

Mỗi phân nhóm sẽ được chia thành các năng lực thành phần cụ thể, cho phép doanh nghiệp cân nhắc và lựa chọn những khía cạnh ESG liên quan để tích hợp – như mô tả trong Hình 12 dưới đây.

Cách sử dụng Khung tích hợp ESG cùng phương pháp tiếp cận 6 bước sẽ được đưa ra trong mục 1.1 đến 1.6 của phần này. Đồng thời, mô tả chi tiết về các năng lực thành phần này, kèm theo các thông lệ hàng đầu và cách để tích hợp ESG vào mỗi năng lực thành phần sẽ được miêu tả ở Phần 2 - Mục 2. Các công cụ hỗ trợ và nguồn tham chiếu hướng dẫn tích hợp ESG.

Hình 12: Khung Tích hợp ESG

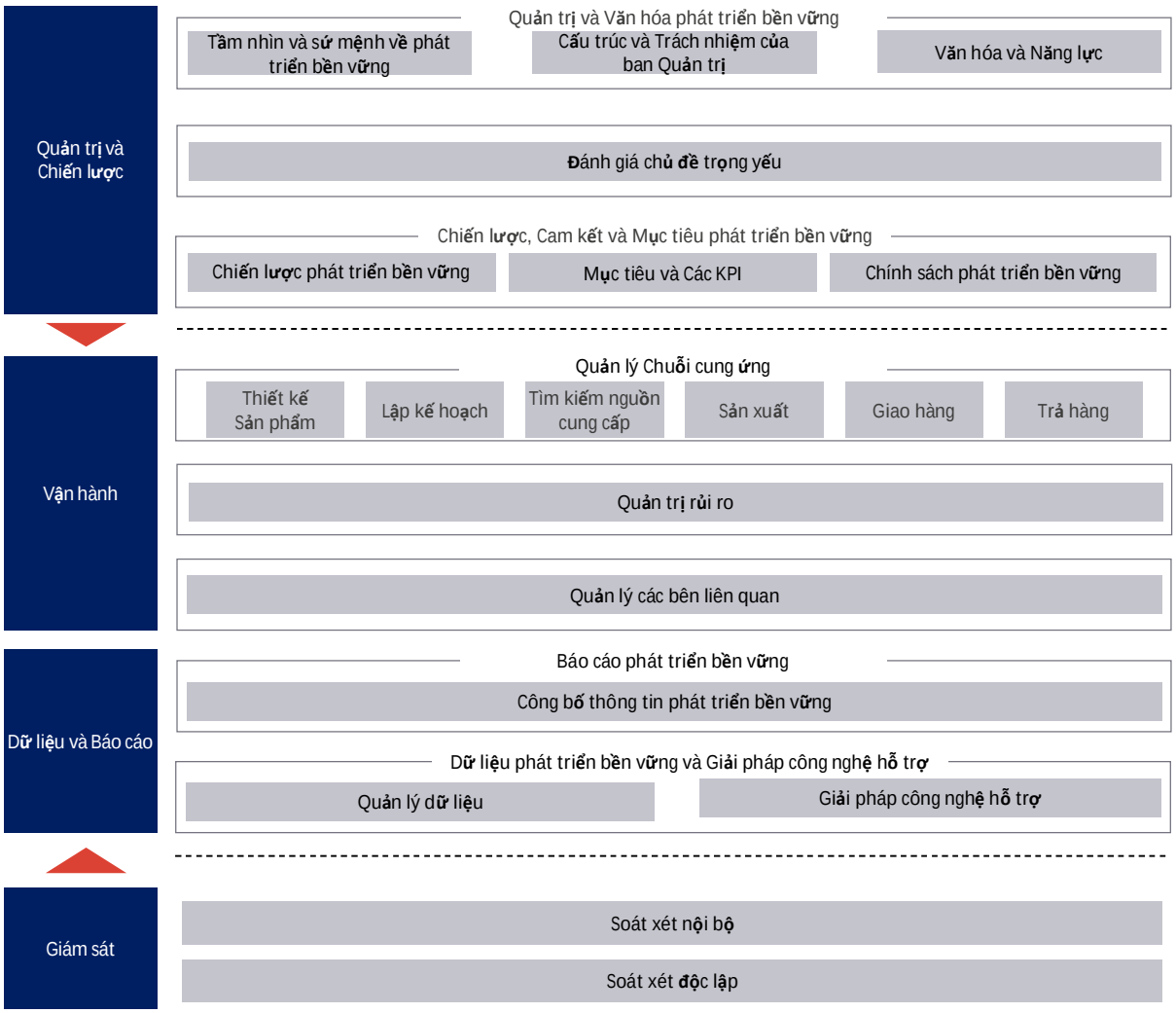

1.1 BƯỚC 1: TÌM HIỂU

1.1.1 Mục tiêu

- Tìm hiểu về khái niệm nền tảng và mục đích của phát triển bền vững.

- Hiểu rõ làm thế nào và tại sao phát triển bền vững, đặc biệt là biến đổi khí hậu, có thể tác động đến khả năng chống chịu và phục hồi của doanh nghiệp; xem xét tác động của doanh nghiệp đến môi trường và cộng đồng xung quanh như thế nào, cũng như "chi phí cơ hội" nếu doanh nghiệp không hành động trong các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững.
- Xác nhận biến đổi khí hậu là một mối đe dọa thực sự đối với hành tinh và doanh nghiệp, đồng thời nhận thức được tính cấp thiết phải hành động chuyển đổi ESG. Khẳng định cam kết của doanh nghiệp trong việc đóng góp vào nỗ lực chống lại biến đổi khí hậu.
- Nâng cao nhận thức về các thay đổi về pháp lý, tiêu chuẩn và thông lệ tốt nhất liên quan ESG nói chung và cụ thể theo ngành, lĩnh vực, ở phạm vi quốc gia và quốc tế.
- Tìm hiểu về các quy định, yêu cầu hoặc kỳ vọng của các bên liên quan then chốt.
- Tìm hiểu về cách doanh nghiệp có thể đạt được lợi thế từ việc áp dụng ESG và tích hợp ESG vào quản trị, chiến lược và vận hành.
- Khi bắt đầu hành trình ESG, doanh nghiệp cần xem xét các bước chuẩn bị cần thiết để hình thành cam kết, nhận thức và kỹ năng về bền vững và biến đổi khí hậu ở cấp Hội đồng quản trị. Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng Hội đồng quản trị có nền tảng cơ bản và hiểu biết chung về các khái niệm bền vững và biến đổi khí hậu; các rủi ro và cơ hội liên quan đến ESG của doanh nghiệp, cũng như năng lực và khả năng của doanh nghiệp trong việc đánh giá và ứng phó với những vấn đề đó.

1.1.2 Phương pháp thực hiện

- Tham gia các chương trình đào tạo, xây dựng năng lực có liên quan và tìm đọc các nguồn tài liệu liên quan phát triển bền vững.
- Liên hệ, làm việc và tham vấn với các chuyên gia, doanh nghiệp cùng ngành, các kênh cung cấp thông tin và các bên liên quan khác.
- Sự tham gia và năng lực của hội đồng quản trị có thể được xây dựng thông qua việc cung cấp đào tạo nội bộ hoặc bên ngoài và các buổi báo cáo thường xuyên, cũng như thông qua các buổi đánh giá về hiệu quả hoạt động của Hội đồng.
- Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể tham khảo Phần 1: **Định** hình bối cảnh ESG của sổ tay này.

1.2 BƯỚC 2: ĐÁNH GIÁ

1.2.1 Bước 2.1: Đánh giá và xác định chủ đề ESG trọng yếu

1.2.1.1 Mục tiêu – Xác định những tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu liên quan đến ESG của doanh nghiệp

- Do phạm vi ảnh hưởng rộng của những vấn đề liên quan đến phát triển bền vững, doanh nghiệp thường gặp khó khăn trong việc xác định xuất phát điểm và cách để liên kết những mảnh ghép tạo nên bức tranh chiến lược đầy đủ. Câu trả lời cho bài toán này nằm ở việc giải quyết câu hỏi: Vấn đề gì là quan trọng nhất đối với doanh nghiệp?[90]
- Quá trình đánh giá chủ đề trọng yếu có thể giúp xác định các chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững đối với doanh nghiệp, bao gồm rủi ro, tác động và cơ hội ESG đến từ vận hành và chuỗi giá trị của tổ chức. Doanh nghiệp cần phải đánh giá và xếp hạng ưu tiên những rủi ro tới con người và môi trường, định vị những tác động tiêu cực tiềm tàng và trên thực tế, tìm hiểu những sản phẩm, dịch vụ và khoản đầu tư đem lại lợi ích liên quan

ESG mà doanh nghiệp có thể thực hiện bằng cách áp dụng kiến thức, kỹ năng và năng lực của mình.[91] Việc công bố thông tin trong báo cáo phát triển bền vững theo đó nên là sự phản ánh đúng và thực chất về những tác động quan trọng đã được ưu tiên và xử lý nội bộ và định hình phương hướng của doanh nghiệp.

- Kết quả của quá trình đánh giá chủ đề trọng yếu sẽ tạo thành trọng tâm của chương trình chuyển đổi về ESG để tích hợp ESG và định hình cách doanh nghiệp xây dựng chiến lược, phân bổ nguồn lực hướng đến phát triển bền vững.

1.2.1.2 Phương pháp thực hiện

- Đánh giá trọng yếu: Vui lòng tham khảo *Phần 2 – Mục 2.1.2* của Sổ tay này.

1.2.2 Bước 2.2: Đánh giá mức độ trưởng thành của hiệu quả năng lực triển khai ESG hiện tại

1.2.2.1 Mục tiêu

Bước này nhằm đánh giá hiệu quả triển khai phát triển bền vững hiện tại của doanh nghiệp, và cách thức doanh nghiệp thiết lập quản lý và ứng phó với các vấn đề trọng yếu (rủi ro, cơ hội và tác động) hiệu quả đến đâu. Doanh nghiệp sẽ đánh giá các khía cạnh quản trị và vận hành liên quan đến phát triển bền vững, nói một cách khác là thực hiện đánh giá mức độ tích hợp ESG trong các cấu phần năng lực của doanh nghiệp và từ đó, xác định cấp độ trưởng thành của doanh nghiệp trong triển khai ESG.

Về mặt tổng quan, nếu toàn bộ hệ thống của doanh nghiệp chưa đạt mức độ trưởng thành:

- Có khả năng cao các rủi ro ESG sẽ xảy ra và các cơ hội ESG bị bỏ lỡ.
- Khi các vấn đề ESG xảy ra, doanh nghiệp sẽ mất nhiều thời gian hơn để nhận dạng và sẽ không thể xử lý toàn diện.
- Danh tiếng và lợi nhuận bị ảnh hưởng trong dài hạn.

1.2.2.2 Phương pháp thực hiện

Việc đánh giá có thể bao gồm xem xét các khía cạnh định tính và định lượng chính trong hệ thống quản lý và ứng phó với các vấn đề phát triển bền vững của doanh nghiệp và so sánh chúng với các doanh nghiệp cùng ngành tương đương và dẫn đầu. Có 2 lựa chọn để thực hiện đánh giá mức độ trưởng thành, được quyết định dựa trên nhu cầu riêng của doanh nghiệp – chẳng hạn như yêu cầu về mức độ toàn diện, khung thời gian, quy mô của doanh nghiệp, v.v.

- Lựa chọn 1 – Khung Mô hình Mức độ Trưởng thành ESG – trên cấp độ doanh nghiệp, toàn diện và bao quát: Đánh giá mức độ trưởng thành tổng quan của doanh nghiệp trên các khía cạnh khác nhau;
- Lựa chọn 2 – Mức độ Trưởng thành theo chủ đề ESG – trên cấp độ chủ đề, hoàn thành nhanh chóng hơn: Đánh giá mức độ trưởng thành của các khía cạnh khác nhau của doanh nghiệp *theo từng chủ đề trọng yếu được xác định*.

Dù phương án nào được lựa chọn, mức độ trưởng thành của doanh nghiệp nên được đánh giá trên các khía cạnh khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn ở mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị, quản trị và chiến lược, con người và văn hóa, quản trị rủi ro, tương tác với các

bên liên quan, dữ liệu và công nghệ, báo cáo và theo dõi. Doanh nghiệp được khuyến nghị thực hiện đánh giá với sự tham gia của các bên liên quan chính – cả nội bộ và bên ngoài.

Như đã đề cập trước đó, công tác phát triển bền vững của doanh nghiệp có thể được đánh giá dựa trên mức độ trưởng thành của các cấu phần năng lực riêng biệt, trong đó việc nâng cao mức độ tích hợp ESG vào mỗi cấu phần năng lực sẽ nâng cao hiệu quả triển khai phát triển bền vững nói chung.

LÀM THẾ NÀO **ĐỂ** TIẾN HÀNH **ĐÁ**NH GIÁ MỨC **ĐỘ** TRƯỞNG THÀNH CỦA NĂNG LỰC?

Với mỗi phân loại năng lực, doanh nghiệp có thể đánh giá hiệu trả triển khai của mình bằng cách trả lời những câu hỏi được liệt kê trong bảng dưới đây.

Bảng 12: Đánh giá năng lực – Áp dụng từ Khung Mô hình của EY[92]

Phân loại nhóm Năng lực		Câu hỏi đánh giá
Quản trị và Chiến lược	Quản trị và Văn hóa tổ chức *Xem chi tiết ở Phần 2: Mục 2.1.1,*	• Doanh nghiệp có ủy ban chính thức nào chuyên trách về phát triển bền vững không? • Vai trò của Hội đồng quản trị trong việc xác định tầm nhìn về ESG và quản lý các rủi ro ESG là gì? • Doanh nghiệp có hiểu rõ các vấn đề về ESG cần ưu tiên cho tất cả các bên liên quan không? • Doanh nghiệp có xây dựng chính sách về ESG hay biến đổi khí hậu không?
	Chiến lược, cam kết và mục tiêu liên quan đến phát triển bền vững *Xem chi tiết ở Phần 2: Mục 2.1.3*	• Doanh nghiệp đã tích hợp ESG vào các quyết định mang tính chiến lược và tình huống kinh doanh/phân tích lợi ích hay chưa? • Doanh nghiệp đã xác định các chỉ số và mục tiêu cụ thể để đo lường và giám sát các tác động về ESG hay chưa? • Quá trình phê duyệt và theo dõi tiến độ thực hiện cam kết phát triển bền vững hiện tại được thực hiện như thế nào? • Doanh nghiệp làm thế nào để đánh giá hiệu quả công tác triển khai về phát triển bền vững và xem xét, gắn kết trách nhiệm giải trình cho việc thực hiện mục tiêu?
Vận hành	Quản lý chuỗi cung ứng *Xem chi tiết ở Phần 2: Mục 2.2.1*	• Doanh nghiệp tích hợp rủi ro về phát triển bền vững vào chuỗi cung ứng như thế nào? • Doanh nghiệp hợp tác với các nhà cung cấp để nâng cao công tác phát triển bền vững của họ như thế nào? • Doanh nghiệp đã đánh giá những hệ quả tiêu cực đối với phát triển bền vững trong quá trình người tiêu dùng sử dụng và xử lý sản phẩm/dịch vụ hay chưa?
	Quản trị rủi ro	• ESG được tích hợp ở mức độ nào trong mô hình quản trị rủi ro hiện tại của doanh nghiệp?

Phân loại nhóm Năng lực		Câu hỏi đánh giá
	Xem chi tiết ở Phần 2: Mục 2.2.2	• Các rủi ro và kiểm soát về ESG được xác định, ghi nhận và đánh giá như thế nào? • Hội đồng quản trị tiếp nhận báo cáo rủi ro về phát triển bền vững theo phương thức nào?
	Quản lý các bên liên quan *Xem chi tiết ở Phần 2: Mục 2.2.3*	• Doanh nghiệp có tham vấn các bên liên quan khi xây dựng chiến lược và phương hướng trọng điểm không, và doanh nghiệp có quy trình theo dõi, ghi chép ý kiến phản hồi từ các bên nói trên không? • Doanh nghiệp có quản lý nhận thức của các bên liên quan thông qua việc cung cấp phản hồi minh bạch không?
Dữ liệu và báo cáo *Xem chi tiết ở Phần 2 – mục 2.3 và Phần 3*		• Quy trình lập các báo cáo về vấn đề liên quan ESG nói chung và biến đổi khí hậu nói riêng cho bên thứ ba hiện tại được triển khai thế nào? • Doanh nghiệp đã thiết lập các kênh báo cáo và truyền thông cho các hoạt động liên quan đến phát triển bền vững hay chưa? • Báo cáo tới bên thứ ba của doanh nghiệp có theo sát khung và tiêu chuẩn quốc tế (VD. Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc UN SDGs, Nguyên tắc Liên Hợp Quốc UNGPs, Báo cáo tích hợp <IR>, v.v.) không? • Doanh nghiệp có thiết lập các chính sách, quy trình và kiểm soát để đảm bảo tính chính xác, hiệu lực và tính toàn diện của các dữ liệu về ESG không?
Giám sát *Xem chi tiết ở Phần 2: Mục 2.4*		• Trách nhiệm chủ thể sở hữu và giám sát các rủi ro và kiểm soát rủi ro ESG có được hợp thức hóa ở Tuyến phòng ngự thứ nhất và thứ hai không? • Doanh nghiệp có triển khai công tác tự đánh giá để đảm bảo mục đích và hiệu quả của các biện pháp kiểm soát liên quan đến ESG không? • Kế hoạch Kiểm toán nội bộ có bao gồm các biện pháp kiểm soát nội bộ cho báo cáo phát triển bền vững không? • Doanh nghiệp có hợp tác với một bên thứ ba độc lập để soát xét và bảo đảm cho các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững không?

1.2.2.3 Nguồn tham khảo và Công cụ hỗ trợ

a. Công cụ đánh giá mức độ trưởng thành ESG

Hiện nay, doanh nghiệp có thể truy cập một số công cụ sẵn có về đánh giá mức độ trưởng thành trong triển khai phát triển bền vững. Bằng cách trả lời một chuỗi các câu hỏi về thực hành phát triển bền vững, doanh nghiệp có thể thu được kết quả đánh giá về cấp độ trưởng thành hiện tại và vị trí trên lộ trình ESG tiến tới trở thành đơn vị tiên phong và dẫn đầu. Những

công cụ này sẽ có các câu hỏi và thang điểm đánh giá trưởng thành khác nhau tùy theo phương pháp tiếp cận và nền tảng dữ liệu được sử dụng để so sánh với các doanh nghiệp dẫn đầu và ngang hàng (tương quan với kích cỡ, doanh thu và thời gian hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp) với mỗi ngành/lĩnh vực.

Đồng thời, như đã đề cập trong *mục 1.2.2.2*, hầu hết những bảng câu hỏi này tập trung vào đánh giá về quản trị và chiến lược, con người và văn hóa, quản trị rủi ro, tương tác với các bên liên quan, dữ liệu và công nghệ, cùng với báo cáo và theo dõi liên quan đến chủ đề phát triển bền vững. Vui lòng tham chiếu tới Phụ lục I: CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA EY để tìm hiểu về ví dụ cho một công cụ đánh giá mức độ trưởng thành về ESG.

b. Các nguồn tham khảo

- Vui lòng tham chiếu tới Phần 2 – Mục 2: CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ NGUỒN THAM KHẢO HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP ESG của Sổ tay này về giải thích chi tiết và thông lệ thực hiện hàng đầu của mỗi yếu tố năng lực.

1.3 BƯỚC 3: LẬP KẾ HOẠCH

1.3.1 Mục tiêu

Một khi doanh nghiệp đã nắm rõ về hiện trạng của mỗi cấu phần năng lực, doanh nghiệp cần lựa chọn những các cấu phần năng lực được ưu tiên cải thiện và cấp độ trưởng thành mục tiêu cho các năng lực này. Việc này sẽ là bước đầu để xây dựng Kế hoạnh Hành động ESG của doanh nghiệp.

Mục đích của hoạt động này là để xây dựng lộ trình từng bước cho việc liên tục cải thiện hiệu quả triển khai về phát triển bền vững của doanh nghiệp vì lợi ích mang lại cho doanh nghiệp và các bên liên quan, thông qua nâng cao mức độ trưởng thành của mỗi năng lực.

1.3.2 Phương pháp thực hiện

Dựa trên chu trình lập kế hoạch chuyển đổi của TCFD,[93] để xây dựng kế hoạch hành động ESG, doanh nghiệp nên thực hiện theo các bước sau:

STT	Mô tả từng bước
1	Bước 1: Xác định các bên liên quan và xây dựng nhóm làm việc dự án để thực hiện kế hoạch hành động ESG
	• Doanh nghiệp cần xem xét: Ai sẽ giám sát việc thực hiện kế hoạch? Ai sẽ thực hiện phê duyệt tại mỗi giai đoạn quan trọng? Ai sẽ chịu trách nhiệm thực hiện triển khai? • Với sự đồng thuận và ủng hộ từ cấp Hội đồng quản trị, kế hoạch hành động ESG nên được giao trách nhiệm thực hiện ở cấp quản lý. • Ngoài ra, việc chịu trách nhiệm về kế hoạch hành động ESG cần được tích hợp trong toàn doanh nghiệp: Xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động ESG sẽ cần có thông tin đầu vào và phối hợp từ các chức năng, bộ phận, với các vai trò và trách nhiệm được xác định rõ ràng.

STT	Mô tả từng bước
2	Bước 2: Xác định tham vọng chiến lược trong ứng phó và đóng góp vào quá trình chuyển đổi theo hướng bền vững, đặc biệt là hướng tới nền kinh tế phát thải thấp và có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Tham vọng chiến lược của doanh nghiệp nên hướng tới giải quyết và ứng phó với các chủ đề trọng yếu đã được xác định đối với doanh nghiệp.
2.1	Xác định tham vọng chiến lược cấp tổng thể: Kế hoạch chuyển đổi ESG hiệu quả sẽ yêu cầu có sự chuyển đổi trên toàn bộ doanh nghiệp, do đó tham vọng chiến lược về ESG nên được tích hợp như một phần của chiến lược chung của doanh nghiệp.
2.2	Xác định mục tiêu và ưu tiên đối với từng chủ đề trọng yếu

Cân nhắc từ trên xuống:

- Các cam kết quốc gia hoặc quốc tế, chẳng hạn như: Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam để đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050; Các chiến lược hoặc chính sách giảm phát thải các-bon và chính sách ứng phó cấp quốc gia
- Bất kỳ mục tiêu nào mà doanh nghiệp phải đáp ứng theo luật hoặc quy định, chẳng hạn như: luật về việc ngừng sử dụng một số hoặc tất cả các loại nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất điện (nếu có); các tiêu chuẩn bảo vệ đối với rủi ro lũ lụt hoặc sóng nhiệt (nếu có);
- Doanh nghiệp có thể tham chiếu tới các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia dưới đây, được thu thập từ các văn bản: Quyết định số 841/QĐ-TTg và Quyết định số 1658/QĐ-TTg để đảm bảo tính thống nhất của các mục tiêu và ưu tiên của doanh nghiệp.

Bảng 13: Mục tiêu phát triển bền vững quốc gia

Chủ đề	Mục tiêu quốc gia
Phát thải khí nhà kính	Cường độ phát thải khí nhà kính/GDP giảm ít nhất 15% vào 2030 và 30% vào 2050 so với 2014.
	Giảm 43,5% phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường vào 2030.
	100% các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hàng năm từ 2000 tấn CO2 tương đương trở lên xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính vào 2030.
Quản lý năng lượng	Tiêu hao năng lượng sơ cấp/GDP bình quân: • giai đoạn 2021 - 2030 giảm từ 1,0 - 1,5%/năm; • mỗi giai đoạn (10 năm) cho đến 2050 giảm 1,0%/năm.
	Tỷ trọng năng lượng tái tạo/tổng cung cấp năng lượng sơ cấp đạt 15 - 20% vào 2030 và 25 - 30% vào 2050.
	Thay đổi cơ cấu nguồn năng lượng theo hướng giảm phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch.
Quản lý nước và nước thải	Tổng diện tích cây trồng cạn có tưới được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt ít nhất 30% vào 2030 và 60% vào 2050.

STT	Mô tả từng bước		
			Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường là 30% vào 2025 và 100% vào 2030.
		Quản lý chất thải	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn là 95% vào 2025 và 98% vào 2030.
		Tác động đến đa dạng sinh học và sinh thái	30% diện tích các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng được xử lý, cải tạo và phục hồi vào 2025 và 100% vào 2030.
			Đến năm 2030, tăng cường thực hiện quản lý bền vững các loại rừng, ngăn chặn chặt phá rừng, phục hồi rừng đã suy thoái, đẩy mạnh trồng và tái sinh rừng, đưa độ che phủ rừng lên khoảng 44 - 45% trên toàn quốc.
			Ngăn chặn và xử lý các hành động khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép các loài động, thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng và các sản phẩm của chúng (không được tăng so với giai đoạn trước).
		Thực hành lao động	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt trên 6,5%/năm giai đoạn 2021 -2030.
		Sức khỏe và an toàn lao động	Giảm tần suất tai nạn lao động hàng năm là 4% vào 2025 và 4,5% vào 2030
			Giảm tần suất tai nạn lao động chết người hàng năm là 4% vào 2025 và 4,5% vào 2030
		Sự gắn kết, đa dạng và hòa nhập của người lao động	Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp: 2025: 45% 2030: 50%
			Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp: 2025: 35% 2030: 45%
	Cân nhắc từ dưới lên: Rút ra từ bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp, có thể bao gồm: • Mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị; • Các tiêu chuẩn doanh nghiệp và ngành có liên quan; • Các mối quan hệ hợp đồng mà doanh nghiệp đã tham gia;		

STT	Mô tả từng bước
	• Hiện trạng các công nghệ hiện có; • Tính sẵn có của các nguồn lực then chốt (ví dụ: khả năng tiếp cận các nguồn lực kỹ thuật, năng lực, nguyên liệu thô, tài chính, v.v.).
3	Bước 3: Xây dựng các sáng kiến triển khai để chuyển đổi hoạt động kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp nhằm đạt được tham vọng chiến lược và các mục tiêu, ưu tiên liên quan.
3.1	Xác định các thay đổi chính trong mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị: Để đạt được các mục tiêu đã định, xác định những ảnh hưởng lớn và các lựa chọn khả thi cho những thay đổi cần thiết trong mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị trong ngắn, trung và dài hạn. Những thay đổi này có thể bao gồm: • Danh mục sản phẩm và dịch vụ cung cấp • Tham gia thị trường mới hoặc rút khỏi thị trường hiện tại • Chiến lược đầu tư hướng tới các giải pháp xanh • Chính sách và quy trình chuỗi cung ứng • Công nghệ sản xuất hoặc phân phối
3.2	• Xác định và đánh giá, xếp thứ tự ưu tiên các năng lực quan trọngcần cải thiện để triển khai tham vọng chiến lược xác định ở bước 2 và những thay đổi chính xác định ở bước 3.1 – có thể bao gồm một hoặc nhiều năng lực được liệt kê trong khung tích hợp ESG (Hình 12). • Xác định mức độ trưởng thành mục tiêu cho các năng lực đã chọn.
3.3	Xác định và đánh giá, xếp thứ tự ưu tiên các sáng kiến và hành động cải thiện để nâng cao các năng lực đã chọn lên mức độ trưởng thành mục tiêu. • Vui lòng tham khảo Phần 2 - Mục 2: CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ NGUỒN THAM KHẢO HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP ESG để tìm nội dung tham khảo tương ứng với các năng lực đã chọn để hiểu rõ hơn về thông lệ hàng đầu và cách tiếp cận chung để nâng cấp mức độ trưởng thành cho mỗi cấu phần năng lực. Đây có thể là điểm khởi đầu cho các doanh nghiệp để xác định các hành động và sáng kiến cần thực hiện trong Kế hoạch Hành động ESG của họ. • Đầu ra của bước này sẽ bao gồm một danh sách các sáng kiến và hành động cải thiện tương ứng với mỗi năng lực đã chọn;
3.4	Đánh giá và xếp thứ tự ưu tiên các sáng kiến cải thiện thành các bước thực hiện trong ngắn, trung và dài hạn để xây dựng lộ trình và kế hoạch hành động chuyển đổi ESG. Trong bước này, doanh nghiệp cũng nên tham vấn và lấy ý kiến từ các bên liên quan - nhà cung cấp, nhân viên, cộng đồng địa phương, cơ quan quản lý, khách hàng, nhà đầu tư và những bên khác.
4.	Bước 4: Tích hợp kế hoạch hành động ESG vào kế hoạch tài chính
4.1	Doanh nghiệp cần đánh giá các tác động về tài chính của kế hoạch hành động ESG thông qua, phân tích các khía cạnh sau: • Nhu cầu về nguồn lực tài chính để thực hiện kế hoạch chuyển đổi; • Những ảnh hưởng tổng thể của kế hoạch chuyển đổi đến vị thế tài chính, kết quả hoạt động tài chính và dòng tiền của doanh nghiệp trong ngắn, trung và dài

STT	Mô tả từng bước
	hạn. Ví dụ: chi phí vốn bổ sung, chi phí đầu tư nghiên cứu và phát triển, dự báo doanh thu do thay đổi các sản phẩm và dịch vụ hoặc gia nhập/rút khỏi thị trường; • Khả năng tiếp cận nguồn tài chính bền vững và các chương trình khuyến khích do các cơ quan chính phủ và tổ chức tài chính liên quan cung cấp.
4.2	Một số lưu ý bổ sung: • Để đảm bảo rằng các kế hoạch chuyển đổi ESG đi kèm một kế hoạch tài chính hợp lý, điều quan trọng là các chức năng tài chính phải được tham gia ngay từ giai đoạn đầu xây dựng kế hoạch. Trong hầu hết các trường hợp, các nhóm tài chính nên đồng hành và dẫn dắt quá trình lập kế hoạch này. • Doanh nghiệp có thể tích hợp việc lập kế hoạch chuyển đổi ESG vào các quy trình lập kế hoạch và ngân sách tài chính thường xuyên.
5	Bước 5: Xây dựng các chỉ số đo lường hiệu quả để đo lường tiến độ và đánh giá thành công của việc thực hiện kế hoạch. Các KPI (Chỉ số đo lường chính) này phải cụ thể, có thể đo lường, có liên quan, có thời hạn và có thể so sánh giữa các giai đoạn. Ngoài ra, dữ liệu chuẩn dùng để so sánh tham chiếu hoặc dữ liệu cơ sở cần được thiết lập để so sánh theo thời gian và các đối thủ cùng ngành. Doanh nghiệp nên: • thu thập dữ liệu trong một khoảng thời gian để có thể đánh giá hiệu quả thực hiện so với mức chuẩn cơ sở; • xác định mức chuẩn tham chiếu và so sánh hiệu quả thực hiện đối với các cơ sở. chi nhánh khác nhau để cùng nhau cải thiện hiệu quả trong toàn bộ doanh nghiệp; • các doanh nghiệp cùng ngành cũng có thể đem lại những góc nhìn sâu hơn về hiệu quả và các thực hành thực tiễn tốt. Dữ liệu và thống kê về hiệu quả thường có thể lấy được từ các hiệp hội ngành hoặc hiệp hội thương mại và một số đối thủ cạnh tranh cũng có báo cáo công khai về hiệu quả các hoạt động của họ theo nhiều chỉ số đa dạng; • khi sử dụng dữ liệu từ các nguồn khác, hãy đảm bảo rằng các phương pháp được thực hiện theo cách tương tự và dữ liệu bên ngoài có thể cung cấp cơ sở phù hợp để so sánh.

1.3.3 Nguồn tham khảo và Công cụ hỗ trợ

- Trong Sổ tay này, Phần 2 – Mục 2 đã mô tả chi tiết các thông lệ dẫn đầu và phương án tiếp cận chung để tích hợp ESG vào mỗi năng lực trong Khung Mô hình Năng lực. Dựa vào nhu cầu của doanh nghiệp, nguồn lực và mục tiêu mong muốn ở tương lai, phương án tiếp cận nên được tùy chỉnh và thay đổi để đưa ra các sáng kiến cải tiến phù hợp với doanh nghiệp.

1.4 BƯỚC 4: TRIỂN KHAI

1.4.1 Mục tiêu

Trong bước này, doanh nghiệp sẽ thực hiện triển khai các phương án, sáng kiến và hoạt động cải tiến đã được lên kế hoạch cho các năng lực liên quan đến ESG.

1.4.2 Phương pháp thực hiện

Việc thực hiện hiệu quả các sáng kiến cải thiện năng lực (hay Kế hoạch Hành động ESG) yêu cầu việc tiến hành tài liệu hóa các chính sách, thủ tục liên quan cũng như cần có các nhân lực được đào tạo, cam kết tuân thủ theo các quy trình thường xuyên để đảm bảo việc thực hiện nhất quán, liên tục và liên tục cải thiện trong toàn bộ doanh nghiệp. Vì thế, doanh nghiệp nên:

- Đảm bảo có sự tham gia và hỗ trợ của cấp Điều hành: cấp Điều hành cần thiết lập định hướng từ trên xuống toàn doanh nghiệp;
- Đào tạo cho nhân viên: Giải thích tại sao doanh nghiệp đang thực hiện các hành động về phát triển bền vững. Tương tác và giải quyết các câu hỏi, thắc mắc. Cân nhắc đưa ra các KPIs liên quan đến ESG cho mỗi phòng ban, hoặc khuyến khích nhân viên đề xuất và thực hiện các sáng kiến phát triển bền vững;
- Thông tin cho các nhà cung cấp: Giải thích cho các nhà cung cấp của doanh nghiệp về kế hoạch hành động phát triển bền vững và các yêu cầu đối với các nhà cung cấp, cho họ thời gian thực hiện chuyển đổi hợp lý và phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp.
- Thông tin cho khách hàng: Truyền đạt kế hoạch hành động phát triển bền vững cho khách hàng để thu hút người tiêu dùng có ý thức về môi trường.
- Với mỗi sáng kiến cải thiện năng lực, đảm bảo rằng chúng có thủ tục, quy trình rõ ràng và chi tiết để cung cấp hướng dẫn từng bước cho người lao động, người giám sát, quản lý và đồng thời cho phép mọi người có chung hiểu biết về cách thực thi.

1.5 BƯỚC 5: GIÁM SÁT TIẾN ĐỘ VÀ ĐÁNH GIÁ

1.5.1 Mục tiêu

Việc giám sát sẽ giúp doanh nghiệp xác định xem liệu kế hoạch hành động và các sáng kiến cải tiến có đạt được các mục tiêu đã thiết lập hay không.

1.5.2 Phương pháp thực hiện

Một khía cạnh quan trọng trong việc theo dõi tiến độ là xác định các chỉ số phù hợp - là thước đo định lượng hay định tính về tiến độ so với các mục tiêu đã đặt ra

Sau khi thiết lập bộ chỉ số báo cáo, doanh nghiệp sẽ cần thu thập dữ liệu về phát triển bền vững liên quan và có ý nghĩa để theo dõi tiến độ. Dữ liệu đáng tin cậy rất quan trọng để chứng minh các tuyên bố về phát triển bền vững và giúp xác định (có thể định lượng) bất kỳ vấn đề nào có thể xảy ra. Dữ liệu để đánh giá hiệu quả có thể được thu thập thông qua quan sát trực quan, đo lường và thử nghiệm, bảng câu hỏi, khảo sát, phỏng vấn nhân viên và các bên liên quan bên ngoài cũng như rà soát tài liệu.

Bước tiếp theo là tìm ra những cách khác nhau để đánh giá và phân tích thông tin do các chỉ số thể hiện nhằm nhận dạng các phương án cải thiện hiệu quả thực hiện của kế hoạch hành động. Các vấn đề và thách thức cũng có thể được phát hiện kịp thời để can thiệp. Ngoài ra, trong một số trường hợp, doanh nghiệp có thể nhận thấy các mục tiêu đạt được đang vượt tiến độ hoặc chậm tiến độ so với kế hoạch, hoặc những thay đổi về tính sẵn có của dữ liệu khiến cho các mục tiêu ban đầu trở nên ít có ý nghĩa hơn. Theo đó, doanh nghiệp cần xem xét và điều chỉnh kế hoạch cũng như mục tiêu cho phù hợp. Trong trường hợp phải thiết lập lại mục tiêu, doanh nghiệp cần kết nối với các bên liên quan chính (bao gồm thành viên hội đồng quản trị, nhà đầu tư, nhóm xã hội dân sự và người lao động) để giải thích lý do đằng sau việc điều chỉnh.

1.6 BƯỚC 6: BÁO CÁO

1.6.1 Mục tiêu

Việc công bố thông tin minh bạch và thường xuyên là không thể thiếu để xây dựng lòng tin của các bên liên quan đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện Báo cáo và truyền thông về các mục tiêu và thành tựu đạt được của doanh nghiệp đối với kế hoạch hành động ESG có thể gia tăng các giá trị quan trọng cho các bên liên quan, đặc biệt với các bên cung cấp tài chính.

1.6.2 Phương pháp thực hiện

- Đưa ra và công bố các cam kết và kế hoạch hành động chính thức về phát triển bền vững của doanh nghiệp;
- Liệt kê các mục tiêu và thành tựu đạt được tương ứng, đưa ra giải thích đối với các mục tiêu không đạt được và nêu rõ cách thức đạt được chúng trong tương lai. Ghi lại dữ liệu liên quan để chứng minh sự tiến bộ theo thời gian.
- Nhận dạng các bên liên quan cả trong nội bộ và bên ngoài cần tiếp cận thông tin này. Thường xuyên truyền thông tiến độ đạt được cho các bên liên quan then chốt (điều này có thể bao gồm việc chia sẻ các dữ liệu ESG quan trọng) thông qua các kênh giao tiếp họ yêu cầu.
- Cân nhắc công bố các nỗ lực và/hoặc hiệu quả triển khai công tác ESG thông qua trang web của doanh nghiệp, xuất bản báo cáo phát triển bền vững hoặc sử dụng nền tảng số về công bố về phát triển bền vững.

1.6.3 Nguồn tham khảo và Công cụ hỗ trợ

- Chi tiết về báo cáo Phát triển bền vững (ESG) có thể tìm thấy trong Phần 3 của cuốn Sổ tay này.

2. CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ NGUỒN THAM KHẢO HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP ESG

Nội dung của phần này mang tính bổ trợ cho phương pháp tiếp cận 6 bước được đưa ra ở *Phần 2 – Mục 1* ở trên, nhằm mục đích cung cấp tài liệu tham khảo về hướng dẫn tích hợp ESG cho mỗi cấu phần năng lực riêng rẽ. Phần này sẽ mô tả và chi tiết, các thông lệ hàng đầu và

phương pháp tiếp cận, phương pháp luận để tích hợp ESG vào mỗi cấu phần năng lực. Đây sẽ là thông tin đầu vào cho doanh nghiệp để hiểu rõ hơn về các cấu phần năng lực, đồng thời xác định các hành động và phương án, sáng kiến trong kế hoạch hành động ESG của doanh nghiệp tương ứng với cấu phần năng lực đang được xem xét.

Phương pháp tiếp cận và phương pháp luận được giới thiệu trong từng năng lực đều có thể áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp, tuy nhiên, mục tiêu và kết quả khi thực hiện phương pháp tiếp cận sẽ thay đổi giữa các doanh nghiệp, tùy thuộc vào tham vọng và cấp độ trưởng thành của thực hành phát triển bền vững trong các doanh nghiệp. Tương tự, các thông lệ hàng đầu được đưa ra nhằm tạo ra động lực cho sự cải tiến liên tục và tham vọng hướng tới mục tiêu dài hạn. Điều này sẽ phù hợp với các doanh nghiệp đã có kinh nghiệm triển khai. Các doanh nghiệp mới bắt đầu hành trình ESG của mình chỉ nên xem những thông lệ hàng đầu này như những cột mốc để hướng dẫn lộ trình trưởng thành của họ trong việc áp dụng triển khai thực hành bền vững. Hành trình ESG nên được phát triển từng bước một và được tái đánh giá định kỳ để phù hợp với chiến lược và nguồn lực của doanh nghiệp.

2.1. Quản trị và Chiến lược

Cấu phần Năng lực về Quản trị và Chiến lược nằm ở tầng trên cùng và có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ mô hình. Cấu phần này bao gồm bộ máy quản trị, phương hướng chiến lược, các nguyên tắc về giá trị và văn hóa của doanh nghiệp, và các cơ chế ra quyết định chặt chẽ mà nhờ đó, doanh nghiệp thiết lập và đảm bảo thực hiện những cam kết về phát triển bền vững với các bên liên quan chính và những cộng đồng tại nơi doanh nghiệp hoạt động.

Hội đồng Quản trị và các cấp quản lý có trách nhiệm dẫn đầu trong xác lập các giá trị và tính phù hợp của ESG đối với doanh nghiệp, và theo đó, đưa vào tích hợp trong tầm nhìn, sứ mệnh và mục tiêu của doanh nghiệp.

Hộp 7: Các Mục tiêu Phát triển Bền vững

Liên Hợp Quốc đã phát triển một danh sách gồm 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs). Ngày nay, nhiều công ty sử dụng các SDGs để đánh giá tác động của hoạt động của họ và các nhà đầu tư sử dụng các SDGs như một ma trận để cấu trúc phương pháp tiếp cận ESG của họ.

Các SDGs cung cấp các mục tiêu tham vọng cho người dùng, dù là quốc gia hay doanh nghiệp, để vẽ ra tầm nhìn, chiến lược và lộ trình, mục tiêu và biện pháp đo lường hiệu suất ESG, từ đó thúc đẩy các thực hành bền vững.

Hộp 8: Bộ Mười Nguyên tắc của Giao ước Toàn cầu Liên Hợp Quốc

Giao ước Toàn cầu Liên Hợp Quốc (UNGC) là sáng kiến về phát triển bền vững doanh nghiệp lớn nhất thế giới, nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp hoạt động một cách có trách nhiệm và tìm kiếm cơ hội đổi mới xung quanh phát triển bền vững bằng cách điều chỉnh chiến lược và hoạt động của họ theo bộ Mười Nguyên tắc được UNGC đề ra về quyền con người, lao động, môi trường và phòng chống tham nhũng.

Bằng cách thêm bộ Mười Nguyên tắc vào chiến lược, chính sách và thủ tục, các doanh nghiệp đang cam kết trách nhiệm của mình đối với con người và hành tinh, và bắt đầu hành trình của mình hướng tới kiến tạo ra giá trị dài hạn.

Các doanh nghiệp có thể sử dụng phương pháp tiếp cận dựa trên Bộ Nguyên tắc để bắt đầu và lan tỏa xuyên suốt đến tất cả nhân viên.

Hình dưới đây minh họa sự liên kết giữa bộ Mười Nguyên tắc và 17 Mục tiêu Phát triển Bền vững - cách hợp nhất các Nguyên tắc có thể giúp giải quyết các Mục tiêu Phát triển Bền vững.

Hình 13: UNGC 10 Nguyên tắc UNGC liên kết với 17 SDGs[94]

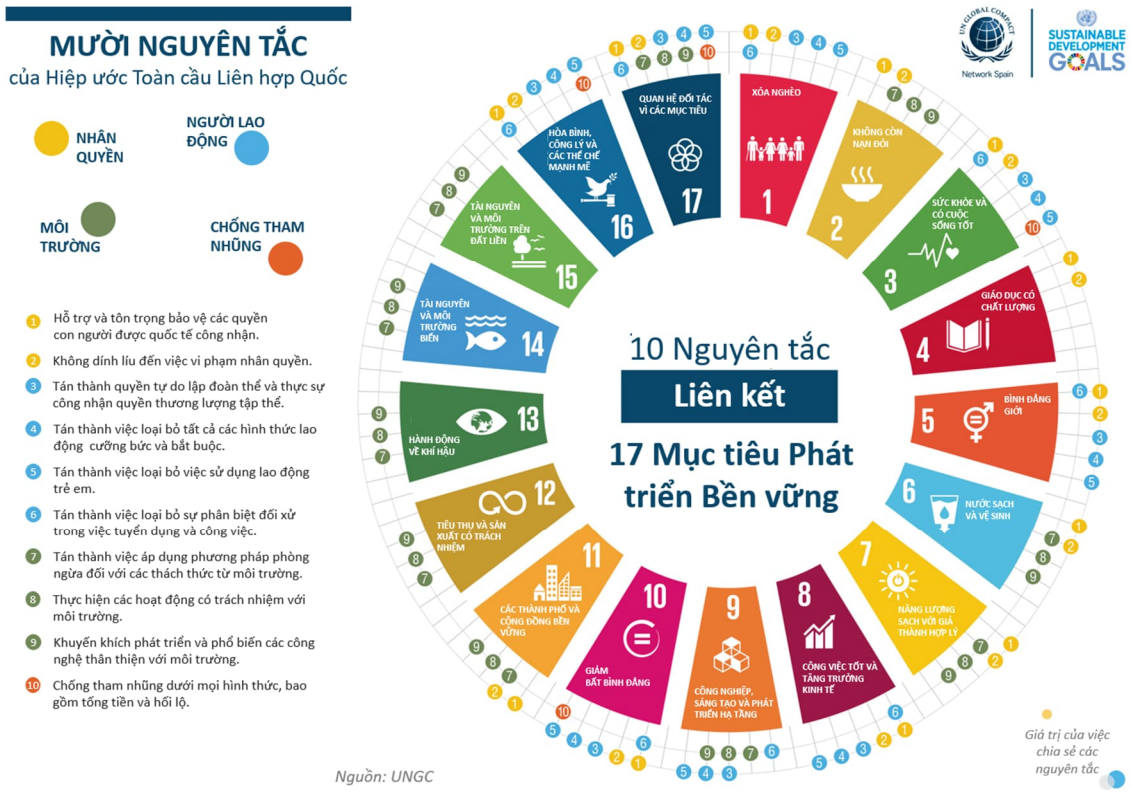

2.1.1. Quản trị và Văn hóa của tổ chức

Quản trị là năng lực tạo tiền đề nền tảng trong việc đánh giá và xác định cách thức ứng phó với các vấn đề ESG trong doanh nghiệp. Để vượt qua những thử thách mà nhiều doanh nghiệp đang gặp phải trong việc quản trị rủi ro về ESG - chẳng hạn như sự rời rạc về vận hành, khó khăn trong định lượng, hay tồn tại các định kiến, cần phải tích hợp, đưa các yếu tố liên quan đến ESG vào cấu trúc, hệ thống và quy trình quản trị. [95]

2.1.1.1. Tầm nhìn và sứ mệnh về phát triển bền vững

Một bước đi quan trọng để hướng tới phát triển bền vững trong một doanh nghiệp là cần đảm bảo rằng tầm nhìn và sứ mệnh của doanh nghiệp chú trọng tới việc tạo ra giá trị dài hạn cho tất cả các bên liên quan, từ nhân sự, nhà cung ứng cho tới khách hàng và các cộng đồng. Tầm nhìn của doanh nghiệp cần được truyền thông và phân cấp một cách nhất quán trong toàn bộ doanh nghiệp và tới các bên liên quan.

Như vậy, doanh nghiệp cần phải cân nhắc:

- Trong tầm nhìn của doanh nghiệp, có sự xem xét kỹ lưỡng tất cả các quy định pháp luật cùng với các rủi ro và cơ hội về môi trường, xã hội được xem là trọng yếu đối với doanh nghiệp.
- Tầm nhìn và sứ mệnh bao quát của doanh nghiệp nên bao gồm:

- ở mức tối thiểu, cân nhắc đối với các vấn đề phát triển bền vững trọng điểm.
- cân nhắc đối với những xu thế lớn trong dài hạn. Những cam kết đối phó biến đổi khí hậu gần đây của Chính phủ Việt Nam cho thấy áp lực lên những tổ chức địa phương trong việc đẩy nhanh các nỗ lực phát triển bền vững. Các chiến lược của Việt Nam liên quan đến phát triển bền vững nói chung và biến đổi khí hậu nói riêng có thể được phân tích để xác định phương hướng của Chính phủ và các động thái yêu cầu ở mỗi doanh nghiệp.
- chú trọng vào giá trị dài hạn (trên 10 năm) của doanh nghiệp sao cho phù hợp với Mục tiêu phát triển bền vững Liên Hợp Quốc (SDG). Doanh nghiệp có thể tham khảo Quyết định 841/QĐ-TTg về việc đưa ra lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam đến năm 2030 để nhận định phương hướng liên quan.

- Thiết lập những mục tiêu cụ thể để đạt được "ảnh hưởng ròng bằng 0" (tức những ảnh hưởng tích cực doanh nghiệp đem lại có thể bù trừ cho những ảnh hưởng tiêu cực lên nền kinh tế, môi trường và con người, bao gồm cả những ảnh hưởng về nhân quyền). Những mục tiêu này sẽ dẫn đường cho doanh nghiệp trong chú trọng tạo ra những đóng góp tích cực bền vững.
- Doanh nghiệp có tầm nhìn và nhiệm vụ riêng biệt phục vụ phát triển bền vững và được kết nối rõ ràng vào tầm nhìn và sứ mệnh kinh doanh tổng quát.

2.1.1.2. Cấu trúc và Trách nhiệm quản trị

Quản trị là nghĩa vụ pháp lý của Hội đồng quản trị, nghĩa là Hội đồng có trách nhiệm giải trình cuối cùng đối với hiệu quả và hoạt động của doanh nghiệp, trong đó bao gồm công tác về phát triển bền vững và giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực của doanh nghiệp lên môi trường và xã hội.

Để nhận thức rõ ràng về tầm nhìn và nhiệm vụ phát triển bền vững, cấu trúc, vai trò và trách nhiệm ở tầng Hội đồng quản trị phải được định nghĩa cụ thể và đảm bảo sự giám sát ở mức độ cao nhất. Như vậy, doanh nghiệp có thể cân nhắc những cách tiếp cận sau đây:

Cấu trúc tổng quan và Năng lực của Hội đồng quản trị

- Tiến cử ít nhất một thành viên ban Giám đốc với kỹ năng có liên quan để hỗ trợ Hội đồng trong triển khai phát triển bền vững và giám sát cấp quản lý; chỉ định một thành viên ban Giám đốc với chuyên môn về phát triển bền vững nếu doanh nghiệp hoạt động trong những ngành công nghiệp đặc biệt nhạy cảm.[96] Tuy nhiên, dù có những chuyên gia về phát triển bền vững trong Hội đồng hay không, doanh nghiệp cũng nên cân nhắc tiến hành tập huấn cho thành viên Hội đồng về phát triển bền vững để đảm bảo mức năng lực tối thiểu trong các khía cạnh phát triển bền vững trọng yếu của cả doanh nghiệp.
- Tùy thuộc vào khả năng phải đối mặt với các rủi ro của doanh nghiệp hay ngành kinh doanh trước các yếu tố phát triển bền vững, doanh nghiệp nên thành lập một ban/tiểu ban chuyên trách hoặc điều chỉnh các vai trò và trách nhiệm hiện tại của Hội đồng quản trị và các ủy ban trực thuộc, ví dụ như ủy Hội đồng Quản trị rủi ro, để giám sát thực hiện phát triển bền vững.

- Bên cạnh ủy ban chuyên trách, các doanh nghiệp cũng có thể thiết lập các nhóm làm việc hoặc diễn đàn thảo luận về phát triển bền vững để theo sát phương hướng chiến lược và giám sát việc thực thi cũng như tiến độ phát triển bền vững.

Hộp 9: Thiết lập quan điểm ủng hộ của cấp lãnh đạo với Bình đẳng Giới và Hòa nhập Xã hội (GESI) trong doanh nghiệp

Tính đa dạng có thể mang ý nghĩa về nhiều khía cạnh khác nhau, từ đa dạng trong tuổi tác, dân tộc, giới tính cho đến kinh nghiệm và chuyên ngành. Có rất nhiều lợi ích trực tiếp và gián tiếp khác nhau đối với một doanh nghiệp trong việc xây dựng một tập hợp đa dạng các thành viên trong Hội đồng, nghĩa là các góc nhìn đa ngành, văn hóa bình đẳng trong doanh nghiệp, thu hút nhân tài, hay thậm chí là tuân thủ các quy định quản trị trên cơ sở nhiều quốc gia trên thế giới đã thông qua luật đảm bảo tính đa dạng - bắt buộc phải có đại diện nữ giới ở các cấp bậc lãnh đạo.

Một nghiên cứu được thực hiện bởi nhà phân tích dữ liệu về phát triển bền vững Richa Joshi chỉ ra rằng doanh nghiệp với mức độ cao trong Gắn kết nhân viên, Đa dạng, Hòa nhập (Employee Engagement, Diversify, and Inclusion – EEDI), mà một phần trong đó là có sự đại diện của nữ giới, có mức hiệu quả kinh doanh cao hơn các doanh nghiệp xếp hạng dưới trung bình ở khía cạnh này.

Hình 14: Kết quả thể hiện về EEDI cho thấy sự chênh lệch về tính đa dạng giữa các công ty dẫn đầu với các công ty 'Không có phụ nữ trong hội đồng': Các công ty lớn có tính đa dạng cao hơn so với các công ty nhỏ [97]

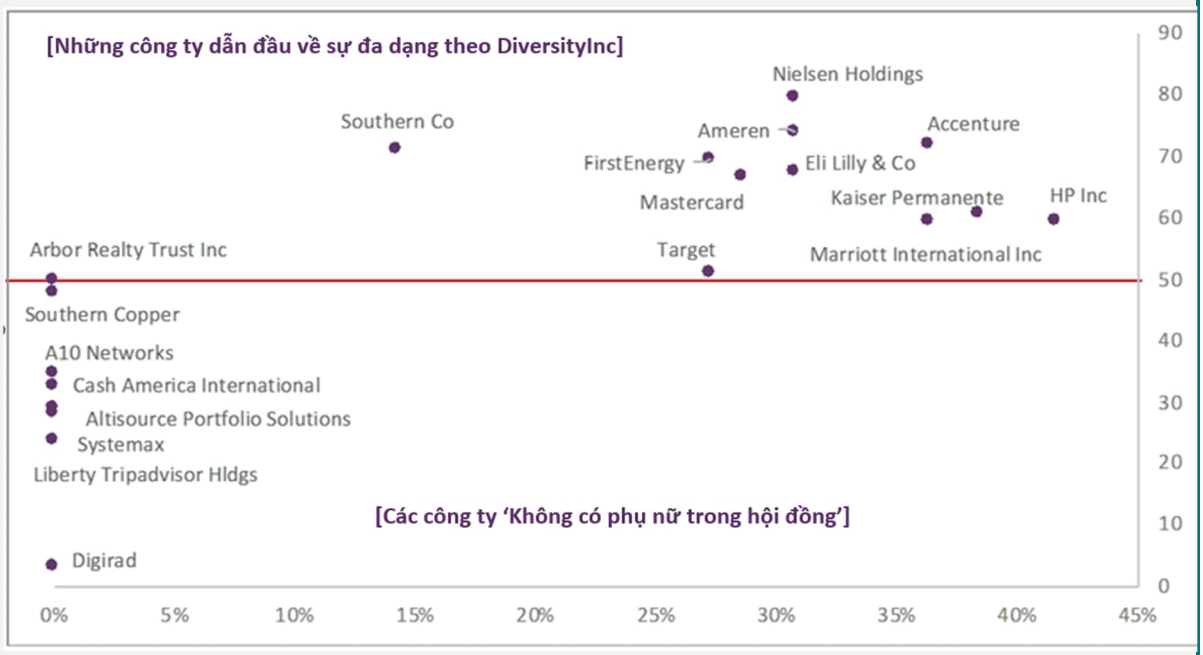

Một yếu tố có thể cân nhắc để tạo điều kiện cho nâng cao sự đa dạng trong các thành viên Hội đồng là cần tránh việc thực hiện mang tính hình thức, tượng trưng hay đưa ra các sáng kiến để "đối phó". Các thành viên hội đồng cần hiểu mức độ quan trọng của đa dạng góc nhìn và khơi dậy hay đánh giá điều này thường xuyên để hưởng lợi từ đa dạng thay vì chỉ đơn giản thực hiện một thủ tục quản trị mang tính đối phó.

Sự giám sát của Hội đồng Quản trị

- Những rủi ro hoặc vấn đề liên quan đến phát triển bền vững nên được đưa vào Bộ Điều lệ hoạt động của Hội đồng - tương ứng một văn bản chính thống quy định các trách nhiệm giám sát rủi ro và vấn đề liên quan phát triển bền vững của thành viên Hội đồng và các ủy ban. Các đề cập cụ thể tới các chủ đề phát triển bền vững trong Bộ Điều lệ hoặc Điều khoản tham chiếu sẽ cung cấp phương hướng cụ thể cho tích hợp phát triển bền vững ở tầng cao

nhất.[98] Đây cũng sẽ là dấu hiệu cho những nhà đầu tư và cộng đồng bên ngoài thấy rằng các yếu tố này có vai trò quan trọng trong định hướng chung của cả doanh nghiệp.

- Thiết lập một quy trình để các thành viên Hội đồng và ủy ban trực thuộc được thông tin về các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững, từ đó giám sát và củng cố tiến độ bằng chỉ số và mục tiêu hợp lý với những cam kết cùng các bên liên quan.

Hộp 10: Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Huyndai Motor

- Sơ đồ cấu trúc doanh nghiệp của Huyndai bao gồm một số Hội đồng cố vấn và phòng ban có mảng trách nhiệm cụ thể trong phát triển bền vững, ví dụ như Khí nhà kính, Tuần hoàn tài nguyên và Trung hòa Các-bon. Sự chuyên môn hóa ở các ban nói trên tạo môi trường thuận lợi cho các biện pháp hiệu quả, kịp thời. Thêm vào đó, có những đội chuyên trách Môi trường ở từng nhà xưởng sản xuất của Huyndai để đảm bảo thực thi phát triển bền vững ở nhóm nhân sự tiền tuyến.
- 9 trên tổng số 12 thành viên của Ban Giám đốc có sơ yếu lý lịch kinh nghiệm hoặc chuyên môn về các chủ đề phát triển bền vững, trong đó hầu hết là liên quan tới khía cạnh pháp lý, chính sách hoặc kỹ năng toàn cầu. Các khía cạnh khác được bổ sung thông qua quá trình tập huấn phát triển bền vững bắt đầu từ năm 2021.
- Về mối quan hệ đối với doanh nghiệp, có 7 trên 12 Giám đốc là thành viên độc lập không tham gia quản lý.

Hình 15: Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Huyndai Motor trên toàn cầu

Hộp 11: Ví dụ - Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons[99]

- Coteccons là một trong số những doanh nghiệp dẫn đầu về phát triển bền vững trong ngành công nghiệp xây dựng ở Việt Nam.
- Ủy ban chuyên trách Phát triển bền vững của Coteccons thể hiện chuyên môn cao trong lĩnh vực được giao, với bằng cấp và kinh nghiệm từ ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển nông thôn cho tới nhân quyền và đánh giá ảnh hưởng xã hội. Những nỗ lực cam kết với phát triển bền vững của họ được xem như đã tuyên truyền hiệu quả tới các Tuyến phòng ngự ở các tầng thấp hơn.

- Một trong số những vùng trọng yếu của phát triển bền vững đối với Coteccons là nỗ lực giảm thiểu áp lực lên bộ máy quản lý và vận hành thông qua thực hiện phân tán quá trình ra quyết định. Các quản lý công trình được trao quyền lãnh đạo và đưa ra quyết định bao quát bên ngoài lĩnh vực kỹ thuật.
- Trên tổng số 10 thành viên của Hội đồng quản trị, có 2 thành viên độc lập không tham gia bộ máy quản lý.

Hình 16: Cấu trúc quản trị liên quan đến phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons tại Việt Nam

<table>
<tr><td colspan="2">Ban Quản trị</td></tr>
<tr><td colspan="2">Hội đồng Quản trị Môi trường và Xã hội (ESG)</td></tr>
<tr><td colspan="2">Ban Điều hành</td></tr>
<tr><td>Đội đặc nhiệm Phát triển bền vững</td><td>Hội đồng Rủi ro Quản trị Môi trường và Xã hội (ESG)</td></tr>
<tr><td colspan="2">Các chức năng</td></tr>
<tr><td>Chương trình IMPACTD
(Tập huấn quản trị môi trường và xã hội, Các sáng kiến xanh)</td><td>Chương trình Trao quyền cho Các giám đốc Dự án</td></tr>
<tr><td colspan="2">Phi tập trung hóa cấu trúc</td></tr>
</table>

2.1.1.3. Văn hóa và Năng lực

2.1.1.3.1. Văn hóa doanh nghiệp

Trong dài hạn, những nỗ lực phát triển bền vững của bộ máy quản trị có thể được củng cố thông qua triển khai và áp dụng văn hóa doanh nghiệp phù hợp. Tích hợp những cân nhắc về ESG vào giá trị cốt lõi của doanh nghiệp sẽ kiến tạo nền tảng văn hóa doanh nghiệp, trong đó tất cả các hành vi và quyết định đều tự động nhận thức về các yếu tố ESG trước khi thực hiện.

Sự kết nối của văn hóa doanh nghiệp với phát triển bền vững thường mang lại mức độ gắn kết nội bộ cao về ESG, bám sát với các giá trị của doanh nghiệp, đảm bảo tính liên tục trong thực hiện các cam kết ESG và duy trì "giấy phép xã hội để kinh doanh" (Social License to Operate).

Theo đó, trong nội bộ doanh nghiệp, sẽ đảm bảo có mức độ tin cậy cao nhờ vào các cam kết về đạo đức (ví dụ như ra quyết định dựa trên niềm tin vào việc làm điều đúng đắn).

Như được đưa ra bởi Mạng lưới Kinh doanh bền vững (Network for Business Sustainability) về "Tích hợp phát triển bền vững vào văn hóa doanh nghiệp" [100], mọi doanh nghiệp kinh doanh nên cân nhắc các hình thức hoạt động khác nhau trong việc tích hợp yếu tố bền vững vào văn hóa và giá trị cốt lõi, chẳng hạn:

- Làm rõ quan **điểm** và k**ỳ** v**ọ**ng: tích hợp phát triển bền vững vào chiến lược và quy trình cốt lõi của doanh nghiệp; phân bổ trách nhiệm về phát triển bền vững; trang bị và động viên nhân lực thông qua đào tạo và chính sách khích lệ; đo đạc, theo dõi và báo cáo tiến độ thực hiện phát triển bền vững của cả doanh nghiệp.
- Thúc **đẩ**y th**ự**c hi**ệ**n cam k**ế**t: động viên các nhân sự tham gia; xây dựng và củng cố tầm quan trọng của phát triển bền vững trong doanh nghiệp; ủng hộ, cổ vũ những cá nhân

đang nỗ lực để thực hiện các hoạt động về phát triển bền vững. Ví dụ, chuẩn bị một đội xe thông minh hỗ trợ việc di chuyển trong công tác hàng ngày cho nhân lực (NBS, 2010).

- Truyền đạt tư duy và năng lực đổi mới thông qua đào tạo và phát triển nhân lực: hỗ trợ đảm bảo tính liên tục và chủ động trong nâng cao năng lực nhân sự bằng cách xây dựng các quy định về đào tạo trong doanh nghiệp và gây dựng nền tảng cho những sáng kiến về phát triển bền vững trong tương lai của doanh nghiệp thông qua các cơ chế hỗ trợ thay đổi được hợp thức hóa.
- Tạo ra bước đà động lực cho đổi mới: doanh nghiệp cần truyền cảm hứng và niềm tin cho nhân lực, cho phép họ thử nghiệm với cái mới và phát triển trên nền tảng ý tưởng của lẫn nhau.

Hộp 12: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp hỗ trợ triển khai kế hoạch chuyển đổi

Trong Mô hình Báo cáo của Lực lượng đặc nhiệm Chuyển đổi bền vững Vương quốc Anh có đề cập tới các bước mà một doanh nghiệp có thể xây dựng văn hóa nhằm hỗ trợ sự thành công của các kế hoạch chuyển đổi bền vững. Việc này có thể bao gồm cung cấp thông tin về việc thực hiện rà soát hệ thống, quy trình, truyền thông, chính sách và quy trình của nguồn nhân lực (bao gồm chế độ lương thưởng, lợi ích), giá trị doanh nghiệp, chương trình tập huấn lãnh đạo và quản lý, cùng với các chiến lược kêu gọi lực lượng lao động để đảm bảo rằng văn hóa nội bộ khích lệ hành vi và quy cách làm việc cần thiết cho sự chuyển đổi. Đây là những thay đổi quan trọng có tiềm năng dẫn đến sự chuyển hóa quy cách làm việc của cả doanh nghiệp. [101]

Hộp 13: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp đem lại giá trị cho cộng đồng – EY Ripples [102]

EY Ripples là một diễn đàn chung về Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được thiết lập bởi EY, qua đó tạo ra những sáng kiến cho nhiều hoạt động chuyển đổi khác nhau, không chỉ dừng ở các chủ đề phát triển bền vững. EY Ripples có ba lĩnh vực trọng tâm: (1) Hỗ trợ thế hệ tiếp theo của nguồn nhân lực; (2) Làm việc với các doanh nhân khởi nghiệp có sức ảnh hưởng; (3) Hỗ trợ đẩy nhanh phát triển bền vững liên quan đến môi trường.

Thông qua các chương trình trên EY Ripples, các nhân viên EY dành thời gian của họ cho các dự án tập trung vào mục tiêu phát triển bền vững, cùng nhau đem lại các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm của mạng lưới EY toàn cầu để theo đuổi một tầm nhìn chung: đem lại tác động tích cực cho 1 tỉ cuộc sống vào năm 2030.

Nhân lực ở tất cả các cấp có thể đăng ký tham gia hoặc khởi tạo hoạt động môi trường, xã hội và quản trị như chiến dịch dọn dẹp công ích, buổi chia sẻ kinh nghiệm môi trường, v.v. thông qua

trang EY Ripples. Thông tin về thời lượng yêu cầu, ngày giờ, địa điểm và chương trình làm việc được cung cấp cho mỗi hoạt động nói trên.

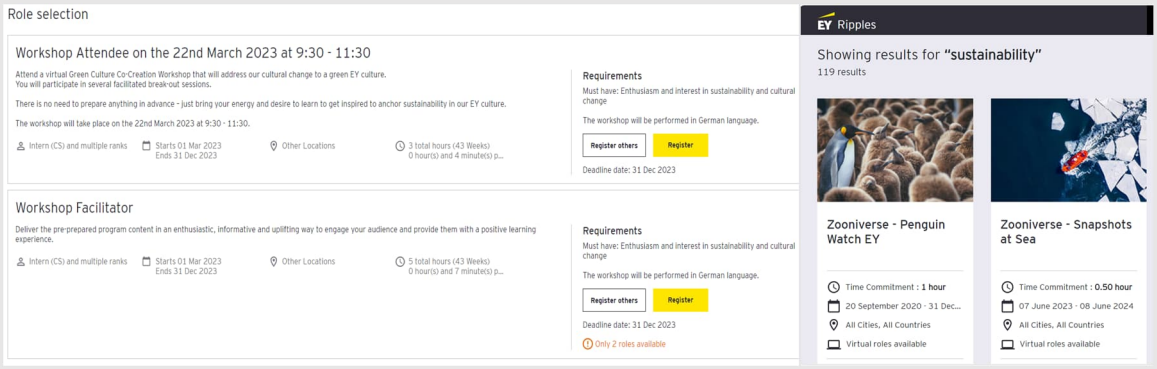

2.1.1.3.2. Kiến thức và Năng lực doanh nghiệp

Tuy rằng những biến đổi trong văn hóa doanh nghiệp mang ý nghĩa nâng cao khả năng chống chịu và phục hồi, nội bộ doanh nghiệp dễ gặp phải sự kháng cự hoặc thiếu sót trong năng lực. Do vậy, phát triển văn hóa và năng lực là hai nhiệm vụ song hành trên chuỗi hành động để tích hợp các kỹ năng liên quan đến phát triển bền vững trong tuyển dụng và quản lý nguồn nhân lực:

- Đảm bảo rằng sự đa dạng trong quan điểm và kỹ năng được đưa vào xuyên suốt doanh nghiệp, áp dụng cho toàn bộ các nhân sự liên quan đến 'Giấy phép xã hội để kinh doanh' của doanh nghiệp, tức là bao gồm cả đa dạng quan điểm ở tầng Hội đồng quản trị (như đã đề cập ở mục 2.1.1.2 Cấu trúc và Trách nhiệm quản trị). Mục tiêu của việc này là để đảm bảo hiểu biết chuyên sâu với nhiều vấn đề phát triển bền vững đa dạng, cũng như tối đa hóa sáng tạo và cải tiến trong quá trình xử lý những vấn đề đó.
- Nâng cao kỹ năng và kiến thức đối với các vấn đề phát triển bền vững qua các chương trình đào tạo và trao đổi kiến thức do quá trình tích hợp ESG vào kinh doanh thường yêu cầu cách tiếp cận đa chiều từ các chuyên gia và nhân viên chuyên môn trong doanh nghiệp. Trong một số trường hợp, doanh nghiệp còn cần tìm kiếm chuyên gia từ bên ngoài tổ chức. Tuy vậy, mục đích không phải để đào tạo mọi thành viên của doanh nghiệp thành chuyên gia về phát triển bền vững, bởi doanh nghiệp sẽ tuyển dụng riêng các chuyên gia ESG, xây dựng tổ công tác chuyên trách về phát triển bền vững và khí hậu, và làm việc với đa dạng chuyên gia từ bên ngoài. Song song với đó, mọi nhân sự cần phát triển và thể hiện sự hiểu biết nhất định với khía cạnh phát triển bền vững liên quan đến vai trò của họ trong doanh nghiệp. Cùng với đó, các kiến thức về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững cần được bao hàm trong chương trình tập huấn và những yêu cầu về năng lực.
- Thiết lập những hệ thống và quy trình mang tính đổi mới, sáng tạo để chia sẻ kiến thức, bồi dưỡng năng lực, thu thập phản hồi và cung cấp thông tin cho các bên liên quan để hỗ trợ và củng cố văn hóa phát triển bền vững.

2.1.1.3.3. Các chế độ đãi ngộ khuyến khích trong doanh nghiệp

Một nhân tố quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ những giá trị dài hạn cho các bên liên quan là việc bao gồm các khía cạnh về phát triển bền vững trong các chỉ số, chế độ khuyến khích và mô tả vai trò của tất cả các thành viên ban lãnh đạo, quản lý – tức là mọi thành viên đều có trách nhiệm giải trình về phát triển bền vững. Các chế độ đãi ngộ khuyến khích về phát triển bền vững có thể được xây dựng trên cơ sở những yếu tố sau đây:

- Thiết lập đa dạng các phương án khuyến khích theo hình thức tài chính hoặc phi tài chính để đạt được những mục tiêu được xác định rõ ràng và truyền thông thường xuyên.
- Đảm bảo cơ chế và cấu trúc hợp lý được áp dụng trong việc xây dựng các gói lương thưởng để liên kết với tiến độ cam kết thực hiện phát triển bền vững; bên cạnh đó cũng đảm bảo tính cân bằng, đa dạng và liên quan của các chỉ số về phát triển bền vững.

Chế độ lương thưởng của cấp Điều hành nên hướng tới khích lệ hiệu quả vượt bậc và được cấu trúc nhằm tối ưu giá trị tạo ra và thúc đẩy các hành vi hướng tới phát triển bền vững. Trên cơ sở Hướng dẫn được xuất bản bởi Hiệp hội Đầu tư Trách nhiệm (PRI) và Văn phòng Liên Hợp Quốc về việc tích hợp các yếu tố phát triển bền vững vào lương thưởng của cấp Điều hành,[103] doanh nghiệp nên xem xét:

- Để chuẩn bị cho những tình huống bất thường mang lại hệ quả không mong muốn hoặc phản ứng trái chiều, các chính sách thưởng cần phải được thiết kế để hội đồng lương thưởng có thể điều chỉnh giảm tương ứng trong khung cho phép.
- Công bố rõ ràng và chính xác cơ sở lý luận, phương pháp và những thách thức trong việc tích hợp các chỉ số về phát triển bền vững vào chế độ lương thưởng cho cấp Điều hành.

Hộp 14: Chế độ Đãi ngộ đối với cấp Điều hành ở Unilever[104]

Kế hoạch khuyến khích dài hạn, hay còn gọi là Kế hoạch chia sẻ hiệu suất tại Unilever có bao gồm bảng chỉ số Tiến độ Phát triển bền vững SPI (Sustainability Progress Index). Chỉ số SPI là một bảng cân đối những thành tựu của thành viên Ban Điều hành trong việc tạo ra ảnh hưởng tích cực trong lĩnh vực môi trường, xã hội và các bên liên quan dựa trên 17 Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc. Chỉ số SPI nằm trong khoảng 0-100 và chiếm tới 25% của cả Kế hoạch Chia sẻ hiệu suất tại doanh nghiệp này.

Hộp 15: Giải quyết sự chênh lệch về giới trong cơ hội nghề nghiệp và đãi ngộ ở các Doanh nghiệp Việt Nam

Mặc dù Việt Nam là một trong các quốc gia tiến bộ nhất trong ASEAN về bình đẳng giới và phụ nữ được trao quyền, [105] tại Việt Nam vẫn tồn tại trở ngại đối với phụ nữ trong việc tiếp cận các vị trí quản lý cấp cao cũng như lương thưởng ngang bằng với nam giới có cùng trình độ. Doanh nghiệp hướng tới việc khuyến khích GESI và cải thiện hồ sơ phát triển bền vững có thể tiến hành các biện pháp khác nhau để loại bỏ những trở ngại này và xây dựng một môi trường làm việc tốt hơn.

- Ưu tiên đầu tư vào tăng tỉ lệ đào tạo kỹ thuật cho tất cả người lao động, loại bỏ định kiến về giới gây cản trở khả năng tiếp cận đến một số ngành nghề và công việc nhất định." [106]
- "Thúc đẩy phụ nữ đăng ký các chứng chỉ và đạo tạo ở các vai trò phi truyền thống để tạo điền kiện cho họ thăng tiến lên các vài trò cấp trung và cấp cao ngoài nhân sự, tài chính, quản lý và bán hàng." [107]
- Làm rõ các điều khoản và tham số chi trả có thể giúp ích nhiều trong việc thu hẹp chêch lệch đãi ngộ, không chỉ phụ nữ mà còn cho nhiều nhóm nhạy cảm (như người khuyết tật, lao động trẻ, thành viên trong cộng đồng LGBTI+, v.v). Ví dụ, một nền tảng tuyển dụng trực tuyến dành cho kỹ sư đã loại bỏ chênh lệch về lương theo giới cho những người mới tuyển dụng chỉ đơn giản bằng cách liệt kê mức lương trung bình cho mọi vị trí. [108]

- Những nỗ lực thêm của phụ nữ trong việc giúp đỡ các đồng nghiệp đang bị coi nhẹ, theo báo cáo về Phụ nữ trong Môi trường làm việc năm 2021[109]. Phụ nữ thường can thiệp để đảm bảo sức khỏe hay hòa hợp của đồng nghiệp và tạo ra giá trị cho doanh nghiệp, một việc nên được ghi nhận và khen thưởng.[110]

Cuối cùng, như được nêu trong *Hộp 9: Thiết lập quan điểm ủng hộ của cấp lãnh đạo với Bình đẳng Giới và Hòa nhập Xã hội (GESI) trong doanh nghiệp,* thông qua việc có một nữ giám đốc trong Hội đồng quản trị là có thể tạo ảnh hưởng trong tuyển dụng, trao quyền và giữ chân nhân tài là nữ trong doanh nghiệp.

2.1.2. Đánh giá chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững

a. Sự cần thiết của việc đánh giá chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững

Đánh giá chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững là các quy trình doanh nghiệp cần thực hiện thường xuyên để chắc chắn rằng những chủ đề chủ chốt trong phát triển bền vững của mô hình kinh doanh được nhận dạng và giám sát đầy đủ. Quá trình này sẽ giúp doanh nghiệp tập trung nguồn lực vào những chủ đề cần ưu tiên, qua đó cải thiện khả năng tạo ra giá trị và xác định được thông tin liên quan đến phát triển bền vững để báo cáo.

Quá trình này cũng sẽ thúc đẩy Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành tiến hành đánh giá chính xác các xu thế, các mối quan hệ phụ thuộc, cùng với rủi ro và cơ hội có khả năng ảnh hưởng đến phương hướng phát triển của doanh nghiệp. Vì vậy, quá trình có tính chất đặc thù theo từng doanh nghiệp và phụ thuộc vào các điều kiện bên trong lẫn bên ngoài, các yếu tố đặc thù ngành và quan điểm các bên liên quan, cùng với những cân nhắc cần đến sự thảo luận của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành[111].

b. Định nghĩa "Tính trọng yếu"

Nhiều chuyên gia trong lĩnh vực đã đề cập đến tính trọng yếu hai chiều khi cân nhắc về các chủ đề phát triển bền vững: Tại châu Âu, hướng dẫn của ban Điều hướng Báo cáo Phi tài chính (Non-Financial Reporting Directive) đã áp dụng góc nhìn trọng yếu hai chiều, tức là bao gồm chiều ảnh hưởng của các yếu tố ESG lên doanh nghiệp và chiều ảnh hưởng của doanh nghiệp đối với các yếu tố ESG.

Cách tiếp cận được gợi ý ở đây là sự cân nhắc với cả hai chiều của tính trọng yếu khi đánh giá chủ đề phát triển bền vững.

Hình 17: Cách tiếp cận tính trọng yếu hai chiều[112]

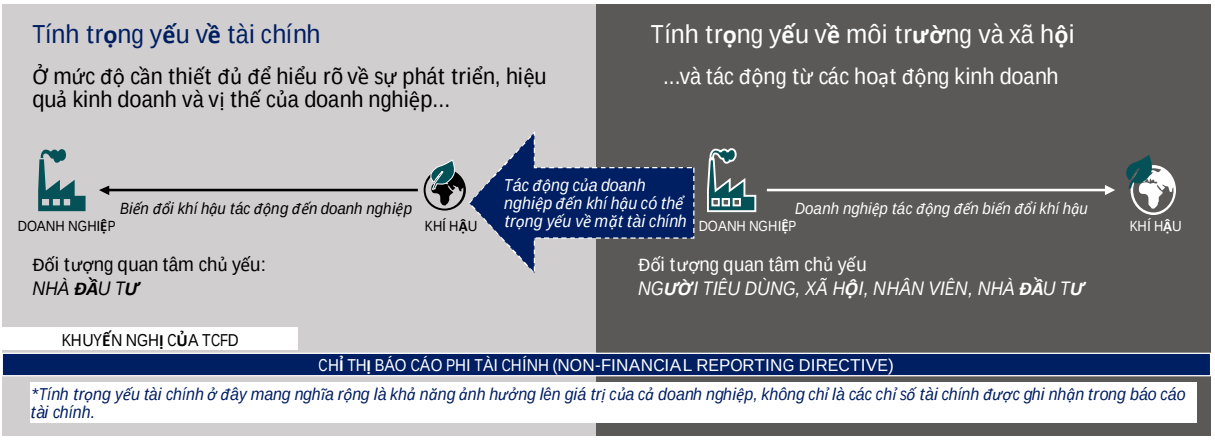

c. Cách tiếp cận

- Có đa dạng những chương trình và khung cung cấp hướng dẫn về phân tích chủ đề trọng yếu, tuy nhiên như đã đề cập, quy trình này mang tính đặc thù với từng doanh nghiệp và ngành kinh doanh, phụ thuộc vào môi trường vận hành, quan điểm của các bên liên quan và một số yếu tố khác. [113]
- Một quy trình điển hình thường gặp để đánh giá trọng yếu trong phát triển bền vững, dựa trên hướng dẫn của GRI[114], <IR>[115] and EY[116] được mô tả trong hình dưới đây:

Hình 18: Cách tiếp cận Đánh giá chủ đề trọng yếu

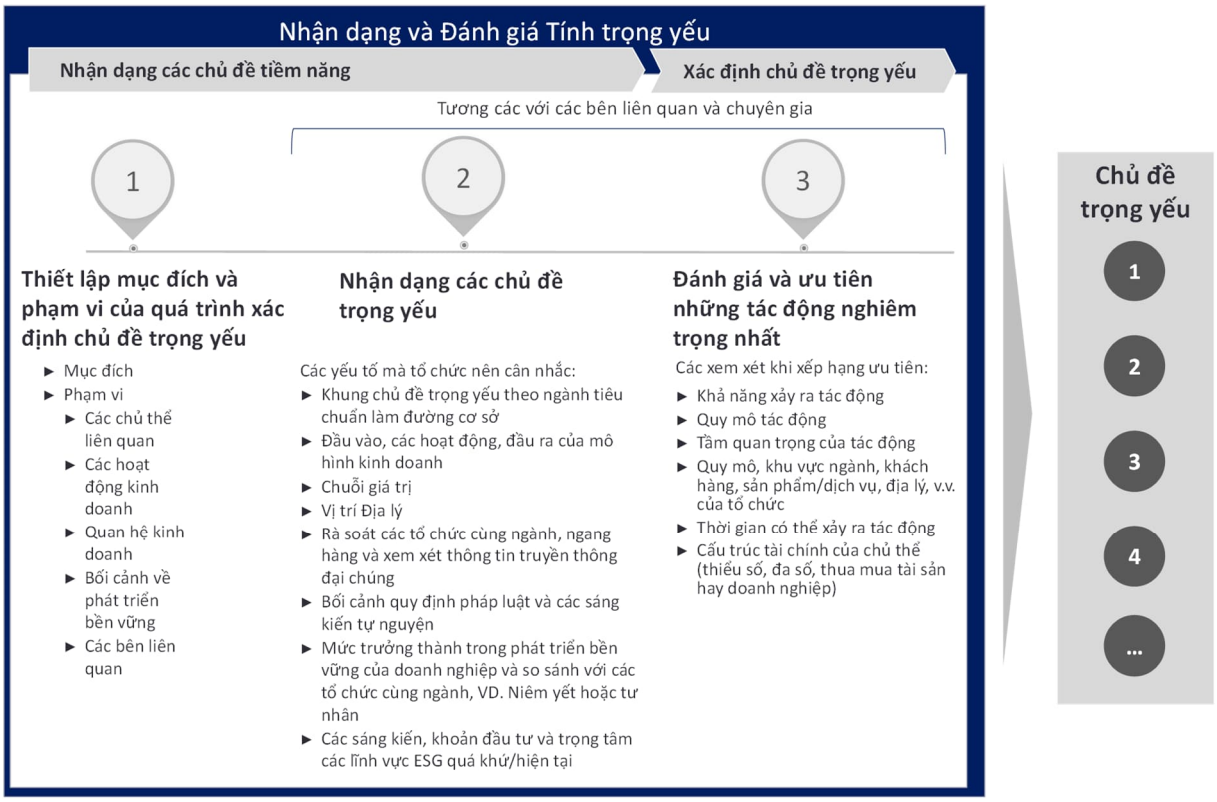

Theo <IR>, không có quy định nào về tần suất hay cách tiếp cận chính xác cho đánh giá chủ đề trọng yếu – công tác này nên được quyết định dựa trên nhận xét quan điểm. Khi xem xét về chiều sâu – mức độ chi tiết và tần suất đánh giá chủ đề trọng yếu, doanh nghiệp có thể cân nhắc: thời gian kể từ lần đánh giá toàn diện gần nhất; sự tác động của các yếu tố bên ngoài và các thay đổi nội bộ về quản lý, chiến lược hoặc mô hình kinh doanh; các chuyển dịch trong

nhu cầu, lợi ích hoặc lý lịch của các bên liên quan then chốt cùng với sự ra đời của những kỹ thuật mới trong đánh giá quy mô của các tác động. [117]

i. Xác định và đánh giá các chủ đề trọng yếu theo định kỳ

BƯỚC 1: THIẾT LẬP MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI CỦA QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Để chuẩn bị cho việc thu thập các thông tin chính về các tác động thực tế và tiềm tàng đối với doanh nghiệp, trong bước này doanh nghiệp sẽ thực hiện xác định:

- Mục đích: Xác lập mục tiêu của quá trình đánh giá chủ đề trọng yếu
- Phạm vi:
  - Xác định tất cả các chủ thể, bao gồm nhưng không giới hạn, mà doanh nghiệp kiểm soát hoặc có lợi ích liên quan (VD. Công ty con, công ty liên doanh, chi nhánh), bao gồm cả những có quyền lợi thiểu số.
  - Đối với tất cả những chủ thể nói trên, định hình khái quát các hoạt động kinh doanh, quan hệ kinh doanh và bối cảnh về phát triển bền vững.
  - Nhận dạng tổng quan các bên liên quan: Xem thêm chi tiết về Quản lý các bên liên quan tại Phần 2 – mục 2.2.3.

BƯỚC 2: XÁC ĐỊNH CÁC CHỦ ĐỀ TIỀM NĂNG

Doanh nghiệp nên xây dựng một danh mục tổng hợp toàn bộ các chủ đề liên quan có tiềm năng mang tính trọng yếu trong phát triển bền vững để cấu trúc và phân loại. Việc này sẽ yêu cầu quyết định về mức độ chi tiết trong phân tích và phân biệt giữa những chủ đề liên quan – có nên tách ra để đánh giá độc lập không. [118]

Hộp 16: [Dự thảo] ESRG 1 - Hướng dẫn về khái niệm tính trọng yếu hai chiều trong Tài liệu làm việc xây dựng tiêu chuẩn, Tháng 1-2022

Xác định chi tiết định nghĩa của chủ đề phát triển bền vững được đánh giá: Nhìn chung, nên thực hiện đánh giá các chủ đề ở phân cấp với mức độ chi tiết phù hợp - chủ đề thành phần cấp 1 hoặc chủ đề thành phần cấp 2. Trong hầu hết tình huống, phân tích ở cấp độ càng chi tiết thì kết quả đánh giá sẽ càng chính xác. Cấp độ chi tiết nhất là tác động nhỏ nhất mà doanh nghiệp có thể xác định được.

Phân loại cấp độ của các chủ đề phát triển bền vững nên bao gồm:
(a) Cấp độ 1: CHỦ ĐỀ (Môi trường, Xã hội, Quản trị)
(b) Cấp độ 2: CHỦ ĐỀ THÀNH PHẦN CẤP 1 (VD. Giảm thiểu biến đổi khí hậu)
(c) Cấp độ 3: CHỦ ĐỀ THÀNH PHẦN CẤP 2 (VD. Tiêu thụ năng lượng)
(d) Dưới cấp độ 3 (tùy chọn): thực hiện báo cáo thông tin (các yêu cầu)

Khung báo cáo <IR> đưa ra hướng dẫn cho doanh nghiệp nên cân nhắc những chủ đề hoặc vấn đề mà:

- Có thể ảnh hưởng đáng kể đến tạo ra giá trị.

- Có liên kết với chiến lược, quản trị, hiệu quả kinh doanh và bối cảnh tương lai.
- Có tầm quan trọng đối với các bên liên quan.
- Là nội dung nổi cộm cho những thảo luận trong Hội đồng Quản trị và Điều hành.
- Có khả năng gia tăng mức độ nghiệm trọng hoặc dẫn đến mất mát cơ hội nếu không được kiểm soát.

Hiện nay, đã có nhiều công cụ hỗ trợ và và nguồn tham khảo cho việc xác định và phân loại các chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững, bao gồm:

- Hướng dẫn từ các tiêu chuẩn và khung quốc tế về những chủ đề điển hình ở các lĩnh vực ngành, sản phẩm, vị trí địa lý và các doanh nghiệp cụ thể. Xem chi tiết ở hình bên dưới.

Hình 19: Một số nguồn tham chiếu cho công tác đánh giá trọng yếu được tổng hợp bởi COSO và WBCSD. [119]

Khung, hướng dẫn và tiêu chuẩn	Mô tả
Bài kiểm tra Tính trọng yếu năm phần của AccountAbility	Được thiết kế để giúp các doanh nghiệp nhận dạng: - Những vấn đề nào là trọng yếu, liên quan nhất đến doanh nghiệp và các bên liên quan. - Thông tin nào nên được công bố và báo cáo trong báo cáo phát triển bền vững và báo cáo trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. [120]
Lộ trình Phát triển bền vững 2010 của Ceres	Tài nguyên hỗ trợ các doanh nghiệp tái cơ cấu để thành công trong bối cảnh những thách thức về môi trường và xã hội chưa từng có tiền lệ đang đe doạ đến nền kinh tế và các cộng đồng địa phương; được thiết kế để hướng dẫn các doanh nghiệp dẫn đầu về trách nhiệm xã hội và đến cùng, hỗ trợ tăng tiến sự chuyển dịch lên nền kinh tế toàn cầu bền vững. [121]
Các đánh giá tác động Môi trường và Xã hội	Dù được hoàn thiện riêng lẻ hay tổng hợp, các đánh giá này được thiết kế để nhận dạng và định lượng tác động của các hoạt động, dự án kinh doanh đến môi trường và xã hội; các tác động được đo đạc trên một đường cơ sở thông qua nhận dạng và đánh giá nguyên do tác động – trên cả bối cảnh độc lập và tương quan. [122]
Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI)	Các hướng dẫn chung và cụ thể từng khu vực ngành để báo cáo đầy đủ các tác động kinh tế và phát triển bền vững của hoạt động vận hành. [123]
Thẩm định nhân quyền	Thẩm định nhân quyền được Khung Hướng dẫn Báo cáo Liên Hợp Quốc mô tả là "một quá trình quản trị rủi ro liên tục...nhằm nhận dạng, ngăn chặn, giảm nhẹ và chịu trách nhiệm với cách giải quyết các tác động tiêu cực đến nhân quyền." Quá trình này bao gồm 4 bước then chốt: Đánh giá tác động thực và tác động tiềm tàng đến nhân quyền; Tích hợp và hành động dựa trên kết quả đánh giá; Theo dõi phản hồi; Giao tiếp về cách các tác động được giải quyết.[124]
Khung báo cáo Tích hợp <IR>	Khung nhằm chuẩn bị một báo cáo tích hợp để giải trình với các nhà đầu tư về cách doanh nghiệp kiến tạo giá trị theo thời gian. Khung cung cấp một quy trình để nhận dạng rủi ro dựa trên bối cảnh pháp lý, thương mại, xã hội, môi trường và chính trị ảnh hưởng đến khả năng kiến tạo giá trị trong ngắn, trung và dài hạn của chủ thể. [125]
Tiêu chuẩn của Hội đồng Kế toán Phát triển bền vững (SASB)	Các tiêu chuẩn gợi ý các vấn đề trọng yếu theo ngành và hạng mục với mục tiêu là tập trung vào nhà đầu tư: môi trường, nguồn lực xã hội, nguồn nhân lực, mô hình kinh doanh, phát minh, lãnh đạo và quản trị. Bài kiểm tra năm nhân tố của SASB cho phép doanh nghiệp cân nhắc mỗi chủ đề một cách có hệ thống, từ đó rút ra hiểu biết về các chủ đề tiềm tàng tác động trọng yếu. [126]

- Thông tin từ chính đánh giá của doanh nghiệp hoặc từ bên thứ ba về các tác động của doanh nghiệp lên nền kinh tế, môi trường, con người; từ kết quả rà soát của cơ quan pháp lý, hệ thống quản lý tuân thủ về phòng chống tham nhũng, kiểm toán tài chính, thanh tra an toàn vệ sinh lao động và hồ sơ cổ đông. [127]

- Thông tin từ các nguồn bên ngoài, chẳng hạn như các tổ chức tin tức và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xã hội. [128]
- Tham vấn với các bên liên quan, chuyên gia bên ngoài và nội bộ, chẳng hạn như các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực xã hội hoặc học thuật.

Hộp 17: Ví dụ tham khảo về SASB – làm đánh giá cơ sở cho đánh giá chủ đề trọng yếu[129]

Sơ đồ đánh giá chủ đề trọng yếu của SASB (SASB Materiality Map) được biết tới là khung thông lệ tốt trong đánh giá tính trọng yếu và được sử dụng như khung tham khảo để tiến hành rà soát thẩm định (due diligence). Tuy nhiên có một số chủ đề ESG có tính trọng yếu đối với các doanh nghiệp sẽ chưa được bao hàm trong khung này. Vì vậy, cách tiếp cận đánh giá chủ đề trọng yếu nên linh hoạt và không nhất thiết phải giới hạn ở các chủ đề đưa ra trong danh mục của SASB.

Tổng quan về SASB

- Về nguyên tắc, đây là khung báo cáo ESG được thiết kế để xác định những chủ đề ESG có tác động trọng yếu nhất đến giá trị tài chính của một doanh nghiệp. Doanh nghiệp có thể truy cập cổng tra cứu chủ đề trọng yếu và sơ đồ trọng yếu tại Exploring Materiality – SASB.
- Dưới cấp sơ đồ tổng quát, SASB đưa ra khung các vấn đề ESG ở mức độ cụ thể hơn do những khung này gắn liền vào một ngành nhất định. Chẳng hạn, trong chuyên ngành công nghệ sinh học và dược phẩm, chủ đề "nhân quyền và quan hệ cộng đồng" được cụ thể hóa là "sự an toàn của các thành viên tham gia thử nghiệm lâm sàng"

Công cụ này cũng cung cấp một bộ chỉ tiêu hữu dụng cho việc đánh giá hiệu quả trên mỗi chủ đề cũng như miêu tả lý do vì sao chủ đề lại mang tính trọng yếu đối với ngành và cách nó gắn liền với giá trị.

SASB hoạt động ra sao?

MINH HỌA

Hình 20: Sơ đồ và hướng dẫn của SASB

Sơ đồ chủ đề trọng yếu của SASB cung cấp tổng quan các rủi ro trọng yếu theo khu vực ngành:

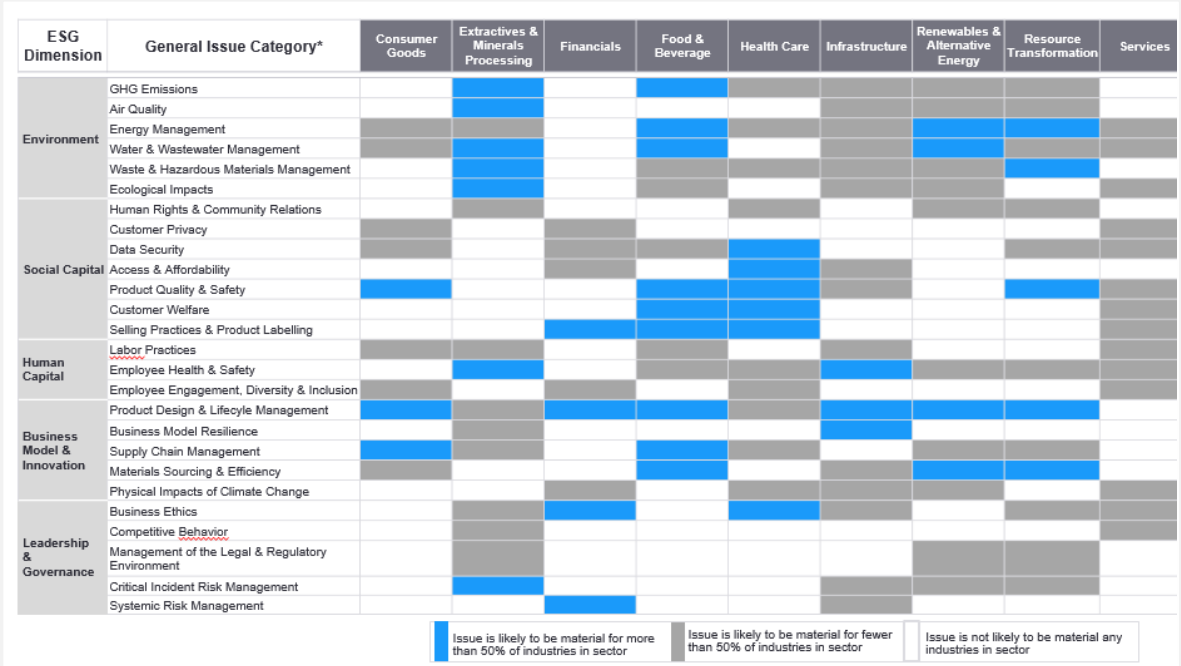

Sơ đồ có thể được mở rộng để thấy các rủi ro trọng yếu chia nhỏ theo phân ngành (VD. Phân ngành Thực phẩm, đồ uống):

ESG Dimension	General Issue Category*	Food & Beverage							
		Agricultural Products	Alcoholic Beverages	Food Retailers & Distributors	Meat, Poultry & Dairy	Non-Alcoholic Beverages	Processed Foods	Restaurants	Tobacco
Environment	GHG Emissions	■		■	■	■			
	Air Quality								
	Energy Management	■	■	■	■	■	■	■	
	Water & Wastewater Management	■	■		■	■	■	■	
	Waste & Hazardous Materials Management			■				■	
	Ecological Impacts				■				
Social Capital	Human Rights & Community Relations								
	Customer Privacy								
	Data Security			■					
	Access & Affordability								
	Product Quality & Safety	■		■	■		■	■	
	Customer Welfare			■	■	■	■	■	■
	Selling Practices & Product Labelling		■	■		■	■		■
Human Capital	Labor Practices			■				■	
	Employee Health & Safety	■			■				
	Employee Engagement, Diversity & Inclusion								
Business Model & Innovation	Product Design & Lifecyle Management		■		■	■	■		
	Business Model Resilience								
	Supply Chain Management	■	■	■	■	■	■	■	
	Materials Sourcing & Efficiency	■	■		■	■	■		
	Physical Impacts of Climate Change								
Leadership & Governance	Business Ethics								
	Competitive Behavior								
	Management of the Legal & Regulatory Environment								
	Critical Incident Risk Management								
	Systemic Risk Management								

SASB cũng cung cấp sẵn hướng dẫn về rủi ro theo phân khu ngành để triển khai từng hạng mục rủi ro cụ thể:

Agricultural Products

- SASB provides guidance for how specific ESG issues are understood to impact the financial performance of a business within each sub-sector, as well as suggested metrics that can be used to assess performance on those topics. Some examples of these for the 'Agricultural Products' sector are shown below:

Generic category	Sub-sector specific risk	Guidance
GHG Emissions	Greenhouse Gas Emissions	Companies in the Agricultural Products industry generate direct greenhouse gas (GHG) emissions from the processing and transportation of goods via land and sea freight operations. Emissions regulations may increase the cost of capital, operational costs, and affect the operational efficiency of companies that do not have strategies in place to manage GHG emissions. Employing innovative technologies that use alternative fuels and energy inputs—including biomass waste generated from internal processes—and improving fuel efficiency are ways companies can limit exposure to volatile fuel pricing, supply disruptions, future regulatory costs, and other potential consequences of GHG emissions.
Water & Wastewater Management	Water Management	The Agricultural Products industry relies on water for processing activities, and companies in the industry also typically generate wastewater, or effluent. The availability of water, due to physical availability and/or regulatory access, directly impacts the industry's ability to efficiently operate processing facilities. Companies in the industry are increasingly exposed to water-related risks and regulations, which may increase capital expenditure costs, operating costs, remediation costs, and/or potential fines. Companies can manage water-related risks and opportunities and mitigate long-term costs through capital investments and assessment of facility locations relative to water scarcity risks, improvements to operational efficiency, and work with regulators and communities on issues related to water access and effluent. Risks related to crop production that are driven by water availability and access are addressed in a separate supply chain-oriented topic, Ingredient Sourcing.
Product Quality & Safety	Food Safety	Agricultural products are either sold directly to consumers in raw form or are further processed before reaching consumers. Maintaining product quality and safety is critical, as contamination by pathogens, chemicals, or spoilage presents serious human and animal health risks. Contamination may result from poor farming, transport, storage, or handling practices. Food quality and safety issues can lead to consumer-driven demand changes and regulatory action. Product recalls can harm brand reputation, reduce revenues, and lead to costly fines. Obtaining food safety certifications or ensuring suppliers meet food safety guidelines may help companies in the industry safeguard against product safety risks and communicate the quality of their products to buyers.
Employee Health & Safety	Workforce Health & Safety	Industrial processes used in the Agricultural Products industry present significant occupational hazards. Employees are engaged in many labor-intensive activities. Common hazards include falls, transportation accidents, equipment-related accidents, and heat-related illness or injury, among others. Violations of health and safety standards could result in monetary penalties and costs for corrective actions. High injury rates, particularly fatality rates, may indicate a weak governance structure and a weak workplace safety culture, as well as lead to significant reputational harm. Strong performance on managing workforce health and safety can help build brand image while promoting worker morale, which may lead to increased productivity, reduced worker turnover, and enhanced community relations.
Supply Chain Management	Environmental & Social Impacts of Ingredient Supply Chain	Agricultural products companies source agricultural inputs from a large number of suppliers. How companies in the industry screen, monitor, and engage with suppliers on environmental and social topics may impact consumer demand, reputational risks, and the ability of companies to effectively manage their crop supply and respond to price fluctuations. Supply chain management issues related to labor, environmental practices, ethics, or corruption may result in regulatory fines and/or increased long-term operational costs for companies. Similarly, agricultural products companies may face reputational damage if their suppliers perform poorly on environmental or social issues. Companies can mitigate these risks and potentially increase consumer demand or capture new market opportunities by engaging with key suppliers to implement sustainable

Có những giới hạn nhất định đối với khung SASB, vì vậy doanh nghiệp nên tham khảo những khung khác nữa để làm cơ sở cho việc đánh giá chủ đề trọng yếu.

BƯỚC 3: ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP HẠNG ƯU TIÊN

Những tham số cần cân nhắc trong đánh giá và ưu tiên chủ đề trọng yếu có thể bao gồm:

- Khả năng xảy ra tác động
- Quy mô tác động
- Tầm quan trọng của tác động
- Quy mô, khu vực ngành, khách hàng, sản phẩm/dịch vụ, địa lý, v.v. của doanh nghiệp
- Thời gian có thể xảy ra tác động
- Cấu trúc tài chính của chủ thể (thiểu số, đa số, thu mua tài sản hay mua lại doanh nghiệp).

Các bước để đánh giá và xếp hạng ưu tiên các chủ đề trọng yếu bao gồm:

- Tương tác với các bên liên quan chủ chốt để tham vấn quan điểm và ưu tiên hoặc xếp hạng của họ với mỗi chủ đề được nhận dạng là trọng yếu dựa trên các tham số, ví dụ như tầm quan trọng và tác động của chúng lên xã hội (với các bên thứ ba) hoặc lên tương lai kinh doanh của doanh nghiệp (các bên liên quan nội bộ). Các cuộc phỏng vấn riêng lẻ có thể được áp dụng với các bên thứ ba quan trọng nhất để tìm hiểu và nhận biết những xu thế có thể tác động đến tương lai doanh nghiệp.[130]
- Xác lập một ngưỡng giới hạn để quyết định chủ đề nào là trọng yếu: Doanh nghiệp nên sắp xếp các tác động từ nghiêm trọng nhất đến ít nghiêm trọng nhất, và xác định một điểm dừng hoặc ngưỡng giới hạn để quyết định sẽ tập trung vào các tác động ở mức độ nào.[131]

Hình 21: Ví dụ về Hướng dẫn đánh giá chủ đề trọng yếu của <IR>: Đánh giá tầm quan trọng của chủ đề [132]

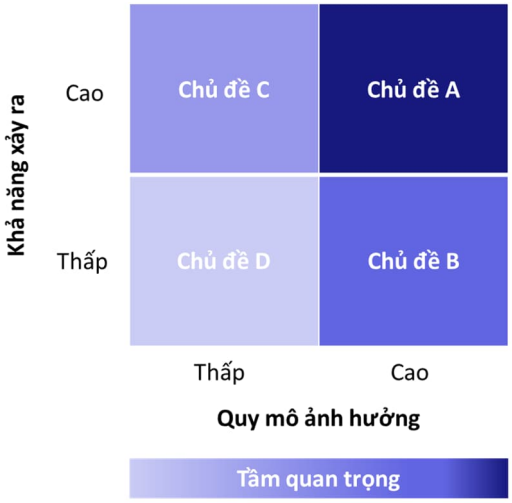

Hộp 18: Hướng dẫn quy trình đánh giá trọng yếu và xếp hạng ưu tiên với các tác động – [Dự thảo] Hướng dẫn Báo cáo Phát triển bền vững của Châu Âu 1 (ESRG 1) – Hướng dẫn về khái niệm trọng yếu hai chiều trong xây dựng tiêu chuẩn

Hướng dẫn 8: Quy trình đánh giá tính trọng yếu của tác động được thực hiện bởi [Hội đồng Quản trị]

[...] Bước 2: Đánh giá các tham số về tính trọng yếu của tác động của các chủ đề phát triển bền vững

Việc phân tích các tham số về tính trọng yếu của tác động nên được thực hiện thông qua xem xét kết quả nghiên cứu hiện tại về các chủ đề và thông tin cập nhật mới nhất, với sự tham vấn của các chuyên gia, tổ chức hay cơ quan liên quan đến các chủ đề được phân tích.

Bước 2A, 2B, 2C: Xác định quy mô, phạm vi và khả năng khắc phục của tác động. Số điểm trên thang đo có tính liên tục và bị giới hạn bởi điểm tối đa và tối thiểu được thể hiện trong các bảng.

Bảng 14: Ma trận xác định quy mô, phạm vi và khả năng khắc phục của tác động

	Quy mô tác động	Phạm vi tác động	Khả năng khắc phục
5	Tuyệt đối	Toàn cầu/Toàn bộ	Không thể khắc phục/không thể đảo ngược

4	Cao	Trải rộng	Rất khó khắc phục hoặc cần dài hạn để khắc phục
3	Trung bình	Trung bình	Khó khắc phục hoặc cần trung hạn để khắc phục
2	Thấp	Tập trung	Có thể khắc phục bằng nỗ lực (thời gian & chi phí)
1	Tối thiểu	Hạn chế	Tương đối dễ khắc phục trong ngắn hạn
0	Không	Không	Rất dễ khắc phục

Bước 3: Xác định sơ bộ tính trọng yếu của tác động của chủ đề được phân tích

Sử dụng kết quả của Bước 2 để xác định tổng điểm, điểm này đóng vai trò như một chỉ số đại diện cho tổng quan sơ bộ về tính trọng yếu của tác động, sử dụng công thức sau:

Sơ bộ tính trọng yếu của tác động = Quy mô tác động + Phạm vi tác động + Khả năng khắc phục

Sơ bộ tính trọng yếu của tác động nên được miêu tả theo bảng sau:

Bảng 15: Đánh giá Sơ bộ tính trọng yếu của tác động

Sơ bộ tính trọng yếu của tác động	
>12	Tối quan trọng
[10, 12)	Rất quan trọng
[8, 10)	Quan trọng
[5, 8)	Đáng chú ý
<5	Nhỏ

Bước 4: Thực hiện phán đoán, đánh giá đối với kết quả của bước 2 và 3 để xác định liệu tính trọng yếu của chủ đề được phân tích có thể thiết lập theo cách này.

Khả năng xảy ra là một tham số quan trọng trong việc đưa ra phán đoán khi đánh giá tác động tiềm ẩn và nên được đánh giá trong trường hợp [Hội đồng quản trị] đánh giá rằng mức độ nghiêm trọng (VD. quy mô, phạm vi, khả năng khắc phục) của một tác động cụ thể có thể thay đổi trong tương lai.

Nếu phán đoán của [Hội đồng quản trị] là không chắc chắn được về việc các chỉ số đại diện cung cấp đủ cơ sở phù hợp để xác định mức độ trọng yếu của chủ đề được phân tích, [Hội đồng] nên tham khảo thêm ý kiến từ các chuyên gia để đưa ra kết luận cuối cùng.

Nếu kết quả là tối quan trọng, rất quan trọng hoặc quan trọng thì kết thúc quy trình Bước 4 và coi chủ đề phát triển bền vững là trọng yếu cho tất cả các cam kết thực hiện theo khía cạnh tác động. Nếu kết quả là chú ý hoặc nhỏ thì thực hiện Bước 5.

Bước 5 (tùy tình huống)

Thực hiện Bước 2, 3 và 4 cho các chủ đề phát triển bền vững liên quan đến từng lĩnh vực tách biệt. Kết quả của các đánh giá này cho phép [Hội đồng] xác định chủ đề phát triển bền vững là trọng yếu đối với lĩnh vực cụ thể nào và đối với lĩnh vực nào thì các chủ đề này là không trọng yếu về khía cạnh tác động. Kết quả của Bước 5 nên được sử dụng để xác định các các thông tin công bố phù hợp cho từng lĩnh vực cụ thể.

2.1.3. Các Cam kết và Mục tiêu về ESG

2.1.3.1. Chiến lược phát triển bền vững

Một chiến lược ESG toàn diện sẽ đảm bảo quản lý sản phẩm hiệu quả, tăng trưởng hướng tới ESG, và luôn thách thức, củng cố doanh nghiệp nhận thức chuyển đổi ở cả nội bộ và bên ngoài để đạt tới vị trí dẫn đầu thị trường.

Hình 22: Các khía cạnh trong chiến lược phát triển bền vững

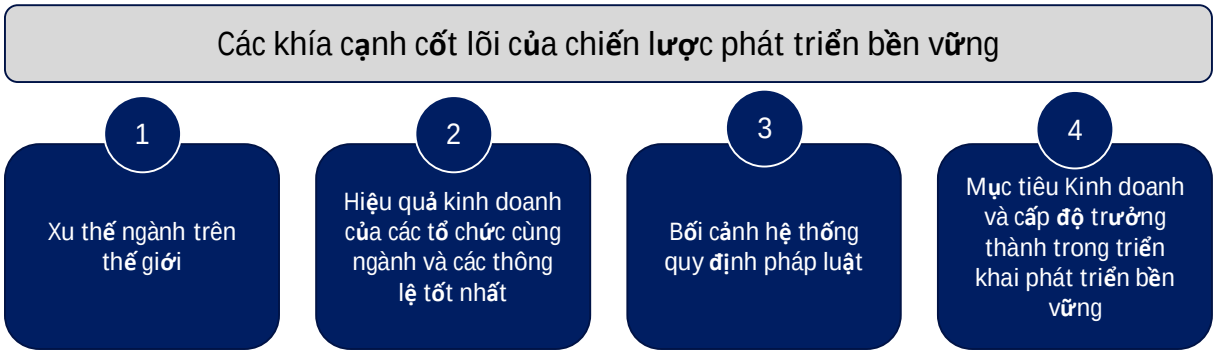

a. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC DỰA TRÊN BỐI CẢNH

Hướng dẫn được tạo ra bởi 'Dự án Tích hợp (EP)' [133] khuyến khích doanh nghiệp tiếp cận việc phát triển mục tiêu phát triển bền vững dựa trên bối cảnh cụ thể. Những lợi ích xoay quanh cách tiếp cận này bao gồm sự đảm bảo trong quản trị rủi ro mang tính chất gián đoạn đột ngột, củng cố sự đồng thuận từ phía xã hội và tạo lập những chủ đề tập trung rõ ràng cho cả doanh nghiệp.

Việc tích hợp tư duy bối cảnh (contextual thinking) vào chiến lược doanh nghiệp bao gồm bốn bước:

Bước 1 – NHẬN THỨC VÀ THỪA NHẬN

- Doanh nghiệp thực hiện tìm hiểu, thu thập hiểu biết về những xu thế xã hội, sinh thái khác nhau và ngưỡng giới hạn về khả năng ứng phó của doanh nghiệp với chúng (đây là ngưỡng giới hạn mà tại đó, khả năng chống chịu và phục hồi của doanh nghiệp bắt đầu gặp phải thách thức và bị đe dọa). Xem ví dụ về các ngưỡng giới hạn tại Bảng 16 dưới đây.
- Doanh nghiệp đưa ra công bố thừa nhận, công nhận về sự cần thiết phải vận hành trong phạm vi các ngưỡng giới hạn về mặt xã hội, sinh thái này ở phạm vi quốc tế, khu vực hay địa phương.

Bước 2 – ƯU TIÊN

- Ưu tiên những vấn đề liên quan, sát với kinh doanh dựa trên những lĩnh vực mà doanh nghiệp có thể tạo ra tác động lớn nhất lên ngưỡng giới hạn nói trên, dù tác động này nằm trong tầm kiểm soát trực tiếp hay tầm ảnh hưởng rộng hơn của tổ chức. Những vấn đề này nên nhất quán với kết quả quá trình đánh giá chủ đề trọng yếu của doanh nghiệp.

Bước 3 – THIẾT LẬP CHIẾN LƯỢC VÀ MỤC TIÊU

- Xem xét và dự đoán khoảng cách giữa trạng thái hiện tại tới kết quả mong muốn và xác định xem doanh nghiệp sẽ có thể xử lý được tỷ lệ bao nhiêu của khoảng cách này.
- Thiết lập chiến lược và mục tiêu dựa trên quy mô thay đổi cần thiết và ban hành xuyên suốt trong doanh nghiệp với những mốc, mục tiêu và thời gian rõ ràng. Kết quả của quá trình này nên là một mục tiêu có thời hạn với sự phân bổ nguồn lực cụ thể trong tổ chức, kèm theo diễn giải rõ ràng về vai trò, hành động của doanh nghiệp trong ứng phó với các ngưỡng giới hạn cụ thể (theo phân bổ nguồn lực). Xem Bảng 16 dưới đây về ví dụ cho các nỗ lực xây dựng mục tiêu dựa trên bối cảnh với từng ngưỡng giới hạn.

Bước 4 – THEO DÕI

- Theo dõi hiệu quả và tiến độ triển khai dựa trên những mục tiêu thực tế.

Bảng 16: Những quan sát về nỗ lực tạo mục đích cho ngưỡng ứng phó dựa trên bối cảnh.[134]

Ngưỡng giới hạn về	Những nỗ lực thiết lập mục tiêu dựa trên bối cảnh
Phát thải khí nhà kính	Hiện nay đây là ngưỡng giới hạn được quan tâm thực hiện ứng phó nhiều nhất. Mặc dù không bắt buộc, mục tiêu giảm thiểu phát thải khí nhà kính dựa trên bối cảnh được nhấn mạnh thường xuyên nhất trong gợi ý của tổ chức IPCC nhằm giữ mức nhiệt độ trung bình toàn cầu không tăng quá 2 độ C so với trước Cách mạng Công nghiệp.
Nước	Mục tiêu bối cảnh liên quan đến nước đang bắt đầu bao gồm việc xử lý cả trữ lượng nước và chất lượng nước, cũng như đang tăng cường nhận thức rằng nước sạch phải được phân công quản lý ở cấp độ địa lý hợp lý (thường là cấp địa phương).
Đa dạng sinh thái	Các tổ chức và doanh nghiệp đang tăng cường cam kết với việc tạo tác động 'tích cực ròng' tới đa dạng sinh thái.
Chất thải	Một ví dụ điển hình hiện nay là các cam kết "chất thải ròng bằng 0". Thông lệ tốt trong triển khai là cần xác định rõ ràng trong các mục tiêu về phân loại chất thải theo loại hình và nguồn gốc được bao gồm.
Nhân quyền	Các tổ chức đang tạo mục tiêu cụ thể về nhân quyền theo bối cảnh hiện tham khảo các nguồn từ Nguyên tắc hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và Nhân quyền.
Tính Đa dạng	Tính Đa dạng trong nguồn nhân lực của tổ chức được chỉ ra thường xuyên trong các báo cáo phát triển bền vững nhưng hiếm khi đi kèm các mục tiêu cụ thể.

b. KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI HƯỚNG TỚI NỀN KINH TẾ PHÁT THẢI CÁC-BON THẤP

Lượng phát thải khí nhà kính (KNK) là ngưỡng được quan tâm nhất trong các doanh nghiệp và để thực hiện cam kết giảm lượng phát thải KNK, các doanh nghiệp cần xây dựng một kế hoạch chuyển đổi. TCFD chỉ ra rằng "kế hoạch chuyển đổi là một khía cạnh của chiến lược kinh doanh tổng thể của doanh nghiệp, đề ra một tập hợp mục tiêu và biện pháp hỗ trợ quá trình chuyển đổi của doanh nghiệp hướng đến một nền kinh tế xanh, bao gồm các biện pháp như giảm lượng phát thải khí nhà kính".[135] Các bên liên quan, bao gồm các nhà đầu tư đặc biệt quan tâm đến những kế hoạch này để xác minh mức độ tin cậy của cam kết liên quan đến khí hậu của các doanh nghiệp và hiểu rõ các thay đổi trong chiến lược hoặc mô hình kinh doanh của

các doanh nghiệp, bao gồm các biện pháp được thực hiện để giảm thiểu rủi ro và tăng cơ hội trong quá trình chuyển đổi hướng đến một nền kinh tế xanh.

Theo báo cáo của TCFD, kế hoạch chuyển đổi "phát thải ròng bằng không" (net-zero) gần đây đang là trọng tâm quan tâm của các bên. Đây là phản hồi ứng phó của doanh nghiệp đối với nội dung Báo cáo Đặc biệt của IPCC về Nhiệt độ toàn cầu tăng 1,5°C, chỉ ra rằng lượng phát thải khí nhà kính cần giảm khoảng 45% vào năm 2030 và đạt mức phát thải ròng bằng không vào khoảng năm 2050 để đạt được mục tiêu nhiệt độ 1,5°C. [136]

Các **đặc điểm** quan trọng của **kế hoạch chuyển đổi hiệu quả**:

Hướng dẫn năm 2021 của TCFD về Chỉ số, Mục tiêu và Kế hoạch Chuyển đổi đã xác định các đặc điểm quan trọng của kế hoạch chuyển đổi như sau:

- Phù hợp với Chiến lược và các lộ trình khoa học ở quy mô nền kinh tế hoặc ngành, lĩnh vực nhằm hướng tới một nền kinh tế phát thải các-bon thấp.
- Được thiết kế để giúp đạt được các mục tiêu liên quan đến khí hậu và được theo dõi thường xuyên thông qua các chỉ số phù hợp.
- Tuân theo quy trình Quản trị Hiệu quả: Một kế hoạch chuyển đổi nên mô tả quy trình phê duyệt, trách nhiệm giám sát và chịu trách nhiệm trong một doanh nghiệp, bao gồm vai trò của hội đồng quản trị và quản lý cấp cao trong việc giám sát kế hoạch.
- Có các sáng kiến cụ thể và khả thi: Một kế hoạch chuyển đổi nên nêu rõ các sáng kiến và biện pháp cụ thể mà doanh nghiệp sẽ thực hiện để thực hiện kế hoạch chuyển đổi một cách hiệu quả, bao gồm các mốc thời gian định kỳ.
- Chứa đủ thông tin để người dùng đánh giá tính đáng tin cậy của nó.
- Nên được rà soát ít nhất mỗi năm một lần và cập nhật nếu cần thiết.
- Được báo cáo hàng năm cho các bên liên quan.

2.1.3.2. Mục tiêu và Chỉ số

Việc phân bổ các mục tiêu chiến lược từ trên xuống tất cả các phòng ban, bộ phận và tới từng nhân sự, thông qua các chỉ số và mục tiêu phù hợp và đo lường được, sẽ khuyến khích nhân lực ở tất cả các cấp áp dụng và triển khai các giá trị về ESG,

Doanh nghiệp nên hình thành một quy trình rõ ràng dành cho việc xác định các mục tiêu và chỉ số về ESG phù hợp, liên kết với lợi ích bền vững của các bên liên quan và mục tiêu chiến lược của cả tổ chức:

Bước 1 – XÂY DỰNG MỤC TIÊU VÀ CHỈ SỐ

Xác định chỉ số:

- Doanh nghiệp nên tham vấn với cổ đông và thực hiện ban hành chính sách áp dụng cho các bên liên quan để tăng cường sự hỗ trợ từ cả bên trong và bên ngoài.
- Doanh nghiệp cần xác định các chỉ số và các KPI cho các mục tiêu phát triển bền vững thuộc chủ đề trọng yếu. Cần đảm bảo rằng có các KPI rõ ràng cho nhiều khía cạnh của một chủ đề (Ví dụ với Chất thải, cần có mục tiêu và KPI cho lượng chất thải tạo ra, chất thải tái chế, chất thải tái sử dụng, v.v.) (Xem thêm Phần 3 – Mục 3.7)

- Doanh nghiệp cần phải chú ý cân bằng giữa các chỉ số về tạo ra giá trị và các chỉ số về bảo vệ giá trị sẵn có. Cũng như vậy, các chỉ tiêu về ESG sẽ vừa bao gồm các yếu tố giảm thiểu rủi ro tiềm năng cho doanh nghiệp, vừa tạo không gian cho những cơ hội mới để doanh nghiệp phát triển.[137]
- Doanh nghiệp xác nhận khả năng đo lường tác động của các chủ đề về ESG đảm bảo độ tin cậy, chính xác và kịp thời.

Xác định mục tiêu:

Doanh nghiệp cần xác nhận về khả năng tạo ra tác động có ý nghĩa trong khung thời gian cho phép, và đảm bảo cân bằng giữa kỳ vọng và thực tế bằng cách đánh giá phạm vi lợi ích – mất mát tiềm năng dựa trên bối cảnh ràng buộc thời gian.

Mục tiêu và chỉ số nên:

- Được xác định rõ ràng trong phạm vi, phương thức tính toán, các giả thiết, v.v.
- Được kết nối với việc tối ưu giá trị cho các bên liên quan và song hành với chiến lược doanh nghiệp hoặc kết quả quá trình đánh giá chủ đề trọng yếu.
- Chú trọng vào kết quả cuối cùng và áp dụng kết hợp mục tiêu dài hạn với mục tiêu ngắn hạn.
- Song hành với các mục tiêu chiến lược quốc gia, quốc tế cùng với các động thái toàn cầu như các Mục tiêu Khoa học (Science-based targets).

Bước 2 – TIẾN HÀNH VÀ GIÁM SÁT

- Các mục tiêu và KPI cần được hiểu rõ và truyền thông xuyên suốt trong doanh nghiệp.
- Các mục tiêu và KPI nên được tiến hành thống nhất và đo đạc thường xuyên (hàng tháng, hàng quý)

Hộp 19: Sáng kiến Nước tại Heineken[138]

Năm 2019, hãng bia Heineken khởi động chiến dịch toàn cầu "Every Drop" – cam kết của họ cho giai đoạn đến 2030 thể theo Mục tiêu Phát triển Bền vững số 6 của Liên Hợp Quốc. Chiến lược này kết nối tới các lo ngại toàn cầu và hợp lý với bối cảnh kinh doanh của tập đoàn sản xuất bia.

Chiến dịch bao gồm 3 mục tiêu cấp cao: Quản lý nước, Tuần hoàn nước và Sử dụng nước hiệu quả. 3 mục tiêu này lại được chia thành các mục tiêu cụ thể hơn để áp dụng với từng vùng và cơ sở. Chẳng hạn, Sử dụng nước hiệu quả bao gồm giảm lượng nước cần sử dụng xuống mức trung bình là 2,8 Héctôlít nước trên 1 Héctôlít bia (từ mức 3,2 hl/hl) đối với việc sản xuất tại các khu vực có áp lực về nguồn nước, và xuống mức 3,2 Héctôlít nước trên 1 Héctôlít bia (từ mức 3,5 hl/hl) cho các cơ sở trên toàn cầu.

2.1.3.3. Chính sách về phát triển bền vững

Để phương hướng phát triển bền vững thiết lập bởi Hội đồng Quản trị được tiến hành hiệu quả, doanh nghiệp nên phát triển một bộ chính sách phát triển bền vững để truyền đạt định nghĩa, thông điệp và vị trí của doanh nghiệp đối với phát triển bền vững, cũng như các mục

đích dài hạn và những nguyên tắc dẫn đường cho việc đưa ra quyết định, thực hành trong các chủ đề phát triển bền vững.

Thiết kế chính sách phát triển bền vững

- Doanh nghiệp có thể thành lập một chính sách mới hoặc điều chỉnh những chính sách sẵn có.
- Các chính sách phát triển bền vững có tham khảo các tiêu chuẩn và khung chính về ESG (VD. Chứng chỉ ISO 26000, Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc, tiêu chuẩn ngành, v.v.) và song hành với các chủ đề phát triển bền vững trọng yếu của doanh nghiệp.

Triển khai chính sách phát triển bền vững

- Chính sách được thông qua bởi Hội đồng Quản trị và được ký xác nhận bởi thành viên Hội đồng Quản trị.
- Chính sách được truyền thông, hiểu rõ và áp dụng thống nhất xuyên suốt trong doanh nghiệp; được xem xét lại thường xuyên để cập nhật phù hợp với những thay đổi trong chiến lược, mục tiêu doanh nghiệp và các yêu cầu khác (VD. Các thay đổi về hành chính).
- Chính sách được giám sát bằng các mục tiêu và chỉ tiêu/KPI định trước kèm theo vai trò và trách nhiệm rõ ràng.

Hộp 20: IFC FOCUS 15: Hội đồng phát triển bền vững: Cấu trúc và Triển khai[139]

Mục 4.2.1. Chính sách Phát triển bền vững

"Dựa trên Tiêu chuẩn Công tác số 1 của tổ chức IFC về Đánh giá và Quản trị rủi ro và Tác động Môi trường Xã hội, đoạn 6 "Chính sách cung cấp khung cho quá trình đánh giá và quản lý môi trường xã hội, cũng như cụ thể hóa rằng ... các hoạt động kinh doanh ... sẽ tuân thủ các luật và quy định có liên quan..."

Một chính sách tốt xây dựng dựa trên nền tảng của đánh giá về rủi ro phát triển bền vững, cơ hội và tác động của doanh nghiệp, cũng như cách doanh nghiệp đó phản ứng để khai thác cơ hội và giảm thiểu rủi ro hay tác động.

Các tài liệu đi kèm chính sách thường bao gồm cấu trúc, chức năng và các hoạt động (bao gồm việc đưa ra quyết định) có liên quan tới phát riển bền vững trong nội bộ doanh nghiệp. Như đã nói ở trên, cấu trúc có thể bao gồm các chức năng quản lý, các hội đồng và các thành viên hội đồng.

Một nhiệm vụ cơ bản của thành viên hội đồng phát triển bền vững là việc phát triển bộ chính sách phát triển bền vững, hoặc nếu đó là một hội đồng quản lý thì nhiệm vụ là thông qua bộ chính sách. Trong cả 2 trường hợp, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm cuối cùng đối với việc thông qua bộ chính sách phát triển bền vững.

Bộ chính sách phát triển bền vững có thể bao gồm một tài liệu, hay từ hai tài liệu trở lên bao gồm các khung, quy trình phụ trợ, hướng dẫn và quy tắc thực hành. Hình thức bộ chính sách sẽ không quan trọng bằng nội dung cuối cùng."

Hộp 21: Những nhân tố cần cân nhắc khi phát triển chính sách Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội (GESI)[140]

Vào năm 2017, Nhóm làm việc GESI (*một trong các nhóm làm việc dưới quyền Cụm Xã hội của Nhóm đối tác Phát triển quốc tế IDPG – đồng giám bởi Liên Hợp Quốc Phụ nữ và tổ chức Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ*) xuất bản "*Khung chung cho Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội*". Theo đó, khi phát triển bộ chính sách phản hồi tích cực với GESI, các khía cạnh sau đây nên được đưa vào cân nhắc:

- "Các khả năng và giới hạn mà phụ nữ, người nghèo, đối tượng nhạy cảm và bên lề xã hội phải đối mặt khi tiếp cận và sử dụng dịch vụ"
- "Tác động của giới tính, thu nhập, giai cấp/dân tộc, vị trí địa lý đối với nhu cầu, truy cập và sử dụng dịch vụ, cùng với những điều kiện và ưu tiên của nhóm mục tiêu"
- "Các chiến lược và cách tiếp cận khác biệt cần thiết để nâng cao tiếp cận và sử dụng bởi các nhóm mục tiêu khác nhau, và khi không có nhóm mục tiêu, bởi phụ nữ, người nghèo và đối tượng nhạy cảm và bên lề xã hội."
- "Cách tiếp cận dựa trên nhân quyền nên được phổ thông hóa để đảm bảo rằng các nhóm không có quyền lực hay tiếng nói được định vị là nhân tố chủ chốt và quyền lợi của họ được bảo vệ và nâng cao."

2.2. Vận hành

Tầng thứ 2 của khung này là sự triển khai các cấu phần Vận hành theo quản trị và chiến lược ESG. Doanh nghiệp sẽ cần phải tạo ra hệ thống và các thủ tục để củng cố công tác triển khai ESG của cả chuỗi giá trị. Doanh nghiệp cũng cần quyết định những khu vực trọng tâm ESG dựa theo bản chất của các mục đích và mục tiêu của doanh nghiệp.

2.2.1. Quản lý chuỗi cung ứng

Tạo ra giá trị lâu dài được gắn liền với việc đưa phát triển bền vững vào vận hành kinh doanh, đặc biệt là chuỗi cung ứng. Có nhiều cách để tạo ra tác động trực tiếp lên tính bền vững trong việc vận hành chuỗi cung ứng. Ví dụ, cách thức phân phối sản phẩm của một doanh nghiệp – từ lựa chọn loại xe vận chuyển cho đến công suất của những chiếc xe tải đó - đều ảnh hưởng đáng kể đến những kết quả liên quan môi trường. Việc đưa tính bền vững vào vận hành chuỗi cung ứng cũng đem lại nhiều lợi ích gián tiếp. Cách một doanh nghiệp đưa ra chiến lược về nguồn cung hay mức độ minh bạch trong thượng nguồn chuỗi cung ứng có thể ảnh hưởng đến hành vi của nhà cung cấp, như cắt giảm lượng khí thải các-bon của họ hoặc chấm dứt việc bóc lột người lao động.[141]

Dưới đây là các yêu cầu thay đổi đối với chuỗi cung ứng của doanh nghiệp nhằm đáp ứng các vấn đề mang tính bền vững:

- Đảm bảo nguồn cung đa dạng và bền vững
- Cho phép khả năng truy xuất, hiển thị và công bố thông tin
- Giảm thiểu các-bon trong chuỗi giá trị
- Đưa tính tuần hoàn vào mô hình kinh doanh

Mục này sẽ cung cấp hướng dẫn về cách tiếp cận để giải quyết những vấn đề liên quan đến phát triển bền vững trong chuỗi cung ứng và đưa ra những cân nhắc then chốt trong suốt vòng đời của chuỗi cung ứng.

PHƯƠNG PHÁP ỨNG PHÓ VỚI CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TÍNH BỀN VỮNG CỦA CHUỖI CUNG ỨNG

Theo những đề xuất bởi BSR[142] trong việc giải quyết các rủi ro trọng yếu liên quan đến tính bền vững của chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp có thể đi theo 3 bước sau:

Hình 23: 3 bước giải quyết các vấn đề liên quan đến tính bền vững của chuỗi cung ứng.

Bước 1: XÁC ĐỊNH CÁC ƯU TIÊN VỀ TÍNH BỀN VỮNG

Bằng cách tiến hành đánh giá trọng yếu của chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp có thể ưu tiên những mảng rủi ro cao để đưa ra cơ hội tốt nhất cho việc tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi của chuỗi cung ứng, bao gồm những mảng có phát thải khí nhà kính cao và những mảng có khả năng tổn thương cao do các vấn đề khí hậu.

- Phạm vi cho quy trình đánh giá trọng yếu (Xem *Phần 2: Mục 2.1.2* để biết thêm chi tiết): Chuỗi cung ứng tập trung vào các hạng mục có chi tiêu cao và bất kì danh mục nào coi là có mức độ ưu tiên cao như các nhà cung cấp trọng điểm trong kinh doanh hoặc nguyên liệu thô then chốt không được cung cấp trực tiếp.
- Các tham số cần cân nhắc cho việc đánh giá trọng yếu và ưu tiên có thể là hai tiêu chí sau: "phát thải" và "khả năng tổn thương"
  - Về khía cạnh phát thải: được tính điểm dựa trên cấp độ hoặc cường độ phát thải đối với từng vấn đề phát triển bền vững.
  - Về khả năng tổn thương: được tính điểm dựa trên:
    - mức độ mà vấn đề này có nguồn cung từ hệ sinh thái hoặc cơ sở có vị trí địa lý có khả năng bị tổn thương do các vấn đề khí hậu;
    - mức độ mà vấn đề này dựa vào nguồn nguyên liệu đầu vào tự nhiên có khả năng bị tổn thương do các vấn đề khí hậu để sản xuất sản phẩm, ví dụ như nước;
    - mức độ mà vấn đề này dựa vào chuỗi cung ứng và tuyến phân phối mở rộng ở những địa điểm có khả năng bị tổn thương do các vấn đề khí hậu;
    - mức độ của việc đa phần nhà cung cấp không nhận thức đầy đủ về rủi ro hoặc thiếu nguồn lực để giảm nhẹ rủi ro;

- mức độ mà vấn đề này có khả năng tạo ra các rủi ro khác, ví dụ như rủi ro về danh tiếng và thị trường.

Bước 2: HÀNH ĐỘNG VÀ THIẾT LẬP MỤC TIÊU

- HÀNH ĐỘNG: Dựa vào bản chất của những ưu tiên đã được xác định, doanh nghiệp có thể dùng cách tiếp cận có hệ thống để tìm ra những hành động phù hợp nhất với tiềm năng tác động cao nhất.
  - Các hành động đó có thể bao gồm:
    - Nội bộ: Hợp tác với phòng Mua sắm và những phòng ban liên quan để cải thiện yêu cầu và quy trình với mục đích tăng hiệu quả cho việc xem xét các quyết định tìm nguồn cung và mua sắm có tác động đến biến đổi khí hậu.
    - Nhà cung cấp: Đặt ra các yêu cầu và khuyến khích nhà cung cấp cắt giảm phát thải khí, phát triển khả năng thích ứng, và tham gia vào các chương trình có những mục tiêu đó.
    - Mở rộng hợp tác: Hành động hợp tác là việc tham gia, dẫn dắt, bắt đầu các sáng kiến cùng với các doanh nghiệp và các bên liên quan khác. Các sáng kiến đó có thể tập trung vào hàng hóa, ngành, hoặc cộng đồng.
  - Sau khi doanh nghiệp xác định được danh sách các hành động, cần ưu tiên các hành động đó dựa trên cơ sở lý luận vững chắc. Doanh nghiệp có thể xác định các nhân tố ưu tiên như mức độ tham vọng, nguồn lực cần thiết, tiềm năng quy mô và khả năng tác động vào những chỉ số then chốt hoặc khả năng đo lường của kết quả.
- THIẾT LẬP CÁC MỤC TIÊU: Các mục tiêu nên tập trung vào xác định ưu tiên trong chuỗi cung ứng, bao gồm cả cắt giảm khí thải và củng cố những khu vực dễ bị tổn thương. Các mục tiêu này cần đảm bảo thống nhất với các mục tiêu từ trên xuống của toàn doanh nghiệp như được đề cập *ở Phần 2 – Mục 2.1.3.2*

Bước 3: ĐÁNH GIÁ CÁC TÁC ĐỘNG

Để hiểu được hiệu quả của hành động đã tiến hành trong hướng tới đạt được các mục tiêu đã đặt ra và giải quyết các vấn đề nguyên vật liệu trong chuỗi cung ứng, doanh nghiệp cần giám sát, đánh giá và báo cáo lại mỗi hành động. Quy trình giám sát cũng có thể giúp xác định cách tiếp cận và các mục tiêu cần thay đổi.

NHỮNG CÂN NHẮC QUAN TRỌNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG TOÀN BỘ VÒNG ĐỜI CỦA CHUỖI CUNG ỨNG

Chuỗi cung ứng có thể được xem là nhân tố kích hoạt cốt lõi cho một số mục tiêu về phát triển bền vững và cam kết công khai của doanh nghiệp. Phát triển bền vững chuỗi cung ứng bao hàm nỗ lực quản lý các hoạt động về môi trường, xã hội và quản trị trong suốt vòng đời của hàng hóa hoặc dịch vụ - như được miêu tả dưới đây:

Hình 24: Vòng đời chuỗi cung ứng[143]

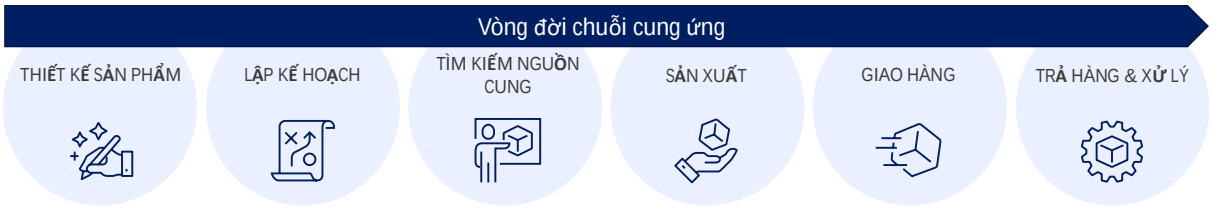

2.2.1.1. Thiết kế sản phẩm

Danh mục sản phẩm cần song hành với các mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp về dấu chân các-bon và môi trường. Đây là một yếu tố quan trọng trong thiết kế cần được cân nhắc ngay từ giai đoạn đầu khi lập kế hoạch cho các sản phẩm mới.

Vì vậy, các sáng kiến về sản phẩm có thể cân nhắc:

- Thiết kế với tuổi thọ cao và đầu tư vào thiết kế theo cấu phần mô-đun.
- Quy trình thiết kế tuần hoàn – Thiết kế hướng tới chuẩn hóa, tương thích, dễ dàng tháo dỡ và tái sử dụng.
- Chuyển dịch từ sản phẩm sang dịch vụ: Sự thay đổi từ hình thức sở hữu sang hình thức sử dụng dịch vụ là trọng tâm của khái niệm kinh tế tuần hoàn.

2.2.1.2. Lập kế hoạch

Lập kế hoạch bền vững nhằm mục đích tạo ra một chuỗi cung ứng linh hoạt có thể đáp ứng kỳ vọng của khách hàng một cách nhất quán đồng thời nhận dạng và giải quyết các trường hợp gây lãng phí. Do đó, khuyến nghị lập kế hoạch chuỗi cung ứng bao gồm:

- Nhu cầu bền vững của khách hàng:
  - Nhấn mạnh tiếp thị "xanh" để đáp ứng nhu cầu của khách hàng về các sản phẩm bền vững.
  - Liên kết nhu cầu với lập kế hoạch, lịch trình cung ứng và các quyết định về nguyên vật liệu trong chuỗi cung ứng.
- Tối ưu hóa kế hoạch về yêu cầu phân phối: Các chỉ số phát triển bền vững nhằm giảm dấu chân và khí thải các-bon có để được thỏa mãn thông qua tối ưu hóa mạng lưới phân phối để tinh giản kênh đưa sản phẩm ra thị trường.
- Giảm thiểu rủi ro hết hàng tồn kho: Một nền tảng nhà cung cấp bền vững bao gồm đa dạng các nhà cung cấp sẽ giảm thiểu rủi ro hết hàng hóa do hạn chế từ phía nguồn cung.
- Giảm thiểu thay đổi trong dây chuyền sản xuất: Kế hoạch và lịch trình cung ứng có thể được tối ưu hóa để giảm thiểu số lần thay đổi, từ đó cắt giảm lượng phát thải các-bon.
- Hợp tác với nhà cung cấp cho phép phản ứng tốt hơn với các biến động của đơn hàng hoặc những sự kiện không thể lường trước được.

2.2.1.3. Tìm kiếm nguồn cung cấp

Mục tiêu tổng quan của việc tìm nguồn cung bền vững là xây dựng mối quan hệ lâu dài với tất cả các nhà cung cấp ở mọi cấp độ, giải quyết rủi ro và xây dựng khả năng tích hợp các yếu tố về xã hội, đạo đức và môi trường vào công tác vận hành của nhà cung cấp.

Quản lý nhà cung cấp bền vững

- Xác định và kết hợp các tiêu chí đánh giá hiệu quả của nhà cung cấp về môi trường và xã hội vào trong vòng đời quản lý nhà cung cấp. Các tiêu chí đánh giá nhà cung cấp về phát triển bền vững cần được rà soát thường xuyên để giải quyết các vấn đề gia tăng. Các yêu cầu hoặc Quy tắc ứng xử song hành với tiêu chuẩn quốc tế dẫn đầu như Hiệp ước toàn cầu của Liên hợp quốc (UNGC) và Liên minh doanh nghiệp có trách nhiệm (RBA).
- Doanh nghiệp chủ động tác động đến các nhà cung cấp để cải thiện công tác phát triển bền vững của họ thông qua các sáng kiến ngành, hợp tác và khuyến khích để đáp ứng các tiêu chuẩn nhân quyền hiện hành và kỳ vọng của các tổ chức phi chính phủ (NGO). Cung cấp chương trình đào tạo cho các nhà cung ứng then chốt để hỗ trợ họ cải thiện. Các nhà cung cấp thể hiện công tác và cải thiện nổi bật được khen thưởng, VD. thông qua công khai ghi nhận hoặc trao cơ hội tiếp cận với doanh nghiệp nhiều hơn.

Mua sắm và tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu thô bền vững

- Xác định và tiến hành các yêu cầu công tác về cắt giảm năng lượng, chuyển đổi chất thải và các yêu cầu khác về sản phẩm mang lại tác động tích cực cho môi trường trong mỗi nhóm sản phẩm.
- Phát triển chiến lược nguồn cung thay thế để giải quyết các rủi ro về suy giảm nguồn cung, chất lượng và biến động giá của các hàng hóa nông sản cốt lõi.
- Nhận dạng các cơ hội về nguồn cung nguyên vật liệu đã qua sử dụng, đóng góp cho nền kinh tế tuần hoàn.
- Chiến lược nguồn cung có trách nhiệm/bền vững gồm có những tiêu chuẩn tối thiểu như tiêu chuẩn lao động.

2.2.1.4. Sản xuất

Sản xuất bền vững nhằm mục đích đạt được tầm nhìn toàn diện về chu trình sản phẩm và tối ưu hóa vòng đời của hệ thống sản xuất, sản phẩm và dịch vụ. Doanh nghiệp nên nhìn vào các khía cạnh sau:

Cơ sở

- Cân nhắc tác động đến cộng đồng;
- Xem xét tính bền vững của các cơ sở mới và kế hoạch cải tạo cơ sở đang hoạt động.

Hoạt động sản xuất

- Tối ưu hóa quy trình để cắt giảm chất thải và tác động đến môi trường.
- Áp dụng cách tiếp cận tuần hoàn cho sản xuất.
- Nâng cao đổi mới trong sản xuất.

Bảo trì

- Kế hoạch về quản lý sự cố và sửa chữa, bảo trì hiệu quả;
- Đào tạo và triển khai các thông lệ về bền vững trong quản lý sửa chữa, bảo trì thiết bị.

Nhân lực

- Triển khai đào tạo về quy trình, các biện pháp, phương án phù hợp để đảm bảo an toàn và ngăn ngừa thương tích;
- Sử dụng KPI để theo dõi, giám sát nhân sự;
- Đảm bảo tính đa dạng và hòa nhập trong doanh nghiệp để thu hút nhân tài.

2.2.1.5. Giao hàng

Một trong những nguyên tắc của việc tối ưu hóa chuỗi cung ứng là quyết định ở thượng nguồn sẽ tác động đến năng suất ở hạ nguồn và ngược lại. Khi giao sản phẩm và dịch vụ, doanh nghiệp có thể cân nhắc các sáng kiến sau:

- Tối ưu hóa tuyến vận chuyển để giảm lượng vận chuyển và thời gian chờ không cần thiết, từ đó, giảm tiêu hao nhiên liệu;
- Xem xét các phương án vận tải xanh hơn. ví dụ: xe chạy bằng điện;
- Tránh lãng phí năng lượng do không tối đa hóa công suất – Giảm không gian và năng lượng lãng phí bằng cách đảm bảo rằng các kho chứa và phương tiện vận chuyển được lấp đầy công suất tối đa;
- Kho chứa được thiết kế thân thiện với môi trường;
- Sử dụng năng lượng hoặc công nghệ tái tạo - Khám phá khả năng kết hợp nhiều năng lượng hoặc công nghệ xanh hoặc tái tạo hơn vào chiến lược logistics;
- Bao bì tiện dụng, an toàn và thân thiện với môi trường;

2.2.1.6. Trả hàng và thanh lý

Doanh nghiệp có thể cân nhắc các sáng kiến:

- Quản lý hoàn trả: Hậu cần đảo ngược (reverse logistics) bền vững có thể cải thiện khả năng hiển thị, tăng năng suất và cải thiện khả năng phản hồi khách hàng. Trong mọi trường hợp, dù doanh nghiệp quyết định tái chế, tân trang hay bán lại sản phẩm bị trả lại, cách tiếp cận tốt nhất là phòng tránh trả hàng ngay từ ban đầu - điều này sẽ phụ thuộc vào các cấu phần khác trong chuỗi xung ứng.
- Cải thiện quy trình tái chế và hướng tới nền kinh tế tuần hoàn.
  - Tăng tỷ lệ tái chế hậu tiêu thụ.
  - Giảm thiểu nguồn lực cần thiết cho việc tái chế.
- Tăng tỉ lệ thành phần tái chế trong nguyên vật liệu thô và tận dụng các nguyên vật liệu nền có thể tái chế nhiều lần.

Hộp 22: Phổ thông hóa Bình đẳng giới và Hòa nhập xã hội trong chuỗi cung ứng thông qua cung cấp đầu vào, đầu ra và dịch vụ[144]

Để triển khai GESI xuyên suốt các chức năng của chuỗi cung ứng có nghĩa là cần cải thiện khả năng tiếp cận của phụ nữ và các nhóm nhạy cảm khác trong quá trình đưa ra quyết định nhằm nâng cao vai trò của họ trong sản xuất và gia tăng thu nhập. Trong bản "Hướng dẫn phổ thông hóa Bình đẳng

giới và Hòa nhập xã hội", tổ chức Aus4Vietnam gợi ý một số biện pháp để triển khai GESI khi cung cấp đầu vào, đầu ra và dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, không chỉ dừng ở:

- "Hợp đồng thu mua đầu vào, đầu ra và dịch vụ nên minh bạch, thông tin về các cơ chế, chi tiết cụ thể và tiêu chuẩn về giá nên được phổ cập cho các thành viên của doanh nghiệp."
- "Tham vấn nữ giới, nam giới và người khuyết tật trong vai trò người cung cấp dịch vụ, nhà cung cấp hay người sử dụng dịch vụ và chuyên gia trong thiết kế và triển khai cơ sở hạ tầng để đảm bảo chức năng, hiệu quả và khả năng tiếp cận của công trình là phù hợp với mọi đối tượng, bao gồm phụ nữ và người khuyết tật (VD. Có nhà vệ sinh an toàn và chia rõ giới tính, mặt phẳng nghiêng dành cho xe lăn trên vỉa hè, nhà vệ sinh chuyên dụng cho người khuyết tật)."
- "Cân nhắc nhu cầu về các dịch vụ tài chính có lợi cho phụ nữ, bao gồm người rất nghèo, các rào cản để tiếp cận mà họ gặp phải và tạo điều kiện tiếp cận cho các bên cung cấp tài chính có thể cho họ các chính sách vay nợ ưu tiên (VD. Nghiệp đoàn Phụ nữ, Ngân hàng chính sách xã hội)."

2.2.2. Quản trị rủi ro

Đưa những cân nhắc về ESG vào khung quản trị rủi ro sẵn có của doanh nghiệp sẽ hỗ trợ đạt được những mục tiêu kinh doanh trong chiến lược và vận hành của doanh nghiệp nói chung và cả về ESG nói riêng. Một hệ thống quản trị rủi ro vững mạnh có thể được tham khảo từ khung rủi ro toàn cầu như Hội đồng Các tổ chức Tài trợ của Ủy ban Treadway (COSO), Khung Khung Quản trị rủi ro Doanh nghiệp ERM – Khung ESG, để đảm bảo sự nhận dạng trên toàn hệ thống và ưu tiên các rủi ro phát triển bền vững gắn với vận hành kinh doanh.

Cấu phần cốt lõi của một khung kiểm soát rủi ro

Để quản lý những rủi ro liên quan tới phát triển bền vững tốt hơn và tiến tới các mục đích, cam kết phát triển bền vững, các doanh nghiệp nên đi theo một khung được cấu trúc bao gồm các thành phần liệt kê bên dưới nhằm tích hợp các cân nhắc phát triển bền vững vào thực hành quản lý rủi ro hiện hành và nâng cao khả năng ứng phó với các ràng buộc phát triển bền vững.

Hình 25: Cấu phần cốt lõi của một khung kiểm soát rủi ro.

Danh mục Rủi ro	Đánh giá rủi ro	Giảm thiểu và kiểm soát rủi ro	Các chỉ số và báo cáo
Xác định các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững và tích hợp vào khung quản trị rủi ro sẵn có	Tìm hiểu các tác động tiềm tàng và tính trọng yếu của rủi ro liên quan đến phát triển bền vững	Xác định các biện pháp ứng phó phù hợp với rủi ro và các quy trình, kiểm soát tương ứng	Xây dựng các phương pháp đo lường định lượng cho các rủi ro và cam kết về phát triển bền vững

a. <u>Cấu phần 1: Danh mục rủi ro</u>

- Cũng giống như bất kì rủi ro nào khác, các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững nên được xác định và ghi nhận khi doanh nghiệp thực hiện xác định và lập danh sách rủi ro, từ đó, sẽ bắt đầu các quy trình kế tiếp của vòng đời quản trị rủi ro.
- Hai hoạt động triển khai phổ biến trong cách thức tích hợp các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững vào kiểm kê rủi ro là:

Hình 26: Lập danh mục rủi ro liên quan phát triển bền vững.

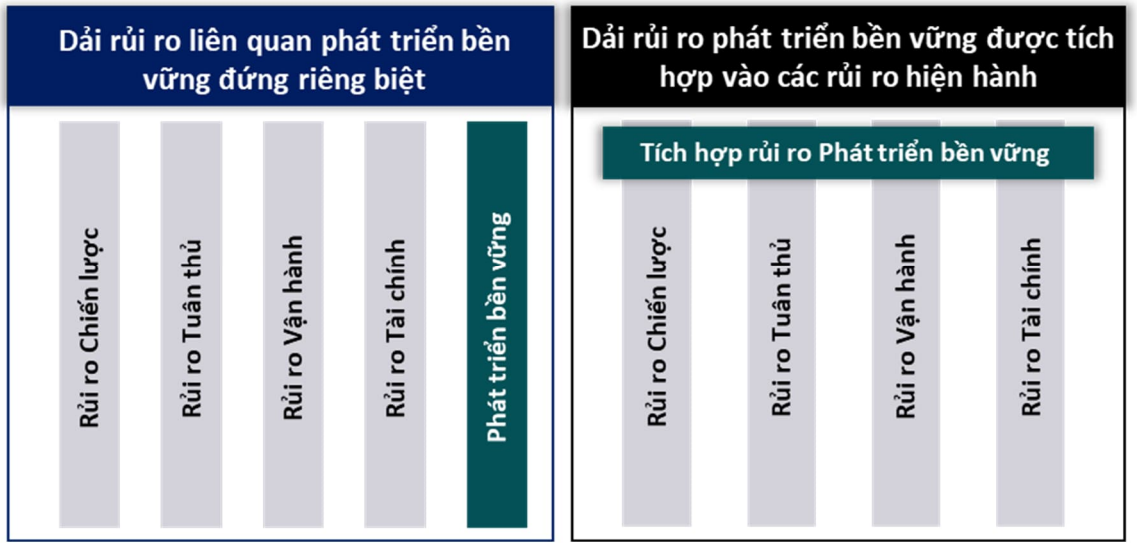

- Các nhóm rủi ro điển hình bao gồm các rủi ro về chiến lược, vận hành, tài chính và tuân thủ pháp lý. Một vài doanh nghiệp có thể có một nhóm rủi ro riêng về "phát triển bền vững" hoặc về "danh tiếng". Tuy nhiên, những rủi ro này thường có thể gộp với các nhóm rủi ro khác (VD. các rủi ro liên quan đến khí hậu thường có bản chất thuộc về vận hành hoặc tài chính). Điều quan trọng là phải đánh giá kỹ lưỡng tác động của các rủi ro về phát triển bền vững lên dải rủi ro.
- Cần sự hợp tác giữa 3 tuyến phòng thủ trong chặng đường này để liên tục củng cố danh mục rủi ro.

- Các rủi ro nên được xác định ở tất cả các cấp độ kinh doanh – đánh giá cho từng cấp chiến lược, bao gồm cấp độ chủ thể, đơn vị kinh doanh, sản phẩm và thị trường/khu vực.
- Các bước để đưa các rủi ro về phát triển bền vững vào danh mục rủi ro có sẵn được miêu tả ở Hình dưới đây.

Hình 27: Các bước để đưa các rủi ro về phát triển bền vững vào kiểm kê rủi ro có sẵn. [145]

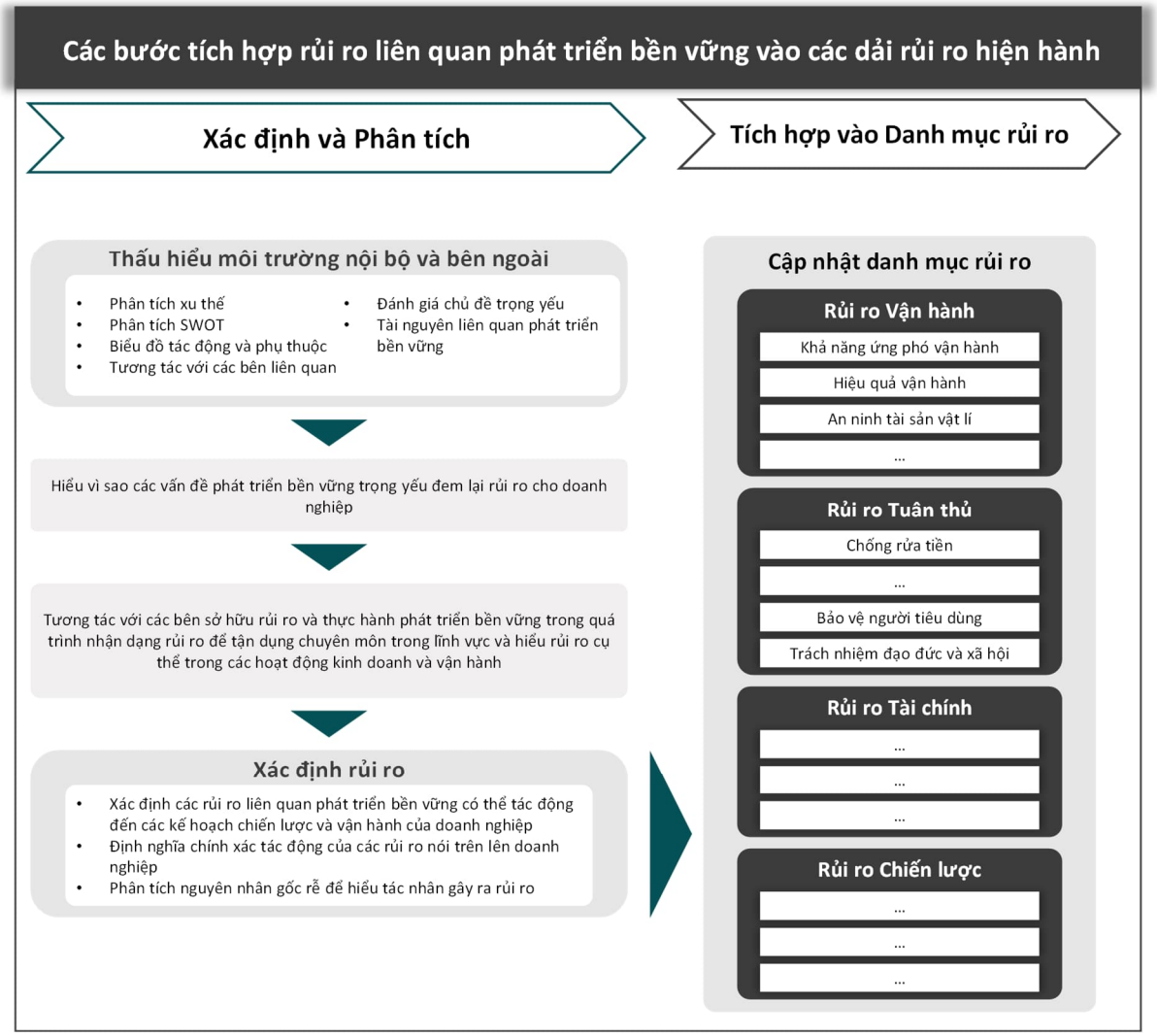

b. Cấu phần thứ hai: **Đ**ánh giá r**ủ**i ro

i. Phương pháp Tiếp cận đánh giá rủi ro

Quy trình hiện tại về đánh giá rủi ro nên được rà soát để đảm bảo doanh nghiệp hiểu rõ hơn về cách các chủ đề trọng yếu về phát triển bền vững chuyển đổi thành các rủi ro tác động lên doanh nghiệp và cách định lượng các tác động riêng biệt của các rủi ro đó với xuyên suốt các bộ phận kinh doanh trong doanh nghiệp.

*Hộp 23: Các cân nhắc **để đ**ánh giá mức **độ** nghiêm trọng c**ủ**a các r**ủ**i ro liên quan **đến** phát triển bền v**ững***[146]

a. Tiêu chí **đ**ánh giá

Mặc dù các tiêu chí chung để đánh giá và xếp hạng ưu tiên rủi ro là tác động và khả năng xảy ra của rủi ro, nhưng việc cân nhắc bổ sung các tiêu chí khác về rủi ro (ngoài tác động và khả năng xảy ra) có thể hữu ích trong việc cung thấp thêm đầy đủ hiểu biết về bản chất và mức độ rủi ro của chủ thể (Xem bảng bên dưới)

Bảng 17: Áp dụng các tiêu chí ưu tiên đối với rủi ro phát triển bền vững (Tham khảo từ khung Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp ERM của COSO)

Tiêu chí	Mô tả	Đối chiếu với rủi ro phát triển bền vững
Khả năng thích ứng	Khả năng của chủ thể để thích nghi và phản ứng với rủi ro	Rủi ro có thể rất lớn và không đoán trước được; tuy nhiên, doanh nghiệp có thể xây dựng các cơ chế thích ứng vào nội tại để phản hồi hoặc hấp thụ rủi ro.
Mức độ phức tạp	Phạm vi và tính chất của rủi ro đối với thành bại của chủ thể	Nhiều rủi ro liên quan đến phát triển bền vững mang tính tương liên, toàn cầu, toàn ngành và thay đổi liên tục. Các doanh nghiệp cần ứng phó với các "thế lực phức tạp và có tính hệ thống với những tác động từ ngắn, trung đến dài hạn."
Tốc độ ảnh hưởng	Tốc độ mà rủi ro tác động đến chủ thể	Rủi ro liên quan đến ESG thường gia tăng và không thấy trước được cho đến khi những sự kiện diễn ra nhanh chóng và đem đến hệ quả khôn lường. Các tác động của biến đổi khí hậu sẽ được hiểu rõ nhất nếu được nghiên cứu dưới góc độ dài hạn hơn dòng thời gian thông thường của quản trị rủi ro.
Mức độ kéo dài	Quãng thời gian rủi ro tác động đến chủ thể	Mức độ nghiêm trọng của rủi ro nên bao hàm khả năng mà tác động có thể là nghiêm trọng, nhất thời (VD. Lốc xoáy, vòi rồng hoặc động đất) so với khả năng vấn đề kéo dài qua thời gian, có thể gây ra tác động liên tục (VD. Nhiệt độ tăng cao hoặc hạn hán không ngừng).
Khả năng phục hồi	Khả năng chủ thể quay lại mức độ chấp nhận được rủi ro	Xem xét doanh nghiệp có thể hồi phục nhanh đến mức nào nếu rủi ro xảy ra hôm nay. Đối với một số vấn đề ESG, tác động là không thể vãn hồi.

b. Các phương pháp tiếp cận để đánh giá mức độ nghiêm trọng của rủi ro liên quan đến ESG

Mục này nhấn mạnh vào bốn phương pháp tiếp cận có thể sử dụng để đo lường mức độ nghiêm trọng của rủi ro liên quan đến phát triển bền vững theo định tính hoặc định lượng như trong Bảng 18. Danh sách dưới đây là chưa đầy đủ và vẫn còn nhiều công cụ khác có thể hỗ trợ về phương pháp tiếp cận để đánh giá mức độ rủi ro dựa trên các bằng chứng, chẳng hạn như phân tích đối thủ cạnh tranh, đánh giá từ các bên liên quan và so sánh ngang hàng cũng như các phương pháp tiếp cận dựa trên dữ liệu cụ thể được hỗ trợ bởi công nghệ và dữ liệu lớn.

Bảng 18: Các phương pháp đánh giá mức độ nghiêm trọng của rủi ro về ESG

Cách tiếp cận	Mô tả	Lợi thế và Bất lợi
Ý kiến của chuyên gia	Phương pháp dự báo dựa trên một hội đồng các chuyên gia (VD. Phương pháp Delphi) hoặc phỏng vấn và thảo luận với các chuyên viên trong lĩnh vực.	• Tương đối nhanh, phân tích trong phạm vi giới hạn • Không phải lúc nào cũng hiệu quả với các rủi ro liên quan ESG khi chuyên gia lĩnh vực không thể tham gia cho ý kiến • Có thể phù hợp với các rủi ro mới xuất hiện khi dữ liệu còn khan hiếm • Cho phép bao gồm nhiều tiêu chí hơn trong thảo luận đánh giá rủi ro ngoài "khả năng" và "tác động", chẳng hạn như tốc độ, khả năng ứng phó.
Dự báo và Đánh giá	Dự báo và đánh giá đưa ra ước tính tác động của một sự kiện trong tương lai dựa trên dữ liệu quá khứ và hiện tại.	• Yêu cầu kỹ năng dự báo và dữ liệu nội bộ và bên ngoài • Yêu cầu khối lượng lớn dữ liệu và các công cụ lập mô hình xác suất
Phân tích kịch bản	Phân tích kịch bản đưa ra và xây dựng các hướng đi khả thi khi mô tả trạng thái tương lai.	• Yêu cầu dự báo và nghiên cứu về các hệ quả tương lai • Cho phép giả lập sự kiện hoặc các gián đoạn
Công cụ chuyên dụng về ESG	Công cụ và các phương pháp trong Bộ công cụ phương thức Vốn tự nhiên (Natural Capital Protocol Toolkit) và Bộ công cụ Phương thức Vốn xã hội & nhân lực (Social & Human Capital Protocol Toolkit).	• Tận dụng các biện pháp đánh giá vấn đề về ESG và theo vị trí địa lý cụ thể • Các mức độ chất lượng và mức độ hoàn thiện khác nhau giữa các công cụ có sẵn

ii. Cân nhắc về dữ liệu, tham số và giả định trong Quản trị rủi ro

Việc đánh giá mức độ nghiêm trọng của rủi ro yêu cầu dữ liệu, tham số và giả định liên quan, khi đó nên dựa trên những cân nhắc sau đây – Xem Bảng 19 bên dưới. Doanh nghiệp được khuyến nghị ghi chép về những cân nhắc đã sử dụng để đảm bảo minh bạch và dễ dàng tái sử dụng cho quá trình đánh giá rủi ro trong tương lai.

Bảng 19: Cân nhắc về dữ liệu, tham số và giả định[147]

Khía cạnh	Cân nhắc
Bộ dữ liệu	• Có thể thu thập dữ liệu sơ cấp hay thứ cấp nào để làm đầu vào cho công cụ đo lường? • Công cụ và khung nào có thể được áp dụng để hỗ trợ đánh giá rủi ro liên quan phát triển bền vững? • Những giả thiết nào đi kèm dữ liệu mà doanh nghiệp lựa chọn? • Dữ liệu đáng tin cậy đến mức nào?

Khía cạnh	Cân nhắc
	• Dữ liệu có áp dụng với phạm vi rủi ro đã định hình không?
Thời gian	• Phân tích nên cân nhắc về khoảng thời gian nào? (VD. Kế hoạch chiến lược; 5, 15 hay 30 năm?)
Phạm vi	• Phân tích nên áp dụng với cấp độ nào của doanh nghiệp (VD. Phòng ban, chức năng và đơn vị vận hành) và chuỗi giá trị (VD. Nguồn cung, vận hành và thị trường)?
Lãi suất chiết khấu	• Xác suất của các sự kiện tương lai và thời gian của dòng tiền được sử dụng trong các ước tính về tiền tệ? • Những ước tính nói trên có được thiết lập với đủ chuyên môn trong lĩnh vực hay dẫn chứng trong quá khứ để áp dụng lãi suất chiết khấu hay không?

Đánh giá mức độ nghiêm trọng của rủi ro yêu cầu các bộ dữ liệu chất lượng, việc này có thể là một thách thức đối với các doanh nghiệp thực hiện định lượng rủi ro liên quan phát triển bền vững lần đầu. Hướng dẫn của Tổ chức COSO và WBCSD về mô hình Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp (ERM) cho các rủi ro liên quan phát triển bền vững vào 2018 cung cấp các nguồn dữ liệu ví dụ dưới đây làm khởi điểm cho doanh nghiệp nhận dạng dữ liệu sơ cấp và thứ cấp có thể thu thập cho đánh giá rủi ro.

Bảng 20: Nguồn dữ liệu gợi ý cho đánh giá rủi ro phát triển bền vững[148]

	Nguồn dữ liệu	Ví dụ
Sơ cấp	Dữ liệu nội bộ doanh nghiệp	Chi tiêu cho nhà cung cấp, công tác bán hàng, tiêu thụ nước, phát thải khí nhà kính
	Kết quả khảo sát	Khảo sát nhân viên, nhà cung cấp hoặc khách hàng
	Phỏng vấn hoặc các nhóm tập trung	Đối thoại sâu với các nhóm có nguy cơ rủi ro, như nhân viên, các tổ chức phi chính phủ và cộng đồng
Thứ cấp	Dữ liệu lớn (Big data) và Chỉ số lớn (Big indicators)	Các chỉ số toàn cầu với độ chi tiết cao và được sản xuất liên tục để theo dõi thay đổi trong sức khỏe của các hệ thống quan trọng nhất của Trái đất trên thời gian thực
	Nghiên cứu học thuật	Nghiên cứu tin cậy về thiên nhiên và quy mô của một vấn đề phát triển bền vững, như rác thải nhựa hoặc rác thải điện tử
	Phỏng vấn với bên thứ ba hoặc chuyên gia trong lĩnh vực	Phỏng vấn có thể áp dụng phần mềm Delphi để thảo mô hình; các tổ chức phi chính phủ có thể cung cấp hiểu biết về các cộng đồng mà doanh nghiệp không tiếp cận được
	Dữ liệu từ chính phủ hoặc viện nghiên cứu	Dữ liệu mở, khảo sát ngân sách hộ gia đình, khảo sát sức khỏe theo nhân khẩu hoặc các nền tảng dữ liệu thu thập khác

	Nguồn dữ liệu	Ví dụ
	Dữ liệu hoặc báo cáo ngành hoặc các doanh nghiệp cùng ngành	Dữ liệu cụ thể chuyên ngành như năng lượng, dữ liệu về tuân thủ hay chi phí, hoặc các giả thiết suy ra từ thông tin đại chúng
	Phân tích có sẵn	Phân tích được hoàn thiện nội bộ hoặc từ bên ngoài cho các mục đích khác, chẳng hạn về các gián đoạn trong chuỗi cung ứng hoặc chi phí đi kèm với các vấn đề an toàn thực phẩm
	Sản phẩm đầu ra từ các công cụ đề cập trong Bộ công cụ Phương thức Vốn tự nhiên (Natural Capital Protocol Toolkit) và Bộ công cụ Phương thức Vốn xã hội & nhân lực (Social & Human Capital Protocol Toolkit)	Thông tin hoặc kết quả sử dụng công cụ (VD. Dấu chân đa dạng sinh học) có thể được sử dụng làm đầu vào cho đánh giá rủi ro tiền tệ
	Giá trị xã hội quốc tế (SVI) Trao đổi giá trị toàn cầu	Nền tảng dữ liệu mở về giá trị, hệ quả, chỉ báo kỹ thuật và các bên liên quan tập trung vào xã hội và môi trường

c. Cấu phần thứ ba: Giảm thiểu và kiểm soát rủi ro

Khi doanh nghiệp đã xác định và đánh giá được các rủi ro trọng yếu liên quan đến phát triển bền vững, cần phải xây dựng các hành động giảm thiểu và kiểm soát rủi ro đó một cách liên tục (như đã được thực hiện đối với các rủi ro khác).

Cần lựa chọn các biện pháp ứng phó với rủi ro một cách phù hợp dựa vào các nhân tố cụ thể theo từng chủ thể (VD: chi phí, lợi ích và khẩu vị rủi ro). Doanh nghiệp nên nghiên cứu và tận dụng hướng dẫn từ các tổ chức phi chính phủ (như các Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh và Nhân quyền của Liên Hợp Quốc[149]), các tiêu chuẩn đã được công bố (như Tiêu chuẩn ISO về Chất lượng Không khí[150] hoặc Phát thải khí nhà kính[151]) và các nguyên tắc (như bộ Nguyên tắc Xích đạo[152], bộ Nguyên tắc về Đầu tư có Trách nhiệm[153] và bộ nguyên tắc của các nhóm ngành hoặc được chứng nhận).

Các khuyến nghị cho việc giảm thiểu và kiểm soát rủi ro:

- Thành lập và phân công các vai trò, trách nhiệm mới để hỗ trợ chủ thể rủi ro và kiểm soát rủi ro liên quan đến phát triển bền vững.
- Thành lập các kênh giao tiếp và mô hình tương tác rõ ràng giữa các chức năng phát triển bền vững với rủi ro và kiểm soát rủi ro về phát triển bền vững để chia sẻ kiến thức và hợp tác trong kiểm soát triển khai.
- Phát triển hoặc cập nhật các chính sách và thủ tục về cách doanh nghiệp tiếp cận phát triển bền vững, đồng thời triển khai quản lý thay đổi nghiêm ngặt.
- Tích hợp các rủi ro trọng yếu về phát triển bền vững và kiểm soát đền bù vào trong các chương trình và thử nghiệm hiện hành.

d. Cấu phần thứ tư: Các chỉ số và báo cáo

Doanh nghiệp nên cân nhắc:

- Tạo ra các chỉ tiêu toàn điện để hỗ trợ rủi ro về phát triển bền vững đang gia tăng.
- Truyền đạt thông tin rủi ro liên quan đến phát triển bền vững cho các bên liên quan ở cả nội bộ và bên ngoài doanh nghiệp, và ở đa cấp độ: sử dụng các kênh giao tiếp để hỗ trợ quản lý rủi ro doanh nghiệp để đáp ứng các nghĩa vụ pháp lý và hỗ trợ việc đưa ra quyết định của các bên liên quan.
- Tận dụng hệ thống thông tin và công nghệ trong doanh nghiệp để hỗ trợ quản lý rủi ro. Các hệ thống hiện hành phải được điều chỉnh để thu thập và tổng hợp dữ liệu do nhiều rủi ro về phát triển bền vững có tính chất đặc thù.
- Liên tục xác định các cơ hội cho việc cải thiện chất lượng dữ liệu về phát triển bền vững được báo cáo từ cả trong và ngoài doanh nghiệp.

2.2.3. Tương tác với các bên liên quan

Tương tác với các bên liên quan là yếu tố then chốt để tích hợp phát triển bền vững vào chiến lược và vận hành của doanh nghiệp. Đó cũng là công cụ quan trọng để xác định các chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững, rủi ro về phát triển bền vững và phát triển các chiến lược để đảm bảo kiến tạo giá trị và lợi nhuận bền vững, dài hạn[154]. Vì vậy, tương tác với các bên liên quan có thể diễn ra trong hoạt động kinh doanh thường xuyên ví dụ như liên lạc hàng ngày với khách hàng và nhà cung cấp hoặc tương tác rộng hơn và liên tục như một phần của việc lập kế hoạch chiến lược và đánh giá rủi ro.

2.2.3.1. Xác định và lập bản đồ các bên liên quan

Trong suốt chuỗi giá trị của một doanh nghiệp, có đa dạng và mâu thuẫn trong tác động và lợi ích từ các bên liên quan. Vì thế, điều quan trọng là phải xác định chúng chính xác và xử lý hiệu quả.

Xác định các bên liên quan

Nhìn chung, có 2 khía cạnh để nhận dạng các bên liên quan. Tùy thuộc vào quan điểm của doanh nghiệp, một trong hai khía cạnh có thể đáng chú ý hơn khía cạnh còn lại.

- Dựa trên tác động: Cách tiếp cận hệ thống xác định các vùng tác động đến môi trường, xã hội và kinh tế xuất phát từ những cấu phần then chốt trong thiết kế dự án hoặc hoạt động vận hành. “Phân vùng tác động” có thể bao trùm tới các tác động, cả tức thời và dài hạn, tích lũy trong vận hành quy mô lớn.
- Dựa trên lợi ích: Cách tiếp cận chiến lược bao hàm các đối tượng nằm ngoài vùng chịu tác động trực tiếp hoặc nghiêm trọng nhưng vẫn có sự quan tâm đến doanh nghiệp. Cách này nhằm làm rõ động cơ hoặc ảnh hưởng tiềm ẩn đến các dự án hoặc hoạt động vận hành.

Xếp hạng ưu tiên

Doanh nghiệp có thể ưu tiên các nhóm khác nhau dựa trên tính chất và mức độ nghiêm trọng của tác động cũng như khả năng ảnh hưởng của các nhóm này đến kinh doanh. Mức độ tương

tác nên được đẩy mạnh và thường xuyên hơn với các nhóm bị ảnh hưởng nặng nề cùng với các nhóm có khả năng tác động nhiều hơn đến doanh nghiệp. [155]

Hộp 24: Sổ tay về Tương tác với các bên liên quan của tổ chức IFC[156]

Mục 1. Nhận dạng và Phân tích các bên liên quan

"Đối với các dự án phức tạp có khả năng tác động đến con người và môi trường ở một vùng địa lý rộng lớn hoặc ảnh hưởng đến các nhóm nhạy cảm, việc tổng hợp thông tin kinh tế xã hội để phân phối đến nhân viên dự án hoặc chuyên gia tư vấn làm việc trong quy mô dự án được đề xuất có thể chứng minh hữu dụng. Thu thập trước các loại hình dữ liệu nói trên có thể giúp đảm bảo rằng mọi hoạt động có sự tương tác từ các bên liên quan trong tương lai đều phù hợp về văn hóa ngay từ ban đầu, và các nhóm nhạy cảm hoặc dễ gặp bất lợi nhất bởi dự án được đề xuất được nhận dạng ngay từ sớm."

2.2.3.2. Cách thức tương tác với các bên liên quan

Tương tác với các bên liên quan nên được nhìn qua lăng kính dài hạn và lập kế hoạch từ sớm để giảm nhẹ các rủi ro về kinh doanh và danh tiếng. Sẽ là không đủ nếu doanh nghiệp thực hiện lôi kéo các bên liên quan một khi vấn đề đã phát sinh hoặc coi các tương tác như những thủ tục bên ngoài chỉ cần thực hiện một lần. Cần thực hiện các biện pháp để đảm bảo doanh nghiệp có một cách tiếp cận bền vững trong tương tác với các bên liên quan, như được đề cập dưới đây.

Công bố thông tin một cách khách quan, có ý nghĩa và nhất quán[157]

Thông tin được doanh nghiệp công bố nhằm mục đích giúp các bên liên quan đưa ra quyết định tốt hơn về các vấn đề ảnh hưởng đến cuộc sống của họ, dù trên phương diện kinh tế, môi trường hay xã hội. Vì vậy, thông tin không nên được tinh chỉnh, chẳng hạn như phóng đại các tin tức tốt hoặc đánh giá thấp những tác động tiêu cực. Điều quan trọng là các bên liên quan phải nhận được thông tin một cách rõ ràng, nhất quán, dù cho thông tin đó là từ đơn vị kinh doanh ở địa phương hay đại diện cấp cao từ doanh nghiệp.

Cách thức và địa điểm phù hợp

Tương tác với các bên liên quan trong một môi trường họ cảm thấy thoải mái sẽ làm tăng độ minh bạch và hiệu quả của quy trình. Trong trường hợp tương tác với các cộng đồng bị ảnh hưởng và đặc biệt là các nhóm nhạy cảm, việc lựa chọn hình thức, ngôn ngữ và cấp độ chi tiết chuyên ngành sẽ tạo ra khác biệt lớn trong khả năng tiếp cận và hiểu rõ thông tin. Chủ động tạo quan hệ đối tác với các tổ chức cộng đồng và các tổ chức phi chính phủ có thể là nguồn lực hữu dụng trong khía cạnh này. [158]

Tạo cơ hội giao tiếp hai chiều

Một khi các bên liên quan hiểu rõ quyền yêu cầu của mình, doanh nghiệp nên tạo điều kiện để họ bày tỏ các đề xuất và mối quan ngại, ví dụ như quy trình tham vấn, diễn đàn với các bên liên quan hoặc cơ chế khiếu nại. Các bên liên quan thuộc về nhóm có tiềm năng tác động lớn

sẽ được đề nghị gia nhập vào quy trình về Tham vấn và Tham gia có nhận thức (ICP), cho phép các bên trao đổi thông tin sâu hơn và tham gia ở các cấp độ cao hơn trong việc đưa ra quyết định kinh doanh. [159]

2.2.3.3. Hệ thống quản lý tương tác

Tương tác với các bên liên quan là quy trình phức tạp, diễn ra liên tục, đòi hỏi phải có các hệ thống được định hình, nhân viên chuyên nghiệp dưới sự giám sát của quản lý cấp cao tương tự các chức năng kinh doanh khác. Yêu cầu này tương đương với việc đặt ra một số nhân tố nhất định để hỗ trợ giám sát tương tác.

Hệ thống ghi nhận cam kết và ghi nhận vấn đề

Trong quy trình quản lý môi trường và xã hội, tồn tại rất nhiều cam kết khác nhau được đưa ra tương ứng với các vấn đề khác nhau từ các bên liên quan. Một hệ thống chính thức dành riêng cho việc ghi chép và theo dõi các cam kết về phát triển bền vững sẽ hỗ trợ hiệu quả cho các kế hoạch hành động và vấn đề tuân thủ nội bộ, cũng như cung cấp dữ liệu cho báo cáo về phát triển bền vững theo tiêu chuẩn.

Hệ thống quản lý khiếu nại

Việc ghi lại nguồn của các khiếu nại, bản chất nội dung khiếu nại, hành động kèm theo và kết quả xử lý khiếu nại đóng vai trò quan trọng trong việc nắm bắt và phản hồi với các quan ngại của các bên liên quan. Ngoài việc nâng cao nhận thức và hiểu biết về các điểm yếu của doanh nghiệp liên quan đến phát triển bền vững, các tài liệu này còn có thể là cơ sở dữ liệu giá trị để chuẩn bị cho việc ứng phó với các rủi ro cũng như đào tạo nhân sự, chẳng hạn như nội dung khiếu nại thường gặp và nhân lực được ủy quyền để giải quyết chúng theo cách nào.

Công cụ, kỹ thuật và phương pháp tham vấn

Bên cạnh các hệ thống chính thống và liên tục tương tác với các bên liên quan, có một số bên yêu cầu những hình thức giao tiếp khác từ doanh nghiệp để gia tăng mức độ tham gia và thu thập phản hồi trung thực. Những hình thức này có thể là các cuộc phỏng vấn nửa cấu trúc, thảo luận nhóm, công cụ tạo lập sơ đồ trực quan, v.v. và tập trung nhằm trao quyền cho các đối tượng hơn là khai thác thông tin. Theo Sổ tay Tương tác với các bên liên quan của tổ chức IFC, "*Các phương pháp tham vấn có thể đặc biệt hữu dụng khi xây dựng giải pháp tích hợp cho các vấn đề phức tạp hoặc khi tương tác với các nhóm phụ cụ thể trong một cộng đồng (VD. Phụ nữ, người trẻ, các nhóm nhạy cảm, nhóm thiểu số hoặc người cao tuổi)*". [160]

Hộp 25: Các sai lầm dễ mắc phải trong triển khai các công cụ, kỹ thuật và phương pháp tham vấn

Trong một hệ thống các cách tiếp cận tham vấn nhằm củng cố bình đẳng và hòa nhập, vẫn có thể có những sai sót và điểm thiếu hiệu quả đi ngược lại mục đích ban đầu. Những tình huống này có thể khiến vấn đề trở nên nghiêm trọng hơn, vì vậy yêu cầu doanh nghiệp phải nỗ lực dự đoán và quản lý các "lỗ hổng" được chỉ ra bởi tổ chức Dịch vụ từ thiện Xuyên biên giới (Voluntary Service Overseas (VSO)) trong tài liệu "Tiếp cận tham vấn – Hướng dẫn dành cho người chủ trì":

- Các đối tượng khác nhau có cách hiểu khác nhau về việc tham gia
- Các dự án "tham vấn" trên danh nghĩa vẫn bị chi phối bởi phương pháp tập quyền – không có sự chia sẻ trao quyền và quyết định thật sự.
- Các công cụ tham vấn được sử dụng theo một hướng khai thác hơn là trao quyền.
- Ràng buộc thời gian đẩy nhanh quá trình.
- Các ràng buộc thời gian làm quá trình bị triển khai vội vàng
- Các đơn vị tại địa phương có hành động phá hoại quá trình tham gia.

2.3. Dữ liệu và báo cáo

2.3.1. Công bố thông tin phát triển bền vững

Xem Phần 3 của Sổ tay.

2.3.2. Dữ liệu về ESG và Giải pháp công nghệ hỗ trợ

2.3.2.1. Quản lý dữ liệu

Việc thiết lập dữ liệu về ESG nhằm phục vụ doanh nghiệp tự đánh giá triển khai công tác phát triển bền vững và thích ứng với các yêu cầu báo cáo phát triển bền vững hoặc các kì vọng của bên liên quan, chẳng hạn như nhà đầu tư, khách hàng, kiểm toán viên và đối tác. Tích hợp dữ liệu phát triển bền vững vào hệ thống dữ liệu doanh nghiệp sẽ cung cấp một cái nhìn xuyên suốt từ nguồn dữ liệu đến khâu sử dụng dữ liệu.

Thách thức đối với Quản lý dữ liệu về ESG[161]

- ESG yêu cầu tích hợp dữ liệu mới từ các nguồn bên ngoài và đưa ra những tình huống sử dụng mới cho dữ liệu nội bộ từ các hệ thống Vận hành và Quản lý Nguồn nhân lực.
- Dữ liệu về ESG cuối cùng sẽ được sử dụng bởi toàn bộ doanh nghiệp, không chỉ bộ phận Rủi ro hay Phát triển bền vững.
- Mọi dữ liệu về ESG phải có dẫn chứng và giải trình được.
- Sẽ có sự khác biệt trong chất lượng dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu nội bộ và có thể có lỗ hổng trong cả bộ dữ liệu nội bộ và bên ngoài.
- Những giải pháp mang tính "công thức" sẽ trở nên lạc hậu nhanh chóng do các luật lệ và yêu cầu sẽ còn tiếp tục tiến hóa trong tương lai.

Những cân nhắc then chốt đối với Quản lý dữ liệu phát triển bền vững

a. Cân nhắc về quản trị dữ liệu

- Quản trị dữ liệu phát triển bền vững nên là một phần của nỗ lực quản trị dữ liệu toàn doanh nghiệp nhằm cải thiện hiệu suất và hiệu quả công việc.

- Doanh nghiệp nên xác định quyền và chủ sở hữu dữ liệu, các tiêu chuẩn và chính sách, quy trình và thủ tục cho việc khởi tạo, di chuyển, sử dụng, lưu trữ, duy trì và loại bỏ thông tin.

b. Cân nhắc về quản lý dữ liệu

- Doanh nghiệp cần phải hiểu các mục tiêu và mục đích chiến lược kinh doanh để định nghĩa cách thức sử dụng dữ liệu ESG cho báo cáo và hỗ trợ các hoạt động phân tích đối với tất cả các phòng ban chức năng, bao gồm quản lý, tài chính, vận hành và rủi ro. Yêu cầu của các nhóm người dùng khác nhau cũng nên được hiểu rõ.
- Một nền tảng duy nhất dành cho việc thu nhập, kiểm định và kiểm soát dữ liệu sẽ giảm thiểu rủi ro dữ liệu, điều hướng hiệu quả và thiết lập nguồn dữ liệu đáng tin cậy.
- Dữ liệu mới dẫn tới các cổng sử dụng mới, yêu cầu doanh nghiệp cần phải truyền thông hoặc tạo điều kiện tập huấn về các giải pháp công nghệ (VD. Hệ thống quản lý và phân tích dữ liệu) cho người dùng, đặc biệt là nhân lực.
- Doanh nghiệp nên đánh giá độ hoàn thiện, chuẩn xác, thống nhất, kịp thời và chính xác của dữ liệu từ nguồn đến khâu báo cáo. Các vấn đề về dữ liệu nên được xử lý qua các điểm kiểm soát đã định sẵn.

2.3.2.2. Giải pháp công nghệ cho Quản lý dữ liệu

Có rất nhiều khía cạnh của khung Quản lý dữ liệu phát triển bền vững mà công nghệ có thể đóng vai trò cốt yếu trong việc nâng tầm các khía cạnh quan trọng ở đầu ra. Công nghệ nên được cân nhắc toàn diện trong toàn bộ chu trình báo cáo, từ khâu chuẩn bị, phân phối đến sử dụng.

Các hệ thống quản lý dữ liệu

Dựa trên bức tranh đặc thù của doanh nghiệp về giá trị, có nhiều hệ thống khác nhau để áp dụng vào việc tích hợp thông tin tài chính và phi tài chính, từ đó cải thiện tính truy xuất, tiếp cận và hiệu quả trong sử dụng thông tin. Chẳng hạn, hệ thống Quản lý Metadata tập trung vào dẫn xuất dữ liệu và hình dung dữ liệu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp chia sẻ kiến thức và báo cáo hiệu quả.

Các kỹ thuật sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI)

Trên lộ trình phân tán hóa việc xử lý dữ liệu và củng cố tập trung hóa quyết định, máy học (Machine Learning (ML) cùng với các thuật toán minh bạch của trí tuệ nhân tạo (AI) và xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) có thể đánh dấu các vấn đề trọng yếu, thông tin trùng lặp hay những rủi ro và cơ hội đang gia tăng trong khối lượng lớn dữ liệu cần xử lý.

Bên cạnh hai khuyến nghị nổi bật trên đây, có rất nhiều giải pháp công nghệ cụ thể theo ngành có thể sử dụng để hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác và báo cáo phát triển bền vững. Dưới đây là một số gợi ý của Hội đồng Tư vấn Báo cáo Tài chính Châu Âu (EFRAG).

Hình 28: Giải pháp công nghệ cụ thể theo ngành có thể sử dụng để hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác và báo cáo phát triển bền vững. [162]

Giải pháp công nghệ	Đóng góp về thông tin tương ứng với giải pháp công nghệ							
Công nghệ chuỗi khối Blockchain	Tính tin cậy trong biểu đạt	Khả năng so sánh	Tính trọng yếu/liên quan					
Hình ảnh vệ tinh	Tính tin cậy trong biểu đạt	Khả năng kiểm định/Độ tin cậy	Tính trọng yếu/liên quan					
Dữ liệu có cấu trúc (XBRL)	Tính tin cậy trong biểu đạt	Khả năng so sánh	Khả năng kết nối	Dễ hiểu				
ESAP	Khả năng kiểm định/Độ tin cậy	Tính kịp thời	Hòa hợp các bên liên quan	Khả năng so sánh				
Đa nền tảng	Tính tin cậy trong biểu đạt	Tính kịp thời	Hòa hợp các bên liên quan	Khả năng kết nối	Dễ hiểu			
Quản lý dữ liệu	Tính tin cậy trong biểu đạt	Khả năng kiểm định/Độ tin cậy	Tính kịp thời	Tính trọng yếu/liên quan	Tính mạch lạc			
Trí tuệ nhân tạo	Tính tin cậy trong biểu đạt	Khả năng so sánh	Khả năng kiểm định/Độ tin cậy	Khả năng kết nối	Tính kịp thời	Hòa hợp các bên liên quan	Tính trọng yếu/liên quan	Tính mạch lạc

2.4. Giám sát

2.4.1. Soát xét và xác nhận nội bộ

Chức năng kiểm toán nội bộ nên thực hiện xem xét đầy đủ các rủi ro kinh doanh, bao gồm cả các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững. Các rủi ro này cần được đánh giá lại thường xuyên, kịp thời và sau các sự kiện không mong muốn. Đội ngũ kiểm toán nội bộ cần có kỹ năng và kinh nghiệm toàn diện trong phát triển bền vững; các chuyên gia trong chủ đề trọng yếu ở nội bộ và từ bên ngoài cần tham gia vào một số hoạt động kiểm toán cụ thể.

2.4.2. Soát xét và xác minh độc lập bởi bên thứ ba

Doanh nghiệp cũng nên cân nhắc các yêu cầu về soát xét và xác minh độc lập bởi bên thứ ba bao gồm:

- Soát xét và xác minh độc lập được thực hiện bởi bên thứ ba cung cấp dịch vụ với kiến thực và kinh nghiệm phát triển bền vững toàn cầu.
- Sự soát xét và xác minh độc lập được thực hiện đối với tất cả các KPI và các công bố tới một mức độ phù hợp.
- Kiểm định độc lập bởi bên thứ ba dựa trên phương pháp phổ biến trong kế toán (VD. ISAE 3000) và giao thức (VD. ISO 14065); các quy trình kiểm soát nội bộ tương quan cùng các tiêu chuẩn kiểm định độc lập.

PHẦN 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG

1. Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững

Dưới đây là lộ trình hướng dẫn các bước để xây dựng báo cáo phát triển bền vững, được đưa ra dựa trên các khuyến nghị của Khung Báo cáo Tích hợp (Integrated Reporting Framework (<IR>)).[163]

Hình 29: Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát triển bền vững.

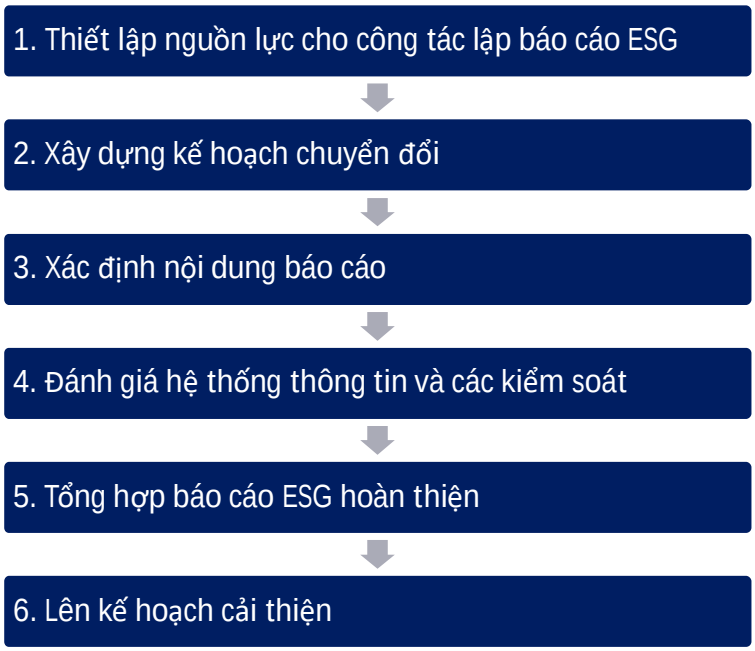

1.1 Thiết lập nguồn lực cho công tác lập báo cáo ESG

Để đạt được các cam kết trong thực hành báo cáo và đảm bảo hiệu quả về phát triển bền vững cần có sự lãnh đạo của Ban điều hành cấp cao và sự ủng hộ xuyên suốt của Hội đồng Quản trị. Toàn bộ doanh nghiệp cần được truyền thông về việc phát triển bền vững là vấn đề trực thuộc chương trình nghị sự của Hội đồng Quản trị và nhất thiết cần có sự tham gia của tất cả các nhân sự.

Do vậy, cần phải thành lập một nhóm công tác chuyên trách về xây dựng báo cáo phát triển bền vững với vai trò và trách nhiệm rõ ràng, được ủy quyền để tiến hành triển khai thực tế, đối với toàn bộ các công tác bao gồm chuẩn bị nội dung, kiểm tra chất lượng, cải thiện liên tục và cập nhật tiến độ. Do việc lập báo cáo phát triển bền vững cần đến nguồn lực từ nhiều phòng ban, chức năng trong doanh nghiệp, nhóm công tác chuyên trách nói trên cần tương tác và tham vấn các đại diện từ các phòng ban chức năng trong suốt quá trình lập báo cáo.

Doanh nghiệp nên thành lập một cơ sở lưu trữ thông tin phát triển bền vững chung, với chức năng như một công cụ chia sẻ kiến thức. Thêm vào đó, tất cả lịch sử phiên bản của thông tin nên được lưu trữ để tham chiếu về sau, đặc biệt trong trường hợp cần đính chính thông tin báo cáo phát triển bền vững.

1.2 Xây dựng kế hoạch chuyển đổi

Tùy thuộc vào lựa chọn về cách tiếp cận trong lập báo cáo ESG của doanh nghiệp (xây dựng một báo cáo riêng biệt hay tích hợp vào báo cáo hiện hành), cần xây dựng một kế hoạch chuyển đổi phù hợp, bao gồm các hoạt động thực hiện, trách nhiệm của các bên, thời gian triển khai và sản phẩm đầu ra liên quan.

Doanh nghiệp có thể thực hiện đánh giá các khoảng cách, thiếu sót hiện có trong công tác báo cáo phát triển bền vững để xác định những điểm cần thay đổi, dựa trên danh mục các nội dung báo cáo theo thông lệ trong mục 3. Các thông tin sẵn có nên được đánh giá về độ tin cậy và mức độ hoàn thiện.

Dựa trên các đánh giá đó, doanh nghiệp có thể kết nối các thông tin phát triển bền vững liên quan tới các nguồn dữ liệu và nhóm công tác chuyên trách tương ứng. Đối với các trường thông tin chưa được báo cáo theo yêu cầu, nguyên nhân gốc rễ nên được điều tra cụ thể. Nếu thông tin chưa từng được thu thập trước đó, nhóm công tác phát triển bền vững sẽ cần phối hợp với các chức năng để thiết lập một hệ thống thu thập thông tin.

1.3 Xác định nội dung báo cáo

Đầu tiên, doanh nghiệp có thể dự thảo các chủ đề báo cáo tổng quát dựa trên danh mục các nội dung báo cáo theo thông lệ trong Mục 3.

Tiếp theo, doanh nghiệp sẽ phải lựa chọn những chủ đề ở cấp độ chi tiết - được xem là quan trọng nhất đối với doanh nghiệp và các bên liên quan. Để nhận dạng các chủ đề trọng yếu, doanh nghiệp có thể sử dụng nhiều phương thức, bao gồm thông qua tương tác với các bên liên quan, so sánh tương quan với các tổ chức khác (benchmark), hoặc phân tích rủi ro. Cách đánh giá chủ đề trọng yếu được hướng dẫn chi tiết trong *Phần 2 - mục 2.1.2* của Sổ tay này. Thông qua việc báo cáo những chủ đề trọng yếu, doanh nghiệp có thể mô tả về phương thức tạo ra giá trị cho doanh nghiệp và các bên liên quan.

Khi các nội dung báo cáo đã được quyết định, nhóm công tác chuyên trách phát triển bền vững sẽ cần xác định cách thức trình bày thông tin tối ưu cho các bên sử dụng báo cáo. Thông tin định lượng và định tính sẽ được sử dụng cùng các công cụ trực quan như biểu đồ và đồ họa thông tin để tối ưu hiệu quả. Mặc dù thông tin định lượng cung cấp cái nhìn về các xu thế, một đoạn tường thuật miêu tả rõ ràng và liền mạch có thể nêu bật lên được những thông tin giá trị về dữ liệu đưa ra.

Xuyên suốt quá trình chuẩn bị báo cáo phát triển bền vững, cần lưu ý nắm bắt thường xuyên phản hồi từ các bên liên quan và áp dụng phù hợp để chắc chắn rằng hoạt động báo cáo đang đi đúng hướng. Để biết thêm chi tiết, xem thêm *ở Phần 2 - mục 2.2.3* của Sổ tay.

1.4 Đánh giá hệ thống thông tin và các kiểm soát

Nhóm công tác chuyên trách phát triển bền vững cốt cán có trách nhiệm thu thập dữ liệu từ các hệ thống sẵn có và thiết lập các quy trình thu thập thông tin mới nếu cần. Nhóm công tác cũng cần chủ động thực hiện kiểm tra chất lượng của các nguồn dữ liệu, bao gồm tính toàn vẹn và nhất quán của các hệ thống thông tin để đảm bảo độ chính xác và tin cậy của thông tin.

Các bước kiểm soát liên quan đến xử lý, báo cáo và rà soát quá trình của dữ liệu nên được soát xét thường xuyên để đảm bảo tính chặt chẽ. Xuyên suốt quá trình, tất cả các cơ hội cải thiện tiềm năng cần được xác định và triển khai nếu khả thi.

Doanh nghiệp có thể tham vấn bên xác minh độc lập thứ ba cho việc soát xét và kiểm định. Phạm vi soát xét có thể khác nhau với từng doanh nghiệp, được áp dụng triển khai cho các hệ thống, quy trình và kiểm soát, bao gồm các công tác và hoạt động để xác minh và tính toán lại dữ liệu. Việc có một bên độc lập soát xét sẽ đóng góp vào tạo dựng niềm tin trong mối quan hệ với các bên liên quan và củng cố cam kết của doanh nghiệp đối với việc cải thiện liên tục báo cáo phát triển bền vững.

1.5 Tổng hợp báo cáo ESG

Quá trình tổng hợp thông tin vào báo cáo liên hệ chặt chẽ tới công tác báo cáo quản trị hàng năm của doanh nghiệp, vì vậy, vào thời điểm trước kỳ cuối năm, sẽ có một khối lượng lớn công việc chuẩn bị cần được triển khai. Để đảm bảo các dữ liệu trọng yếu về công tác phát triển bền vững ở trạng thái sẵn sàng đưa vào trong báo cáo, các dữ liệu này cần được rà soát và thông qua các cấp phê duyệt theo chính sách phân quyền, cũng như được xem xét lại nếu cần thiết để đảm bảo tính ứng dụng và tính chính xác. Khi các thông tin định lượng được cập nhật, các nội dung tường thuật mô tả và biểu đồ đi kèm cũng cần được cập nhật tương ứng.

Việc thông tin được trình bày dưới nhiều hình thức báo cáo khác nhau theo yêu cầu của các bên liên quan cần được chú trọng. Ví dụ, nếu có thể truy cập cả thông tin tài chính và thông tin phi tài chính trong một báo cáo tổng hợp, sẽ thuận tiện hơn cho các nhà đầu tư để có bức tranh toàn cảnh về vận hành của doanh nghiệp.

1.6 Lên Kế hoạch cải thiện

Để cải thiện quy trình và chất lượng của các báo cáo theo thời gian, doanh nghiệp nên thiết lập một cơ chế tiếp nhận phản hồi. Điều này có nghĩa là cả nhóm chuyên trách phát triển bền vững và các chức năng khác nên ghi nhận bất cứ vấn đề nào xuất hiện trong và sau quá trình báo cáo, rút kinh nghiệm từ các vấn đề và tìm ra giải pháp tốt nhất. Ở mức tối thiểu, các phản hồi nên được thu thập ở 2 khía cạnh: các nút thắt thông tin làm chậm lại các phần khác của cả quá trình và các nhân tố lệ thuộc then chốt ảnh hưởng đến thời gian hoàn thành báo cáo và thứ tự triển khai các hoạt động.

Thời gian và công sức bỏ ra bởi các phòng ban chức năng kinh doanh cho việc thu thập và kiểm định dữ liệu phát triển bền vững nên được định lượng và so sánh với kì vọng để nhận dạng các điểm thiếu hiệu quả trong quá trình. Đây cũng là một cách để nhận thức những đóng góp và trách nhiệm chủ trì của các phòng ban chức năng trong lập báo cáo phát triển bền vững, và hợp thức hóa các công việc này vào trong các hoạt động kinh doanh hàng ngày - được sử dụng để đo lường hiệu quả làm việc của mỗi nhân sự.

2. Các Nguyên tắc hướng dẫn đối với công tác lập báo cáo

Dựa trên hướng dẫn của các tổ chức quốc tế GRI, ISSB, IIRC và FESE, phần này sẽ đưa ra khuyến nghị về những nguyên tắc hướng dẫn trong lập báo cáo ESG.

2.1 Các Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo

Đảm bảo trọng tâm về chiến lược và dài hạn

Các nguyên tắc dẫn đường cho chiến lược phát triển bền vững cần được thiết lập rõ ràng ở cấp lãnh đạo và truyền đạt trong toàn doanh nghiệp thông qua quá trình chuyển đổi văn hóa doanh nghiệp. Báo cáo phát triển bền vững cần đưa ra các diễn giải về chiến lược của doanh nghiệp và chỉ ra mối liên kết giữa chiến lược với mô hình kinh doanh, các rủi ro, cơ hội, các chỉ số vận hành và hiệu quả tài chính. Báo cáo PTBV đóng vai trò như một kênh truyền thông với các bên liên quan về cách doanh nghiệp kiến tạo giá trị theo thời gian, về cách doanh nghiệp phản hồi kì vọng từ các bên liên quan và cách doanh nghiệp thích ứng với những thay đổi trong thị trường. Đồng thời, báo cáo PTBV là cơ hội quan trọng để doanh nghiệp công bố các thông tin về khả năng suy giảm giá trị, trong trường hợp các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững bị đánh giá thấp hoặc có thiếu sót trong triển khai các hành động cần thiết để giảm thiểu rủi ro.

Đảm bảo tính liên kết của thông tin

Nguyên tắc này yêu cầu mọi cấu phần của báo cáo phát triển bền vững – đánh giá chủ đề trọng yếu, chiến lược, quản trị, rủi ro và cơ hội, chỉ số và mục tiêu – được trình bày một cách mạch lạc, có cơ sở và toàn diện nhằm thể hiện mối liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau. Nguyên tắc này có thể được thực hiện thông qua nhiều cách khác nhau như:

1. Phân tích hiệu suất quá khứ - hiện tại làm cơ sở để đánh giá tính tin cậy của kết quả báo cáo cho giai đoạn hiện tại – tương lai.
2. Phân tích ảnh hưởng của ESG tới các quyết định và hiệu quả tài chính, ví dụ như cắt giảm chi phí nhờ các cơ hội kinh doanh mới về hiệu quả năng lượng.
3. Sử dụng các chỉ số đo lường hiệu quả chính (KPI) trong phần giải trình để liên kết thông tin định lượng và định tính.
4. Liên kết thông tin tài chính với thông tin phát triển bền vững.
5. Đảm bảo tính nhất quán trong thông tin điều hành, quản trị và các thông tin được báo cáo ra bên ngoài.

Đảm bảo góc nhìn toàn diện về các bên liên quan

Báo cáo phát triển bền vững nên đưa ra thông tin về mức độ tương tác với các bên liên quan đối với các chủ đề phát triển bền vững. Đặc biệt, trong trường hợp các trách nhiệm về quản lý thận trọng và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp không bị ràng buộc bởi pháp luật, các doanh nghiệp vẫn nên thực hiện những trách nhiệm này để đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan. Điều này thể hiện nỗ lực của doanh nghiệp để xây dựng niềm tin và khả năng chống chịu và phục hồi trong mối quan hệ với các bên liên quan, thông qua thể hiện hiểu biết của doanh

nghiệp với cách các bên liên quan nhận định giá trị cũng như thể hiện cách thức doanh nghiệp ứng phó với nhu cầu của các bên liên quan.

Đảm bảo Tính trọng yếu và phù hợp của nội dung báo cáo

Thông tin phát triển bền vững được coi là phù hợp khi các thông tin này ảnh hưởng đến lựa chọn của người sử dụng thông tin dựa trên phương thức xem xét tính trọng yếu. Tính trọng yếu của các chủ đề phát triển bền vững nên được xác định dựa trên mức độ và tầm quan trọng của các tác động, cũng như mức độ ảnh hưởng lên khả năng tiếp cận và đưa ra quyết định của các bên liên quan. Thông tin được báo cáo được kỳ vọng sẽ phản ánh mức độ ưu tiên của các chủ đề trọng yếu dựa trên tầm quan trọng của chúng với doanh nghiệp và các bên liên quan.

Đảm bảo tính toàn vẹn

Thông tin được báo cáo cần đảm bảo tính toàn vẹn trên 3 phương diện: bao trùm các chủ đề trọng yếu, trong phạm vi giới hạn đối với chủ đề, và trong khoảng thời gian xác định. Đầu tiên, danh sách các chủ đề được báo cáo nên phản ánh các vấn đề phát triển bền vững quan trọng đối với doanh nghiệp. Thứ hai, đối với mỗi chủ đề trọng yếu được báo cáo, các tác động đối với doanh nghiệp và sự tham gia của doanh nghiệp với các tác động cần được công bố, có thể thông qua các hoạt động trực tiếp hoặc tác động gián tiếp từ hoạt động với bên thứ ba. Thứ ba, tất cả các thông tin báo cáo cần được hoàn thiện đúng trong khung thời gian được định sẵn trong báo cáo.

2.2 Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo

Đảm bảo Tính chính xác và chuẩn xác

Thông tin được báo cáo cần đảm bảo mức độ chính xác và chuẩn xác đủ để cho phép các bên liên quan đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp.

Mức độ chính xác nên được lựa chọn tùy theo tầm quan trọng của thông tin đối với quá trình ra quyết định của các bên liên quan. Đối với thông tin định tính, mức độ chính xác tùy thuộc vào độ rõ ràng và mức độ chi tiết yêu cầu của thông tin công bố. Đối với thông tin định lượng, điều này phụ thuộc vào kỹ thuật sử dụng để thu thập, tính toán và phân tích thông tin. Việc sử dụng các ước lượng trong tính toán nên được công bố và giải trình.

Đảm bảo Tính cân bằng

Thông tin báo cáo cần đảm bảo tính khách quan trong đưa ra góc nhìn về doanh nghiệp bằng cách trình bày các dữ liệu về hiệu quả triển khai ESG – cả về phương diện tích cực và tiêu cực – đảm bảo đúng với tính trọng yếu tương ứng. Chẳng hạn, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, doanh nghiệp có thể công bố thông tin về các thách thức đã phải đối đầu trong năm báo cáo. Báo cáo cũng cần nêu rõ về việc các thông tin đưa ra là sự kiện thực tế hay là các suy luận của doanh nghiệp trên cơ sở sự kiện thực tế, theo đó, cho phép các bên liên quan đưa ra đánh giá chính xác hơn.

Đảm bảo tính rõ ràng

Thông tin báo cáo cần đảm bảo tính dễ hiểu, dễ tiếp cận và hữu dụng đối với người dùng, đặc biệt là đối với các bên liên quan đã có một số hiểu biết nhất định đối với hoạt động của doanh nghiệp. Điều này có thể thực hiện bằng cách sử dụng:

- Các công cụ dữ liệu trực quan bao gồm các biểu đồ và bảng tổng hợp dữ liệu.

- Văn phong mạch lạc, tránh sử dụng các cụm từ mang tính kỹ thuật chuyên sâu, từ viết tắt, từ lóng không quen thuộc đối với các bên liên quan.
- Mục lục, sơ đồ, liên kết và chú thích rõ ràng xuyên suốt báo cáo.
- Các dạng báo cáo khác nhau phù hợp và dễ tiếp cận với các đối tượng có nhu cầu truy cập đặc thù hoặc gặp rào cản ngôn ngữ.

Đảm bảo khả năng so sánh

Thông tin báo cáo nên đảm bảo cho phép các bên liên quan có thể so sánh, đối chiếu kết quả và đánh giá tiến độ cả với nội bộ và bên ngoài. Phương pháp được sử dụng để tính toán dữ liệu, dạng dữ liệu và các giả định sử dụng cần đảm bảo tính nhất quán theo thời gian để cho phép so sánh, đối chiếu qua các năm. Nếu có thông tin nào không được thu thập trong kỳ báo cáo trước và không thể tính từ các dữ kiện quá khứ, doanh nghiệp nên công bố rõ ràng. Doanh nghiệp cũng nên đưa ra các diễn giải về các yếu tố bên trong và bên ngoài tác động vào những thay đổi trong kết quả triển khai ESG. Những chỉ số được lựa chọn báo cáo nên đảm bảo cho phép so sánh với các tiêu chuẩn trong ngành và những doanh nghiệp tương đương cùng ngành.

Đảm bảo Độ tin cậy

Doanh nghiệp được khuyến nghị thiết lập các quy trình và kiểm soát nội bộ để thu thập, tổng hợp, tính toán và phân tích thông tin báo cáo. Doanh nghiệp cần đảm bảo khả năng cung cấp dẫn chứng để củng cố các giả định, dữ liệu đầu vào và các tính toán, thậm chí thực hiện tính toán nhiều lần nếu cần thiết.

Bên soát xét độc lập thứ ba có thể được ủy thác để đánh giá và đảm bảo độ tin cậy của thông tin tới một phạm vi và mức độ nhất định. Thêm vào đó, tài liệu "Mở đầu và nguyên tắc đối với báo cáo ESG" của Liên đoàn Giao dịch Chứng khoán Châu Âu (FESE) khuyến nghị áp dụng các mục tiêu dựa trên khoa học đã được kiểm chứng để củng cố cơ sở của các mục tiêu mà doanh nghiệp đặt ra và lộ trình đạt được các mục tiêu này.

Đảm bảo Tính kịp thời

Tính kịp thời của thông tin báo cáo có tác động trực tiếp đến độ hữu dụng của thông tin đối với các bên liên quan. Báo cáo phát triển bền vững cần tuân theo mốc thời gian xác định và được triển khai theo kỳ báo cáo tương tự báo cáo tài chính, hoặc một mốc thời gian cụ thể khác một cách nhất quán. Tất cả các đính chính đối với các thông tin công bố trước đó cũng cần được đưa ra kịp thời.

3. Cấu trúc báo cáo phát triển bền vững

Nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác xây dựng báo cáo phát triển bền vững, phần này sẽ được cấu trúc theo 8 cấu phần nội dung nên được bao gồm trong một báo cáo phát triển bền vững – Xem *Hình 30* dưới đây.

Hình 30: Cấu trúc báo cáo phát triển bền vững

Mỗi mục trong phần này sẽ liên kết với 1 trong 8 cấu phần và đưa ra mô tả về các nội dung chủ chốt trong công bố thông tin liên quan đến cấu phần đó. Cụ thể, đối với 4 cấu phần cốt lõi là Chiến lược, Quản trị, Quản trị rủi ro, Chỉ số và mục tiêu, hướng dẫn sẽ được chia thành 3 phần (cấu trúc theo bảng):

- Yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững.
- Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu.
- Quy định pháp luật về báo cáo thông tin phát triển bền vững tại Việt Nam.

Nội dung báo cáo phát triển bền vững của một doanh nghiệp nên được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu cụ thể của doanh nghiệp. Dựa trên các Nguyên tắc Hướng dẫn, doanh nghiệp cần tự đánh giá và xác định thông tin cần báo cáo, và cách thức báo cáo.

Thứ tự của các Cấu phần nội dung như được mô tả ở Hình 31 không phải là cách duy nhất để sắp xếp các nội dung trong báo cáo PTBV. Thông tin của một báo cáo phát triển bền vững nên được trình bày theo phương thức phù hợp nhằm thể hiện rõ liên kết giữa các Cấu phần nội dung.

3.1 Tuyên bố về tuân thủ các tiêu chuẩn và khung báo cáo quốc tế

3.1.1 Tuyên bố về tuân thủ

3.1.1.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin Tuyên bố tuân thủ là nhằm đưa ra thông báo về việc đáp ứng tuân thủ các nguyên tắc và yêu cầu của một tiêu chuẩn hoặc khung báo cáo về PTBV được công nhận và mức độ đáp ứng.

3.1.1.2 Nội dung báo cáo thông tin

Doanh nghiệp nên đưa ra tuyên bố ngay ở phần đầu bản báo cáo về việc xác nhận báo cáo được lập theo các yêu cầu của các tiêu chuẩn và khung cụ thể, nếu có. Tuyên bố này nên đảm bảo rõ ràng, súc tích và nêu rõ kỳ báo cáo được áp dụng. Nếu đã có một bên soát xét và xác minh độc lập thứ ba tham gia kiểm định tuyên bố này, doanh nghiệp cũng có thể đề cập trong nội dung công bố này.

Doanh nghiệp cũng cần nêu rõ các khác biệt so với các yêu cầu báo cáo của Tiêu chuẩn áp dụng, và lý do tại sao lại có các khác biệt này.

Các tổ chức chưa thực hành tuân thủ có thể đưa ra tuyên bố về ý định tuân thủ với một tiêu chuẩn hoặc khung báo báo vào một năm nhất định trong tương lai, cùng với phần mô tả sơ lược về tiến trình và lộ trình để đạt được ý định nói trên đến thời điểm hiện tại.

Theo thông lệ tốt, một báo cáo nên bao gồm một phần liệt kê từng tiêu chuẩn và khung được doanh nghiệp tuân thủ, đặc biệt là với các doanh nghiệp đồng thời áp dụng nhiều tiêu chuẩn và khung báo cáo PTBV. Phần này sẽ liệt kê các yêu cầu của mỗi khung và tiêu chuẩn theo một cấu trúc mạch lạc, dưới dạng mục lục để dễ dàng truy xuất thông tin công bố liên quan cho từng yêu cầu.

3.1.2 Soát xét và xác minh độc lập

3.1.2.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin về Soát xét và xác minh độc lập là nhằm đưa ra thông báo về việc các thông tin báo cáo đã được bên thứ ba tham gia soát xét và xác minh độc lập tuân theo nguyên tắc và yêu cầu của tiêu chuẩn hoặc khung báo cáo PTBV được công nhận, và mức độ của công tác soát xét độc lập.

3.1.2.2 Nội dung báo cáo thông tin

Nếu thông tin phát triển bền vững trong báo cáo đã được soát xét độc lập, đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc và yêu cầu của tiêu chuẩn hoặc khung, doanh nghiệp cần bao gồm hoặc tham chiếu đến việc này trong Tuyên bố tuân thủ.

Doanh nghiệp nên phối hợp với bên cung cấp dịch vụ soát xét độc lập để thống nhất về cách tiếp cận soát xét và xác minh phù hợp. Khi ý kiến soát xét độc lập được đưa ra đối với thông tin phát triển bền vững, doanh nghiệp cần nêu rõ thông tin nào nào thuộc phạm vi đã soát xét, và thực hiện bao gồm hoặc tham chiếu đến báo cáo soát xét trong phần Tuyên bố tuân thủ.

3.2 Phạm vi báo cáo

3.2.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của nội dung báo cáo này là nhằm đưa ra thông báo về giới hạn và phạm vi mà doanh nghiệp đặt ra đối với việc lập báo cáo phát triển bền vững, bao gồm phạm vi thông tin hợp nhất và chuỗi giá trị.

3.2.2 Nội dung báo cáo thông tin

Doanh nghiệp cần phải xác định các chủ thể và hoạt động được bao gồm hoặc loại trừ trong báo cáo. Cơ sở để doanh nghiệp xác định phạm vi báo cáo cũng cần được mô tả cụ thể.
Có 3 phương pháp chính để xác định phạm vi và giới hạn báo cáo, cũng như xác định các hạn chế hoặc giả định có thể ảnh hưởng đến phạm vi báo cáo:

Bảng 21: Phương pháp chính để xác định phạm vi và giới hạn báo cáo

Phạm vi Kiểm soát tài chính	Phạm vi Kiểm soát vận hành	Đánh giá chủ đề trọng yếu
Phạm vi báo cáo thông tin tài chính liên quan đến phát triển bền vững sẽ tương đồng với phạm vi báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Điều này được xác định trên cơ sở về tầm kiểm soát đối với việc ra quyết định tài chính và rủi ro. Phương pháp này sẽ đảm bảo nhất quán xuyên suốt các báo cáo của doanh nghiệp.	Phạm vi báo cáo dựa trên các hoạt động vận hành của chủ thể doanh nghiệp. Điều này được xác định trên cơ sở tầm kiểm soát đối với việc triển khai các chính sách, quy trình và thực thi các hoạt động tương ứng. Phương pháp này phản ánh chính xác nhất về trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp đối với các tác động và hiệu quả của công tác triển khai phát triển bền vững trong hoạt động vận hành của doanh nghiệp.	Phạm vi báo cáo được xác định dựa trên tác động và tầm quan trọng tương đối của các chủ đề môi trường, xã hội, quản trị (ESG) đối với doanh nghiệp và các bên liên quan. Công tác đánh giá chủ đề trọng yếu được áp dụng để xác định và ưu tiên các chủ đề ESG trọng yếu đối với hiệu suất kinh doanh, chiến lược, kiến tạo giá trị và kỳ vọng của các bên liên quan của doanh nghiệp.

Trên thực tế, có những hạn chế trong việc thu thập thông tin từ các chủ thể hoặc hoạt động nằm ngoài tầm kiểm soát tài chính và kiểm soát vận hành, chẳng hạn như từ các doanh nghiệp liên kết, liên doanh hay các công ty con chưa hợp nhất. Tất cả các hạn chế cần được công bố đầy đủ trong phần chú thích về phạm vi báo cáo. Cụ thể, tiêu chuẩn ISSB cho phép doanh nghiệp có sự linh hoạt trong báo cáo về các chủ thể và hoạt động này, tùy thuộc vào khả năng thu thập và độ tin cậy của dữ liệu, mức độ của tác động và kỳ vọng của các bên liên quan.

Doanh nghiệp nên công bố bất cứ thay đổi nào về phạm vi báo cáo so với kỳ báo cáo trước và lý do thay đổi – nguyên nhân có thể là thay đổi để cải thiện khả năng thu thập và độ tin cậy của dữ liệu.

3.3 Đánh giá chủ đề trọng yếu

3.3.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin về Đánh giá chủ đề trọng yếu là nhằm cung cấp hiểu biết về cách doanh nghiệp xác định các chủ đề cần thiết đưa vào báo cáo phát triển bền vững và

cách các chủ đề nói trên được định lượng và đánh giá thông qua quy trình xác định tính trọng yếu.

3.3.2 Nội dung báo cáo thông tin

Nội dung báo cáo thông tin đánh giá chủ đề trọng yếu nên bao gồm:

a. Một danh mục các chủ đề trọng yếu liên quan phát triển bền vững.
b. Mô tả quá trình xây dựng danh mục nói trên (về các bước xây dựng, xác định mức độ ưu tiên, rút gọn danh sách các chủ đề), bao gồm cả quá trình tương tác với các bên liên quan, cụ thể về bên chịu trách nhiệm, giải trình, được tham vấn, được thông tin trong suốt quy trình đánh giá chủ đề trọng yếu.
c. Mô tả những quy trình hiện hành trong việc quản lý các chủ đề này.

3.4 Quản trị

3.4.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin Quản trị là để cung cấp hiểu biết về các quy trình, kiểm soát và thủ tục Quản trị được doanh nghiệp áp dụng để theo dõi, quản lý và giám sát các vấn đề phát triển bền vững.

Cụ thể, phần công bố thông tin Quản trị nên thể hiện sự minh bạch trong các cam kết liên quan phát triển bền vững mà doanh nghiệp đã xác định và cách doanh nghiệp dự định hiện thực hóa chúng. Việc này nên bao gồm diễn giải về cách thức Hội đồng quản trị và ban Điều hành tiếp cận và ứng phó với các vấn đề liên quan phát triển bền vững – có thể thông qua ban hành Điều lệ hoạt động, các chính sách quản trị, các cơ chế về phân công phân nhiệm và ra quyết định được Hội đồng quản trị phê duyệt.

3.4.2 Nội dung báo cáo thông tin

3.4.2.1 Yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững

Dựa vào tham chiếu tới các tiêu chuẩn và khung quốc tế bao gồm TCFD, ISSB, CDP, WEF, SASB, ESRS và bảng xếp hạng phát triển bền vững quốc tế như MSCI, doanh nghiệp nên thực hiện báo cáo những nội dung sau đây.

Bảng 22: Quản trị – Yêu cầu chung trong báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
1	Giám sát của Hội đồng quản trị
	Doanh nghiệp nên báo cáo các thông tin về Hội đồng Quản trị (có thể bao gồm Hội đồng quản trị, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị hoặc một bộ phận tương đương được trao quyền quản trị) hoặc (các) cá nhân có trách nhiệm giám sát những rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững. Cụ thể, các nội dung báo cáo sẽ gồm: • Vai trò và trách nhiệm, cấu trúc, thành phần của Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững - được thể hiện trong quy chế hoạt động, vai trò chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc và các chính sách áp dụng cho bộ phận hoặc cá nhân đó:

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
	• Cơ cấu thành phần và tính đa dạng: Cơ cấu thành phần giữa thành viên điều hành và thành viên không điều hành; đại diện nhân sự và người lao động khác; kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực ngành, sản phẩm và vị trí địa lý; tỉ lệ giới tính và các khía cạnh khác liên quan đến tính Đa dạng; tỉ lệ thành viên độc lập trong Hội đồng quản trị. • Vai trò và trách nhiệm: Mô tả chủ thể hoặc cá nhân có trách nhiệm chính trong quản lý các vấn đề phát triển bền vững cùng với vai trò và trách nhiệm tương ứng ở cấp Hội đồng quản trị. • Chất lượng và chuyên môn của Hội đồng Quản trị hoặc mức độ tiếp cận của Hội đồng Quản trị với các chuyên gia và các chương trình tập huấn để đảm bảo các kỹ năng và chuyên môn phù hợp cho việc giám sát các vấn đề phát triển bền vững. • Cấu trúc doanh nghiệp/Hội đồng chuyên trách về quản lý phát triển bền vững (nếu có). • Sự giám sát của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban thuộc hội đồng quản trị đối với các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững: • Quy trình và tần suất mà Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban thuộc hội đồng quản trị được thông tin về các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững. • Cách thức các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững được xem xét trong công tác giám sát chiến lược, quyết định các giao dịch lớn, quy trình quản trị rủi ro và các chính sách liên quan của doanh nghiệp. • Cơ chế giám sát việc thiết lập mục tiêu và theo dõi tiến độ liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững. • Khác (nếu chưa được đề cập ở trên): • Đạo đức kinh doanh: Mô tả các chính sách liên quan đến đạo đức kinh doanh và quy trình để xử lý các thách thức về vấn đề đạo đức. • Mâu thuẫn lợi ích: Công bố các mâu thuẫn về lợi ích và quy trình hiện hành để xử lý mâu thuẫn lợi ích. • Hành vi cạnh tranh: Mô tả chính sách và sáng kiến liên quan đến hành vi cạnh tranh.
2	Vai trò của ban Điều hành trong các quy trình, kiểm soát và thủ tục quản trị được áp dụng để theo dõi, quản lý và giám sát các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững
	Doanh nghiệp nên báo cáo các thông tin về vai trò của ban Điều hành trong các quy trình, kiểm soát và thủ tục về quản trị được áp dụng để theo dõi, quản lý và giám sát các vấn đề liên quan phát triển bền vững, bao gồm thông tin về: • Phân quyền vai trò và trách nhiệm cho một vị trí cụ thể trong cấp điều hành hoặc ủy ban cấp điều hành. • Cách thức thực thi giám sát với vị trí hoặc ủy ban đó, bao gồm tuyến báo cáo và các kiểm soát, thủ tục áp dụng để giám sát các vấn đề phát triển bền vững và cách vị trí/ủy ban này tương tác với các chức năng nội bộ khác.
3	Tích hợp đánh giá hiệu quả triển khai công tác phát triển bền vững vào hệ thống lương thưởng đãi ngộ

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
	Mô tả các chính sách đãi ngộ liên quan đến phát triển bền vững, cùng với tỷ lệ cơ cấu trong chế độ đãi ngộ được liên kết với các mục tiêu phát triển bền vững.

3.4.2.2 Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu

Các vấn đề liên quan đến khí hậu là một phần trong các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững và khi những vấn đề liên quan khí hậu được đánh giá là liên quan trên phương diện xem xét các vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững của doanh nghiệp, doanh nghiệp cần thực hiện áp dụng các yêu cầu chung về Nội dung báo cáo thông tin được liệt kê trong mục *3.4.2.1* cho các vấn đề về khí hậu đó. Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên xem xét bổ sung nội dung thông tin công bố về quản trị liên quan đến khí hậu theo các khuyến nghị sau đây – dựa trên hướng dẫn của TCFD và ISSB (tiêu chuẩn IFRS S2).

Bảng 23: Quản trị – Cân nhắc bổ sung về yêu cầu công bố thông tin liên quan đến khí hậu

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu liên quan đến khí hậu
1	Giám sát của Hội đồng Quản trị đối với các vấn đề liên quan đến khí hậu
	Vai trò, trách nhiệm, cấu trúc và thành phần trong quản trị liên quan đến biến đổi khí hậu: • Mô tả rõ ràng về tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm chính trong việc quản lý rủi ro khí hậu ở cấp độ hội đồng quản trị • Mô tả rõ ràng về vai trò và trách nhiệm của hội đồng quản trị trong việc xác định các cam kết của doanh nghiệp liên quan đến tác động của biến đổi khí hậu • Kinh nghiệm của thành viên hội đồng về biến đổi khí hậu • Các ủy ban cụ thể của hội đồng giám sát rủi ro khí hậu, thành viên và tần suất họp • Các cơ cấu/ủy ban cụ thể về khí hậu (nếu có) và các quy trình ra quyết định liên quan.
2	Vai trò của ban Điều hành trong các quy trình, kiểm soát và thủ tục quản trị được áp dụng để theo dõi, quản lý và giám sát các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững
	Mô tả về cấu trúc tổ chức và báo cáo của ban điều hành về các vấn đề liên quan đến khí hậu, bao gồm: • Các chức năng hoặc ủy ban ESG cụ thể và các chức năng cụ thể về khí hậu, các ủy ban liên quan hoặc cá nhân được chỉ định chịu trách nhiệm quản lý rủi ro liên quan đến khí hậu; • Mô tả về cấu trúc của ủy ban ESG hoặc ủy ban khí hậu cụ thể, và xem xét việc báo cáo cho hội đồng quản trị hoặc một ủy ban của hội đồng quản trị. • Mô tả về sự tương tác giữa các lĩnh vực kinh doanh, tài chính, quản lý rủi ro và chức năng cụ thể của ESG.

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu liên quan đến khí hậu
3	Tích hợp đánh giá hiệu quả triển khai các công tác liên quan đến khí hậu vào hệ thống lương thưởng đãi ngộ
	Doanh nghiệp nên cung cấp thông tin chi tiết về cơ cấu lương thưởng đãi ngộ gắn với các sáng kiến khí hậu, kèm theo mô tả tiêu chí trong chế độ khuyến khích đãi ngộ, bao gồm liên kết tới các chỉ số đo lường cụ thể.

3.4.2.3 Một số lưu ý về Quy định pháp luật đối với báo cáo thông tin phát triển bền vững tại Việt Nam

Tại Việt Nam, Thông tư 96/2020/TT-BTC về "Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán" đã đưa ra một số yêu cầu về công bố thông tin quản trị cho công ty đại chúng. Trong đó, các công ty đại chúng được yêu cầu hoàn thành Báo cáo thường niên và Báo cáo quản trị theo kỳ mỗi năm và mỗi nửa năm. Lưu ý rằng các yêu cầu này áp dụng cho quản trị doanh nghiệp nói chung của công ty đại chúng và không dành riêng cho quản trị liên quan đến phát triển bền vững.

Phần này sẽ tổng hợp các yêu cầu trong thông tư 96/2020/TT-BTC liên quan đến cấu phần quản trị, sắp xếp tương ứng theo mục #1, #2 và #3 thuộc mục *3.4.2.1.Yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững ở* trên để doanh nghiệp so sánh và tham chiếu khi thực hiện xây dựng báo cáo phát triển bền vững và các báo cáo liên quan khác (ví dụ báo cáo thường niên).

Bảng 24: Yêu cầu quy định pháp luật về công bố thông tin Quản trị tại Việt Nam

#	Quy định về công bố thông tin quản trị trong Báo cáo thường niên và Báo cáo Quản trị của công ty đại chúng
1, 2	Sự giám sát của Hội đồng quản trị và vai trò của ban Điều hành trong các quy trình, kiểm soát và thủ tục quản trị được áp dụng để theo dõi, quản lý và giám sát các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững
	• Vai trò, trách nhiệm, cấu trúc và cấu phần của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc - Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán. - Các hoạt động tập huấn quản trị của Hội đồng quản trị. - Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.
	• Sự giám sát của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị và ban Giám đốc - Các hoạt động bao gồm các cuộc họp, Nghị quyết/Quyết định.
	• Khác: Mâu thuẫn lợi ích

#	Quy định về công bố thông tin quản trị trong Báo cáo thường niên và Báo cáo Quản trị của công ty đại chúng
	- Công bố thông tin về các bên liên quan và các giao dịch có liên quan. - Giao dịch cổ phiếu giữa các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý trong, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan đến các đối tượng nói trên. - Giao dịch với các tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị giữ vị trí điều hành trong ba năm gần nhất.
3	Tích hợp đánh giá hiệu quả triển khai công tác phát triển bền vững vào hệ thống lương thưởng đãi ngộ
	- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.
4	Khác
	- Triển khai hoạt động kiểm toán nội bộ

3.5 Chiến lược

3.5.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin Chiến lược nhằm làm rõ về việc: (i) các vấn đề phát triển bền vững, mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị của doanh nghiệp kết nối như thế nào với chiến lược, từ đó, cung cấp thông tin về các tác động, rủi ro, cơ hội mà doanh nghiệp có thể phải đối mặt với và nguồn gốc phát sinh của chúng; (ii) ý kiến của các bên liên quan đóng vai trò như thế nào trong hình thành chiến lược và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp; và (iii) kết quả đánh giá rủi ro và cơ hội trọng yếu về phát triển bền vững của doanh nghiệp, cùng với các tác động tới chiến lược và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp.

Một điểm quan trọng cần có trong báo cáo thông tin về chiến lược là phương thức ứng phó với các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững được tích hợp vào công tác chiến lược, lập kế hoạch và phân tích tài chính của doanh nghiệp như thế nào.

3.5.2 Nội dung báo cáo thông tin

3.5.2.1 Yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững

Tham chiếu từ các tiêu chuẩn và khung quốc tế bao gồm TCFD, ISSB và ESRS, doanh nghiệp nên thực hiện báo cáo những chủ đề sau đây.

Bảng 25: Chiến lược – Các yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
1	**Định vị trên thị trường, chiến lược, mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị**
	Doanh nghiệp nên công bố những thông tin sau đây về mô hình kinh doanh và chiến lược có liên quan hoặc ảnh hưởng đến các vấn đề về phát triển bền vững:

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
	• Định vị trên thị trường: Các nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ quan trọng, thị trường và nhóm khách hàng doanh nghiệp phục vụ, số nhân viên đầu người theo khu vực địa lý; cơ cấu doanh thu và các khu vực ngành quan trọng. • Các mục tiêu liên quan phát triển bền vững theo nhóm sản phẩm và dịch vụ, phân nhóm khách hàng, khu vực địa lý, quan hệ với các bên liên quan và đánh giá vị trí hiện tại trên thị trường trong tương quan với mục tiêu của doanh nghiệp. • Phương hướng dự định trong các yếu tố của chiến lược doanh nghiệp liên quan đến phát triển bền vững - bao gồm những thách thức chính trước mắt, các giải pháp hoặc dự án quan trọng cần triển khai, nếu phù hợp đưa vào báo cáo phát triển bền vững. • Mô tả mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị: nguồn cung đầu vào, hoạt động kinh doanh, sản phẩm đầu ra, bao gồm mô tả các tác nhân kinh doanh chính (nhà cung cấp chính, kênh phân phối khách hàng và người dùng cuối cùng) và mối quan hệ của họ với doanh nghiệp.
2	Lợi ích và quan điểm của các bên liên quan
	Doanh nghiệp nên báo cáo thông tin về việc lợi ích và quan điểm của các bên liên quan được xem xét như thế nào trong chiến lược và mô hình kinh doanh, cụ thể về: • Các đặc điểm và kết luận chính trong tương tác với các bên liên quan đã được áp dụng trong công tác xây dựng chiến lược và kế hoạch phân bố sử dụng tài nguyên. • Trạng thái của mối quan hệ với các bên liên quan chính và cách doanh nghiệp phản hồi với các yêu cầu chính đáng của các bên liên quan chính thông qua điều chỉnh chiến lược và mô hình kinh doanh, bao gồm cả các kế hoạch dài hạn hơn.
3	Các tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu và mối liên kết với chiến lược và mô hình kinh doanh
	• Mô tả các rủi ro và cơ hội trọng yếu liên quan phát triển bền vững trong ngắn, trung và dài hạn, và mối liên kết với việc xây dựng chiến lược theo từng kỳ kế hoạch Đối với mỗi rủi ro hoặc cơ hội liên quan phát triển bền vững tiềm tàng, được đánh giá có khả năng ảnh hưởng đến tương lai của doanh nghiệp, doanh nghiệp nên thực hiện báo cáo các thông tin, bao gồm nhưng không giới hạn: ◦ Nguồn gốc của rủi ro/cơ hội ◦ Tác động tiềm tàng ◦ Khả năng xảy ra ◦ Thời hạn: ngắn, trung và dài hạn. Thời hạn này nên được định nghĩa rõ ràng và được liên kết với phân kỳ kế hoạch trong phát triển chiến lược. Nếu phù hợp, doanh nghiệp nên báo cáo về cách thức phân tích kịch bản (scenario analysis) được sử dụng để đánh giá và đưa ra thông tin về các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững. • Ảnh hưởng tới mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị Doanh nghiệp nên đưa ra mô tả về các ảnh hưởng hiện tại và dự kiến của rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững lên mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị, cùng với mô tả về việc các rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững tập

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
	trung ở đâu trong mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị, ví dụ theo khu vực địa lý, cơ sở hay loại hình tài sản. • **Ả**nh h**ưở**ng t**ớ**i chi**ế**n l**ượ**c và công tác ra quy**ế**t **đị**nh Doanh nghiệp nên báo cáo về: • Biện pháp ứng phó và kế hoạch ứng phó với các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững trong chiến lược và công tác ra quyết định, bao gồm các hoạt động cụ thể được thiết kế để giảm thiểu hoặc thích ứng với các rủi ro liên quan phát triển bền vững hiện tại và đang gia tăng. • Tiến độ triển khai những kế hoạch mà doanh nghiệp đã công bố trong các kỳ báo cáo trước, bao gồm cả thông tin định tính và định lượng. • Sự đánh đổi về rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững mà doanh nghiệp đã cân nhắc. • **Ả**nh h**ưở**ng t**ớ**i v**ị** th**ế** tài chính, hi**ệ**u qu**ả** tài chính và dòng ti**ề**n Doanh nghiệp nên báo cáo các thông tin định tính và định lượng về: • Các ảnh hưởng tài chính hiện tại của các rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững lên vị thế tài chính, hiệu quả tài chính và dòng tiền trong kỳ báo cáo. • Các ảnh hưởng tài chính dự kiến của các rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững lên vị thế tài chính, hiệu quả tài chính và dòng tiền trong ngắn, trung và dài hạn, trong đó có xem xét biện pháp đưa rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững vào trong xây dựng kế hoạch tài chính của doanh nghiệp (bao gồm kế hoạch đầu tư và thanh lý cùng với nguồn vốn dự trù để triển khai chiến lược của doanh nghiệp). • Kh**ả** n**ă**ng ch**ố**ng ch**ị**u và ph**ụ**c h**ồ**i **ủ**a chi**ế**n l**ượ**c v**ớ**i các r**ủ**i ro liên quan phát tri**ể**n b**ề**n v**ữ**ng • Doanh nghiệp nên báo cáo các thông tin về khả năng chống chịu và phục hồi của chiến lược và mô hình kinh doanh trên phương diện năng lực điều chỉnh theo những bất ổn bắt nguồn từ rủi ro liên quan phát triển bền vững và tận dụng những cơ hội trọng yếu. • Doanh nghiệp nên báo cáo về các phân tích định tính và, nếu phù hợp, định lượng về khả năng chống chịu và phục hồi, bao gồm biện pháp thực hiện phân tích và phân kỳ áp dụng trong phân tích.

3.5.2.2 Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu

Khi những vấn đề liên quan khí hậu được đánh giá là liên quan trên phương diện xem xét các vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững của doanh nghiệp, doanh nghiệp cần thực hiện áp dụng các yêu cầu về công bố thông tin tại mục 3.5.2.1.cho các vấn đề liên quan đến khí hậu đó. Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên xem xét bổ sung công bố thông tin theo các khuyến nghị đưa ra trong bảng dưới đây – dựa trên hướng dẫn của TCFD và ISSB (tiêu chuẩn IFRS S2).

Bảng 26: Chiến lược – Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu liên quan khí hậu
3	Các tác **độ**ng, r**ủ**i ro và c**ơ** h**ộ**i tr**ọ**ng y**ế**u và m**ố**i liên k**ế**t v**ớ**i chi**ế**n l**ượ**c và mô hình kinh doanh

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu liên quan khí hậu
	• **Ảnh hưởng của các tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu về khí hậu tới chiến lược và công tác ra quyết định:** Doanh nghiệp cần thực hiện báo cáo các thông tin chính về kế hoạch chuyển đổi của doanh nghiệp để thực hiện các cam kết giảm phát thải khí nhà kính (nếu có) và/hoặc ứng phó với các tác động, rủi ro và cơ hội đáng kể về khí hậu, hướng tới nền kinh tế phát thải các-bon thấp. Cụ thể, các nội dung công bố thông tin về kế hoạch chuyển đổi này bao gồm: • Hiện trạng phát thải khí nhà kính doanh nghiệp; • Tác động của việc chuyển đổi sang phát thải thấp đối với mô hình kinh doanh, chiến lược và kế hoạch tài chính • Các hoạt động thực hiện hỗ trợ chuyển đổi; bao gồm các chỉ tiêu giảm phát thải khí nhà kính – kèm theo phạm vi, mốc thời gian và các thay đổi dự kiến đối với mô hình kinh doanh và chiến lược • Các giả định, các điều kiện không chắc chắn, các phương pháp chính sử dụng trong kế hoạch chuyển đổi • Tiến độ triển khai kế hoạch chuyển đổi hàng năm. • **Mô tả các rủi ro và cơ hội trọng yếu liên quan khí hậu trong ngắn, trung và dài hạn, và mối liên kết với việc xây dựng chiến lược theo từng kỳ kế hoạch** Doanh nghiệp có thể phân loại các rủi ro liên quan khí hậu thành rủi ro vật lý và rủi ro chuyển đổi theo định nghĩa của TCFD và hướng dẫn của NGFS: • Rủi ro vật lý bao gồm các hư hại gây ra bởi các sự kiện môi trường như lũ lụt, giông bão, hạn hán, đợt khí nóng, cháy rừng; • Rủi ro chuyển đổi là tác động gây ra bởi các thay đổi trong chính sách, công nghệ và hành vi tiêu dùng để giảm thiểu phát thải các-bon và biến đổi khí hậu. • **Khả năng chống chịu và phục hồi của chiến lược với các rủi ro liên quan khí hậu** • Doanh nghiệp nên mô tả khả năng chống chịu và phục hồi của chiến lược và mô hình kinh doanh trên phương diện biến đổi khí hậu, bao gồm: (a) Phạm vi của phân tích về khả năng chống chịu và phục hồi. (b) Biện pháp tiến hành phân tích khả năng chống chịu và phục hồi, bao gồm việc áp dụng phân tích kịch bản (Xem Phần 2 – mục 2.2.2 về phân tích kịch bản). (c) Kết quả của phân tích khả năng chống chịu và phục hồi bao gồm kết quả áp dụng phân tích kịch bản. • Doanh nghiệp có thể bắt đầu với các việc mô tả phân tích kịch bản định tính và chuyển dần sang phân tích định lượng. Theo thông lệ tốt, doanh nghiệp nên rà soát ít nhất hai kịch bản khác nhau đi kèm với phân tích độ nhạy để so sánh. Phân tích kịch bản lúc này có thể được áp dụng để đánh giá và cải thiện khả năng chống chịu và phục hồi trong chiến lược kinh doanh.

3.5.2.3 Một số lưu ý về Quy định pháp luật về báo cáo thông tin phát triển bền vững tại Việt Nam

Tại Việt Nam, theo Thông tư 96/2020/TT-BTC về "Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán", các công ty đại chúng Việt Nam được yêu cầu thực hiện công bố một số thông tin liên quan đến Chiến lược. Phần này sẽ tổng hợp các yêu cầu trong thông tư 96/2020/TT-BTC liên quan đến cấu phần chiến lược, sắp xếp tương ứng theo mục #1, #2 và #3 thuộc mục *3.4.2.1.Yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững ở* trên để doanh nghiệp so sánh và tham chiếu khi thực hiện xây dựng báo cáo phát triển bền vững và các báo cáo liên quan khác (ví dụ báo cáo thường niên). .

Bảng 27: Quy định về công bố thông tin liên quan đến chiến lược ở Việt Nam

#	Quy định về công bố thông tin chiến lược trong Báo cáo thường niên công ty đại chúng
1	Chiến lược công ty - Những mục tiêu chủ yếu của công ty. - Chiến lược của công ty trong trung hạn và dài hạn. - Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của công ty.
3	Mô tả rủi ro - Rủi ro có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của công ty, bao gồm các rủi ro môi trường, thiên tai, dịch bệnh,....

3.6 Quản trị rủi ro

3.6.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin Quản trị rủi ro là để cung cấp thông tin về biện pháp xác định, đánh giá, ưu tiên và theo dõi các rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững của doanh nghiệp và cách thức các rủi ro, cơ hội này được đưa vào hệ thống quản trị rủi ro của cả doanh nghiệp.

3.6.2 Nội dung báo cáo thông tin

3.6.2.1 Yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan phát triển bền vững

Dựa trên các tiêu chuẩn và khung quốc tế bao gồm TCFD, ISSB, CDP, ESRS và IIRC, doanh nghiệp nên công bố những thông tin sau đây.

Bảng 28: Quản trị rủi ro - Yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan phát triển bền vững

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung
1	Mô tả các quy trình và chính sách liên quan đến xác định, đánh giá và ưu tiên các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững của doanh nghiệp

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu chung

	Doanh nghiệp nên báo cáo những thông tin sau đây:
	• Mô tả phương pháp, giả định và các công cụ riêng áp dụng trong các quy trình xác định, đánh giá và ưu tiên các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững của doanh nghiệp, bao gồm cả cơ chế cập nhật, kiểm định và xác nhận công cụ và phương pháp được sử dụng.
	• Tổng quan về quy trình xác định, đánh giá và ưu tiên các tác động tiềm tàng và thực tế của doanh nghiệp lên con người và môi trường, bao gồm phạm vi hoạt động của doanh nghiệp được thực hiện rà soát, các bước trong quy trình, tần suất đánh giá, các phân kỳ được xem xét, và vai trò, trách nhiệm, tham vấn của các bên liên quan bị ảnh hưởng và các chuyên gia.
	• Tổng quan về quy trình xác định, đánh giá và ưu tiên các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững mà có hoặc có thể có ảnh hưởng tài chính. Các thông tin nên được báo cáo bao gồm:
	  ◦ Biện pháp đánh giá khả năng xảy ra và ảnh hưởng (ví dụ các nhân tố định tính, ngưỡng định lượng và các tiêu chí khác)
	  ◦ Biện pháp đánh giá ưu tiên các rủi ro liên quan phát triển bền vững so với các loại hình rủi ro khác, bao gồm việc sử dụng các công cụ đánh giá rủi ro.

2	Mô tả mức độ và phương pháp tích hợp các quy trình quản trị rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững vào quy trình quản trị rủi ro của cả doanh nghiệp

	Doanh nghiệp nên báo cáo những thông tin sau đây:
	• Quy trình xác định, đánh giá và quản trị rủi ro liên quan đến phát triển bền vững: cách thức quy trình này được tích hợp vào khung quản trị rủi ro của doanh nghiệp và cách thức áp dụng quy trình để đánh giá danh mục rủi ro và quy trình quản trị rủi ro như thế nào. Cụ thể bao gồm:
	  ◦ Phương pháp đánh giá các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững trong các quy trình quản trị rủi ro của doanh nghiệp.
	  ◦ Phương pháp tích hợp các chỉ số phát triển bền vững vào dự án và quyết định kinh doanh.
	  ◦ Mô tả các thủ tục kiểm soát nội bộ có liên quan.
	• Phương pháp tích hợp quy trình xác định, đánh giá và quản lý cơ hội liên quan đến phát triển bền vững vào quy trình quản lý tổng thể của doanh nghiệp (nếu phù hợp).
	• Các thay đổi trong quy trình so với kỳ báo cáo trước (nếu có), thời điểm gần nhất quy trình được điều chỉnh và thời hạn rà soát đánh giá trọng yếu trong tương lai.
	• Chính sách và hành động được thi hành để xử lý các tác động và rủi ro trọng yếu, khai thác cơ hội trọng yếu (bao gồm mô tả các nội dung chính, phạm vi, cấp chịu trách nhiệm cao nhất, thời gian, các hành động chính và tiến độ thực hiện (nếu phù hợp)). Nếu không có chính sách hoặc hành động nào được thực thi, doanh nghiệp cần nêu rõ lý do.

3.6.2.2 Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan khí hậu

Các rủi ro liên quan đến khí hậu là một phần trong các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững và khi những rủi ro liên quan khí hậu được đánh giá là liên quan trên phương diện xem xét các vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững của doanh nghiệp, doanh nghiệp cần thực hiện áp dụng các yêu cầu về công bố thông tin tại mục 3.6.2.1. cho các rủi ro liên quan đến khí hậu. Nội dung công bố thông tin về quản trị rủi ro cần đưa ra diễn giải về cách thức mà doanh nghiệp xác định, giám sát, quản lý và báo cáo các rủi ro liên quan đến khí hậu, theo đó, thể hiện rõ cách thức các rủi ro liên quan đến khí hậu được tích hợp vào khung quản trị rủi ro của toàn doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên xem xét bổ sung công bố thông tin theo các khuyến nghị đưa ra trong bảng dưới đây – dựa trên hướng dẫn của CDP, TCFD và ISSB (tiêu chuẩn IFRS S2).

Bảng 29: Quản trị rủi ro –Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan khí hậu

#	Nội dung báo cáo thông tin theo yêu cầu liên quan khí hậu
2	Mô tả mức độ và phương pháp tích hợp các quy trình quản trị rủi ro và cơ hội liên quan khí hậu vào quy trình quản trị rủi ro của cả doanh nghiệp
	Doanh nghiệp nên xem xét báo cáo các thông tin về: • Chính sách và biện pháp áp dụng trên các phương diện: giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng năng lượng hiệu quả; khai thác năng lượng tái tạo; các chính sách và biện pháp khác. • Các hành động và nguồn lực liên quan đến công tác giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

3.7 Chỉ số và mục tiêu

3.7.1 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin về Các chỉ số và mục tiêu là để cung cấp thông tin về cách doanh nghiệp theo dõi hiệu quả của các hành động triển khai nhằm quản lý và ứng phó với các vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững, bao gồm tiến độ của quá trình hướng tới các mục tiêu doanh nghiệp đã đặt ra và các mục tiêu mà luật pháp hoặc quy định yêu cầu phải đáp ứng.

Cùng với các nội dung báo cáo mô tả và tường thuật về các cấu phần cốt lõi bao gồm quản trị, chiến lược và quản lý rủi ro, việc báo cáo về các chỉ số và mục tiêu sẽ giúp đưa ra đánh giá toàn diện và hữu dụng cho quá trình ra quyết định, trên cơ sở xem xét cả thông tin định lượng và định tính.

Các chỉ số và mục tiêu này cũng có thể hỗ trợ đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh, đặc biệt là giữa các ngành, lĩnh vực với nhau.

3.7.2 Nội dung báo cáo thông tin

3.7.2.1 Yêu cầu chung về báo cáo thông tin liên quan đến phát triển bền vững

Trong nội dung báo cáo này, doanh nghiệp nên đưa ra mô tả về các mục tiêu và chỉ số để đo lường và giám sát hiệu quả hoạt động trong các vấn đề trọng yếu về phát triển bền vững. Việc này cần được báo cáo đi kèm so sánh với kỳ trước và các mục tiêu đặt ra trong kỳ đó.

Bảng 30: Mục tiêu và chỉ số – Yêu cầu chung cho báo cáo thông tin về phát triển bền vững

#	Yêu cầu chung về Nội dung báo cáo thông tin
1	Các chỉ số liên quan đến các vấn đề trọng yếu liên quan đến phát triển bền vững

	• Doanh nghiệp cần báo cáo tất cả các chỉ số mà doanh nghiệp sử dụng để đánh giá hiệu suất và hiệu quả liên quan đến các tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu, kèm theo giải thích về mức động quan trọng và ý nghĩa của chúng.
	• Các chỉ số phải bao gồm:
	  ◦ Các chỉ số được xác định trong tiêu chuẩn báo cáo được lựa chọn bởi doanh nghiệp;
	  ◦ Các chỉ số được xác định dựa trên cơ sở đặc thù cụ thể của doanh nghiệp, được lấy từ các nguồn khác hay do chính doanh nghiệp tự phát triển.
	• Với mỗi chỉ số, doanh nghiệp cần:
	  ◦ báo cáo liệu việc đo lường của chỉ số có được xác nhận bởi bên thứ ba nào khác ngoài đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét độc lập, nếu có, nêu rõ bên thứ ba này;
	  ◦ cung cấp mô tả của các chỉ số bằng cách sử dụng miêu tả và tên một cách rõ ràng, có ý nghĩa và chính xác.
	  ◦ khi xác định đơn vị tiền tệ làm đơn vị đo lường thì sử dụng đơn vị tiền tệ được trình bày trong báo cáo tài chính;
	  ◦ Đối với các chỉ số do doanh nghiệp phát triển, cần báo cáo cách xác định chỉ số, phương pháp được sử dụng để tính toán chỉ số và dữ liệu đầu vào của phép tính, bao gồm các hạn chế của phương pháp được sử dụng và các giả định quan trọng được đưa ra.

2	Mục tiêu để theo dõi hiệu quả của chính sách và hành động
	Doanh nghiệp nên báo cáo tất cả các mục tiêu hướng đến kết quả và có thể đo lường mà doanh nghiệp đặt ra để đánh giá tiến độ thực hiện của các mục tiêu chiến lược và tất cả các mục tiêu theo quy định pháp luật yêu cầu. Đối với mỗi mục tiêu, việc báo cáo nên bao gồm các thông tin sau: • báo cáo liệu mục tiêu mang tính tuyệt đối hay tương đối dựa trên cường độ, khung thời gian liên quan mà mục tiêu được áp dụng và năm cơ sở để đo lường tiến độ; • mục tiêu định lượng hoặc định tính cụ thể mà doanh nghiệp đặt ra hoặc được yêu cầu đáp ứng; • các phương pháp và giả định quan trọng được sử dụng để xác định mục tiêu, bao gồm các trường hợp được lựa chọn, nguồn dữ liệu, mức độ tuân theo và song hành với các mục tiêu chính sách quốc gia, Việt Nam hoặc quốc tế và cách mục

#	Yêu cầu chung về Nội dung báo cáo thông tin
	tiêu xem xét bối cảnh rộng hơn của phát triển bền vững và/hoặc tình hình địa phương nơi các tác động diễn ra; • kết quả thực hiện theo từng mục tiêu và phân tích xu hướng hoặc thay đổi trong kết quả triển khai của doanh nghiệp.

CÁC CHỦ ĐỀ CHUNG VỀ BÁO CÁO CÁC CHỈ SỐ VÀ MỤC TIÊU

Tùy thuộc vào đánh giá trọng yếu của mỗi doanh nghiệp, các chủ đề công bố có thể bao gồm:

Bảng 31: Các chỉ số và mục tiêu khuyến nghị thực hiện báo cáo

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Các chủ đề chung về công bố thông tin về môi trường, xã hội và quản trị
Về môi trường	1	Chất lượng không khí Đề cập đến việc quản lý tác động đến chất lượng không khí do các nguồn cố định và nguồn di động, cũng như khí thải công nghiệp ngoại trừ khí nhà kính.
	2	Quản lý nước và nước thải Đề cập về việc sử dụng nước, tiêu thụ nước, tạo ra nước thải và các các tác động khác của hoạt động kinh doanh sản xuất tới tài nguyên nước
	3	Tác động tới hệ sinh thái và đa dạng sinh học Đề cập đến việc quản lý các tác động của doanh nghiệp đối với hệ sinh thái và đa dạng sinh học thông qua các hoạt động bao gồm nhưng không giới hạn ở việc khai thác sử dụng đất, khai thác tài nguyên, trồng trọt, phát triển dự án và xây dựng. Các tác động bao gồm nhưng không giới hạn ở mất đa dạng sinh học, phá hủy môi trường sống và phá rừng ở mọi giai đoạn của vận hành. Không bao gồm tác động của biến đổi khí hậu.
	4	Quản lý chất thải và vật liệu nguy hiểm Đề cập đến việc quản lý chất thải rắn của doanh nghiệp trong sản xuất, nông nghiệp và các quy trình công nghiệp khác. Không bao gồm lượng khí phát thải vào không khí hoặc nước thải, và chất thải từ kết thúc vòng đời sản phẩm.
	5	Phát thải khí nhà kính Đề cập đến vấn đề phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp (phạm vi 1) trong quá trình hoạt động của một công ty, bao gồm quản lý rủi ro pháp lý, tuân thủ môi trường, rủi ro và cơ hội về danh tiếng liên quan đến phát thải khí nhà kính trực tiếp.
	6	Quản lý năng lượng Đề cập đến việc quản lý năng lượng của công ty trong sản xuất và/hoặc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ có nguồn gốc từ các nhà cung cấp dịch vụ tiện ích (năng lượng lưới) không thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của công ty.
	7	Thích ứng, phục hồi và khả năng chuyển đổi đối với biến đổi khí hậu Đề cập đến cách doanh nghiệp điều chỉnh trước các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu hiện tại và dự đoán, cũng như cách tổ chức đó đóng góp vào khả năng của xã hội và nền kinh tế trong việc chống chịu với các tác động đến từ biến đổi khí hậu.
	8	Nguồn cung và hiệu quả về nguyên vật liệu Đề cập đến các vấn đề liên quan đến khả năng chống chịu và phục hồi của chuỗi cung ứng nguyên vật liệu trước tác động của biến đổi khí hậu và các yếu tố môi trường và xã hội bên ngoài khác.
Về xã hội	1	Quyền con người và quan hệ cộng đồng

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Các chủ đề chung về công bố thông tin về môi trường, xã hội và quản trị
		Đề cập đến việc quản lý mối quan hệ giữa các doanh nghiệp và cộng đồng nơi họ hoạt động, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc quản lý tác động trực tiếp và gián tiếp đến các quyền con người cốt lõi và cách đối xử với người dân bản địa.
	2	Quyền riêng tư của khách hàng Đề cập đến việc quản lý rủi ro liên quan đến việc sử dụng thông tin nhận dạng cá nhân và dữ liệu khách hàng hoặc người dùng khác cho mục đích phụ bao gồm nhưng không giới hạn ở việc tiếp thị liên kết và không liên kết.
	3	An ninh dữ liệu Đề cập đến việc quản lý rủi ro liên quan đến việc thu thập, lưu trữ và sử dụng dữ liệu nhạy cảm, bí mật và/hoặc độc quyền của khách hàng hoặc người dùng.
	4	Khả năng tiếp cận và tính phù hợp về giá cả Đề cập đến khả năng của công ty trong việc đảm bảo khả năng tiếp cận rộng rãi đối với các sản phẩm và dịch vụ của mình, đặc biệt xét trong bối cảnh của các thị trường và/hoặc nhóm dân số chưa được đáp ứng đủ nhu cầu.
	5	Chất lượng và an toàn của sản phẩm Đề cập đến các vấn đề liên quan đến các đặc tính ngoài ý muốn của sản phẩm được bán hoặc dịch vụ được cung cấp có thể mang lại rủi ro về sức khỏe hoặc an toàn cho người dùng. Đồng thời đề cập đến khả năng của doanh nghiệp trong việc cung cấp các sản phẩm/dịch vụ đáp ứng yêu cầu khách hàng về khía cạnh sức khỏe và an toàn
	6	Phúc lợi của khách hàng Để cập tới các mối quan tâm về phúc lợi của khách hàng đối với các vấn đề bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, sức khỏe và dinh dưỡng từ thực phẩm và đồ uống, sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi, quản lý các chất bị kiểm soát. Đề cập tới khả năng của công ty trong việc cung cấp cho người tiêu dùng các sản phẩm phù hợp với mong đợi của xã hội.
	7	Thực hành bán hàng và ghi nhãn sản phẩm Đề cập tới các vấn đề xã hội được phát sinh do không quản lý được tính minh bạch, chính xác và dễ hiểu của các tuyên bố tiếp thị, quảng cáo và ghi nhãn sản phẩm và dịch vụ.
	8	Thực hành lao động Đề cập tới khả năng của công ty trong việc duy trì các tiêu chuẩn lao động được chấp nhận phổ biến tại nơi làm việc, bao gồm việc tuân thủ luật lao động cũng như các chuẩn mực và tiêu chuẩn được quốc tế chấp nhận. Điều này bao gồm nhưng không giới hạn ở việc đảm bảo các quyền cơ bản của con người liên quan đến lao động trẻ em, lao động cưỡng bức hoặc ràng buộc, lao động bóc lột, tiền lương công bằng và trả lương làm thêm giờ cũng như các quyền cơ bản khác của người lao động. Nó cũng bao gồm các chính sách lương tối thiểu và cung cấp các phúc lợi, có thể ảnh hưởng đến cách thu hút, giữ chân và tạo động lực cho lực lượng lao động. Đề cập đến mối quan hệ của công ty với lao động có tổ chức và quyền tự do hiệp hội.
	9	Sức khỏe và an toàn của người lao động

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Các chủ đề chung về công bố thông tin về môi trường, xã hội và quản trị
		Đề cập đến khả năng của công ty trong việc tạo ra và duy trì môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, không có thương tích, tử vong và bệnh tật (mãn tính và cấp tính).
	10	Sự gắn kết, đa dạng và hòa nhập của người lao động Đề cập đến khả năng của công ty trong việc đảm bảo rằng văn hóa cũng như các phương pháp tuyển dụng và thăng tiến của công ty bao gồm việc xây dựng lực lượng lao động đa dạng và đảm bảo tính hòa nhập.
Về Quản trị	1	Quản lý thiết kế và vòng đời sản phẩm Đề cập đến việc kết hợp các cân nhắc về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) trong đặc tính của sản phẩm và dịch vụ do công ty cung cấp hoặc kinh doanh.
	2	Khả năng chống chịu và phục hồi của mô hình kinh doanh Đề cập đến năng lực của một ngành trong việc quản lý rủi ro và cơ hội liên quan đến việc kết hợp các chuyển đổi xã hội, môi trường và chính trị vào việc lập kế hoạch mô hình kinh doanh dài hạn.
	3	Quản lý chuỗi cung ứng Đề cập đến việc quản lý các rủi ro về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) trong chuỗi cung ứng của công ty.
	4	Tác động vật lý của biến đổi khí hậu Đề cập đến khả năng của công ty trong việc quản lý rủi ro và cơ hội liên quan đến việc tài sản và hoạt động do công ty sở hữu hoặc kiểm soát khi phải đối mặt trực tiếp với các tác động vật lý thực tế hoặc tiềm ẩn của biến đổi khí hậu.
	5	Đạo đức kinh doanh Đề cập đến cách tiếp cận của công ty trong việc quản lý rủi ro và cơ hội xung quanh việc đảm bảo thực hiện đạo đức kinh doanh, bao gồm liên quan đến gian lận, tham nhũng, hối lộ và các khoản tiền đút lót, ủy thác trách nhiệm và các hành vi có thể bao gồm yếu tố đạo đức.
	6	Hành vi cạnh tranh Bao gồm các vấn đề xã hội liên quan đến sự tồn tại của độc quyền thị trường, có thể bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, mức giá quá cao, chất lượng dịch vụ kém, kém hiệu quả.
	7	Quản lý pháp lý và quy định về môi trường Đề cập đến cách tiếp cận của công ty trong việc hợp tác với các cơ quan quản lý trong trường hợp xung đột lợi ích công ty và lợi ích cộng đồng có thể gây ra tác động tiêu cực lâu dài trực tiếp hoặc gián tiếp đến môi trường và xã hội.
	8	Quản lý rủi ro sự cố nghiêm trọng Đề cập đến việc công ty sử dụng các hệ thống quản lý và lập kế hoạch kịch bản để xác định, hiểu rõ và ngăn ngừa hoặc giảm thiểu khả năng xảy ra các sự cố và tình huống khẩn cấp có xác suất thấp nhưng tác động lớn, có thể gây ra các rủi ro môi trường và xã hội nghiêm trọng.
	9	Quản lý rủi ro hệ thống

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Các chủ đề chung về công bố thông tin về môi trường, xã hội và quản trị
		Đề cập đến các đóng góp của công ty hoặc cách quản lý các rủi ro hệ thống phát sinh từ việc suy yếu hoặc sụp đổ quy mô lớn của các hệ thống mà nền kinh tế và xã hội phụ thuộc vào.

Vui lòng xem phần Phụ lục A – Danh mục một số chỉ số tương ứng với mỗi chủ đề.

3.7.2.2 Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu

Khi những vấn đề về khí hậu được đánh giá là liên quan trên phương diện xem xét các vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững của doanh nghiệp, bên cạnh các yêu cầu chung về Nội dung báo cáo thông tin được liệt kê trong *mục 3.7.2.1*, doanh nghiệp cũng nên cân nhắc các khuyến nghị sau đây – dựa trên CDP, TCFD và ISSB (IFRS S2 guide).

Bảng 32: Chỉ số và Mục tiêu – Các cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo liên quan đến khí hậu

#	Yêu cầu công bố thông tin liên quan khí hậu
1	Các chỉ số về vấn đề trọng yếu liên quan đến khí hậu
	Doanh nghiệp nên công bố các phân loại chỉ số liên quan đến: • Khí thải nhà kính: Công bố Phạm vi 1, Phạm vi 2, và nếu phù hợp thì cả Phạm vi 3 về phát thải khí nhà kính (GHG) • Rủi ro chuyển đổi và rủi ro vật lý liên quan đến biến đổi khí hậu: số lượng và tỉ lệ tài sản hoặc hoạt động kinh doanh nhạy cảm với các rủi ro chuyển đổi và rủi ro vật lý về biến đổi khí hậu. Việc này nên bao gồm các chỉ số để đo lường rủi ro về biến đổi khí hậu cùng với việc quản lý nước, năng lượng, sử dụng đất đai và chất thải. • Các cơ hội về khí hậu: số lượng và tỉ lệ tài sản hoặc hoạt động kinh doanh phù hợp với các cơ hội về biến đổi khí hậu; • Triển khai vốn: lượng chi tiêu vốn, tài trợ hoặc đầu tư được triển khai cho các rủi ro và cơ hội liên quan đến biến đổi khí hậu; • Định giá các-bon nội bộ: giải thích về việc chủ thể có đang áp dụng định giá các-bon trong việc đưa ra quyết định hay không và như thế nào (ví dụ, quyết định đầu tư, chuyển đổi giá và phân tích tình huống); và giá cho mỗi tấn phát thải khí nhà kính mà chủ thể sử dụng để đánh giá chi phí phát thải khí nhà kính của mình; • Thù lao: tỷ lệ thù lao của quản lý điều hành liên quan đến các cân nhắc về biến đổi khí hậu
2	Mục tiêu cho các rủi ro và cơ hội liên quan đến biến đổi khí hậu
	• Mục tiêu nên đề cập đến các lĩnh vực liên quan đến biến đổi khí hậu sau: phát thải khí nhà kính, sử dụng nước và năng lượng. Nó cũng có thể bao trùm các mục tiêu khác, bao gồm mục tiêu tài chính về môi trường, khả năng chịu tổn thất tài chính, tránh phát thải khí nhà kính trong toàn bộ vòng đời sản phẩm, và mục tiêu doanh thu ròng từ các sản phẩm được thiết kế cho nền kinh tế ít các-bon hơn; • Mối liên kết rõ ràng giữa thù lao cho đội ngũ quản lý và các mục tiêu cụ thể.

3.7.2.3 Một số lưu ý về Quy định pháp luật về báo cáo thông tin phát triển bền vững tại Việt Nam

Yêu cầu công bố các chỉ số và mục tiêu về môi trường và xã hội ở Việt Nam

Tại Việt Nam, theo Thông tư Số. 96/2020/TT-BTC về "Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán", các công ty đại chúng Việt Nam được yêu cầu công bố các thông tin tổng hợp trong bảng dưới đây liên quan đến phát triển bền vững. Các doanh nghiệp và tổ chức cần cân nhắc các yêu cầu này khi xác định các chỉ số và mục tiêu cần đưa vào báo cáo phát triển bền vững.

Bảng 33: Quy định pháp luật về báo cáo Các chỉ số và mục tiêu về Môi trường và Xã hội tại Việt Nam

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Chủ đề công bố	Yêu cầu công bố thông tin của các công ty đại chúng Việt Nam[164]
Về môi trường			Báo cáo thường niên
	1	Nguồn cung và hiệu quả về nguyên vật liệu	- Tổng số lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của doanh nghiệp trong năm* - Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của doanh nghiệp*
	2	Quản lý năng lượng	- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp* - Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả* - Báo cáo về các sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này*
	3	Quản lý nước và nước thải	- Nguồn cung cấp nước và lượng nước đã sử dụng - Tỉ lệ phần trăm và tổng khối lượng nước được tái chế và tái sử dụng
	4	Phát thải khí nhà kính	- Tổng lượng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp* - Các biện pháp và sáng kiến để giảm thiểu phát thải khí nhà kính*

	5	Khác	- Đánh giá của Ban Giám đốc về các chỉ số môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải, v.v.)
			- Các hoạt động của thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, bao gồm:
			  - Tính hợp lệ liên tục của các dự án và tài sản
			  - Số vốn dư còn lại chưa được phân bổ
			  - Chỉ số đo lường hiệu quả môi trường định tính và định lượng của các Dự án và Tài sản được chỉ định, ví dụ như: số tấn CO2 giảm phát mỗi năm, số Kw điện được sản xuất mỗi giờ, số dặm đường dây tải điện được lắp đặt hoặc số ha đất rừng được phục hồi.

	** Không bắt buộc cho doanh nghiệp trong ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán và bảo hiểm.*		
Về xã hội			Báo cáo thường niên
	1	Thực hành lao động	- Tổng số lao động - Tóm tắt thông tin và thay đổi trong chính sách nhân sự - Mức lương trung bình đối với người lao động - Trung bình số giờ đào tạo hàng năm, theo nhân viên và phân loại nhân viên

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Chủ đề công bố	Yêu cầu công bố thông tin của các công ty đại chúng Việt Nam[164]
			- Chương trình phát tiển kĩ năng và liên tục học tập để hỗ trợ người lao động việc làm và phát triển nghề nghiệp
	2	Sức khỏe và An toàn Lao động	- Các chính sách lao động nhằm bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
	3	Quyền con người và quan hệ cộng đồng	- Các khoản đầu tư cộng đồng và các hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính cho dịch vụ công đồng
	4	Khác	- Đánh giá của Ban Giám đốc về các vấn đề lao động - Đánh giá của Ban Giám đốc về trách nhiệm doanh nhiệm đối với cộng đồng địa phương
Về quản trị	1	Quản lý pháp lý và quy định về môi trường	- Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và quy định về bảo vệ môi trường - Tổng số tiền xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

3.7.3 Mục đích của việc báo cáo thông tin

Mục đích của việc báo cáo thông tin về Cơ sở báo cáo là để trình bày về cách tiếp cận và phương pháp doanh nghiệp sử dụng cho việc tính toán và thu thập dữ liệu về phát triển bền vững, cũng như kiểm soát nội bộ xung quanh dữ liệu đầu vào và đầu ra.

3.7.4 Nội dung báo cáo thông tin

Doanh nghiệp nên thực hiện báo cáo:

- Mô tả các giả định làm nền tảng cho thông tin được báo cáo, bao gồm các phương pháp và kỹ thuật được sử dụng để đo lường và ước tính các chỉ số về phát triển bền vững;
- Mô tả về nguồn dữ liệu và phương pháp được sử dụng để chuẩn bị thông tin báo cáo, và đánh giá về độ tin cậy, khả năng so sánh và tính nhất quán của dữ liệu;
- Mô tả về các ước tính và hạn chế liên quan đến việc tính toán, như chênh lệch dữ liệu, lỗi đo lường, sai lệch ước tính;
- Giải thích về sự thay đổi trong các giả định tính toán từ kỳ báo cáo trước và ảnh hưởng của những thay đổi đó.

Xem Phụ lục để có thêm các tiêu chí mẫu về cơ sở báo cáo.

PHẦN 4: HƯỚNG DẪN TRIỂN KHAI ESG ĐƠN GIẢN HÓA CHO DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ (DNNVV)

1. Về các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam

1.1. Tổng quan bối cảnh DNNVV tại Việt Nam

Theo báo cáo của VCCI (2021), các DNNVV tại Việt Nam chiếm 96% trên tổng số doanh nghiệp, đóng góp hơn 42% vào GDP, tạo ra hơn 65% việc làm cho người lao động và chiếm 30% tổng doanh thu thuế. Mặc dù vậy, các DNNVV vẫn dễ bị tổn thất trước các cú sốc kinh tế và biến động thị trường bất lợi. Trước những thách thức lớn của nền kinh tế toàn cầu cũng như những cơ hội mới mở ra cho Việt Nam, các DNNVV cần chuẩn bị một nền tảng kiến thức vững chắc, thúc đẩy khả năng vận hành linh hoạt, tích cực và bền vững để bắt kịp các xu hướng mới và thành công trên thị trường.[165]

Với định hướng chú trọng việc thúc đẩy phát triển bền vững cho các DNNVV, Việt Nam đã chứng kiến sự gia tăng của các chương trình nhằm hỗ trợ những doanh nghiệp này trong việc thực hành ESG. Những sáng kiến này đóng vai trò quan trọng trong việc khuyến khích các doanh nghiệp thực hành kinh doanh có trách nhiệm và đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế dài hạn.

Sáng kiến ESG Việt Nam 2024 đón đầu cơ hội chuyển đổi xanh[166]

Sáng kiến ESG Việt Nam là một chương trình được thiết kế để hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là DNNVV, trong việc triển khai khung đánh giá ESG và áp dụng các thực hành kinh doanh bền vững. Sáng kiến này là một phần của sự hợp tác giữa Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI) với mục tiêu thúc đẩy sự phát triển bền vững và toàn diện trong lĩnh vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam.

Các tổ chức tham gia cần đáp ứng những tiêu chí sau:

- Là tổ chức/đơn vị kinh tế Việt Nam, bao gồm các doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, và hộ kinh doanh, với không quá 500 nhân viên toàn thời gian và đang không có tranh chấp pháp lý;
- Hoạt động trong các lĩnh vực ưu tiên của dự án USAID IPSC như nông-lâm-ngư nghiệp, công nghiệp chế biến và chế tạo, công nghệ thông tin, logistics, du lịch và sản phẩm hỗ trợ;
- Có mô hình kinh doanh hiệu quả, tạo ra lợi nhuận;
- Có dự định và cam kết hành động để triển khai ESG tại doanh nghiệp, chuyển đổi hoặc mở rộng mô hình kinh doanh bền vững .

Các hạng mục hỗ trợ kỹ thuật nổi bật:

(i) Đào tạo, nâng cao năng lực về ESG, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh doanh bao trùm, v.v.

(ii) Thuê chuyên gia tư vấn chiến lược và kế hoạch hành động về kinh doanh bền vững

(iii) Xây dựng Báo cáo phát triển bền vững/ Báo cáo ESG năm đầu tiên

(iv) Tiến hành kiểm kê khí nhà kính và xây dựng kế hoạch giảm phát thải

(v) Tổ chức các sự kiện, tập huấn cho đối tác trong chuỗi cung ứng về kinh doanh bền vững

Dự án phát triển doanh nghiệp bền vững (SCORE)[167]

SCORE là chương trình hợp tác kỹ thuật toàn cầu được quản lý bởi Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và do Ủy ban Quốc gia về các vấn đề kinh tế Thụy Sỹ (SECO) và Cơ quan Hợp tác Phát triển Na-Uy (NORAD) tài trợ. Dự án cung cấp các chương trình đào tạo cho DNNVV nhằm cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao năng suất của DNNVV, giúp họ tiếp cận các chuỗi cung ứng toàn cầu và giới thiệu các phương pháp sản xuất và dịch vụ tốt nhất trên thế giới.

Chương trình SCORE gồm 5 chuyên đề, bao gồm (i) hợp tác tại nơi làm việc; (ii) quản lý chất lượng; (iii) năng xuất và sản xuất sạch hơn; (iv) quản lý nguồn nhân sự; (v) an toàn vệ sinh lao động.

1.2. Các yếu tố thúc đẩy chuyển đổi ESG cho các DNNVV tại Việt Nam

Các yếu tố thúc đẩy các DNNVV Việt Nam trong việc thúc đẩy chuyển đổi ESG

Các DNNVV đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế và không nằm ngoài xu hướng phát triển bền vững đang rất phổ biến hiện nay. Giống như các tập đoàn lớn, các DNNVV cũng phải đối mặt với áp lực từ các bên liên quan đối với việc chuyển đổi để bền vững. Điều này đòi hỏi các DNNVV phải đưa ra một phương pháp tiếp cận tích hợp trong việc đánh giá các rủi ro dựa trên thực hành quản trị, hành động về biến đổi khí hậu, trách nhiệm xã hội cũng như tính khả thi tài chính.

Hình 31 Các yếu tố thúc đẩy các DNNVV Việt Nam trong việc thúc đẩy chuyển đổi ESG

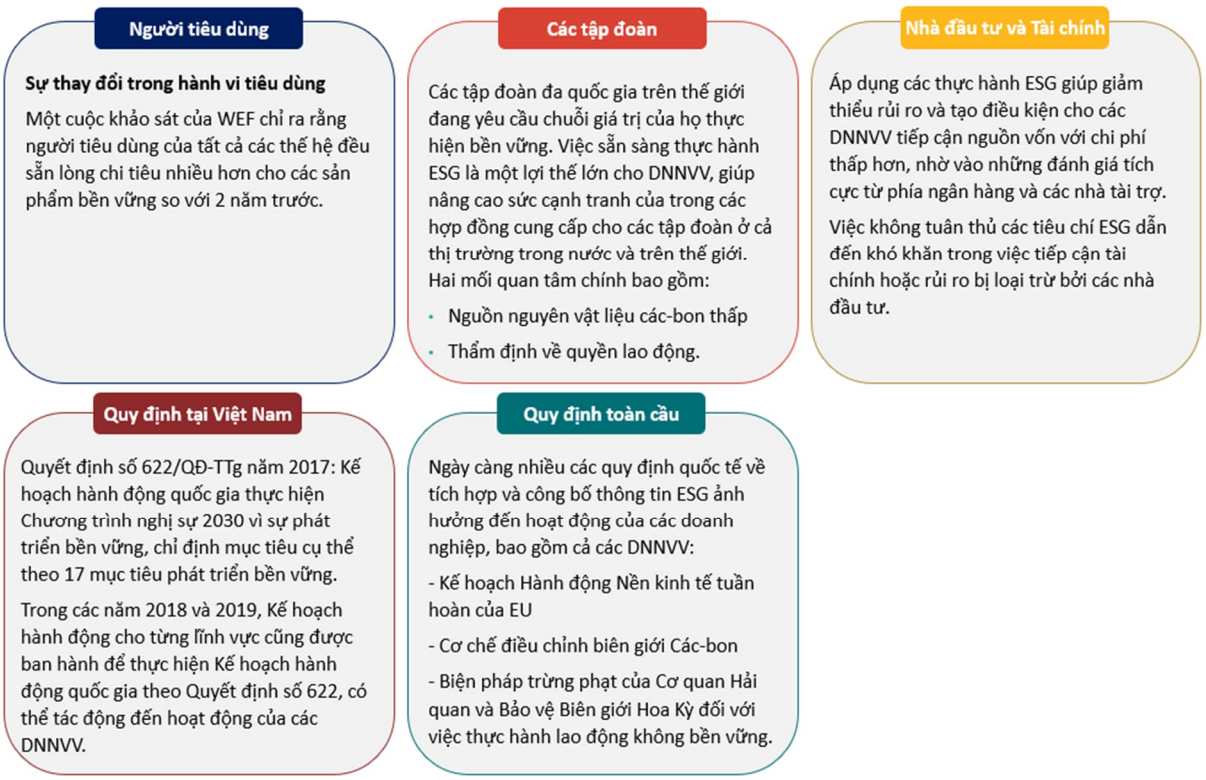

Lợi ích cho các DNNVV trong việc thúc đẩy phát triển bền vững

Việc tích hợp ESG vào quản trị và chiến lược kinh doanh có thể cải thiện khả năng thích ứng của các DNNVV, giảm bớt tổn thương từ những tình huống không thuận lợi và mở ra nhiều cơ hội mới.

Hình 32 Lợi ích cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc thúc đẩy bền vững

1.3. Những thách thức trong việc chuyển đổi ESG của các DNNVV tại Việt Nam

Các DNNVV phải đối mặt với những thách thức rất đa dạng, trong đó có 4 thách thức chính mà các doanh nghiệp gặp phải trong quá trình thực hành ESG: chi phí vốn ban đầu cao, thiếu chuyên môn, thiếu dữ liệu, hệ thống các hướng dẫn báo cáo phức tạp

- Chi phí vốn ban đầu cao: Đầu tư vào các khoản chi phí liên quan đến ESG như đầu tư để giảm tiêu thụ năng lượng, chuyển đổi sang năng lượng tái tạo, trả mức lương hợp lý cho nhân viên, áp dụng quy trình và công nghệ mới,... đòi hỏi một khoản đầu tư ban đầu đáng kể, dẫn đến áp về lực chi phí vốn ban đầu đối với các DNNVV.

- Thiếu chuyên môn: Việc tuyển thêm nhân viên mới có chuyên môn về ESG có thể dẫn đến sự gia tăng đáng kể về số lượng nhân viên, trong khi đây là một trong những thách thức của DNNVV trong việc quản lý và tối ưu hóa chi phí nhân sự.
- Thiếu dữ liệu: Các DNNVV đang đối mặt với hạn chế về khả năng và năng lực - thường thiếu các công cụ và tài nguyên để thu thập các lượng dữ liệu phù hợp cần thiết để đáp ứng yêu cầu và phát triển cũng như triển khai một hệ thống báo cáo.
- Hệ thống các hướng dẫn báo cáo phức tạp: Các khung, tiêu chuẩn, xếp hạng bền vững hiện tại và các nguồn liên quan thường rời rạc và quá phức tạp. Điều này có thể gây bối rối cho các DNNVV trong việc quyết định chọn tiêu chuẩn nào để tuân thủ thực hành bền vững và cách thức để áp dụng và cống bố thông tin theo tiêu chuẩn đó.

2. Hướng dẫn triển khai ESG đơn giản hóa dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV)

2.1. Phương pháp tiếp cận 6 bước xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động về ESG

Mỗi bước được mô tả cụ thể như sau:

1	TÌM HIỂU	Tìm hiểu về phát triển bền vững và hiểu rõ về các tác động đối với doanh nghiệp	Hành trình bắt đầu với việc doanh nghiệp tiến hành tìm hiểu, nâng cao kiến thức và nhận thức về ESG liên quan đến công tác vận hành kinh doanh
2	ĐÁNH GIÁ	Đánh giá các vấn đề trọng yếu liên quan đến ESG bao gồm các tác động, rủi ro và cơ hội	Với nền tảng và kiến thức về bối cảnh ESG, doanh nghiệp cần phải nâng cao sự hiểu biết của mình và xác định được

		trọng yếu về ESG đối với doanh nghiệp	về về các vấn đề ESG trọng yếu ảnh hưởng đến sự phát triển, hiệu quả hoạt động và vị thế của doanh nghiệp, cũng như những tác động mà doanh nghiệp gây ra đối với môi trường và xã hội.
3	LẬP KẾ HOẠCH	Lập kế hoạch về các hành động tiến tới tích hợp ESG	Dựa trên việc đánh giá các vấn đề về ESG, doanh nghiệp xác định các mục tiêu và chỉ tiêu phát triển bền vững phù hợp với bối cảnh hoạt động của mình, đồng thời xây dựng lộ trình và kế hoạch hành động để đạt được những mục tiêu đó.
4	TRIỂN KHAI	Triển khai kế hoạch hành động về ESG	Doanh nghiệp triển khai kế hoạch hành động ESG bằng cách tận dụng nguồn lực từ bên trong và thu hút các nguồn lực bên ngoài.
5	THEO DÕI	Theo dõi tiến độ triển khai kế hoạch hành động ESG và điều chỉnh nếu cần	Để đảm bảo triển khai hiệu quả, doanh nghiệp nên theo dõi tiến độ và hiệu quả của kế hoạch hành động bằng cách sử dụng các chỉ số đo lường hiệu quả, từ đó thực hiện điều chỉnh và cải thiện khi cần thiết.
6	BÁO CÁO	Báo cáo các mục tiêu và thành tựu trong triển khai kế hoạch hành động ESG	Trong bước này, doanh nghiệp thực hiện báo cáo về tiến độ và kết quả đạt được của Kế hoạch Hành động ESG.

2.1.1. BƯỚC 1: TÌM HIỂU

2.1.1.1. Mục tiêu:

- Tìm hiểu về khái niệm nền tảng và mục đích của phát triển bền vững.
- Hiểu rõ làm thế nào và tại sao phát triển bền vững, đặc biệt là biến đổi khí hậu, có thể tác động đến khả năng chống chịu và phục hồi của doanh nghiệp, và xem xét tác động doanh nghiệp đến môi trường và cộng đồng xung quanh như thế nào, cũng như "chi phí cơ hội" nếu doanh nghiệp không hành động trong các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững.
- Xác nhận rằng biến đổi khí hậu là một mối đe dọa thực sự đối với hành tinh và doanh nghiệp, đồng thời nhận thức được tính cấp thiết phải hành động hướng tới chuyển đổi ESG. Khẳng định và đưa ra cam kết của doanh nghiệp trong việc đóng góp vào nỗ lực chống lại biến đổi khí hậu.
- Nâng cao nhận thức về các thay đổi về pháp lý, tiêu chuẩn và thông lệ tốt nhất liên quan ESG nói chung và cụ thể theo ngành, lĩnh vực, ở phạm vi quốc gia và quốc tế.
- Tìm hiểu về các quy định, yêu cầu hoặc kỳ vọng của các bên liên quan then chốt.
- Tìm hiểu về cách doanh nghiệp có thể đạt được lợi thế từ việc áp dụng ESG và tích hợp ESG vào quản trị, chiến lược và vận hành.

- Khi doanh nghiệp bắt đầu hành trình ESG, doanh nghiệp cần đảm bảo có được sự đồng thuận của Hội đồng quản trị, đồng thời đảm bảo nhận thức và xây dựng kỹ năng về phát triển bền vững và biến đổi khí hậu ở cấp Hội đồng quản trị. Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng Hội đồng quản trị có nền tảng cơ bản và hiểu biết chung về các khái niệm phát triển bền vững và biến đổi khí hậu; các rủi ro và cơ hội liên quan đến ESG của doanh nghiệp; cũng như năng lực và khả năng của doanh nghiệp trong việc đánh giá và ứng phó với những vấn đề đó.

2.1.1.2. Phương pháp thực hiện

- Tham gia các chương trình đào tạo, xây dựng năng lực có liên quan và tìm đọc các nguồn tài liệu liên quan phát triển bền vững.
- Liên hệ, làm việc và tham vấn với các chuyên gia, doanh nghiệp cùng ngành, các kênh cung cấp thông tin và các bên liên quan khác.
- Sự tham gia và năng lực của Hội đồng quản trị có thể được tăng cường thông qua việc cung cấp đào tạo nội bộ hoặc bên ngoài và các buổi báo cáo thường xuyên, cũng như thông qua các buổi đánh giá về hiệu quả hoạt động của Hội đồng.
- Bên cạnh đó, doanh nghiệp có thể tham khảo Phần 1: Định hình bối cảnh ESG của sổ tay này.

2.1.2. BƯỚC 2: ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC ĐỊNH CHỦ ĐỀ ESG TRỌNG YẾU

2.1.2.1. Mục tiêu – xác định những tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu liên quan đến ESG của doanh nghiệp

- Do phạm vi ảnh hưởng rộng của những vấn đề liên quan đến phát triển bền vững, doanh nghiệp thường gặp khó khăn trong việc xác định xuất phát điểm và cách để liên kết những mảnh ghép tạo nên bức tranh chiến lược đầy đủ. Câu trả lời cho bài toán này nằm ở việc giải quyết câu hỏi: Vấn đề gì là quan trọng nhất đối với doanh nghiệp?[168]
- Quá trình đánh giá chủ đề trọng yếu có thể giúp xác định các chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững đối với doanh nghiệp, bao gồm rủi ro, tác động và cơ hội ESG đến từ vận hành và chuỗi giá trị của doanh nghiệp. Cần xem xét góc nhìn về tính trọng yếu hai chiều khi tiến hành đánh giá - nghĩa là, các tác động của các yếu tố ESG đối với doanh nghiệp, và các tác động của doanh nghiệp đối với các yếu tố ESG.
- Doanh nghiệp cần phải đánh giá và xếp hạng ưu tiên những rủi ro tới con người và môi trường, định vị những tác động tiêu cực tiềm tàng và trên thực tế, tìm hiểu những sản phẩm, dịch vụ và khoản đầu tư xanh đem lại lợi ích mà doanh nghiệp có thể thực hiện bằng cách áp dụng kiến thức, kỹ năng và năng lực của mình.[169]
- Việc công bố thông tin trong báo cáo phát triển bền vững theo đó nên phản ánh chính xác và thực tế về những tác động quan trọng đã được ưu tiên và xử lý nội bộ và định hình phương hướng của doanh nghiệp.
- Kết quả của quá trình đánh giá chủ đề trọng yếu sẽ tạo thành trọng tâm của chương trình chuyển đổi về ESG để tích hợp ESG và định hình cách doanh nghiệp xây dựng chiến lược, phân bổ nguồn lực hướng đến phát triển bền vững.

2.1.2.2. Phương pháp thực hiện

Quá trình này mang tính cụ thể theo ngành và tổ chức, dựa trên môi trường kinh doanh, quan điểm của các bên liên quan và nhiều yếu tố khác.

BƯỚC 1: THIẾT LẬP MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI CỦA QUÁ TRÌNH XÁC ĐỊNH CHỦ ĐỀ TRỌNG YẾU

Bước này bao gồm việc xác định các khía cạnh dưới đây, từ đó sẽ cung cấp cho doanh nghiệp thông tin quan trọng để xác định các tác động hiện tại và tiềm năng của mình:

- Mục đích: Xác định mục tiêu của quá trình đánh giá chủ đề trọng yếu.
- Phạm vi:
  - Xác định tất cả các chủ thể, bao gồm nhưng không giới hạn, mà doanh nghiệp kiểm soát hoặc có lợi ích liên quan (VD. Công ty con, công ty liên doanh, chi nhánh), bao gồm cả lợi ích thiểu số.
  - Đối với tất cả những chủ thể nói trên, định hình khái quát các hoạt động kinh doanh, quan hệ kinh doanh và bối cảnh về phát triển bền vững.
  - Xác định các bên liên quan chính có tương tác và mối quan hệ quan trọng đối với doanh nghiệp, bao gồm các bên liên quan nội bộ và bên ngoài. Các nhóm này có thể bao gồm:
    - các chủ thể trong chuỗi giá trị (như nhà đầu tư, nhà cung cấp, khách hàng, v.v.);
    - các đối tác trong ngành (như các đối thủ cạnh tranh, tổ chức hội viên, hiệp hội ngành);
    - chính phủ, các tổ chức khu vực công (như cơ quan quản lý), cộng đồng địa phương và xã hội;
    - các bên liên quan nội bộ (như người lao động, nhà thầu, v.v.).

BƯỚC 2: XÁC ĐỊNH CÁC CHỦ ĐỀ TIỀM NĂNG

Doanh nghiệp nên xem xét các chủ đề hoặc vấn đề:

- Có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc tạo ra giá trị.
- Có liên kết với chiến lược, quản trị, hiệu quả kinh doanh và bối cảnh tương lai.
- Có tầm quan trọng đối với các bên liên quan.
- Là nội dung thảo luận nổi bật giữa Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.
- Có khả năng gia tăng mức độ nghiệm trọng hoặc dẫn đến mất cơ hội nếu không được kiểm soát.

Doanh nghiệp có thể bắt đầu tìm hiểu và xác định các vấn đề trọng yếu của mình bằng cách tham khảo các văn bản sau do Chính phủ Việt Nam ban hành về phát triển bền vững và tăng trưởng xanh, bao gồm:

- Quyết định số 622/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch Hành động Quốc gia thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự Phát triển Bền vững
- Quyết định 841/QĐ-TTg ban hành lộ trình thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững Việt Nam đến năm 2030

- Quyết định 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050
- Quyết định 882/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch Hành động Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030.

Các tài liệu này đã nêu bật các mục tiêu chính của Việt Nam trên hành trình hướng tới phát triển bền vững và mục tiêu phát thải ròng bằng không cho các ngành và lĩnh vực chủ chốt, tập trung vào các lĩnh vực môi trường và xã hội sau:

- Phát thải khí nhà kính
- Tiêu thụ năng lượng
- Chất thải rắn
- Nước và nước thải
- Đa dạng sinh học và tác động tới sinh thái
- Quyền của người lao động
- Bình đẳng và hòa nhập.

Theo đó, như một điểm khởi đầu, các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNNVV) tại Việt Nam nên xem xét các tác động, rủi ro và cơ hội chính của mình trong các chủ đề tiềm năng sau về các khía cạnh môi trường và xã hội:

Môi trường	Xã hội
Phát thải khí nhà kính	Thực hành lao động
Quản lý năng lượng	Sức khỏe và an toàn của người lao động
Quản lý nước và nước thải	Sự gắn kết, đa dạng và hòa nhập của người lao động
Quản lý chất thải	
Đa dạng sinh học và tác động tới sinh thái	
Nguồn cung và hiệu quả về nguyên vật liệu	

BƯỚC 3: ĐÁNH GIÁ VÀ SẮP XẾP MỨC ĐỘ ƯU TIÊN

Doanh nghiệp cần tiến hành phân tích để đánh giá mức độ trọng yếu của tác động, rủi ro và cơ hội của các chủ đề tiềm năng đối với hoạt động kinh doanh và triển vọng phát triển của doanh nghiệp trong tương lai, từ đó xác định thứ tự ưu tiên hoặc mức độ quan trọng của các chủ đề. Các chủ đề tiềm năng có thể được bổ sung hoặc loại bỏ dựa trên mức độ ảnh hưởng trọng yếu đối với hoạt động kinh doanh. Bước này có thể được thực hiện thông qua tham vấn với các bên liên quan then chốt, ví dụ để xác định tầm quan trọng và tác động của các chủ đề

này đến xã hội (đối với các bên liên quan bên ngoài) hoặc đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong tương lai (đối với các bên liên quan nội bộ).

Ma trận đánh giá mức độ ưu tiên đối với chủ đề trọng yếu có thể được sử dụng để hỗ trợ quá trình xác định mức độ ưu tiên, như ví dụ dưới đây:

Hình 33: Ví dụ về Hướng dẫn đánh giá chủ đề trọng yếu của <IR>: Đánh giá tầm quan trọng của chủ đề[170]

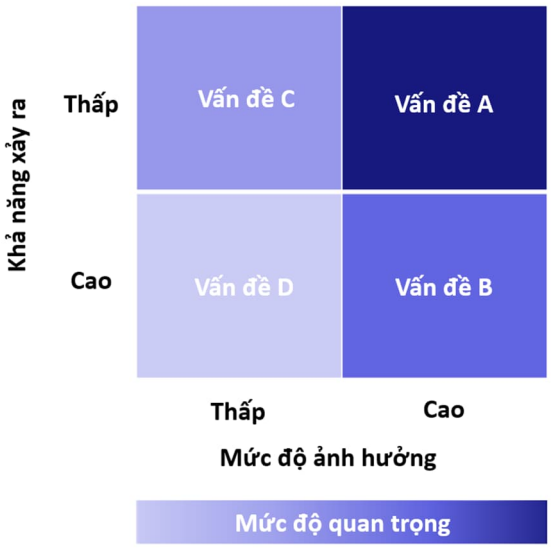

Hình 34: Công cụ hỗ trợ sản xuất bền vững - OECD – Minh họa: Ma trận đánh giá ưu tiên vấn đề[171]

Đánh giá mức độ tác động đối với các vấn đề ưu tiên

Mức độ tác động	Tác động đối với môi trường	Tác động đối với kinh doanh
Cao	Dẫn đến thiệt hại hoặc cải thiện đáng kể cho môi trường và là mối quan tâm lớn của các bên liên quan	Tác động đáng kể đến kinh doanh và danh tiếng, có khả năng dẫn đến tổn thất hoặc lợi nhuận lớn.
Trung bình	Dẫn đến thiệt hại hoặc cải thiện ở mức độ nhất định cho một số yếu tố môi trường và thu hút sự quan tâm của một số bên liên quan	Tác động ở mức độ trung bình đến kinh doanh và danh tiếng
Thấp	Dẫn đến thiệt hại hoặc cải thiện ở mức độ không đáng kể, với sự quan tâm hạn chế từ các bên liên quan	Tác động ở mức độ không đáng kể đến kinh doanh và danh tiếng

Ma trận đánh giá ưu tiên vấn đề

Tác động tích cực hoặc tiêu cực đến:
Ví dụ:
- Hiệu quả sử dụng năng lượng
- Chất lượng không khí
- Chất lượng nước
- Sử dụng vật liệu độc hại
- Sử dụng vật liệu tái tạo
- Phát thải khí nhà kính
- Tác động của sản phẩm

Tác động môi trường

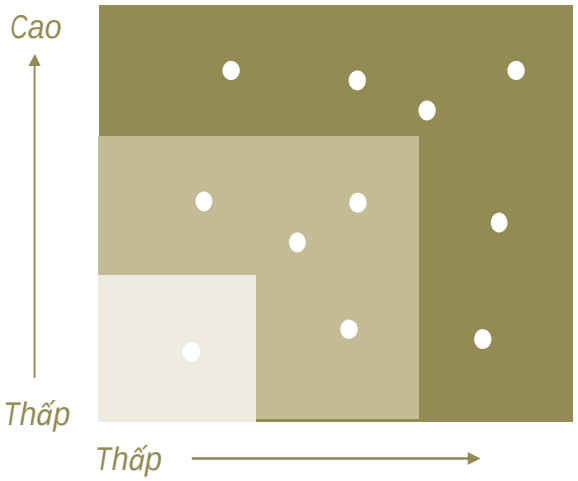

Tác động kinh doanh

Màu đậm - các vấn đề ưu tiên cao

Màu trung bình - ưu tiên vừa phải

Màu nhạt - ưu tiên thấp

Tác động tích cực hoặc tiêu cực đến:
Ví dụ:
- Doanh số
- Chi phí
- Giấy phép hoạt động
- Vận hành (ví dụ: ngừng hoạt động)
- Sức khỏe & An toàn
- Danh tiếng / Giá trị thương hiệu

2.1.3. BƯỚC 3: LẬP KẾ HOẠCH

2.1.3.1. Mục tiêu

Sau khi đã xác định và ưu tiên các vấn đề trọng yếu, doanh nghiệp cần xác định các hành động để quản lý và ứng phó với những vấn đề này.

2.1.3.2. Phương pháp thực hiện

Tùy thuộc vào kết quả phân tích tác động hiện tại và tương lai của các vấn đề trọng yếu đã xác định, doanh nghiệp cần cân nhắc các hành động để nắm bắt cơ hội, giảm thiểu rủi ro trong tương lai và bảo vệ cũng như tăng cường giá trị dài hạn phát sinh từ những vấn đề trọng yếu này, cả đối với hoạt động kinh doanh cũng như các bên liên quan, xã hội, kinh tế và môi trường tự nhiên mà doanh nghiệp phụ thuộc vào.

Được xây dựng dựa trên chu trình lập kế hoạch chuyển đổi của TCFD,[172] để xây dựng kế hoạch hành động ESG, doanh nghiệp nên thực hiện theo các bước sau:

<table>
<tr><th>STT</th><th>Mô tả từng bước</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Bước 1: Xác định các bên liên quan và xây dựng nhóm làm việc dự án để thực hiện kế hoạch hành động ESG</td></tr>
<tr><td></td><td>• Doanh nghiệp cần xem xét: Ai sẽ giám sát việc thực hiện kế hoạch? Ai sẽ thực hiện phê duyệt tại mỗi giai đoạn quan trọng? Ai sẽ chịu trách nhiệm thực hiện triển khai?
• Với sự đồng thuận và ủng hộ từ cấp Hội đồng quản trị, kế hoạch hành động ESG nên được giao trách nhiệm thực hiện ở cấp quản lý.
• Ngoài ra, việc chịu trách nhiệm về kế hoạch hành động ESG cần được tích hợp trong toàn doanh nghiệp: Xây dựng và thực hiện Kế hoạch hành động ESG sẽ cần có thông tin đầu vào và phối hợp từ các chức năng, bộ phận, với các vai trò và trách nhiệm được xác định rõ ràng.</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Bước 2: Xác định tham vọng chiến lược trong ứng phó và đóng góp vào quá trình chuyển đổi theo hướng bền vững, đặc biệt là hướng tới nền kinh tế phát thải thấp và có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu. Tham vọng chiến lược của doanh nghiệp nên hướng tới việc giải quyết và ứng phó với các chủ đề trọng yếu đã được xác định đối với doanh nghiệp.</td></tr>
<tr><td>2.1</td><td>Xác định tham vọng chiến lược cấp tổng thể: Kế hoạch chuyển đổi ESG hiệu quả sẽ yêu cầu có sự chuyển đổi trên toàn bộ doanh nghiệp, do đó tham vọng chiến lược về ESG nên được tích hợp như một phần của chiến lược chung của doanh nghiệp.</td></tr>
<tr><td>2.2</td><td>Xác định mục tiêu và thứ tự ưu tiên đối với từng chủ đề trọng yếu</td></tr>
<tr><td></td><td>Cân nhắc từ trên xuống:
• Các cam kết quốc gia hoặc quốc tế, chẳng hạn như: Đóng góp do quốc gia tự quyết định của Việt Nam để đạt mức phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050; Các chiến lược hoặc chính sách giảm phát thải các-bon và chính sách ứng phó cấp quốc gia
• Bất kỳ mục tiêu nào mà doanh nghiệp phải đáp ứng theo luật hoặc quy định, chẳng hạn như: luật về việc ngừng sử dụng một số hoặc tất cả các loại nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất điện (nếu có); các tiêu chuẩn bảo vệ đối với rủi ro lũ lụt hoặc sóng nhiệt (nếu có);
• Doanh nghiệp có thể tham chiếu tới các mục tiêu phát triển bền vững quốc gia dưới đây, được thu thập từ các văn bản: Quyết định số 841/QĐ-TTg và Quyết định số 1658/QĐ-TTg để đảm bảo tính thống nhất của các mục tiêu và ưu tiên của doanh nghiệp.

Bảng 34: Mục tiêu phát triển bền vững quốc gia
<table>
<tr><th>Chủ đề</th><th>Mục tiêu quốc gia</th></tr>
<tr><td rowspan="3">Phát thải khí nhà kính</td><td>Cường độ phát thải khí nhà kính/GDP giảm ít nhất 15% vào 2030 và 30% vào 2050 so với 2014.</td></tr>
<tr><td>Giảm 43,5% phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường vào 2030.</td></tr>
<tr><td>100% các cơ sở có mức phát thải khí nhà kính hàng năm từ 2000 tấn CO2 tương đương trở lên xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính vào 2030.</td></tr>
<tr><td></td><td>Tiêu hao năng lượng sơ cấp/GDP bình quân:</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

STT	Mô tả từng bước		
		Quản lý năng lượng	• giai đoạn 2021 - 2030 giảm từ 1,0 - 1,5%/năm; • mỗi giai đoạn (10 năm) cho đến 2050 giảm 1,0%/năm.
			Tỷ trọng năng lượng tái tạo/tổng cung cấp năng lượng sơ cấp đạt 15 - 20% vào 2030 và 25 - 30% vào 2050.
			Thay đổi cơ cấu nguồn năng lượng theo hướng giảm phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch.
		Quản lý nước và nước thải	Tổng diện tích cây trồng cạn có tưới được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đạt ít nhất 30% vào 2030 và 60% vào 2050.
			Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường là 30% vào 2025 và 100% vào 2030.
		Quản lý chất thải	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn là 95% vào 2025 và 98% vào 2030.
		Tác động đến đa dạng sinh học và sinh thái	30% diện tích các khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng được xử lý, cải tạo và phục hồi vào 2025 và 100% vào 2030.
			Đến năm 2030, tăng cường thực hiện quản lý bền vững các loại rừng, ngăn chặn chặt phá rừng, phục hồi rừng đã suy thoái, đẩy mạnh trồng và tái sinh rừng, đưa độ che phủ rừng lên khoảng 44 - 45% trên toàn quốc.
			Ngăn chặn và xử lý các hành động khai thác, buôn bán và tiêu thụ trái phép các loài động, thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng và các sản phẩm của chúng (không được tăng so với giai đoạn trước).
		Thực hành lao động	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt trên 6,5%/năm giai đoạn 2021 -2030.
		Sức khỏe và an toàn lao động	Giảm tần suất tai nạn lao động hàng năm là 4% vào 2025 và 4,5% vào 2030
			Giảm tần suất tai nạn lao động chết người hàng năm là 4% vào 2025 và 4,5% vào 2030
		Sự gắn kết, đa dạng và hòa nhập của người lao động	Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp: 2025: 45% 2030: 50%

STT	Mô tả từng bước
	Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp: 2025: 35% 2030: 45%
	Cân nhắc từ dưới lên: Rút ra từ bối cảnh hoạt động của doanh nghiệp, có thể bao gồm: • Mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị; • Các tiêu chuẩn tổ chức và ngành có liên quan; • Các mối quan hệ hợp đồng mà doanh nghiệp đã tham gia; • Hiện trạng các công nghệ hiện có; • Tính sẵn có của các nguồn lực then chốt (ví dụ: khả năng tiếp cận các nguồn lực kỹ thuật, năng lực, nguyên liệu thô, tài chính, v.v.).
3	Bước 3: Phát triển các sáng kiến triển khai để chuyển đổi hoạt động kinh doanh, sản phẩm và dịch vụ của doanh nghiệp nhằm đạt được tham vọng chiến lược và các mục tiêu, ưu tiên liên quan.
3.1	Xác định các thay đổi chính trong mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị: Để đạt được các mục tiêu đã định, xác định những ảnh hưởng lớn và các lựa chọn khả thi cho những thay đổi cần thiết trong mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị trong ngắn, trung và dài hạn. Những thay đổi này có thể bao gồm: • Danh mục sản phẩm và dịch vụ cung cấp • Tham gia thị trường mới hoặc rút khỏi thị trường hiện tại • Chiến lược đầu tư hướng tới các giải pháp xanh • Chính sách và quy trình chuỗi cung ứng • Công nghệ sản xuất hoặc phân phối
3.2	Xác định và đánh giá, sắp xếp thứ tự ưu tiên các hành động với thời gian cụ thể cần thiết để thực hiện những thay đổi này bằng cách chia nhỏ ra thành các bước thực hiện trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để xây dựng lộ trình và kế hoạch hành động chuyển đổi ESG. Doanh nghiệp nên xem xét lập kế hoạch hành động trong các cấu phần sau:
3.2.1	Cơ cấu quản trị: • Trách nhiệm quản lý các vấn đề ESG được xác định rõ ràng ở cấp Hội đồng quản trị. • Hội đồng quản trị có nhân sự có kiến thức và kinh nghiệm về các vấn đề ESG.
3.2.2	Chính sách Hoàn thiện và thực thi các chính sách, hướng dẫn và các yêu cầu liên quan đến ESG, nhằm định hướng cho việc quản lý và các chức năng kinh doanh khác trong việc triển khai hiệu quả các chiến lược và thực hành về ESG, để giải quyết các vấn đề ESG quan trọng.
3.2.3	Nhân sự

STT	Mô tả từng bước
	• Đảm bảo các kỹ năng, năng lực và kiến thức phù hợp được trang bị trên toàn doanh nghiệp để xây dựng, phát triển, thực thi và quản trị kế hoạch hành động ESG một cách hiệu quả: Triển khai chương trình đào tạo và đảm bảo tuyển dụng cho các năng lực mới cần thiết. • Đảm bảo gắn kết người lao động với việc triển khai kế hoạch hành động ESG để người lao động hiểu được kế hoạch liên quan đến vai trò của người lao động như thế nào và người lao động có thể ảnh hưởng đến kế hoạch như thế nào. • Đưa ESG và đặc biệt là biến đổi khí hậu thành một phần của thương hiệu, giá trị và giá trị mang đến cho nhân viên của doanh nghiệp • Liên kết các chương trình đãi ngộ và khuyến khích với kế hoạch hành động ESG để đảm bảo trách nhiệm giải trình và phù hợp với lợi ích của cấp điều hành và các nhân viên liên quan đến sự thành công trong việc triển khai kế hoạch.
3.2.4	Chuỗi cung ứng
	• Có thể xem chuỗi cung ứng là yếu tố kích hoạt cốt lõi của một số mục tiêu phát triển bền vững và các cam kết công khai quan trọng của cả doanh nghiệp. • Trong suốt quá trình đánh giá trọng yếu, chuỗi cung ứng cần phải được đánh giá về tác động tích cực và tiêu cực đến các vấn đề môi trường và xã hội như đã đề cập ở trên để xác định các lĩnh vực cần được ưu tiên hành động. • Dựa trên bản chất của các lĩnh vực ưu tiên đã nhận dạng, doanh nghiệp có thể áp dụng phương pháp tiếp cận hợp lý để xác định các hành động phù hợp nhất với khả năng tác động lớn nhất. Ở thời điểm mới bắt đầu, doanh nghiệp nên tập trung vào một vài lĩnh vực mà có thể đạt được kết quả ngay lập tức. Khi đã thu thập đủ kinh nghiệm, doanh nghiệp có thể triển khai hành động với nhiều lĩnh vực ưu tiên hơn trong cùng một thời điểm. Như đã đề cập ở trên trong Phần 4 - Mục 2.1.2 Bước 2, doanh nghiệp cũng nên trao đổi và thảo luận với các bên liên quan chính cả nội bộ và bên ngoài cùng với những quan ngại của họ về tác động của hành động đó đến môi trường và xã hội. • Khi các vấn đề trọng yếu hoặc ưu tiên đã được xác định, các mục tiêu và chỉ số cần được thiết lập để phản ánh các lĩnh vực ưu tiên này cũng như theo dõi việc thực hiện hành động. Việc nhận dạng các vấn đề trọng yếu trong chuỗi cung ứng cần thống nhất với các vấn đề trọng yếu đã xác định của doanh nghiệp, và các mục tiêu và chỉ số của chuỗi cung ứng cũng cần phù hợp với mục tiêu chiến lược tổng thể.
	Để ứng phó với các vấn đề phát triển bền vững, việc quản lý chuỗi cung ứng nên cân nhắc thay đổi theo các hướng chính sau: • Đảm bảo nguồn cung bền vững và đa dạng • Cho phép truy xuất, hiển thị và công bố thông tin rõ ràng • Giảm thiểu phát thải các-bon trong chuỗi giá trị • Đưa tính tuần hoàn vào mô hình kinh doanh. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng có thể tham khảo các cân nhắc chính về phát triển bền vững trong toàn bộ vòng đời của chuỗi cung ứng như được nêu chi tiết tại Phần 2: CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ NGUỒN THAM KHẢO HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP ESG – Mục 2.2.1. Quản lý chuỗi cung ứng.

STT	Mô tả từng bước
4.	Bước 4: Tích hợp kế hoạch hành động ESG vào kế hoạch tài chính
	Doanh nghiệp cần đánh giá các tác động về tài chính của kế hoạch hành động ESG đã thông qua, bao gồm phân tích các khía cạnh sau: • Nhu cầu về nguồn lực tài chính để thực hiện kế hoạch chuyển đổi; • Những ảnh hưởng tổng thể của kế hoạch chuyển đổi đến vị thế tài chính, kết quả hoạt động tài chính và dòng tiền của doanh nghiệp trong ngắn, trung và dài hạn. Ví dụ: chi phí vốn bổ sung, chi phí đầu tư nghiên cứu và phát triển, dự báo doanh thu do thay đổi các sản phẩm và dịch vụ hoặc gia nhập/rút khỏi thị trường; • Khả năng tiếp cận nguồn tài chính bền vững và các chương trình khuyến khích do các cơ quan chính phủ và tổ chức tài chính liên quan cung cấp.
5	Bước 5: Xây dựng các chỉ số đo lường hiệu quả để đo lường tiến độ và đánh giá thành công của việc thực hiện kế hoạch. Các KPI (Chỉ số đo lường chính) này phải cụ thể, có thể đo lường, có liên quan, có thời hạn và có thể so sánh giữa các giai đoạn khác nhau. Ngoài ra, dữ liệu chuẩn dùng để so sánh tham chiếu hoặc dữ liệu cơ sở cần được thiết lập để so sánh theo thời gian và các đối thủ cùng ngành. Doanh nghiệp nên: • thu thập dữ liệu trong một khoảng thời gian để có thể đánh giá hiệu quả thực hiện so với mức chuẩn cơ sở; • xác định mức chuẩn tham chiếu và so sánh hiệu quả thực hiện đối với các cơ sở. chi nhánh khác nhau để cùng nhau cải thiện hiệu quả trong toàn bộ doanh nghiệp; • các doanh nghiệp cùng ngành cũng có thể đem lại những góc nhìn sâu hơn về hiệu quả và các thực hành thực tiễn tốt. Dữ liệu và thống kê về hiệu quả thường có thể lấy được từ các hiệp hội ngành hoặc hiệp hội thương mại và một số đối thủ cạnh tranh cũng có báo cáo công khai về hiệu quả các hoạt động của họ theo nhiều chỉ số đa dạng; • khi sử dụng dữ liệu từ các nguồn khác, hãy đảm bảo rằng các phương pháp được thực hiện theo cách tương tự và dữ liệu bên ngoài có thể cung cấp cơ sở phù hợp để so sánh.

2.1.4. BƯỚC 4: TRIỂN KHAI

2.1.4.1. Mục tiêu

Trong bước này, doanh nghiệp sẽ thực hiện triển khai các phương án, sáng kiến và hoạt động cải tiến đã được lên kế hoạch cho các năng lực liên quan đến ESG.

2.1.4.2. Phương pháp thực hiện

Trong quá trình triển khai, doanh nghiệp cần lưu ý rằng việc thực hiện hiệu quả các sáng kiến kế hoạch hành động ESG đòi hỏi phải có tài liệu về các chính sách và quy trình liên quan, và có

những người được đào tạo, cam kết thường xuyên tuân thủ các quy trình để đảm bảo thực hiện nhất quán, tính kế thừa và cải thiện liên tục trên toàn doanh nghiệp.

2.1.5. BƯỚC 5: GIÁM SÁT TIẾN ĐỘ VÀ ĐÁNH GIÁ

2.1.5.1. Mục tiêu

Giám sát tiến độ sẽ giúp doanh nghiệp xác định xem liệu kế hoạch hành động và sáng kiến cải thiện về phát triển bền vững có đạt được mục tiêu đã đặt ra hay không.

2.1.5.2. Phương pháp thực hiện

Một khía cạnh quan trọng trong việc theo dõi tiến độ là xác định các chỉ số phù hợp - là thước đo định lượng hay định tính về tiến độ so với các mục tiêu đã đặt ra

Sau khi thiết lập bộ chỉ số báo cáo, doanh nghiệp sẽ cần thu thập dữ liệu về phát triển bền vững liên quan và có ý nghĩa để theo dõi tiến độ. Dữ liệu đáng tin cậy rất quan trọng để chứng minh các tuyên bố về phát triển bền vững và giúp xác định (có thể định lượng) bất kỳ vấn đề nào có thể xảy ra. Dữ liệu để đánh giá hiệu quả có thể được thu thập thông qua quan sát trực quan, đo lường và thử nghiệm, bảng câu hỏi, khảo sát, phỏng vấn nhân viên và các bên liên quan bên ngoài cũng như rà soát tài liệu.

Bước tiếp theo là tìm ra những cách khác nhau để đánh giá và phân tích thông tin do các chỉ số thể hiện nhằm nhận dạng các phương án cải thiện hiệu quả thực hiện của kế hoạch hành động. Các vấn đề và thách thức cũng có thể được phát hiện kịp thời để can thiệp. Ngoài ra, trong một số trường hợp, doanh nghiệp có thể nhận thấy các mục tiêu đạt được đang vượt tiến độ hoặc chậm tiến độ so với kế hoạch, hoặc những thay đổi về tính sẵn có của dữ liệu khiến cho các mục tiêu ban đầu trở nên ít có ý nghĩa hơn. Theo đó, doanh nghiệp cần xem xét và điều chỉnh kế hoạch cũng như mục tiêu cho phù hợp. Trong trường hợp phải thiết lập lại mục tiêu, doanh nghiệp cần kết nối với các bên liên quan chính (bao gồm thành viên hội đồng quản trị, nhà đầu tư, nhóm xã hội dân sự và người lao động) để giải thích lý do đằng sau việc điều chỉnh.

2.1.6. BƯỚC 6: BÁO CÁO

2.1.6.1. Mục tiêu

Việc công bố thông tin minh bạch và thường xuyên là không thể thiếu để xây dựng lòng tin của các bên liên quan đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thực hiện Báo cáo và truyền thông về các mục tiêu và thành tựu đạt được của doanh nghiệp đối với kế hoạch hành động ESG có thể gia tăng các giá trị quan trọng cho các bên liên quan, đặc biệt với các bên cung cấp tài chính.

2.1.6.2. Phương pháp thực hiện

- Đưa ra các cam kết và kế hoạch hành động chính thức về phát triển bền vững của doanh nghiệp;

- Liệt kê các mục tiêu và thành tựu đạt được tương ứng, đưa ra giải thích đối với các mục tiêu không đạt được và nêu rõ cách thức đạt được chúng trong tương lai. Ghi lại dữ liệu liên quan để chứng minh sự tiến bộ theo thời gian.
- Nhận dạng các bên liên quan cả trong nội bộ và bên ngoài cần tiếp cận thông tin này. Thường xuyên truyền thông tiến độ đạt được cho các bên liên quan then chốt (điều này có thể bao gồm việc chia sẻ các dữ liệu ESG quan trọng) thông qua các kênh giao tiếp họ yêu cầu.
- Cân nhắc công bố các nỗ lực và/hoặc hiệu quả triển khai công tác ESG thông qua trang web của doanh nghiệp, xuất bản báo cáo phát triển bền vững hoặc sử dụng nền tảng số về công bố về phát triển bền vững.

2.1.6.3. Hướng dẫn đơn giản hóa về Công bố thông tin

Phần này nhằm cung cấp cho các DNNVV (với vai trò là bên chuẩn bị dữ liệu) một bộ thông tin công bố đơn giản để theo dõi và báo cáo.

Các chủ đề công bố thông tin được bao gồm trong phần này có thể áp dụng cho tất cả các ngành công nghiệp, với các mức độ quan trọng và ưu tiên khác nhau. Mỗi doanh nghiệp được khuyến khích xác định tính trọng yếu của những công bố này liên quan đến doanh nghiệp theo cách tiếp cận đưa ra chi tiết trong Phần 4: Hướng dẫn ESG Đơn giản cho SMEs - Mục 3.1.2. Bước 2: Đánh giá và xác định chủ đề ESG trọng yếu ở trên.

Môi trường	Xã hội	Quản trị
Phát thải khí nhà kính	Thực hành lao động	Quản trị
Quản lý năng lượng	Sức khỏe và an toàn người lao động	Chiến lược
Quản lý nước và nước thải	Đa dạng, hòa nhập và hợp tác của người lao động	Quản lý rủi ro
Quản lý chất thải	Cộng đồng bị ảnh hưởng	Kế hoạch hành động ESG
Đa dạng sinh học và tác động đến sinh thái	Người tiêu dùng và người dùng cuối	
Nguồn cung và hiệu quả về nguyên vật liệu		

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố	Nguồn tham chiếu
	Phát thải KNK trực tiếp (Phạm vi 1)	GRI 305-1

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố	Nguồn tham chiếu
Phát thải khí nhà kính (KNK)		Direct (Scope 1) GHG emissions https://globalreporting.org/pdf.ashx?id=12510&page=9
	Phát thải KNK gián tiếp từ năng lượng (Phạm vi 2)	GRI 305-2 Energy indirect (Scope 2) GHG emissions https://globalreporting.org/pdf.ashx?id=12510&page=9
	Phát thải gián tiếp khác (Phạm vi 3)	GRI 305-3 Other indirect (Scope 3) GHG emissions https://globalreporting.org/pdf.ashx?id=12510&page=9
Quản lý năng lượng	Quản lý năng lượng tiêu thụ trong doanh nghiệp: a. Tổng tiêu thụ nhiên liệu trong doanh nghiệp từ nguồn năng lượng không tái tạo, tính bằng đơn vị đo năng lượng joule hoặc số nhân, và bao gồm các loại nhiên liệu được sử dụng. b. Tổng tiêu thụ nhiên liệu trong doanh nghiệp từ nguồn năng lượng tái tạo, tính bằng joule hoặc bội số, và bao gồm các loại nhiên liệu được sử dụng. c. Tính bằng joule, watt-giờ hoặc bội số, tổng cộng: i. tiêu thụ điện ii. tiêu thụ cho sưởi ấm iii. tiêu thụ cho làm lạnh iv. tiêu thụ hơi nước d. Tính bằng joule, watt-giờ hoặc bội số, tổng cộng: i. bán điện ii. năng lượng bán cho sưởi ấm iii. năng lượng bán cho làm lạnh iv. bán hơi nước e. Tổng tiêu thụ năng lượng trong doanh nghiệp từ nguồn tái tạo, tính bằng joule hoặc bội số.	GRI 302-1 Energy consumption within the organization https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12467&page=8
	a. Lượng giảm tiêu thụ năng lượng đạt được nhờ kết quả trực tiếp của các	GRI 302-4 Reduction of energy consumption

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố	Nguồn tham chiếu
	sáng kiến tiết kiệm và hiệu quả, tính bằng joule hoặc bội số. b. Các loại năng lượng đã được giảm tiêu thụ: nhiên liệu, điện, sưởi ấm, làm lạnh, hơi nước, tất cả.	https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12467&page=8
Quản lý nước và nước thải	Lượng nước bị thu Tổng lượng nước thu từ tất cả các khu vực tính bằng megalit, và phân bổ tổng số theo các nguồn sau, nếu có: i. Nước bề mặt; ii. Nước ngầm; iii. Nước biển; v. Nước sản xuất; vi. Nước từ bên thứ ba.	GRI 303-3 Water withdrawal https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12488
	Lượng nước thải a. Tổng lượng nước thải xả ra tất cả các khu vực tính bằng megalit, và phân bổ tổng số theo các loại điểm đến sau, nếu có: i. Nước bề mặt; ii. Nước ngầm; iii. Nước biển; iv. Nước sản xuất; v. Nước từ bên thứ ba, và vi. Dung tích của tổng số này được gửi để sử dụng cho các doanh nghiệp khác, nếu có. b. Phân chia tổng lượng nước thải xả ra tất cả các khu vực tính bằng megalit theo các mục sau: i. Nước ngọt (≤1,000 mg/L Tổng chất rắn hòa tan); ii. Nước khác (>1,000 mg/L Tổng chất rắn hòa tan). c. Các chất gây hại ưu tiên được xử lý, bao gồm: i. cách các chất gây hại ưu tiên được xác định, và các tiêu chuẩn quốc tế, danh sách theo chỉ định, hoặc các tiêu chí được sử dụng; ii. cách tiếp cận để đặt giới hạn xả cho các chất gây hại ưu tiên;	GRI 303-4 Water discharge https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12488

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố	Nguồn tham chiếu
	iii. số lượng sự cố không tuân thủ giới hạn xả.	
Quản lý chất thải	Tổng trọng lượng chất thải sinh ra, tính bằng tấn mét	GRI 306-3 Waste generated https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12521
	Tổng trọng lượng chất thải được chuyển hướng khỏi việc tiêu hủy, tính bằng tấn mét	GRI 306-4 Waste diverted from disposal https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12521
	Tổng trọng lượng chất thải được hướng đến việc tiêu hủy, tính bằng tấn mét	GRI 306-5 Waste directed to disposal https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12521
Đa dạng sinh học và tác động đến sinh thái	a. Bản chất của những tác động đáng kể trực tiếp và gián tiếp lên đa dạng sinh học ứng với một hoặc nhiều trong những điều sau: i. Xây dựng hoặc sử dụng nhà máy sản xuất, mỏ, và cơ sở hạ tầng vận tải; Ô nhiễm (do việc tạo ra các vật lý không tự nhiên xuất hiện trong môi trường sống ngay tại nguồn hay tại các nguồn khác); ii. Giới thiệu các loài xâm lấn, sâu bệnh, và mầm bệnh; iii. Giảm số lượng loài; iv. Thay đổi môi trường sống; v. Thay đổi quá trình sinh thái ngoài phạm vi biến đổi tự nhiên (như độ mặn hoặc thay đổi mực nước ngầm) b. Tác động đáng kể trực tiếp và gián tiếp tích cực và tiêu cực ứng với những điều sau: i. Các loài bị ảnh hưởng; ii. Phạm vi của các khu vực bị ảnh hưởng; iii. Thời gian của tác động; iv. Khả năng đảo ngược hoặc không đảo ngược của tác động.	GRI 304-2 Significant impacts of activities, products and services on biodiversity https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12499
Nguồn cung và hiệu quả	Tổng khối lượng hoặc thể tích nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói	GRI 301-1 Materials used by weight or volume

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố	Nguồn tham chiếu
về nguyên vật liệu	các sản phẩm và dịch vụ chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo, bằng: i. Nguyên vật liệu không tái tạo được ii. Nguyên vật liệu tái tạo được	https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12456&page=1
	Tỷ lệ nguyên liệu đầu vào được tái chế và được sử dụng để sản xuất các sản phẩm và dịch vụ chính của doanh nghiệp	GRI 301-2 Recycled input materials used https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12456&page=1

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ XÃ HỘI

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố	Nguồn tham chiếu
Thực hành lao động	Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên của doanh nghiệp đã thực hiện trong giai đoạn báo cáo, theo: i. Giới tính; ii. Phân loại nhân viên.	GRI 404-1 Average hours of training per year per employee https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12576&page=7
	Các hoạt động và nhà cung cấp được coi là có rủi ro đáng kể về sự cố lao động bắt buộc hoặc ép buộc, qua các khía cạnh sau: i. loại hoạt động (như nhà máy sản xuất) và nhà cung cấp; ii. các quốc gia hoặc khu vực địa lý có hoạt động và nhà cung cấp được coi là có rủi ro.	GRI 409-1 Operations and suppliers at significant risk for incidents of forced or compulsory labor https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12633&page=7
	Các hoạt động và nhà cung cấp được coi là có rủi ro đáng kể về sự cố với: i. lao động trẻ em; ii. người lao động trẻ tiếp xúc với công việc nguy hiểm.	GRI 408-1 Operations and suppliers at significant risk for incidents of child labor https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12622&page=7
Sức khỏe và an toàn của người lao động	i. Số lượng và tỷ lệ tử vong do chấn thương liên quan đến công việc; ii. Số lượng và tỷ lệ chấn thương liên quan đến công việc có thể ghi nhận;	GRI 403: Occupational Health and Safety2018 https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12565&page=21

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố	Nguồn tham chiếu
Gắn kết, đa dạng, và hòa nhập đối với người lao động	Tỷ lệ % cá nhân trong cấp quản trị của doanh nghiệp trong mỗi phân loại đa dạng sau: i. Giới tính; ii. Nhóm tuổi: dưới 30 tuổi, từ 30-50 tuổi, trên 50 tuổi; iii. Các chỉ số đa dạng khác nếu có liên quan (như nhóm thiểu số hoặc nhóm dễ bị tổn thương).	GRI 405-1 Diversity of governance bodies and employees https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12587&page=9
	Tỷ lệ % người lao động theo từng phân loại người lao động trong mỗi phân loại đa dạng sau: i. Giới tính; ii. Nhóm tuổi: dưới 30 tuổi, từ 30-50 tuổi, trên 50 tuổi; iii. Các chỉ số đa dạng khác nếu có liên quan (như nhóm thiểu số hoặc nhóm dễ bị tổn thương).	GRI 405-1 Diversity of governance bodies and employees https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12587&page=9
Cộng đồng bị ảnh hưởng	Các chương trình phát triển cộng đồng địa phương dựa trên nhu cầu của cộng đồng.	GRI 413-1 Operations with local community engagement, impact assessments, and development programs https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12666
Người tiêu dùng và Người dùng cuối	Tổng số khiếu nại được xác nhận liên quan đến vi phạm quyền riêng tư của khách hàng, được phân loại theo: i. khiếu nại nhận được từ bên ngoài và được doanh nghiệp xác nhận; ii. khiếu nại từ các cơ quan quản lý.	GRI 418-1 Substantiated complaints concerning breaches of customer privacy and losses of customer data https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12721
	Tổng số ca rò rỉ, trộm cắp hoặc mất dữ liệu khách hàng được xác định.	GRI 418-1 Substantiated complaints concerning breaches of customer privacy and losses of customer data https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12721
	Tổng số sự cố không tuân thủ quy định và/hoặc các quy tắc tự nguyện liên quan đến tác động về sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong giai đoạn báo cáo, theo:	GRI 416-2 Incidents of non-compliance concerning the health and safety impacts of products and services

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố	Nguồn tham chiếu
	i. sự cố không tuân thủ quy định dẫn đến một khoản bồi thường hoặc hình phạt; ii. sự cố không tuân thủ quy định dẫn đến cảnh báo; iii. sự cố không tuân thủ quy tắc tự nguyện. iv. Nếu doanh nghiệp không xác định bất kỳ sự không tuân thủ nào, chỉ cần đưa ra tuyên bố khẳng định về việc này.	https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12699&page=1

CÔNG BỐ THÔNG TIN QUẢN TRỊ

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố
Quản trị	• Cơ cấu quản trị • Bằng cấp và kinh nghiệm của Hội đồng quản trị và/hoặc tiểu sử cá nhân • Danh sách các chính sách liên quan đến ESG hoặc rủi ro khí hậu
Chiến lược, Mô hình kinh doanh và Chuỗi giá trị	• Các mục tiêu chính của doanh nghiệp bao gồm các mục tiêu về bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) • Chiến lược của doanh nghiệp trong trung và dài hạn • Mô tả về Mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị: Đầu vào, Hoạt động kinh doanh, Đầu ra, Kết quả, bao gồm mô tả về các chủ thể thành phần kinh doanh chính (như nhà cung cấp chính, khách hàng, kênh phân phối và người dùng cuối chính) và mối quan hệ của họ với doanh nghiệp • Mô tả về các thực hành phát triển bền vững được phản ánh qua sản phẩm và dịch vụ, phân loại khách hàng, các khu vực địa lý và mối quan hệ với các bên liên quan.
Quản lý rủi ro	• Danh sách các rủi ro và cơ hội liên quan đến ESG hoặc khí hậu • Các chính sách và hành động được áp dụng để giải quyết các tác động và/hoặc rủi ro trọng yếu và/hoặc để theo đuổi các cơ hội trọng yếu
Kế hoạch hành động ESG	Mô tả về kế hoạch và chương trình đang diễn ra hoặc được lên kế hoạch trong doanh nghiệp nhằm hỗ trợ thực hành phát triển bền vững: • Hiệu quả triển khai hiện tại về các vấn đề ESG, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến khí hậu, ví dụ: lượng phát thải khí nhà kính hiện tại; • Tác động lên mô hình kinh doanh, chiến lược, và kế hoạch tài chính từ việc chuyển đổi ESG; • Các hành động, hoạt động và sáng kiến hỗ trợ quá trình chuyển đổi, bao gồm các mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính - với thời gian và

Chủ đề	Nội dung thông tin công bố
	phạm vi mục tiêu, và các thay đổi dự kiến đối với mô hình kinh doanh và chiến lược • Tiến độ triển khai kế hoạch chuyển đổi hàng năm.

PHẦN 5: TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA SỔ TAY TRIỂN KHAI VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG

Các doanh nghiệp đang trải qua giai đoạn nhiều biến động khi mà các biến cố về tự nhiên và xã hội đang tạo ra tác động đáng kể lên nhiều lĩnh vực ngành nghề và các nền kinh tế trên toàn cầu. Đứng trước những nguy cơ này, thông qua tích hợp các yếu tố Môi trường, Xã hội, Quản trị (ESG) và chiến lược và hoạt động kinh doanh cốt lõi, các doanh nghiệp Việt Nam có thể đảm bảo bảo vệ và kiến tạo giá trị dài hạn cho tất cả các bên liên quan, đặc biệt trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng.

Sổ tay về triển khai và công bố thông tin ESG ('Sổ tay') nhằm đưa ra hướng dẫn và cung cấp tài liệu tham khảo cho các doanh nghiệp tại Việt Nam trong việc tích hợp ESG vào quản trị, chiến lược và vận hành để ứng phó với các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững và nâng cao năng lực công bố thông tin phát triển bền vững, đảm bảo tuân thủ với các yêu cầu pháp lý và thông lệ hàng đầu trong nước và quốc tế. Sổ tay cũng đồng thời đưa ra các đề xuất khuyến nghị liên quan đến khí hậu để các doanh nghiệp cân nhắc khi xác định phương án ứng phó với các rủi ro khí hậu trọng yếu đang dần hiện hữu.

Các nội dung và đề xuất chính của Sổ tay được tóm lược dưới đây.

MỤC	NỘI DUNG CHÍNH	THAM CHIẾU
BỐI CẢNH VÀ ĐỘNG LỰC HƯỚNG TỚI THỰC HÀNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG		

BỐI CẢNH ESG TOÀN CẦU	• Trước tình hình cấp bách trong việc giải quyết các tác động môi trường ngày càng gia tăng, đặc biệt là *biến đổi khí hậu,* các bên liên quan đang đưa ra các yêu cầu riêng của mình nhằm khẳng định phát triển bền vững là một nhu cầu chiến lược tất yếu đối với các doanh nghiệp để có thể vận hành một cách thành công trong tương lai, bao gồm:
	  • Các cơ quan quản lý
	  • Các nhà đầu tư
	  • Đội ngũ nhân viên
	  • Các doanh nghiệp trong ngành, đối tác và nhà cung cấp
	  • Người tiêu dùng
	  • Thế hệ Gen Z.
		PHẦN 1: Mục 1.1. Tại sao cần triển khai ESG?

	• Bối cảnh rủi ro toàn cầu đang thay đổi: • Trong vài thập niên trở lại đây, các rủi ro liên quan đến ESG ngày càng gia tăng nhanh chóng . Đối với các doanh nghiệp, sự thay đổi về bối cảnh này có nghĩa là các rủi ro về phát triển bền vững có thể hiện diện nhanh chóng và nghiêm trọng hơn.	PHẦN 1 : Mục 1.2. Xu thế triển khai ESG trên thế giới - Rủi ro và Cơ hội

MỤC	NỘI DUNG CHÍNH	THAM CHIẾU

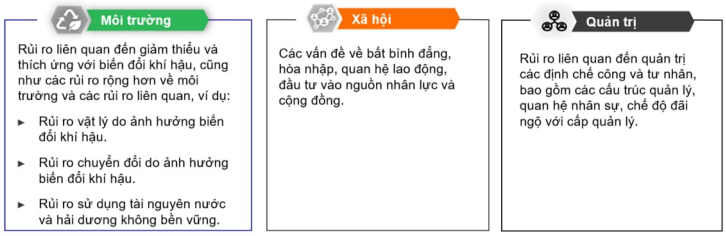

- Bối cảnh hệ thống quy định pháp luật trên thế giới:
  - Số lượng quy định luật về biến đổi khí hậu trên toàn cầu đã gia tăng gấp 20 lần kể từ năm 1997. Môi trường pháp lý ESG đang thay đổi với những phát triển mới ở cả quốc tế và trong khu vực ASEAN
  - Mặc dù các doanh nghiệp Việt Nam có thể không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi những quy định này, họ vẫn có thể chịu những tác động gián tiếp – chẳng hạn như thông qua các cam kết quốc tế đưa ra trong khuôn khổ Thỏa thuận Thương mại Việt Nam – Châu Âu (EVFTA), hoặc qua việc tìm kiếm đầu tư từ các nguồn tài chính quốc tế.

PHẦN 1: Mục 2.1. Bối cảnh hệ thống quy định pháp luật trên thế giới

- Xu hướng của các Tiêu chuẩn và Khung báo cáo về ESG được công nhận rộng rãi toàn cầu:

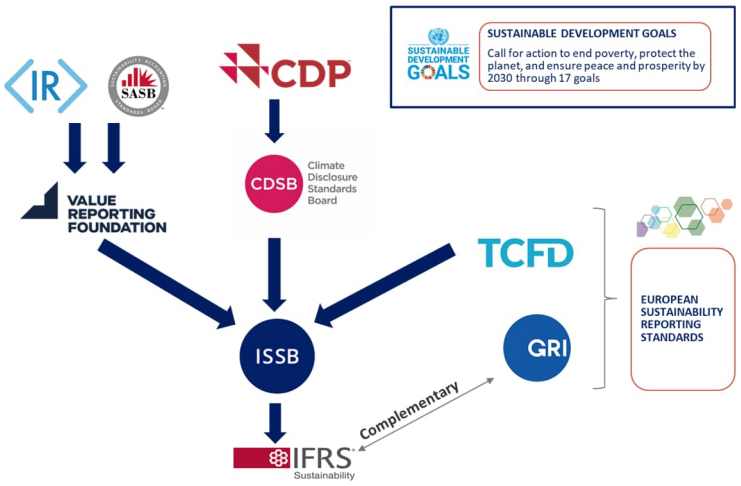

  - Gia tăng nỗ lực tiến tới đồng nhất các tiêu chuẩn báo cáo tài chính liên quan phát triển bền vững do thiếu sự đồng thuận về yêu cầu nội dung báo cáo và do sự cần thiết phải so sánh giữa các báo cáo thuộc các định chế khác nhau.
  - Sự cần thiết trong đảm bảo việc hỗ trợ ra quyết định của công tác công bố thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu - Sự phát triển của một số tiêu chuẩn công bố thông tin tập trung vào khí hậu.
  - Vì vậy, các doanh nghiệp Việt Nam cần nhận thức được các yêu cầu mới về công bố thông tin liên quan khí hậu

PHẦN 1: Mục 3.1. Bối cảnh thay đổi về các Tiêu chuẩn và Khung báo cáo

MỤC	NỘI DUNG CHÍNH	THAM CHIẾU
	để đảm bảo chất lượng và sự toàn diện của báo cáo phát triển bền vững đạt kì vọng của nhà đầu tư.	

	• Yêu cầu của nhà đầu tư đối với tài chính bền vững:
	  • Nhà đầu tư và doanh nghiệp cần thu thập các dữ liệu và thông tin có thể so sánh, nhất quán và tin cậy từ môi trường kinh doanh thực tế và đưa vào quá trình ra quyết định để có thể hiểu được đầy đủ các rủi ro phát triển bền vững mà doanh nghiệp của họ phải đối mặt và tạo ra.
	  • Một trong những cách thức chính để nhà đầu tư và các đối tượng tham gia thị trường khác sử dụng thông tin phát triển bền vững là thông qua xếp hạng ESG từ các bên xếp hạng có uy tín.
	
		PHẦN 1: Mục 4.2. Tiếp cận tài chính bền vững – Yêu cầu của nhà đầu tư là gì?

BỐI CẢNH ESG VIỆT NAM	• Bối cảnh thị trường Việt Nam
	  • Về điều kiện tự nhiên, Việt Nam đặc biệt nhạy cảm với các tác động của biến đổi khí hậu. Các lĩnh vực dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu là khai khoáng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp, bán buôn, bán lẻ, và khách sạn/nhà ở.
	  • Việt Nam chuyển dịch mô hình phát triển bền vững bằng cách tích hợp hai phương hướng chủ chốt – phương hướng nâng cao khả năng ứng phó và phương hướng giảm thiểu các-bon – để hỗ trợ quốc gia cân bằng những mục tiêu phát triển với các rủi ro khí hậu đang gia tăng.
		PHẦN 1: Mục 1.3. Bối cảnh thị trường Việt Nam

	• Bối cảnh hệ thống quy định pháp luật tại Việt Nam • Hệ thống quy định pháp luật của Việt Nam về môi trường bao gồm nhiều văn bản cho các chủ đề khác nhau liên quan đến môi trường. Trong đó, Luật Bảo vệ môi trường 2020 và các văn bản hướng dẫn triển khai được coi là có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của doanh nghiệp nói chung. Các văn bản được tổng hợp như sau:	PHẦN 1: Mục 2.2. Bối cảnh hệ thống quy định pháp luật tại Việt Nam

- Tại Việt Nam, hiện nay chỉ có các công ty đại chúng và niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam bắt buộc phải công bố thông tin về phát triển bền vững hàng năm theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC. Đối với các loại hình doanh nghiệp khác, hiện chưa có quy định nào bắt buộc phải công bố thông tin về phát triển bền vững. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp phải nộp một số báo cáo định kỳ nhất định cho cơ quan chức năng (các báo cáo với nội dung liên quan đến môi trường và xã hội), với phạm vi áp dụng theo từng trường hợp nhất định và không bao gồm các cân nhắc về phát triển bền vững

- Tiêu chuẩn và Khung về Công bố thông tin liên quan đến ESG tại Việt Nam: Khung Báo cáo ESG được sử dụng rộng rãi nhất tại Việt Nam là Khung Báo cáo Toàn cầu (GRI) và Khung Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên hợp quốc (SDG). Tuy nhiên, hiện chưa có luật niêm yết hay hướng dẫn chính thống cụ thể về công bố thông tin liên quan khí hậu tại Việt Nam.

PHẦN 1: Mục 3.2. Các Tiêu chuẩn và Khung về Công bố thông tin liên quan đến ESG tại Việt Nam

TÍCH HỢP ESG VÀO QUẢN TRỊ VÀ VẬN HÀNH DOANH NGHIỆP

MỤC	NỘI DUNG CHÍNH	THAM CHIẾU
PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN 6 BƯỚC XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG VỀ ESG	 Phương pháp tiếp cận 6 bước cung cấp một lộ trình toàn diện cho các doanh nghiệp tại Việt Nam để tích hợp bền vững vào hoạt động của họ. • Bước 1: Hành trình bắt đầu với việc doanh nghiệp tiến hành tìm hiểu, nâng cao kiến thức và nhận thức về ESG liên quan đến công tác vận hành kinh doanh. • Bước 2: Khi doanh nghiệp đã xác định và hiểu rõ ảnh hưởng của các vấn đề ESG trọng yếu, doanh nghiệp cần phải đánh giá hiệu quả triển khai về phát triển bền vững hiện tại trong quản lý và ứng phó với những vấn đề nói trên – để nhìn nhận về cách những vấn đề ESG hiện đang được tích hợp trong kinh doanh như thế nào. Cụ thể, hiệu quả triển khai về phát triển bền vững của doanh nghiệp có thể được đánh giá dựa trên cấp độ trưởng thành của các cấu phần năng lực riêng biệt, theo đó, việc nâng cao cấp độ tích hợp ESG vào mỗi cấu phần năng lực sẽ nâng cao hiệu quả triển khai công tác phát triển bền vững trong toàn doanh nghiệp. Các cấu phần năng lực được đánh giá bao gồm: (1) Quản trị và Chiến lược, (2) Vận hành, (3) Dữ liệu và báo cáo, và (4) Giám sát – dựa trên Khung mô hình tích hợp ESG - được điều chỉnh từ Mô hình Năng lực Chương trình ESG do EY phát triển. • Bước 3: Từ đánh giá mức độ trưởng thành – mức cơ sở hiện tại, doanh nghiệp sẽ định hình hiệu quả triển khai về phát triển bền vững mong muốn trong tương lai bằng cách xác định cấp độ trưởng thành kỳ vọng cho mỗi cấu phần năng lực hoạt động và xây dựng kế hoạch hành động để đạt đến cấp độ đó. Nói một cách khác, doanh nghiệp cần	PHẦN 2: Mục 1. Phương pháp tiếp cận 6 bước xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động về ESG

MỤC	NỘI DUNG CHÍNH	THAM CHIẾU
	đưa ra quyết định về mức độ và cách thức mà ESG nên được tích hợp vào hoạt động kinh doanh trong tương lai. • Bước 4: Một khi kế hoạch hành động ESG đã được hình thành, doanh nghiệp sẽ triển khai kế hoạch bằng cách tận dụng những nguồn lực nội bộ và tìm kiếm, tiếp nhận các nguồn lực bên ngoài. • Bước 5 và Bước 6: Để đảm bảo triển khai kế hoạch hiệu quả, doanh nghiệp nên thực hiện theo dõi, giám sát và thực hiện báo cáo về tiến độ và thành tựu của Kế hoạch Hành động ESG.	
KHUNG MÔ HÌNH NĂNG LỰC CHO TÍCH HỢP ESG	Khung mô hình tích hợp ESG bao gồm bộ tổng hợp và liệt kê các cấu phần năng lực mà thông qua việc đưa các yếu tố ESG vào xem xét trong mỗi cấu phần năng lực, doanh nghiệp có thể củng cố và cải thiện hiệu quả về triển khai phát triển bền vững và thực hành ESG thành công. Khung mô hình tích hợp ESG sẽ hỗ trợ doanh nghiệp trong thực hiện đánh giá mức độ trưởng thành về ESG và xây dựng kế hoạch hành động ESG dựa trên các cấu phần năng lực. Theo đó, Khung mô hình bao gồm bốn phân loại năng lực chính trong triển khai ESG của tổ chức và doanh nghiệp: (1) Quản trị và Chiến lược, (2) Vận hành, (3) Dữ liệu và Báo cáo, và (4) Giám sát. 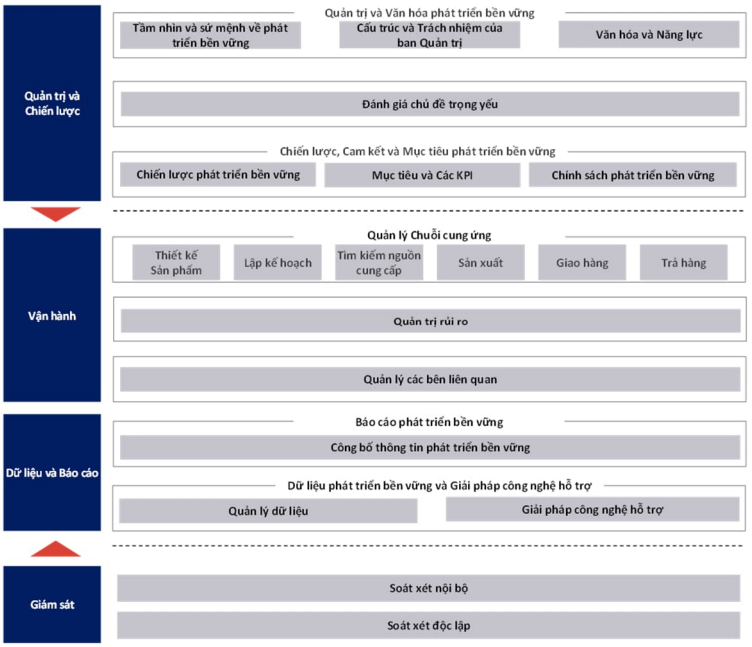 	PHẦN 2: Mục 1. Phương pháp tiếp cận 6 bước xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động về ESG – Khung mô hình năng lực cho tích hợp ESG

MỤC	NỘI DUNG CHÍNH	THAM CHIẾU

CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ NGUỒN THAM CHIẾU HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP ESG	Tổng hợp các thông lệ tốt trong tích hợp ESG vào các cấu phần năng lực của doanh nghiệp, nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong xây dựng và triển khai kế hoạch hành động về ESG:
	1. Quản trị và Chiến lược
	• Quản trị và Chiến lược đặt trọng tâm vào việc:
	  • Thiết lập mục tiêu về phát triển bền vững từ lớp quản trị trên cùng.
	  • Quyết định những vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững đối với doanh nghiệp.
	  • Thiết lập quản trị chặt chẽ và chiến lược toàn diện về phát triển bền vững trong bối cảnh đang biến đổi về kinh doanh và xã hội. Việc thiết lập một hệ thống quản trị và chiến lược vững chắc là cần thiết cho Khung Năng lực ESG của doanh nghiệp.
	• Bước nền tảng này cho phép định hình rõ chiến lược về phát triển bền vững, phân công các vai trò và trách nhiệm ESG một cách cụ thể, và thể hiện sự tận tâm của cấp lãnh đạo đối với phát triển bền vững.
	• Năng lực này là cơ sở quan trọng cho việc phát triển các năng lực cần thiết khác trong nỗ lực triển khai và cải thiện về ESG liên tục của doanh nghiệp.
	• Cần đảm bảo tích hợp các yếu tố ESG trong:
	  • *Quản trị và văn hóa:* Tầm nhìn và sứ mệnh, Cấu trúc và trách nhiệm quản trị, Văn hóa doanh nghiệp, Kiến thức và năng lực doanh nghiệp, Các chế độ đãi ngộ khuyến khích,
	  • Đánh giá các chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững
	  • *Các cam kết và mục tiêu về ESG:* Chiến lược ESG, Kế hoạch chuyển đổi hướng tới nền kinh tế phát thải các-bon thấp, Mục tiêu và chỉ số, Chính sách.
	2. Vận hành
	• Cần chú trọng đưa các yếu tố phát triển bền vững vào tầng vận hành của doanh nghiệp, bao gồm:
	  • Quản lý Chuỗi giá trị
	  • Quản trị rủi ro
	  • Quản lý Các bên liên quan
	• Từ đó xây dựng và củng cố khả năng chống chịu và phục hồi, và cho phép doanh nghiệp tạo ra những giá trị dài hạn, bền vững.
		PHẦN 2: Mục 2. CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ NGUỒN THAM KHẢO HƯỚNG DẪN TÍCH HỢP ESG

MỤC	NỘI DUNG CHÍNH	THAM CHIẾU

	• Chuôi cung ứng của doanh nghiệp cần thay đổi nhằm đáp ứng các vấn đề mang tính bền vững:
	  • Đảm bảo nguồn cung đa dạng và bền vững
	  • Cho phép khả năng truy xuất, hiển thị và công bố thông tin
	  • Giảm thiểu các-bon trong chuỗi giá trị
	  • Đưa tính tuần hoàn vào mô hình kinh doanh.
	• Quản trị rủi ro:
	  • Đưa những cân nhắc về ESG vào khung quản trị rủi ro sẵn có của doanh nghiệp sẽ hỗ trợ đạt được những mục tiêu kinh doanh trong chiến lược và vận hành của doanh nghiệp nói chung và cả về ESG nói riêng.
	  • Một hệ thống quản trị rủi ro vững mạnh có thể được tham khảo từ khung rủi ro toàn cầu như Hội đồng Các tổ chức Tài trợ của Ủy ban Treadway (COSO), Khung Quản trị Rủi ro Doanh nghiệp ERM – Khung ESG, để đảm bảo sự nhận dạng trên toàn hệ thống và ưu tiên các rủi ro phát triển bền vững gắn với vận hành kinh doanh.	

	3. Dữ liệu và Báo cáo: • Đảm bảo ý nghĩa và tính hữu dụng của báo cáo phát triển bền vững, đi kèm với đảm bảo về dữ liệu, giải pháp công nghệ hỗ trợ, từ đó, giúp đưa ra các góc nhìn chuyên sâu về chất lượng của quá trình ra quyết định của doanh nghiệp và tính ứng dụng về dài hạn.	
	4. Giám sát: đảm bảo tính tuân thủ và soát xét cuối cùng trong việc thực thi tất cả các cấu phần nói trên. • Chức năng kiểm toán nội bộ cần xem xét các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững – thực hiện đánh giá lại thường xuyên, kịp thời và sau các sự kiện không mong muốn • Đội ngũ kiểm toán nội bộ cần có kỹ năng và kinh nghiệm toàn diện trong phát triển bền vững • Kiểm toán độc lập bởi bên thứ ba về ESG.	
CÔNG BỐ THÔNG TIN ESG		
HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH CÁC BƯỚC XÂY DỰNG BÁO CÁO PHÁT	Lộ trình hướng dẫn các bước để xây dựng báo cáo phát triển bền vững, được đưa ra dựa trên các khuyến nghị của Khung Báo cáo Tích hợp (Integrated Reporting Framework (<IR>)).[173]	PHẦN 3: Mục 1. Hướng dẫn quy trình các bước xây dựng báo cáo phát

MỤC	NỘI DUNG CHÍNH	THAM CHIẾU
TRIỂN BỀN VỮNG	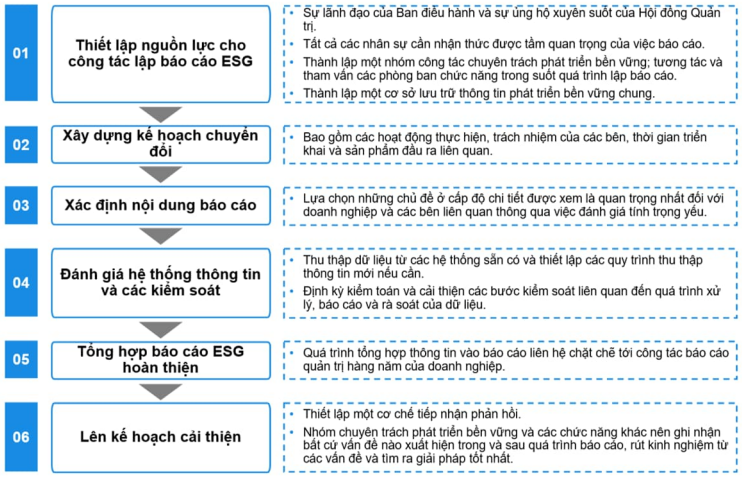	triển bền vững
NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI CÔNG TÁC LẬP BÁO CÁO	1. Các Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo • Đảm bảo trọng tâm về chiến lược và dài hạn • Đảm bảo tính liên kết của thông tin • Đảm bảo góc nhìn toàn diện về các bên liên quan • Đảm bảo Tính trọng yếu và phù hợp của nội dung báo cáo • Đảm bảo tính toàn vẹn 2. Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo • Đảm bảo tính chính xác và chuẩn xác • Đảm bảo tính cân bằng • Đảm bảo tính rõ ràng • Đảm bảo khả năng so sánh • Đảm bảo độ tin cậy • Đảm bảo tính kịp thời	PHẦN 3: Mục 2. Các Nguyên tắc hướng dẫn đối với công tác lập báo cáo
CẤU TRÚC BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	08 cấu phần nội dung nên được bao gồm trong một báo cáo phát triển bền vững: 	PHẦN 3: Mục 3. Cấu trúc báo cáo phát triển bền vững

1. Tuyên bố về tuân thủ các tiêu chuẩn và khung báo cáo quốc tế

MỤC	NỘI DUNG CHÍNH	THAM CHIẾU
	• Tuyên bố về tuân thủ: Đưa ra thông báo về việc đáp ứng tuân thủ các nguyên tắc và yêu cầu của một tiêu chuẩn hoặc khung báo cáo về PTBV được công nhận và mức độ đáp ứng. • Soát xét và xác minh độc lập: Đưa ra thông báo về việc các thông tin báo cáo đã được bên thứ ba tham gia soát xét và xác minh độc lập tuân theo nguyên tắc và yêu cầu của tiêu chuẩn hoặc khung báo cáo PTBV được công nhận, và mức độ của công tác soát xét độc lập.	
	2. Phạm vi báo cáo • Đưa ra thông báo về giới hạn và phạm vi mà doanh nghiệp đặt ra đối với việc lập báo cáo phát triển bền vững, bao gồm phạm vi thông tin hợp nhất và chuỗi giá trị.	
	3. Đánh giá chủ đề trọng yếu • Cung cấp hiểu biết về cách doanh nghiệp xác định các chủ đề cần thiết đưa vào báo cáo phát triển bền vững và cách các chủ đề nói trên được định lượng và đánh giá thông qua quy trình xác định tính trọng yếu.	
	4. Quản trị • Cung cấp hiểu biết về các quy trình, kiểm soát và thủ tục Quản trị được doanh nghiệp áp dụng để theo dõi, quản lý và giám sát các vấn đề phát triển bền vững.	
	5. Chiến lược: nhằm làm rõ về việc: (i) các vấn đề phát triển bền vững, mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị của doanh nghiệp kết nối như thế nào với chiến lược, từ đó, cung cấp thông tin về các tác động, rủi ro, cơ hội mà doanh nghiệp có thể phải đối mặt với và nguồn gốc phát sinh của chúng; (ii) ý kiến của các bên liên quan đóng vai trò như thế nào trong hình thành chiến lược và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp; (iii) kết quả đánh giá rủi ro và cơ hội trọng yếu về phát triển bền vững của doanh nghiệp, cùng với các tác động tới chiến lược và mô hình kinh doanh của doanh nghiệp (iv) phương thức ứng phó với các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững được tích hợp vào công tác chiến lược, lập kế hoạch và phân tích tài chính của doanh nghiệp như thế nào.	
	6. Quản trị rủi ro	

MỤC	NỘI DUNG CHÍNH	THAM CHIẾU
	• cung cấp thông tin về biện pháp xác định, đánh giá, ưu tiên và theo dõi các rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững của doanh nghiệp và cách thức các rủi ro, cơ hội này được đưa vào hệ thống quản trị rủi ro của cả doanh nghiệp.	
	7. Chỉ số và mục tiêu • cung cấp thông tin về cách doanh nghiệp theo dõi hiệu quả của các hành động triển khai nhằm quản lý và ứng phó với các vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững, bao gồm tiến độ của quá trình hướng tới các mục tiêu doanh nghiệp đã đặt ra và các mục tiêu mà luật pháp hoặc quy định yêu cầu phải đáp ứng. • Cùng với các nội dung báo cáo mô tả và tường thuật về các cấu phần cốt lõi bao gồm quản trị, chiến lược và quản lý rủi ro, việc báo cáo về các chỉ số và mục tiêu sẽ giúp đưa ra đánh giá toàn diện và hữu dụng cho quá trình ra quyết định, trên cơ sở xem xét cả thông tin định lượng và định tính. • Các chỉ số và mục tiêu này cũng có thể hỗ trợ đảm bảo tính nhất quán và khả năng so sánh, đặc biệt là giữa các ngành, lĩnh vực với nhau.	
	8. Cơ sở báo cáo • trình bày về cách tiếp cận và phương pháp doanh nghiệp sử dụng cho việc tính toán và thu thập dữ liệu về phát triển bền vững, cũng như kiểm soát nội bộ xung quanh dữ liệu đầu vào và đầu ra.	
	Cân nhắc bổ sung về các yêu cầu báo cáo thông tin liên quan đến khí hậu • Các vấn đề liên quan đến khí hậu là một phần trong các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững. • Khi những vấn đề về khí hậu được đánh giá là vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững của doanh nghiệp, doanh nghiệp cần thực hiện báo cáo thông tin cho các vấn đề về khí hậu đó – tương tự như yêu cầu công bố thông tin áp dụng với các vấn đề phát triển bền vững khác về quản trị, chiến lược, quản trị rủi ro, chỉ số và mục tiêu. Đồng thời, doanh nghiệp nên xem xét bổ sung nội dung thông tin công bố về quản trị liên quan đến khí hậu theo các khuyến nghị dựa trên hướng dẫn của TCFD và ISSB (tiêu chuẩn IFRS S2).	
	Lưu ý • Nội dung báo cáo phát triển bền vững nên được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu cụ thể của doanh nghiệp.	

MỤC	NỘI DUNG CHÍNH	THAM CHIẾU
	• Thông tin của một báo cáo phát triển bền vững nên được trình bày theo phương thức phù hợp nhằm thể hiện rõ liên kết giữa các Cấu phần nội dung.	

PHẦN 6: PHỤ LỤC

Phụ lục A: Danh mục tham khảo về các chỉ số công bố thông tin về ESG

Bảng 35: Danh mục tham khảo về các chỉ số công bố thông tin

*KHÔNG **ĐẦY ĐỦ***

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
Môi Trường	E-1	Ô nhiễm không khí	E-1-1	Tổng lượng khí thải	Số tấn CO2 tương đương (mtCO2eq)	GRI 305-7 Nitrogen oxides (NOX), sulfur oxides (SOX), and other significant air emissions https://www.globalreporting.org/publications/documents/english/gri-305-emissions-2016/
			E-1-2	Tác động được định giá của ô nhiễm không khí	VNĐ	Capitals Coalition Valued impacts https://capitalscoalition.org/wp-content/uploads/2022/08/A-Methodology-Promoting-Standardized-Natural-Capital-Accounting-for-Business.pdf
	E-2	Quản lý nước và nước thải	E-2-1	Tổng lượng nước rút từ tất cả các khu vực	ML	GRI 303-3 Water withdrawal https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12488
			E-2-2	Tổng lượng nước rút ra từ tất cả các khu vực khan hiếm nước	ML	GRI 303-3 Water withdrawal https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12488
			E-2-3	Tổng lượng nước xả ra tất cả các khu vực	ML	GRI 303-4 Water discharge https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12488
			E-2-4	Tổng lượng nước xả ra tất cả các khu vực khan hiếm nước	ML	GRI 303-4 Water discharge https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12488
			E-2-5	Tổng lượng nước tiêu thụ từ tất cả các khu vực	ML	GRI 303-5 Water consumption https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12488
			E-2-6	Tổng lượng nước tiêu thụ từ tất cả các khu vực khan hiếm nước	ML	GRI 303-5 Water consumption https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12488

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			E-2-7	Tỷ lệ phần trăm tuần hoàn nước & tái sử dụng	%	WBCSD % water circularity https://www.wbcsd.org/contentwbc/download/14172/204337/1
			E-2-8	Tuần hoàn nước tại chỗ	ML	WBCSD Onsite water circulation https://www.wbcsd.org/contentwbc/download/14172/204337/1
			E-2-9	Định giá tác động xã hội của việc rút nước ngọt dọc theo chuỗi giá trị	VNĐ	Capitals Coalition Valued impacts https://capitalscoalition.org/wp-content/uploads/2022/08/A-Methodology-Promoting-Standardized-Natural-Capital-Accounting-for-Business.pdf
			E-2-10	Định giá tác động xã hội của ô nhiễm nước, bao gồm các chất dinh dưỡng dư thừa, kim loại nặng và các chất độc khác, dọc theo chuỗi giá trị	VNĐ	Capitals Coalition Valued impacts https://capitalscoalition.org/wp-content/uploads/2022/08/A-Methodology-Promoting-Standardized-Natural-Capital-Accounting-for-Business.pdf
			E-2-11	Tỷ lệ phần trăm các nhà cung cấp có tác động đáng kể liên quan đến nước từ việc xả nước đã đặt ra các tiêu chuẩn tối thiểu về chất lượng xả nước thải của họ.	%	GRI 303-5 Water consumption https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12488
	E-3	Đa dạng sinh học và tác động sinh thái	E-3-1	Tổng số loài trong Sách đỏ IUCN và các loài trong danh sách bảo tồn quốc gia có môi trường sống ở các khu vực bị ảnh hưởng bởi hoạt động của doanh nghiệp, theo mức độ nguy cơ tuyệt chủng	#	GRI 304-4 IUCN Red List species and national conservation list species with habitats in areas affected by operations https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12499
	E-4	Quản lý chất thải và nguyên vật	E-4-1	Tổng trọng lượng chất thải được chuyển hướng từ xử lý	Tấn	GRI 306-4 Waste diverted from disposal https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12521

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
		liệu nguy hiểm	E-4-2	Tổng trọng lượng chất thải hướng đến xử lý	Tấn	GRI 306-5 Waste directed from disposal https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12521
			E-4-3	Tổng trọng lượng chất thải phát sinh	Tấn hệ	GRI 306-3 Waste generated https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12521

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
	E-5	Phát thải KNK	E-5-1	Khí thải phạm vi 1	tấn CO2e	GRI 305-1 Direct (Scope 1) GHG emissions https://www.globalreporting.org/publications/documents/english/gri-305-emissions-2016/ GHG Protocol Guidance Handbook 2019 https://ghgprotocol.org/sites/default/files/2023-03/Guidance_Handbook_2019_FINAL.pdf ESRS E1-6 Gross Scope 1 GHG emissions https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf IFRS S2 Climate-related metrics https://www.ifrs.org/content/dam/ifrs/publications/pdf-standards-issb/english/2023/issued/part-a/issb-2023-a-ifrs-s2-climate-related-disclosures.pdf?bypass=on TCFD Climate-related Metrics https://assets.bbhub.io/company/sites/60/2021/07/2021-Metrics_Targets_Guidance-1.pdf CDP Climate change scoring methodology https://guidance.cdp.net/en/guidance?cid=30&ctype=theme&idtype=ThemeID&incchild=1&microsite=0&otype=ScoringMethodology&page=1&tags=TAG-605%2CTAG-646

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			E-5-2	Khí thải Phạm vi 2	tấn CO2e	GRI 305-2 Energy indirect (Scope 2) GHG emissions https://www.globalreporting.org/publications/documents/english/gri-305-emissions-2016/ GHG Protocol Scope 2 Emissions from Purchased Energy https://ghgprotocol.org/sites/default/files/2023-03/Guidance_Handbook_2019_FINAL.pdf ESRS E1-6 Gross Scope 2 GHG emissions https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf IFRS S2 Climate-related metrics https://www.ifrs.org/content/dam/ifrs/publications/pdf-standards-issb/english/2023/issued/part-a/issb-2023-a-ifrs-s2-climate-related-disclosures.pdf?bypass=on TCFD Climate-related Metrics https://assets.bbhub.io/company/sites/60/2021/07/2021-Metrics_Targets_Guidance-1.pdf CDP Climate change scoring methodology https://guidance.cdp.net/en/guidance?cid=30&ctype=theme&idtype=ThemeID&incchild=1&microsite=0&otype=ScoringMethodology&page=1&tags=TAG-605%2CTAG-646

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			E-5-3	Khí thải phạm vi 3 (ít nhất là đối với các hạng mục ...)	tấn CO2e	GRI 305-3 Other indirect (Scope 3) GHG emissions https://www.globalreporting.org/publications/documents/english/gri-305-emissions-2016/ GHG Protocol Scope 3 Calculation Guidance https://ghgprotocol.org/sites/default/files/standards/Scope3_Calculation_Guidance_0.pdf ESRS E1-6 Gross Scope 3 GHG emissions https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf IFRS S2 Climate-related metrics https://www.ifrs.org/content/dam/ifrs/publications/pdf-standards-issb/english/2023/issued/part-a/issb-2023-a-ifrs-s2-climate-related-disclosures.pdf?bypass=on TCFD Climate-related Metrics https://assets.bbhub.io/company/sites/60/2021/07/2021-Metrics_Targets_Guidance-1.pdf CDP Climate change scoring methodology https://guidance.cdp.net/en/guidance?cid=30&ctype=theme&idtype=ThemeID&incchild=1&microsite=0&otype=ScoringMethodology&page=1&tags=TAG-605%2CTAG-646

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			E-5-4	Khí thải làm suy giảm tầng ozone (ODS)	tấn CFC-11 (trichlorofluoromethane) tương đương	GRI 305-6 Emissions of ozone-depleting substances (ODS) https://www.globalreporting.org/publications/documents/english/gri-305-emissions-2016/
			E-5-5	Chi phí xã hội của lượng các-bon đã sử dụng	VNĐ	US EPA fact sheet on the Social Cost of Carbon https://www.epa.gov/sites/default/files/2016-12/documents/social_cost_of_carbon_fact_sheet.pdf Capitals coalition Value impacts https://capitalscoalition.org/wp-content/uploads/2022/08/A-Methodology-Promoting-Standardized-Natural-Capital-Accounting-for-Business.pdf
			E-5-6	Loại bỏ CO2 ròng từ việc Quản lý đất đai	Số tấn CO2 tương đương (mtCO2eq)	GHG Protocol Land Sector and Removals Guidance Draft for pilot testing and review (September 2022), Land Management Carbon Calculation Guidance https://ghgprotocol.org/sites/default/files/2022-12/Land-Sector-and-Removals-Guidance-Pilot-Testing-and-Review https://ghgprotocol.org/sites/default/files/2022-12/Land-Sector-and-Removals-Guidance-Pilot-Testing-and-Review-Draft-Part-2.pdf ESRS E1-7 GHG removals and GHG mitigation projects financed through carbon credits https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			E-5-7	Phát thải không khí đáng kể cho từng loại sau: i. NOx ii. SOx iii. Các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (POP) iv. Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOC) v. Các chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm (HAP) vi. Vật lý dạng hạt (PM) vii. Các loại khí thải tiêu chuẩn khác được xác định trong các quy định có liên quan	tính bằng kilôgam hoặc bội số	GRI 305-7 Nitrogen oxides (NOX), sulfur oxides (SOX), and other significant air emissions https://www.globalreporting.org/publications/documents/english/gri-305-emissions-2016/
			E-5-8	Tổng gộp lượng CO2 sinh học loại bỏ từ đất đai	Số tấn CO2 tương đương (mtCO2eq)	GHG Protocol Land Sector and Removals Guidance Draft for pilot testing and review (September 2022), Land Management Carbon Calculation Guidance https://ghgprotocol.org/sites/default/files/2022-12/Land-Sector-and-Removals-Guidance-Pilot-Testing-and-Review https://ghgprotocol.org/sites/default/files/2022-12/Land-Sector-and-Removals-Guidance-Pilot-Testing-and-Review-Draft-Part-2.pdf

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
	E-6	Quản lý năng lượng	E-6-1	Tổng mức tiêu thụ năng lượng trong vận hành	MWh	GRI 302-1 Energy consumption within the organization https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12467&page=8 ESRS E1-5 Energy consumption and mix https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf CDP Climate change scoring methodology https://guidance.cdp.net/en/guidance?cid=30&ctype=theme&idtype=ThemeID&incchild=1&microsite=0&otype=ScoringMethodology&page=1&tags=TAG-605%2CTAG-646
			E-6-2	Tổng mức tiêu thụ năng lượng ngoài vận hành sở hữu	MWh	GRI 302-2 Energy consumption outside of the organization https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12467&page=8 ESRS E1-5 Energy consumption and mix https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf
			E-6-3	Mức cắt giảm năng lượng tiêu thụ đạt được trực tiếp từ kết quả của các sáng kiến tiết kiệm và sử dụng hiệu quả	MWh	GRI 302-4 Reduction of energy consumption https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12467&page=8

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			E-6-4	Kết quả đạt được từ việc cắt giảm nhu cầu sử dụng năng lượng của các sản phẩm và dịch vụ đã bán ra	MWh	GRI 302-5 Reductions in energy requirements of products and services https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12467&page=8
			E-6-5	Tỷ lệ cường độ sử dụng năng lượng	MWh / M2	GRI 302-3 Energy intensity https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12467&page=8
			E-6-6	Tỷ lệ phần trăm của tổng chi phí hoạt động dành cho năng lượng	%	CDP Climate change scoring methodology https://guidance.cdp.net/en/guidance?cid=30&ctype=theme&idtype=ThemeID&incchild=1&microsite=0&otype=ScoringMethodology&page=1&tags=TAG-605%2CTAG-646
			E-6-7	Tổng điện tái tạo mua sắm	MWh	CDP Climate change scoring methodology https://guidance.cdp.net/en/guidance?cid=30&ctype=theme&idtype=ThemeID&incchild=1&microsite=0&otype=ScoringMethodology&page=1&tags=TAG-605%2CTAG-646
			E-6-8	Tổng sản lượng điện tái tạo	MWh	CDP Climate change scoring methodology https://guidance.cdp.net/en/guidance?cid=30&ctype=theme&idtype=ThemeID&incchild=1&microsite=0&otype=ScoringMethodology&page=1&tags=TAG-605%2CTAG-646
	E-7	Khả năng thích ứng, phục hồi và chuyển đổi với biến đổi khí hậu	E-7-1	Độ phơi nhiễm với các tài sản liên quan đến các-bon trên danh mục đầu tư	%	TCFD Exposure to carbon-related assets https://www.tcfdhub.org/Downloads/pdfs/E09%20-%20Carbon%20footprinting%20-%20metrics.pdf
			E-7-2	Tổng lượng khí thải các-bon của một danh mục đầu tư	Số tấn CO2 tương đương (mtCO2eq)	TCFD Total Carbon Emissions https://www.tcfdhub.org/Downloads/pdfs/E09%20-%20Carbon%20footprinting%20-%20metrics.pdf

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			E-7-3	Dấu chân các-bon của một danh mục đầu tư	mtCO2eq / VND	TCFD Carbon Footprint https://www.tcfdhub.org/Downloads/pdfs/E09%20-%20Carbon%20footprinting%20-%20metrics.pdf
			E-7-4	Đầu tư vào các biện pháp thích ứng với khí hậu (ví dụ: sức khỏe đất, thủy lợi, công nghệ)	VNĐ	TCFD Guidence on Metrics, Targets and Transition Plans https://assets.bbhub.io/company/sites/60/2021/07/2021-Metrics_Targets_Guidance-1.pdf
			E-7-5	Định lượng cường độ các-bon trung bình của một danh mục đầu tư	mtCO2eq / VND	TCFD Weighted Average Carbon Intensity https://www.tcfdhub.org/Downloads/pdfs/E09%20-%20Carbon%20footprinting%20-%20metrics.pdf
			E-7-6	Hiệu quả các-bon của danh mục đầu tư	mtCO2eq / VND	TCFD Carbon Intensity https://www.tcfdhub.org/Downloads/pdfs/E09%20-%20Carbon%20footprinting%20-%20metrics.pdf ESRS E1-6 GHG Intensity based on net revenue https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf
			E-7-7	Tỷ lệ tài sản có rủi ro vật lý trọng yếu trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trước khi xem xét các hành động thích ứng với biến đổi khí hậu; với số tiền của các tài sản này bị phân tách bởi rủi ro vật lý cấp tính và mãn tính	%	ESRS E1-9 Anticipated financial effects from material physical and transition risks and potential climate-related opportunities https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			E-7-8	Tỷ lệ tài sản có rủi ro vật lý được giải quyết bởi các hành động thích ứng với biến đổi khí hậu	%	ESRS E1-9 Anticipated financial effects from material physical and transition risks and potential climate-related opportunities https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf
			E-7-9	Tỷ lệ doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh có rủi ro vật lý trọng yếu trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn	%	ESRS E1-9 Anticipated financial effects from material physical and transition risks and potential climate-related opportunities https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf
			E-7-10	Tỷ lệ tài sản có rủi ro chuyển đổi trọng yếu trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trước khi xem xét các hành động giảm thiểu khí hậu	%	ESRS E1-9 Anticipated financial effects from material physical and transition risks and potential climate-related opportunities https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf
			E-7-11	Tỷ lệ tài sản có rủi ro chuyển đổi trọng yếu được giải quyết bởi các hành động giảm thiểu biến đổi khí hậu	%	ESRS E1-9 Anticipated financial effects from material physical and transition risks and potential climate-related opportunities https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf
			E-7-12	Giá trị sổ sách của tài sản bất động sản của công ty, phân loại theo hiệu quả năng lượng	VNĐ	ESRS E1-9 Anticipated financial effects from material physical and transition risks and potential climate-related opportunities https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			E-7-13	Tỷ lệ doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh có rủi ro chuyển đổi trọng yếu trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bao gồm doanh thu thuần từ các khách hàng hoạt động trong lĩnh vực than, dầu khí	%	ESRS E1-9 Anticipated financial effects from material physical and transition risks and potential climate-related opportunities https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf
			E-7-14	Các khoản nợ tiềm ẩn trong tương lai có thể phải được nhận diện trong báo cáo tài chính trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn	VNĐ	ESRS E1-9 Anticipated financial effects from material physical and transition risks and potential climate-related opportunities https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf
			E-7-15	Tiết kiệm chi phí kì vọng từ các hành động giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu	VNĐ	ESRS E1-9 Anticipated financial effects from material physical and transition risks and potential climate-related opportunities https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf
			E-7-16	Thay đổi kì vọng đối với doanh thu thuần từ các sản phẩm và dịch vụ các-bon thấp hoặc các giải pháp thích ứng mà công ty có thể tiếp cận	VNĐ	TCFD Climate-Related Opportunities https://assets.bbhub.io/company/sites/60/2021/07/2021-Metrics_Targets_Guidance-1.pdf ESRS E1-9 Anticipated financial effects from material physical and transition risks and potential climate-related opportunities https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F08%2520Draft%2520ESRS%2520E1%2520Climate%2520Change%2520November%25202022.pdf

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
	E-8	Materials Sourcing & Efficiency	E-8-1	Tổng trọng lượng hoặc khối lượng vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo	Tấn	GRI 301-1 Maturials used by weight or volume https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12456&page=1
			E-8-2	Tỷ lệ nguyên liệu đầu vào tái chế được sử dụng để sản xuất các sản phẩm và dịch vụ chính của doanh nghiệp	%	GRI 301-2 Recycled input materials used https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12456&page=1
			E-8-3	Tỷ lệ phần trăm sản phẩm thu hồi và vật liệu đóng gói của chúng cho từng loại sản phẩm.	%	GRI 301-3 Reclaimed products and their packaging materials https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12456&page=1
			E-8-4	Tỷ lệ phần trăm đầu vào nguyên vật liệu tối quan trọng	%	WBCSD % critical material https://www.wbcsd.org/contentwbc/download/14172/204337/1
			E-8-5	Tỷ lệ phần trăm của nguyên vật liệu tuần hoàn	%	WBCSD % water circularity https://www.wbcsd.org/contentwbc/download/14172/204337/1
			E-8-6	Năng suất nguyên vật liệu tuần hoàn	VNĐ	WBCSD Circular material productivity https://www.wbcsd.org/contentwbc/download/14172/204337/1
			E-8-7	Tác động của nguyên vật liệu tái chế đến phát thải khí nhà kính	%	WBCSD Impact of the loop https://www.wbcsd.org/contentwbc/download/14172/204337/1
Xã hội	S-1	Nhân quyền và quan hệ cộng đồng	S-1-1	Tỷ lệ phần trăm hoạt động vận hành với sự tham gia của cộng đồng địa phương được thực hiện, đánh giá tác động và / hoặc các chương trình phát triển	%	GRI 413-1 Operations with local community engagement, impact assessments, and development programs https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12666

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			S-1-2	Tổng số vụ vi phạm được xác định liên quan đến quyền của người bản địa trong kỳ báo cáo và tình trạng của họ	#	GRI 411-1 Incidents of violations involving rights of indigenous peoples https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12655
	S-2	Quyền riêng tư của khách hàng	S-2-1	Tổng số khiếu nại đã xác minh nhận được liên quan đến vi phạm quyền riêng tư của khách hàng, được phân loại theo: i. khiếu nại nhận được từ các bên ngoài và được xác minh bởi doanh nghiệp; II. Khiếu nại từ các cơ quan quản lý.	#	GRI 418-1 Substantiated complaints concerning breaches of customer privacy and losses of customer data https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12721
	S-3	Bảo mật dữ liệu	S3-1	Tổng số vụ rò rỉ, trộm cắp hoặc mất mát dữ liệu khách hàng được nhận dạng.	#	GRI 418-1 Substantiated complaints concerning breaches of customer privacy and losses of customer data https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12721
	S-5	Chất lượng và an toàn sản phẩm	S-5-1	Tỷ lệ phần trăm của các loại sản phẩm và dịch vụ quan trọng mà có tác động đến sức khỏe và an toàn được đánh giá để cải thiện.	%	GRI 416-1 Assessment of the health and safety impacts of product and service categories https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12699&page=1

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			S-5-2	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và/hoặc quy tắc tự nguyện tác động đến sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong kỳ báo cáo, bằng cách: i. sự cố không tuân thủ các quy định dẫn đến phạt tiền hoặc bị phạt; ii. sự cố không tuân thủ các quy định dẫn đến cảnh báo; iii. Sự cố không tuân thủ các quy tắc tự nguyện.	#	GRI 416-2 Incidents of non-compliance concerning the health and safety impacts of products and services https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12699&page=1
	S-7	Thực tiễn bán hàng & Dán nhãn sản phẩm	S-7-1	Tỷ lệ phần trăm của các danh mục sản phẩm hoặc dịch vụ quan trọng được bao phủ và đánh giá về việc tuân thủ các thủ tục về dán nhãn và thông tin sản phẩm, dịch vụ	%	GRI 417-1 Requirements for product and service information and labeling https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12710&page=9
			S-7-2	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và / hoặc quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin và dán nhãn sản phẩm, dịch vụ	#	GRI 417-2 Incidents of non-compliance concerning product and service information and labeling https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12710&page=9
			S-7-3	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và / hoặc quy tắc tự nguyện liên quan đến truyền thông tiếp thị, bao gồm quảng cáo, khuyến mãi và tài trợ	#	GRI 417-3 Incidents of non-compliance concerning marketing communications https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12710&page=9
	S-8	Thực tiễn Lao động	S-8-1	Số vụ việc vi phạm nhân quyền nghiêm trọng	#	ESRS S1-17 Incidents, complaints and severe human rights impacts https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			S-8-2	Tổng số tiền phạt, tiền phạt và bồi thường thiệt hại đối với các sự cố vi phạm nhân quyền nghiêm trọng	VNĐ	ESRS S1-17 Incidents, complaints and severe human rights impacts https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf
			S-8-3	Tỷ lệ nhân viên an ninh đã được đào tạo chính thức về các chính sách nhân quyền của doanh nghiệp hoặc các thủ tục cụ thể và ứng dụng vào an ninh	%	GRI 410-1 Security personnel trained in human rights policies or procedures https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12644&page=1
			S-8-4	Tỷ lệ lực lượng lao động đang làm việc được bảo hiểm theo thỏa ước lao động tập thể	%	ESRS S2 Workers in value chain https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S2.pdf WEF-IBC Freedom of Association and Collective Bargaining at Risk https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/
			S-8-5	Tổng số nhân viên và loại hợp đồng và phân chia theo giới tính và theo khu vực	#	GRI 2-7 Employees https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12358&page=5
			S-8-6	Tổng số và tỷ lệ nhân viên mới được tuyển dụng trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực	%	GRI 401-1 New employee hires and employee turnover https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12543&page=1
			S-8-7	Tổng số lượng và tỷ lệ nghỉ việc của nhân viên trong kỳ báo cáo, theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực	%	GRI 401-1 New employee hires and employee turnover https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12543&page=1

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			S-8-8	Tỷ lệ nhân viên với hợp đồng tạm thời	%	ESRS S2 Workers in value chain https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S2.pdf
			S-8-9	Tỷ lệ nhân viên với hợp đồng bán thời gian hoặc không giờ	%	ESRS S2 Workers in value chain https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S2.pdf
			S-8-10	Tỷ lệ nhân viên nghỉ phép thai sản, theo giới tính	%	GRI 401-3 Parental leave https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12543&page=1
			S-8-11	Tỷ lệ trở lại làm việc của nhân viên đã nghỉ phép thai sản, theo giới tính.	%	GRI 401-3 Parental leave https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12543&page=1
			S-8-12	Tỷ lệ giữ chân nhân viên nghỉ phép thai sản, theo giới tính.	%	GRI 401-3 Parental leave https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12543&page=1
			S-8-13	Tỷ lệ nhân viên hài lòng với thời gian làm việc	%	ESRS S2 Workers in value chain https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S2.pdf
			S-8-14	Tỷ lệ người lao động tham gia đào tạo, phát triển nghề nghiệp	%	ESRS S2 Workers in value chain https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S2.pdf

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
	S-9	Sức khỏe và an toàn Nhân viên	S-8-15	Số giờ đào tạo trung bình mà nhân viên đã thực hiện trong kỳ báo cáo, theo: i. Giới tính; II. Danh mục nhân viên	#	GRI 404-1 Average hours of training per year per employee https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12576&page=7 ESRS S1-13 Training and skills development metrics https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf
			S-8-16	Số lượng vị trí "Lành nghề" chưa được lấp đầy	#	WEF-IBC Skills for the future https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/
			S-8-17	Tỷ lệ phần trăm các vị trí "Lành nghề" chưa được lấp đầy mà công ty sẽ thuê các ứng viên không có kỹ năng và đào tạo họ.	%	WEF-IBC Skills for the future https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/
			S-8-18	Đầu tư vào đào tạo theo tỷ lệ phần trăm của biên chế.	%	WEF-IBC Skills for the future https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/
			S-9-1	Tỷ lệ phần trăm của tất cả nhân viên và người lao động không phải là nhân viên nhưng có công việc và / hoặc nơi làm việc được kiểm soát bởi doanh nghiệp, những người được bảo hiểm bởi hệ thống H&S	%	GRI 403-8 Workers covered by an occupational health and safety management system https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12565&page=21
			S-9-2	Tỷ lệ nhân viên tham gia vào các chương trình sức khỏe và hạnh phúc 'thực thi tốt nhất' giúp giảm tình trạng vắng mặt và cải thiện năng suất và tỷ lệ vắng mặt của nhân viên cho tất cả nhân viên.	%	WEF-IBC Well-being https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			S-9-3	Số người tử vong do chấn thương liên quan đến công việc, chia theo nhân viên và người lao động	#	GRI 403-9 Work-related injuries https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12565&page=21 ESRS S1-14 Health and safety metrics https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf
			S-9-4	Số ca tử vong do các bệnh liên quan đến công việc, phân chia của nhân viên và người lao động	#	GRI 403-9 Work-related injuries https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12565&page=21 ESRS S1-14 Health and safety metrics https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf
			S-9-5	Số lượng thương tích liên quan đến công việc gây hậu quả cao (không bao gồm tử vong), chia theo nhân viên và người lao động	#	GRI 403-9 Work-related injuries https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12565&page=21
			S-9-6	Số lượng thương tích liên quan đến công việc có thể ghi nhận, chia theo nhân viên và người lao động	#	GRI 403-9 Work-related injuries https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12565&page=21 ESRS S1-14 Health and safety metrics https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			S-9-7	Số lượng bệnh tật liên quan đến công việc có thể ghi nhận, chia theo nhân viên và người lao động	#	GRI 403-9 Work-related injuries https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12565&page=21 ESRS S1-14 Health and safety metrics https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf
			S-9-8	Số lượng các sự cố tiềm ẩn cao liên quan đến công việc được xác định	#	GRI 403-9 Work-related injuries https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12565&page=21
			S-9-9	Số lượng sự cố liên quan đến công việc mà không xảy ra thương tích hoặc bệnh tật nhưng có khả năng gây ra những tổn thương này được xác định	#	GRI 403-9 Work-related injuries https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12565&page=21
			S-9-10	Số ngày bị mất do thương tích và tử vong liên quan đến công việc do tai nạn lao động, bệnh tật liên quan đến công việc và tử vong do bệnh tật	#	ESRS S1-14 Health and safety metrics https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf
			S-9-11	Số trường hợp bệnh tật liên quan đến công việc có thể ghi nhận, chia theo nhân viên và người lao động	#	GRI 403-9 Work-related injuries https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12565&page=21 ESRS S1-17 Incidents, complaints and severe human rights impacts https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			S-9-12	Định giá tác động từ các sự cố liên quan đến công việc	VND	WEF-IBC Health & wellbeing https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/ ESRS S1-17 Incidents, complaints and severe human rights impacts https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf
			S-9-13	Số giờ làm việc, phân chia theo nhân viên và người lao động	#	GRI 403-9 Work-related injuries https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12565&page=21
	S-10	Sự gắn kết, đa dạng và hòa nhập của nhân viên	S-10-1	Số vụ phân biệt đối xử và quấy rối	#	GRI 406-1 Incidents of discrimination and corrective actions taken https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12598&page=1 ESRS S1-17 Incidents, complaints and severe human rights impacts https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf
			S-10-2	Tỷ lệ nhân viên trong các Hội đồng Quản trị của công ty theo từng phân loại đa dạng sau: i. Giới tính; ii. Nhóm tuổi: dưới 30 tuổi, 30-50 tuổi, trên 50 tuổi; iii. Các chỉ số khác về sự đa dạng nếu có liên quan (chẳng hạn như các nhóm thiểu số hoặc dễ bị tổn thương).	%	GRI 405-1 Diversity of governance bodies and employees https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12587&page=9 ESRS S1-9 Diversity metrics https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			S-10-3	Tỷ lệ phần trăm nhân viên trên mỗi loại nhân viên theo mỗi phân loại đa dạng sau: i. Giới tính; ii. Nhóm tuổi: dưới 30 tuổi, 30-50 tuổi, trên 50 tuổi; iii. Các chỉ số khác về sự đa dạng nếu có liên quan (chẳng hạn như các nhóm thiểu số hoặc dễ bị tổn thương).	%	GRI 405-1 Diversity of governance bodies and employees https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12587&page=9 ESRS S1-9 Diversity metrics https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf
			S-10-4	Tỷ lệ nhân viên khuyết tật phân chia theo giới tính	%	ESRS S1-12 Persons with disabilities https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2FED_ESRS_S1.pdf
			S-10-5	Tỷ lệ lương và đãi cơ bản cho từng loại lao động theo địa bàn hoạt động quan trọng đối với các lĩnh vực ưu tiên bình đẳng: nữ so với nam; dân tộc thiểu số đến các dân tộc lớn; và các lĩnh vực bình đẳng khác có liên quan	%	GRI 405-2 Ratio of basic salary and remuneration of women to men https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12587&page=9 WEF-IBC Pay equality https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/
			S-10-6	Tỷ lệ mức lương chuẩn đầu vào theo giới so với mức lương tối thiểu địa phương	%	WEF-IBC Dignity and equality https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/
			S-10-7	Tỷ lệ tổng mức lương hàng năm của CEO so với tổng mức lương trung bình hàng năm của tất cả nhân viên (không bao gồm CEO)	#	WEF-IBC Dignity and equality https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			S-10-8	Tiền lương hiện tại so với mức lương đủ sống cho người lao động và người lao động tại các tiểu bang và địa phương nơi công ty đang hoạt động.	%	WEF-IBC Dignity and equality https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/
Quản trị	G-1	Quản lý thiết kế và vòng đời sản phẩm	G-1-1	Tỷ lệ phần trăm doanh thu được tạo ra từ đổi mới sáng tạo	%	WEF-IBC Innovation in better products and services https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/
			G-1-2	Tỷ lệ phần trăm doanh thu từ các sản phẩm và dịch vụ được thiết kế để mang lại lợi ích xã hội hoặc để giải quyết tính bền vững cụ thể	%	WEF-IBC Innovation in better products and services https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/
			G-1-3	Tổng chi phí liên quan đến nghiên cứu và phát triển	VND	WEF-IBC Innovation in better products and services https://www.weforum.org/stakeholdercapitalism/our-metrics/
	G-3	Quản lý Chuỗi cung ứng	G-3-1	Tỷ lệ phần trăm các nhà cung cấp mới được sàng lọc theo tiêu chí môi trường	%	GRI 308-1 New suppliers that were screened using environmental criteria https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12532&page=1
			G-3-2	Số lượng nhà cung cấp được xác định là có tác động tiêu cực đáng kể thực tế, tiềm ẩn đến môi trường	#	GRI 308-2 Negative environmental impacts in the supply chain and actions taken https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12532&page=1
			G-3-3	Tỷ lệ phần trăm các nhà cung cấp được nhận dạng là có tác động tiêu cực đáng kể thực tế, tiềm ẩn đến môi trường mà các cải tiến đã được thỏa thuận do kết quả đánh giá	#	GRI 308-2 Negative environmental impacts in the supply chain and actions taken https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12532&page=1

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			G-3-4	Tỷ lệ phần trăm các nhà cung cấp được xác định là có tác động tiêu cực đáng kể thực tế, tiềm ẩn đến môi trường mà các mối quan hệ đã bị chấm dứt do kết quả đánh giá	%	GRI 308-2 Negative environmental impacts in the supply chain and actions taken https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12532&page=1
			G-3-5	Tỷ lệ phần trăm các nhà cung cấp mới được sàng lọc bằng cách sử dụng các tiêu chí xã hội.	%	GRI 414-1 New suppliers that were screened using social criteria https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12677&page=9
			G-3-6	Số lượng nhà cung cấp được xác định là có tác động xã hội tiêu cực đáng kể thực tế và tiềm ẩn.	#	GRI 414-2 Negative social impacts in the supply chain and actions taken https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12677&page=9
			G-3-7	Tỷ lệ phần trăm các nhà cung cấp được xác định là có tác động xã hội tiêu cực đáng kể thực tế và tiềm ẩn mà các cải tiến đã được thỏa thuận do kết quả đánh giá.	%	GRI 414-2 Negative social impacts in the supply chain and actions taken https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12677&page=9
			G-3-8	Tỷ lệ phần trăm các nhà cung cấp được xác định là có tác động xã hội tiêu cực đáng kể thực tế và tiềm ẩn mà các mối quan hệ đã bị chấm dứt do kết quả đánh giá.	%	GRI 414-2 Negative social impacts in the supply chain and actions taken https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12677&page=9
	G-5	Đạo đức kinh doanh	G-5-1	Tổng số và tính chất của các vụ việc tham nhũng hoặc hối lộ được xác nhận	#	ESRS G1-4 Confirmed incidents of corruption or bribery https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F17%2520Draft%2520ESRS%2520G1%2520Business%2520Conduct%2520November%25202022.pdf

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			G-5-2	Số tiền án và số tiền phạt vi phạm pháp luật về phòng chống tham nhũng và chống hối lộ	#	ESRS G1-4 Confirmed incidents of corruption or bribery https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F17%2520Draft%2520ESRS%2520G1%2520Business%2520Conduct%2520November%25202022.pdf
			G-5-3	Số vụ việc được xác nhận trong đó người lao động của chính mình bị sa thải hoặc kỷ luật vì các sự cố liên quan đến tham nhũng hoặc hối lộ	#	ESRS G1-4 Confirmed incidents of corruption or bribery https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F17%2520Draft%2520ESRS%2520G1%2520Business%2520Conduct%2520November%25202022.pdf
			G-5-4	Số vụ việc được xác nhận liên quan đến hợp đồng với đối tác kinh doanh đã bị chấm dứt hoặc không được gia hạn do vi phạm liên quan đến tham nhũng hoặc hối lộ	#	ESRS G1-4 Confirmed incidents of corruption or bribery https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=%2Fsites%2Fwebpublishing%2FSiteAssets%2F17%2520Draft%2520ESRS%2520G1%2520Business%2520Conduct%2520November%25202022.pdf
	G-7	Quản lý về pháp lý và quy định về môi trường	G-7-1	Tổng số trường hợp đáng kể không tuân thủ luật pháp và quy định	#	GRI 2-27 Compliance with laws and regulations https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12358&page=5
			G-7-2	Tổng giá trị tiền phạt đối với các trường hợp không tuân thủ luật pháp và quy định đã được thanh toán	VND	GRI 2-27 Compliance with laws and regulations https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12358&page=5

Chủ đề ESG	Số Tham chiếu	Chủ đề trọng yếu	ID	Chỉ số	Đơn vị	Tiêu chuẩn/Khung Tham chiếu
			G-7-3	Tổng giá trị tiền tệ của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và quy định về môi trường	VND	GRI 2-27 Compliance with laws and regulations https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12358&page=5
			G-7-4	Số lượng các biện pháp trừng phạt bằng tiền và phi tiền tệ đối với việc không tuân thủ luật pháp và quy định về môi trường	#	GRI 2-27 Compliance with laws and regulations https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12358&page=5
			G-7-5	Số vụ việc liên quan đến việc không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường được đưa ra thông qua các cơ chế giải quyết tranh chấp	#	GRI 2-27 Compliance with laws and regulations https://www.globalreporting.org/pdf.ashx?id=12358&page=5

Phụ lục B: Công cụ tài chính bền vững

Khi thị trường trưởng thành, các loại sản phẩm tài chính bền vững cũng sẽ tăng lên. Hình 31 minh họa các lại nguồn và công cụ tài chính bền vững hiện có trên thị trường. Trong kì vọng về rủi ro/lợi nhuận khác nhau phụ thuộc vào từng nhà đầu tư và tài sản, nhìn chung, chi tiêu công thường có lợi nhuận kì vọng thấp (hoặc âm), với mục tiêu cung cấp cơ sơ hạ tầng công cộng. Ngược lại, vốn cổ phần tư nhân kì vọng rủi ro/lợi nhuận cao từ khoản đầu tư ủa họ. Các nhà đầu tư ở thị trường trái phiếu và thị trường vốn công đang ở mức trung bình, đầu tư vào các công cụ như trái phiếu xanh hoặc vốn xanh với kì vọng về rủi ro/lợi nhuận tương đối trung bình[174].

Hình 35: Nguồn và công cụ về tài chính bền vững[175]

KHÔNG ĐẦY ĐỦ

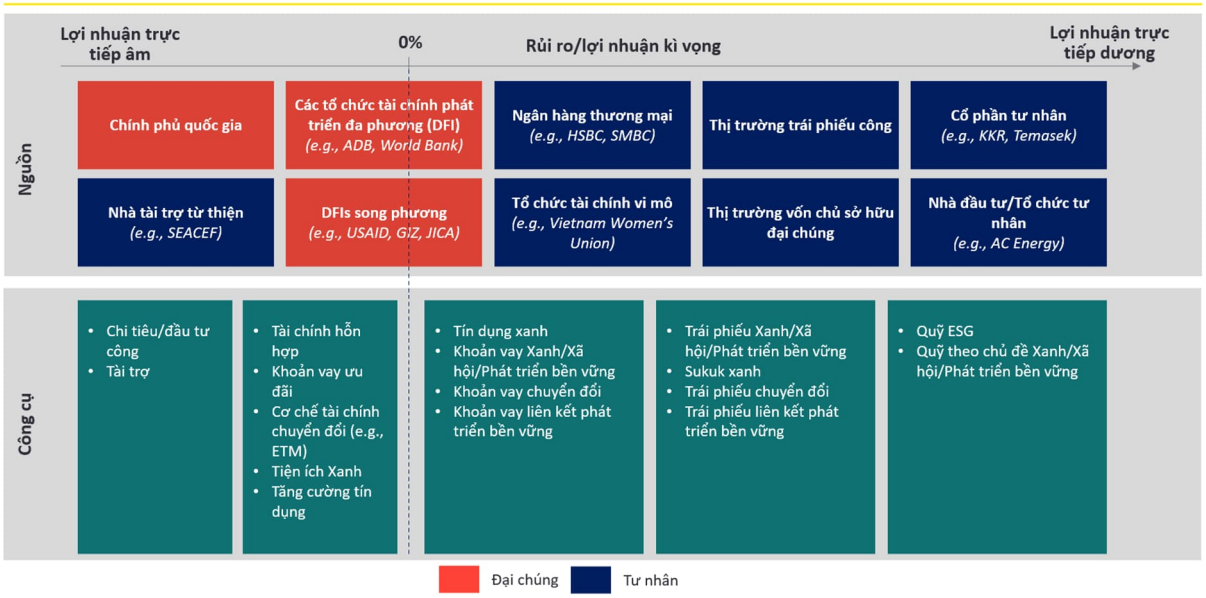

Bảng 36: Ví dụ về các kiểu công cụ tài chính bền vững

KHÔNG ĐẦY ĐỦ

Loại	Loại phụ	Mô tả
Tài trợ		Hỗ trợ tài chính từ chính phủ hoặc cơ quan phát triển mà không cần hoàn trả. Các công cụ khác của chính phủ có thể gồm có trợ cấp vốn, tài trợ tiêu dung, ưu đãi, hoặc thanh toán một lần.[176]
Tài chính ưu đãi		Nguồn tài chính thường được cung cấp bởi các ngân hàng phát triển song phương với lãi suất ưu đãi, thường là để hỗ trợ mục tiêu phát triển quốc gia. Tài chính ưu đãi có thể bao gồm các khoản tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật hoặc các khoản vay lãi suất thấp hơn thị trường.[177]
Tài chính hỗn hợp		Kết hợp của tài chính ưu đãi từ các nhà tài trợ hoặc bên thứ 3 với nguồn vồn DFI, và/hoặc nguồn tài chính thương

Loại	Loại phụ	Mô tả
		mại từ các nhà đầu tư khác, để xây dựng thị trường tư nhân, đóng góp cho Mục tiêu Phát triển Bền vững, và huy động vốn tư nhân.[178]
Bảo đảm		Bảo đảm cho phép các nhà tài trợ cải thiện hoặc giảm thiểu rủi ro của khoản đầu tư, bằng các chuyển đổi các ruỉ ro cụ thể cho người bảo đảm.[179,180] Bảo đảm có thể bao gồm toàn bộ hoặc một phần rủi ro hoặc tín dụng bảo đảm,thư tín dụng được bảo đảm, hoặc bảo đảm dựa trên chính sách
Khoản nợ[181]	Khoản vay/trái phiếu xanh	Nguồn vốn từ người cho vay (cho khoản vay) hoặc nhà đầu tư (cho trái phiếu) được cam kết cho các dự án về môi trường hoặc khí hậu, ví dụ như dự án về năng lượng tái tạo.
	Khoản vay/trái phiếu xã hội	Nguồn vốn từ người cho vay (cho khoản vay) hoặc nhà đầu tư (cho trái phiếu) được cam kết cho các dự án tác động xã hội, ví dụ như đào tạo việc làm cho người khuyết tật, xấy dựng cơ sở hạ tầng hoặc nhà ở cơ bản với giá cả vừa phải.
	Trái phiếu xanh bảo vệ biển & đại dương (Blue bonds)	Nguồn vốn từ các nhà đầu tư được cam kết cho các dự án về biển hoặc nước, ví dụ như nguồn vốn cho các hoạt động đánh bắt cá bền vững
	Khoản vay/trái phiếu chuyển đổi	Nguồn vốn từ người cho vay(cho khoản vay) hoặc nhà đầu tư (cho trái phiếu) được cam kết cho các dự án liên quan đến chuyển đổi khí hậu, ví dụ như nhà máy đồng phát điện hoặc kho lưu trữ các-bon.
	Khoản vay/trái phiếu phát triển bền vững	Nguồn vốn từ người cho vay(cho khoản vay) hoặc nhà đầu tư (cho trái phiếu) được cam kết cho các dự án tác động xã hội và xanh (như hiệu quả năng lượng, nhà ở giá rẻ).
	Khoản vay/trái phiếu liên kết phát triển bền vững	Mọi loại công cụ cho vay/trái phiếu mà trong đó các đặc điểm tài chính và/hoặc cấu trúc có thể khác nhau phụ thuộc vào việc tổ chức phát hành có đạt được các mục tiêu phát triển bền vững/ESG hay không.[182]
	Khoảng vay/trái phiếu giới tính	Nguồn vốn từ người cho vay(cho khoản vay) hoặc nhà đầu tư (cho trái phiếu) được cam kết cho tiêu chuẩn về giới tính cụ thể hoặc các sáng kiến được thiết kế để cải thiện hiệu suất về giới.
	Khác	Các sản phẩm tài chính bền vững khác gồm: • Sukuk xanh – Quỹ tuân thủ Shari'ah được cam kết với các dự án về môi trường hoặc khí hậu

Loại	Loại phụ	Mô tả
		• Trái phiếu đại dịch – Trái phiếu chuyên dụng hỗ trợ tái chính trong đại dịch
Vốn chủ sở hữu		Vốn chủ sở hữu đại diện cho cổ phần của các cổ đông trong một doanh nghiệp.[183] Các nhà đầu tư (như quỹ đầu tư, tập đoàn, công tư cổ phần tư nhân (PE), nhà đầu tư tổ chức, và cá nhân)[184] cung cấp vốn cho doanh nghiệp để có khả năng thu lợi nhuận và cổ tức. Các nhà đầu tư tổ chức đang tích hợp ESG như một phần của quá trình thẩm định và đưa ra quyết định, cả từ góc độ quản lý rủi ro và giá trị trong dài hạn.[185]

Phụ lục C: Yêu cầu để tiếp cận tài chính bền vững theo định chế cụ thể

Một số định chế tài chính nhất định, bao gồm các ngân hàng phát triển đa quốc gia (Multilateral Development banks), đã phát triển hướng dẫn của riêng họ dành cho các tập đoàn ứng tuyển nguồn tài chính bền vững. Bảng dưới đây đưa ra tổng quan cấp cao về các bên tài chính tuyển chọn đang hoạt động trên thị trường Việt Nam và những yêu cầu của họ:

Bảng 37: Yêu cầu để tiếp cận tài chính bền vững theo định chế cụ thể trên thị trường Việt Nam

NON-EXHAUSTIVE

Tên định chế	Loại hình	Yêu cầu để tiếp cận tài chính bền vững
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	Định chế tài chính phát triển đa quốc gia	Nếu một dự án được đề xuất có thể mang tác động và rủi ro môi trường, ADB yêu cầu bên vay/khách hàng thực hiện đánh giá bảo đảm môi trường và xã hội. [186] Đánh giá môi trường bao gồm một chuỗi báo cáo suốt vòng đời dự án, và có thể có: [187] • Kiểm tra Môi trường ban đầu • Đánh giá Tác động Môi trường • Báo cáo Theo dõi Môi trường và Xã hội • Báo cáo Tuân thủ Kiểm toán Môi trường và Xã hội
Tập đoàn Tài chính Quốc tế (IFC)	Định chế tài chính phát triển đa quốc gia	Các dự án phải tuân thủ theo Tiêu chuẩn Công tác IFC[188], bao gồm các tiêu chí về[189]: • Đánh giá và quản lý rủi ro và tác động môi trường, xã hội (PS1) • Điều kiện lao động và làm việc (PS2) • Hiệu quả tài nguyên và ngăn chặn ô nhiễm (PS3) • Sức khỏe, an toàn và an ninh cộng đồng (PS4) • Thu mua đất và đền bù không tình nguyện (PS5) • Bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên (PS6) • Người bản địa (PS7) • Di sản văn hóa (PS8)
Cục Hợp tác Quốc tế Nhật Bản/ Tập đoàn Ngân hàng Sumitomo Mitsui	Định chế tài chính phát triển liên quốc gia/ Ngân hàng thương mại	Năm 2021, JICA và SMBC hợp tác cho ra mắt Khung Tài chính bền vững. Khung này tuân thủ các tiêu chuẩn toàn cầu như Nguyên tắc Trái phiếu xanh, xã hội và bền vững của ICMA, Nguyên tắc Khoản vay xanh và bền vững của LMA.[190]
HSBC	Ngân hàng thương mại	Chương trình Khoản vay Xanh của HSBC hỗ trợ các doanh nghiệp và dự án đáp ứng điều kiện hoàn thành các mục tiêu liên quan đến lợi ích môi trường và phát triển bền vững. [191] Các dự án cần phải đáp ứng tiêu chí để được thông qua – chẳng hạn vào năm 2022, HSBC đã khởi động Khoản vay Xanh cho Vingroup và công ty con

Tên định chế	Loại hình	Yêu cầu để tiếp cận tài chính bền vững
		của tập đoàn theo Nguyên tắc Khoản vay Xanh của LMA.[192]
KKR	Quỹ đầu tư tư nhân	Quỹ KKR có chính sách Đầu tư Trách nhiệm[193] tích hợp cân nhắc phát triển bền vững vào quy trình đầu tư thông qua: Trong giai đoạn trước khi đầu tư: • Rà soát các "Vấn đề Then chốt (một danh mục các hoạt động, vận hành và ngành công nghiệp mang đến rủi ro quan trọng trong phát triển bền vững, địa chính trị hoặc danh tiếng. • Đánh giá rủi ro phát triển bền vững cụ thể ngành hoặc tài sản, ghi chép kết quả đánh giá về rủi ro và cơ hội. • Trong gia đoạn sau khi đầu tư: • Theo dõi các xem xét về phát triển bền vững thường xuyên và tương tác với doanh nghiệp về kiến tạo giá trị và giảm nhẹ rủi ro khi cần thiết. • Ghi chép kết quả và theo dõi tiến độ và rủi ro tiềm tàng thường xuyên.
Temasek	Quỹ đầu tư tư nhân	Quỹ Temasek áp dụng khung đánh giá phát triển bền vững cho các khoản đầu tư. Việc này bao gồm thực hiện thẩm định các vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội và tối đa hóa kết quả tích cực.[194]

Các nhà đầu tư đã bắt đầu tích hợp Bình đẳng giới và Hòa hợp xã hội (Gender Equality and Social Inclusion (GESI) vào chiến lược và quyết định tài chính của họ. Khảo sát 17 định chế tài chính phát triển (Development Financial Institutions) đầu tư vào lĩnh vực tư nhân cho thấy hầu hết câu trả lời có chiến lược đầu tư hướng tới bình đẳng giới. Hầu hết đều có chuyên gia về giới trong các nhóm thẩm định giao dịch và cung cấp tập huấn về giới cho các đối tác đầu tư. Hơn nửa dữ liệu thu thập được chia theo giới và được sử dụng để thông tin cho các khoản đầu tư trong tương lai.[195]

Hộp 26: Tích hợp Bình đẳng giới và Hòa hợp xã hội vào tài chính bền vững

Một số định chế tài chính phát triển và chương trình hỗ trợ phát triển nhất định đang hoạt động ở Việt Nam cũng tích hợp Bình đẳng giới và Hòa hợp xã hội vào tài chính bền vững, chẳng hạn như:

- Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB cam kết với các mục tiêu 75% vận hành hỗ trợ chiến đổi khí hậu và 75% vận hành trên cơ sở công bằng giới hoặc bình đẳng giới vào 2030. ADB cũng tích hợp GESI vào thiết kế dự án khí hậu để đảm bảo rằng phụ nữ, người nghèo, người dễ bị tổn thương sẽ hưởng lợi từ các dự án khí hậu.[196]
- Bên cạnh chiến lược giới và kế hoạch triển khai chiến lược giới nội bộ của Tập đoàn Ngân hàng thế giới, IFC đã thiết lập các KPI của tập đoàn thể theo rà soát "Gender Flag" cho các dự án tiềm năng tập trung vào giới. Tiêu chí cho các dự án tập trung vào giới bao gồm phân tích khoảng cách giới, can thiệp cụ thể về giới để giảm khoảng cách đã nhận dạng và khớp chỉ số tách biệt về giới vào khung kết quả.[197] IFC có một số chương trình hướng tới hòa nhập kia tế cho các nhóm ngoài lề, củng cố nâng cao các doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ sở hữu và lãnh đạo, đồng thời kinh doanh hòa hợp.[198]

Từ 2021-2025, các chương trình Tài chính Khí hậu Quốc tế của Vương quốc Anh sẽ nhằm tăng tham vọng Bình đẳng giới và Hòa hợp xã hội, bao gồm cam kết với chính sách bình đẳng giới trong các danh mục đầu tư. Chương trình kì vọng biểu hiện của các cân nhắc về Bình đẳng giới và Hòa hợp xã hội trong phương án, thiết kế và các bước triển khai dự án.[199]

Phụ lục D: Tổng quan về các tiêu chuẩn và khung báo cáo phát triển bền vững phổ biến ở quốc tế

Bảng 38: Tổng quan về các tiêu chuẩn và khung báo cáo phát triển bền vững phổ biến ở quốc tế

Tiêu chuẩn/Khung	Mục đích	Cấu phần chính	Độc giả mục tiêu
ISSB	Cung cấp đường cơ sở toàn diện cho công bố thông tin phát triển bền vững doanh nghiệp mà cần đưa kèm các báo cáo tài chính.	• Các yêu cầu về công bố thông tin cho phép doanh nghiệp giao tiếp với nhà đầu tư về rủi ro và cơ hội phát triển bền vững, bao gồm khí hậu. • Xây dựng dựa trên các sáng kiến trọng tâm là phía nhà đầu tư như CDSB, TCFD, IIRC và SASB.	Nhà đầu tư, bên cho vay và các bên tín dụng khác.
EU ESRS	Cung cấp thông tin phát triển bền vững cho nhà đầu tư để hiểu về tác dộng phát triển bền vững của doanh nghiệp được đầu tư.	• Tính trọng yếu hai chiều (VD. Doanh nghiệp báo cáo về tác động của họ tới môi trường, xã hội và ngược lại). • Tương quan cao với ISSB và GRI.	Nhà đầu tư, bên cho vay, bên tín dụng và các bên sử dụng khác (VD. khách hàng, tổ chức cộng đồng).
SASB	Nhận dạng những yếu tố phát triển bền vững có khả năng cao tác động trọng yếu đến điều kiện tài chính và hiệu suất vận hành của doanh nghiệp.[110]	Bộ các tiêu chuẩn dựa trên ngành cụ thể để giúp doanh nghiệp nhận dạng rủi ro, cơ hội phát triển bền vững và chỉ tiêu sử dụng trong công bố thông tin.	Nhà đầu tư.
GRI	Giao tiếp về tác động của các doanh nghiệp trên các chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững đến nhiều bên liên quan khác nhau.	• Bao trùm khối lượng lớn các chủ đề phát triển bền vững. • Bao gồm các tiêu chuẩn quốc tế và cụ thể theo ngành. • Có thể kết hợp được với IIRC, CDP và SASB.	Khối lượng lớn các nhóm bên liên quan.

Tiêu chuẩn/Khung	Mục đích	Cấu phần chính	Độc giả mục tiêu
TCFD	Cung cấp khuyến nghị cho doanh nghiệp để công bố thông tin về rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu.	Bao gồm 4 nhóm khuyến nghị - quản trị, chiến lược, quản trị rủi ro, chỉ tiêu và mục tiêu.	Nhà đầu tư, bên tư vấn bảo hiểm, bên cho vay.
CDP	Cung cấp hệ thống cho doanh nghiệp công bố thông tin về rủi ro và cơ hội với biến đổi khí hậu, nạn tàn phá rừng và an ninh nước. [114]	• Một bảng câu hỏi cho phép doanh nghiệp công bố thông tin qua phản hồi yêu cầu của nhà đầu tư hoặc khách hàng. • Tương quan với TCFD.	Nhà đầu tư, khách hàng, các nhóm bên liên quan.
IIRC	Giao tiếp về các nhân tố ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng kiến tạo giá trị của doanh nghiệp theo thời gian. [117]	• Tập trung vào tài nguyên và mối quan hệ mà doanh nghiệp sử dụng hoặc tác động để kiến tạo, bảo tồn hoặc khai thác giá trị từ ngắn hạn đến dài hạn.	Nhà đầu tư.
UN SDGs	Kêu gọi hành động để chấm dứt đói nghèo, bảo vệ Trái Đất, đảm bảo hòa bình và thịnh vượng vào năm 2030 qua 17 mục tiêu. [119]	• Nhiều tài nguyên khác nhau để hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện kinh doanh và đầu tư có trách nhiệm để triển khai các Mục tiêu Phát triển bền vững.	Các cơ quan chính phủ và thiết lập chính sách.

Phụ lục E: Nghiên cứu tình huống – Tiêu chuẩn báo cáo và các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs)

Bằng chứng cho thấy rằng biến đổi khí hậu là một trong những mối đe dọa lớn nhất đối với phát triển bền vững, với những tác động cực kỳ lớn vào các nhóm yếu thế (ví dụ: các cộng đồng nghèo nhất, phụ nữ, trẻ em gái, người da màu)

Hành động về khí hậu và SDGs cũng có thể dẫn dắt sự phối hợp và đồng lợi ích (ví dụ: các hoạt động với mục đích cắt giảm khí nhà kính có thể tạo ra các lợi ích xã hội tích cực).[200, 201] Công ty thể hiện được sự phối hợp này trong các hoạt động kinh doanh có thể truyền đạt tốt hơn tác động xã hội của họ tới các bên liên quan.

Một số tiêu chuẩn và khung (như GRI,SASB, và CDP) xác nhận mối liên kết lẫn nhau giữa hoạt động kinh doanh của công ty và chương trình phát triển bền vững và cung cấp hướng dẫn cho việc tích hợp SDG vào báo cáo công ty.[202] Bảng 39 bao gồm ví dụ của việc liên kết chọn lọc các tiêu chuẩn báo cáo về phát triển bền vững theo SDGs, đặc biệt là các tiêu chuẩn ủng hộ bình đẳng giới và giảm bất bình đẳng (SDGs 5 & 10). [203]

KHÔNG ĐẦY ĐỦ

Bảng 39: Liên kết các Mục tiêu SDG chọn lọc phù hợp với GESI theo GRI,SASB & CDP[204]

SDG	Liên kết theo Báo cáo Công bố
 Bình đẳng Giới	GRI: Lương cơ bản và đãi ngộ của phụ nữ so với nam giới theo loại công việc; nhân viên mới được tuyển dụng theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực; trung bình số giờ đào tạo được thực hiện theo giới tính SASB: Tuyển Dụng, Hòa nhập & Hiệu suất Nhân viên; Đa dạng và Hòa nhập trong Lực lượng Lao động
 Giảm Bất bình đẳng	GRI: Tích hợp bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ vào chiến lược kinh doanh; tương tác với các bên liên quan và quản lý các mỗi quan tâm của bên liên quan về thuế SASB: Thực thi Lao động, Tác động Môi trường & Xã hội của Chuỗi Cung ứng; Quản lý Rủi ro Hệ thống

Đến Tháng 9 năm 2023, Tiêu chuẩn IFRS của ISSB, bao gồm các tiêu chuẩn SASB, Khung <IR> và khuyến nghị TCFD (xem Hình 13), vẫn chưa đưa ra hướng dẫn về việc liên kết với SDGs.

Phụ lục F: Các yêu cầu chung về công bố thông tin tham chiếu với các tiêu chuẩn và khung công bố Quốc tế

Bảng 40: Quản trị - Các yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững

#	Yêu cầu chung về nội dung công bố	Tiêu chuẩn/Khung tham chiếu	Chỉ số/xếp hạng về phát triển bền vững tham chiếu
1	Hội đồng Giám sát		
	Vai trò và trách nhiệm của quản trị, cấu trúc và thành phần	GRI, IIRC, ESRS, ISSB	-
	Giám sát của Hội đồng (hoặc ủy ban hoặc chủ thể tương đương) về các vấn đề phát triển bền vững	TCFD, ISSB, CDP, WEF, SASB, ESRS	MSCI
	Chất lượng của cơ quan quản trị	WEF, ISSB	-
	Tương tác với các bên liên quan	GRI, WEF	-
	Đạo đức kinh doanh	SASB, UN SDGs	MSCI
	Hành vi cạnh tranh	SASB, UN SDGs	-
	Mâu thuẫn về lợi ích	GRI	-
2	Vai trò của quản lý trong quy trình quản trị, biện pháp kiểm soát và thủ tục được sử dụng để theo dõi, quản lý và giám sát các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững	GRI, TCFD, ISSB, CDP, WEF, IIRC, ESRS	MSCI
3	Phương án khuyến khích	GRI, CDP, IIRC, ESRS	MSCI

Bảng 41: Chiến lược - Các yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững

	Yêu cầu Chung về Nội dung Công bố	Tiêu chuẩn/Khung tham chiếu
1	Vị thế thị trường, chiến lược, (các) mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị	ESRS, ISSB
2	Lợi ích và quan điểm của các bên liên quan	ESRS
3	Tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu và tương tác của chúng đối với chiến lược và (các) mô hình kinh doanh	
	Mô tả về rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và liên kết	TCFD, ISSB, ESRS, CDP, IIRC

	Yêu cầu Chung về Nội dung Công bố	Tiêu chuẩn/Khung tham chiếu
	của chúng với việc lập kế hoạch trong phát triển chiến lược	
	Ảnh hưởng đến mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị	TCFD, ISSB, ESRS
	Ảnh hưởng đến chiến lược và việc đưa ra quyết định	TCFD, ISSB, ESRS
	Ảnh hưởng đến hiệu quả và lập kế hoạch tài chính	TCFD, ISSB, ESRS
	Khả năng thích ứng của chiến lược đối với các rủi ro liên quan đến phát triển bền vững	TCFD, ISSB

Bảng 42: Quản trị rủi ro - Các yêu cầu chung về công bố thông tin liên quan đến phát triển bền vững

#	Các Chủ đề Chung liên quan đến Công bố thông tin về Quản lý rủi ro	Tiêu chuẩn/Khung tham chiếu
1	Mô tả về các quy trình và chính sách liên quan mà doanh nghiệp sử dụng để nhận dạng, đánh giá, ưu tiên và theo dõi các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững	TCFD, ISSB, CDP, ESRS
2	Mô tả mức độ tích hợp của các quy trình quản lý rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững vào quy trình quản lý rủi ro toàn diện của doanh nghiệp	TCFD, ISSB

Bảng 43: Khuyến nghị chung về công bố thông tin về các chỉ tiêu và mục tiêu

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Các Chủ đề chung về Công bố thông tin liên quan đến môi trường và xã hội	Tiêu chuẩn/Khung tham chiếu	Xếp hạng/chỉ số về phát triển bền vững tham chiếu
Về môi trường	1	Chất lượng không khí	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, S&P, Moody's, Sustainalytics
	2	Quản lý nguồn nước và nước thải	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, S&P, Moody's, Sustainalytics
	3	Tác động đa dạng sinh học và sinh thái	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, S&P, Sustainalytics
	4	Quản lý chất thải và nguyên vật liệu nguy hại	GRI, WEF, SASB	MSCI, S&P, Moody's, Sustainalytics

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Các Chủ đề chung về Công bố thông tin liên quan đến môi trường và xã hội	Tiêu chuẩn/Khung tham chiếu	Xếp hạng/chỉ số về phát triển bền vững tham chiếu
	5	Phát thải khí nhà kính	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, S&P, Moody's, Sustainalytics
	6	Quản lý năng lượng	GRI, SASB, ESRS	MSCI
	7	Khả năng thích ứng, phục hồi, chuyển đổi với biến đổi khí hậu	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, S&P
	8	Nguồn cung ứng và sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu	GRI, SASB	-
Về xã hội	1	Nhân quyền và quan hệ cộng đồng	GRI, WEF, SASB, ESRS	Sustainalytics
	2	Quyền riêng tư của khách hàng	GRI, SASB, ESRS	MSCI, Sustainalytics
	3	Bảo mật dữ liệu	GRI, SASB, ESRS	MSCI, Sustainalytics
	4	Khả năng tiếp cận và chi trả	SASB, ESRS	-
	5	Chất lượng và an toàn sản phẩm	GRI, SASB, ESRS	MSCI, Sustainalytics
	6	Phúc lợi khách hàng	SASB, ESRS	-
	7	Thực tiễn bán hàng & Dán nhãn sản phẩm	GRI, SASB, ESRS	-
	8	Thực tiễn Lao động	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, Sustainalytics
	9	Sức khỏe và an toàn Nhân viên	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, Sustainalytics
	10	Sự gắn kết, đa dạng và hòa nhập của nhân viên	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, Sustainalytics
Quản trị	1	Quản lý thiết kế và vòng đời sản phẩm	SASB, WEF	-
	2	Khả năng phục hồi của mô hình kinh doanh	SASB	-
	3	Quản lý Chuỗi cung ứng	GRI, SASB, ESRS	-
	4	Tác động Vật lý của Biến đổi khí hậu	SASB	-

Chủ đề Phát triển bền vững	#	Các Chủ đề chung về Công bố thông tin liên quan đến môi trường và xã hội	Tiêu chuẩn/Khung tham chiếu	Xếp hạng/chỉ số về phát triển bền vững tham chiếu
	5	Đạo đức kinh doanh	GRI, WEF, SASB, ESRS	MSCI, S&P, Sustainalytics
	6	Hành vi cạnh tranh	GRI, SASB	-
	7	Quản lý về pháp lý và quy định về môi trường	GRI, SASB, ESRS	MSCI, Moody's
	8	Quản lý rủi ro sự cố nghiêm trọng	GRI, SASB	-
	9	Quản lý rủi ro hệ thống	SASB, WEF	Moody's

Phụ lục G: Ví dụ về thực thi báo cáo tốt

Doanh nghiệp	Quốc gia hoạt động	Ngành	Hộp #	Tiêu đề tham chiếu	Mục tương ứng
Vinamilk	Việt Nam	Thực phẩm	27	Báo cáo phát triển bền vững 2022	Tuyên bố tuân thủ các khung và tiêu chuẩn báo cáo được quốc tế công nhận
Công ty trách nhiệm hữu hạn Dầu khí Anh (BP PLC)	Anh, Mỹ, Canada, Úc,Trung Quốc ...	Dầu khí	28	Trung tâm Báo cáo	Tuyên bố tuân thủ các khung và tiêu chuẩn báo cáo được quốc tế công nhận
Novaland	Việt Nam	Xây dựng và Bất động sản	29	Báo cáo Phát triển bền vững 2021	Phạm vi và giới hạn báo cáo
Philip Morris International (PMI)	Toàn cầu	Thuốc lá	30	Báo cáo Trọng yếu về Phát triển bền vững 2021	Đánh giá Chủ đề trọng yếu
			31	Báo cáo Tích hợp 2021	Đánh giá Chủ đề trọng yếu
Johnson Matthey	Anh, Đức, Mỹ,Mexico ...	Hóa chất	32, 33	Báo cáo thường niên và báo cáo kế toán năm 2022	Quản trị
DSM	Mỹ, Úc ...	Sức khỏe và dinh dưỡng	34	Báo cáo thường niên 2018	Quản trị
SAP	Toàn cầu	Công nghệ	35, 36	Báo cáo tích hợp 2022	Chiến lược
Societe Generale	Pháp	Ngân hàng	37	Báo cáo Công bố thông tin liên quan đến Khí hậu 2019	Chiến lược
			40, 41	Báo cáo Công bố thông tin liên quan đến Khí hậu 2021	Quản trị rủi ro
Aurizon	Úc	Vận tải	38	Báo cáo phát triển bền vững 2023	Chiến lược
Lendlease	Úc	Xây dựng và bất động sản	39	Báo cáo thường niên 2023	Chiến lược
SSAB	Thụy Điển, Phần Lan, Mỹ	Vật liệu xây dựng	42, 43	Báo cáo thường niên 2017	Chỉ tiêu và Mục tiêu
NatWest Group	Anh	Ngân hàng	44	Cơ sở Báo cáo 2022	Cơ sở Báo cáo

1. Tuyên bố về tuân thủ với các tiêu chuẩn và khung báo cáo đã được quốc tế công nhận

Hộp 27: Nội dung xác nhận tuân thủ các tiêu chuẩn báo cáo toàn cầu và đảm bảo độc lập có giới hạn trong Báo cáo Phát triển bền Vững của Vinamilk [205]

Ngành: Thực phẩm

Mục nguyên tắc lập Báo cáo nêu rõ các chuẩn mực quốc tế và trong nước được sử dụng để tham chiếu khi chuẩn bị báo .

Ngoài ra, còn có một mục riêng giải thích phạm vi đảm bảo có giới hạn.

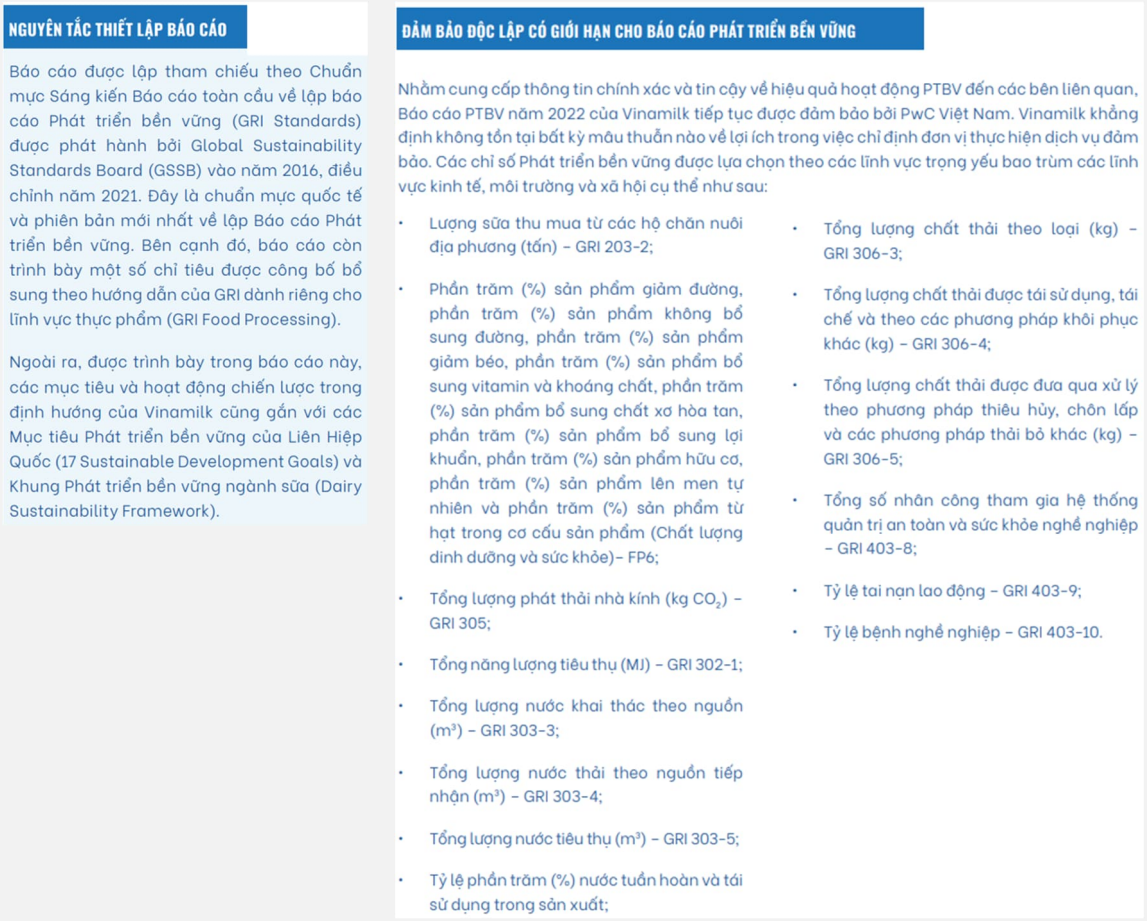

NGUYÊN TẮC THIẾT LẬP BÁO CÁO

Báo cáo được lập tham chiếu theo Chuẩn mực Sáng kiến Báo cáo toàn cầu về lập báo cáo Phát triển bền vững (GRI Standards) được phát hành bởi Global Sustainability Standards Board (GSSB) vào năm 2016, điều chỉnh năm 2021. Đây là chuẩn mực quốc tế và phiên bản mới nhất về lập Báo cáo Phát triển bền vững. Bên cạnh đó, báo cáo còn trình bày một số chỉ tiêu được công bố bổ sung theo hướng dẫn của GRI dành riêng cho lĩnh vực thực phẩm (GRI Food Processing).

Ngoài ra, được trình bày trong báo cáo này, các mục tiêu và hoạt động chiến lược trong định hướng của Vinamilk cũng gắn với các Mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (17 Sustainable Development Goals) và Khung Phát triển bền vững ngành sữa (Dairy Sustainability Framework).

ĐẢM BẢO ĐỘC LẬP CÓ GIỚI HẠN CHO BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhằm cung cấp thông tin chính xác và tin cậy về hiệu quả hoạt động PTBV đến các bên liên quan, Báo cáo PTBV năm 2022 của Vinamilk tiếp tục được đảm bảo bởi PwC Việt Nam. Vinamilk khẳng định không tồn tại bất kỳ mâu thuẫn nào về lợi ích trong việc chỉ định đơn vị thực hiện dịch vụ đảm bảo. Các chỉ số Phát triển bền vững được lựa chọn theo các lĩnh vực trọng yếu bao trùm các lĩnh vực kinh tế, môi trường và xã hội cụ thể như sau:

- Lượng sữa thu mua từ các hộ chăn nuôi địa phương (tấn) – GRI 203-2;
- Phần trăm (%) sản phẩm giảm đường, phần trăm (%) sản phẩm không bổ sung đường, phần trăm (%) sản phẩm giảm béo, phần trăm (%) sản phẩm bổ sung vitamin và khoáng chất, phần trăm (%) sản phẩm bổ sung chất xơ hòa tan, phần trăm (%) sản phẩm bổ sung lợi khuẩn, phần trăm (%) sản phẩm hữu cơ, phần trăm (%) sản phẩm lên men tự nhiên và phần trăm (%) sản phẩm từ hạt trong cơ cấu sản phẩm (Chất lượng dinh dưỡng và sức khỏe)– FP6;
- Tổng lượng phát thải nhà kính (kg CO_2) – GRI 305;
- Tổng năng lượng tiêu thụ (MJ) – GRI 302-1;
- Tổng lượng nước khai thác theo nguồn (m^3) – GRI 303-3;
- Tổng lượng nước thải theo nguồn tiếp nhận (m^3) – GRI 303-4;
- Tổng lượng nước tiêu thụ (m^3) – GRI 303-5;
- Tỷ lệ phần trăm (%) nước tuần hoàn và tái sử dụng trong sản xuất;
- Tổng lượng chất thải theo loại (kg) – GRI 306-3;
- Tổng lượng chất thải được tái sử dụng, tái chế và theo các phương pháp khôi phục khác (kg) – GRI 306-4;
- Tổng lượng chất thải được đưa qua xử lý theo phương pháp thiêu hủy, chôn lấp và các phương pháp thải bỏ khác (kg) – GRI 306-5;
- Tổng số nhân công tham gia hệ thống quản trị an toàn và sức khỏe nghề nghiệp – GRI 403-8;
- Tỷ lệ tai nạn lao động – GRI 403-9;
- Tỷ lệ bệnh nghề nghiệp – GRI 403-10.

Hộp 28: Chi tiết các khung và tiêu chuẩn mà BP PLC đã áp dụng trong báo cáo và thông tin của từng khung và tiêu chuẩn được áp dụng.[206]

Ngành: Dầu khí

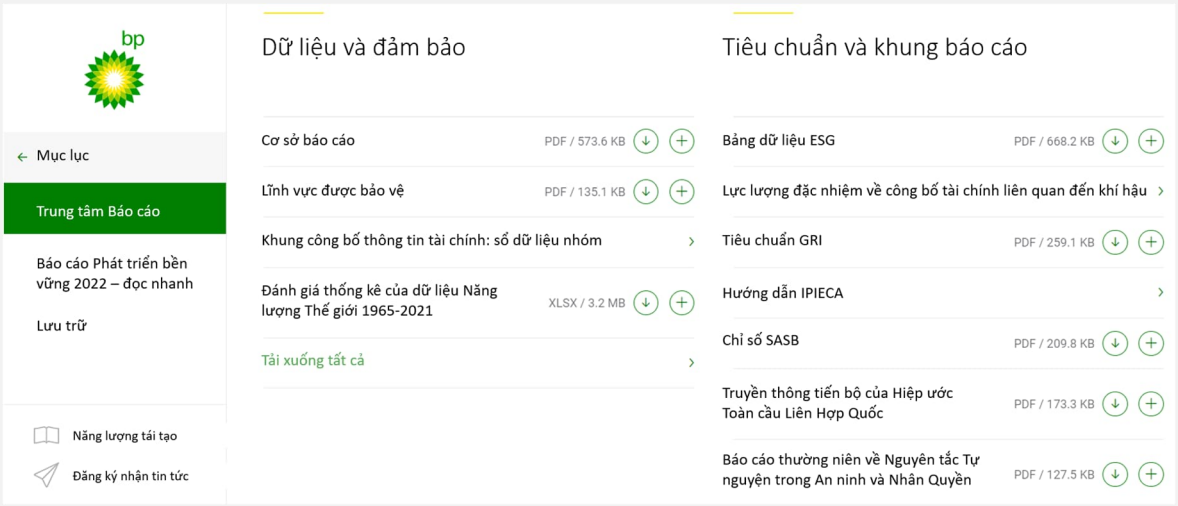

2. Phạm vi báo cáo

Hộp 29: Phạm vi báo cáo phát triển bền vững năm 2021 của Tập đoàn Novaland[207]

Ngành: Xây dựng và Bất động sản

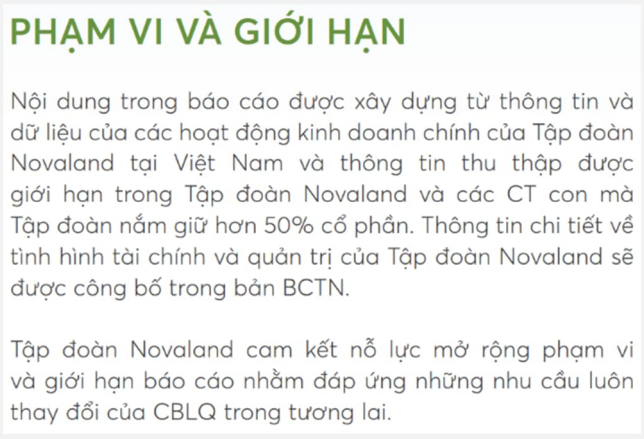

Tập đoàn Novaland công bố sử dụng phương pháp Kiểm soát vận hành để xác định ranh giới báo cáo. Phương pháp này yêu cầu báo cáo từ các hoạt động vận hành mà doanh nghiệp hay một trong các công ty con của doanh nghiệp có quyền kiểm soát vận hành tại thị trường mà doanh nghiệp hoạt động chủ yếu, cụ thể là Việt Nam.

Tập đoàn cũng cam kết sẽ mở rộng phạm vi báo cáo trong tương lai để đáp ứng kì vọng của các bên liên quan.

3. Đánh giá chủ đề trọng yếu

3.1. Mô tả quá trình xây dựng danh mục các chủ đề trọng yếu liên quan phát triển bền vững

Hộp 30: Những vấn đề phát triển bền vững chủ chốt của Phillip Morris International (PMI) vào năm 2021 được xác định thông qua đánh giá chủ đề trọng yếu[208]

Ngành: Thuốc lá

PMI cung cấp phần mô tả toàn diện về 5 bước trong quy trình đánh giá chủ đề trọng yếu. Doanh nghiệp này bắt đầu từ bước 1 với một danh mục dài các chủ đề phát triển bền vững được rút ra từ các nghiên cứu dữ liệu nội bộ, sau đó đi từng bước trong quá trình xác định chủ đề trọng yếu.

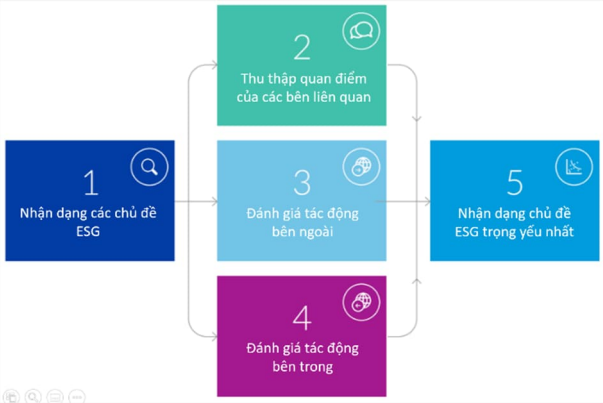

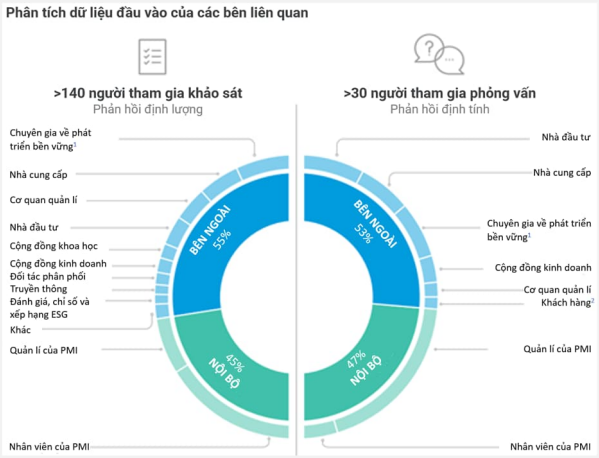

Trong bước 2 – PMI đưa ra các phương pháp thu thập ý kiến định tính và định lượng của các bên liên quan như khảo sát và phỏng vấn. Các phản hồi và hiểu biết được tổng hợp vào một bảng xếp hạng tổng quát các chủ đề phát triển bền vững để so sánh.

Trong bước 3 và 4, PMI công bố các phân tích của họ trong việc tìm hiểu những chủ đề mà PMI có thể có tác động lớn nhất ở cả bên trong và bên ngoài (trong chuỗi giá trị).

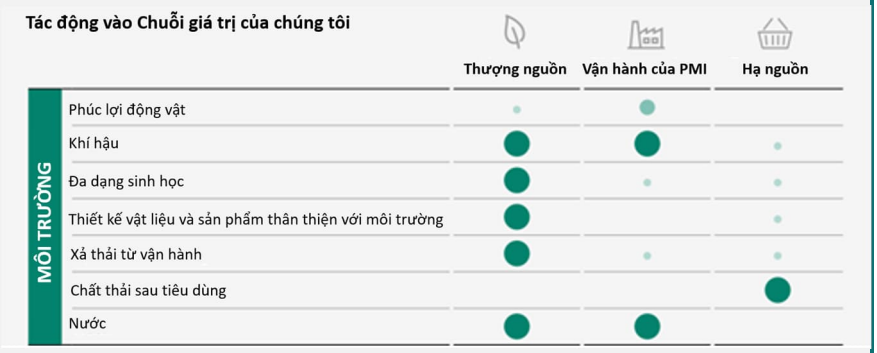

Cuối cùng, trong Bước 5, PMI công bố ma trận tính trọng yếu được áp dụng trong quá trình xác định các chủ đề trọng yếu quan trọng nhất cho năm báo cáo này.

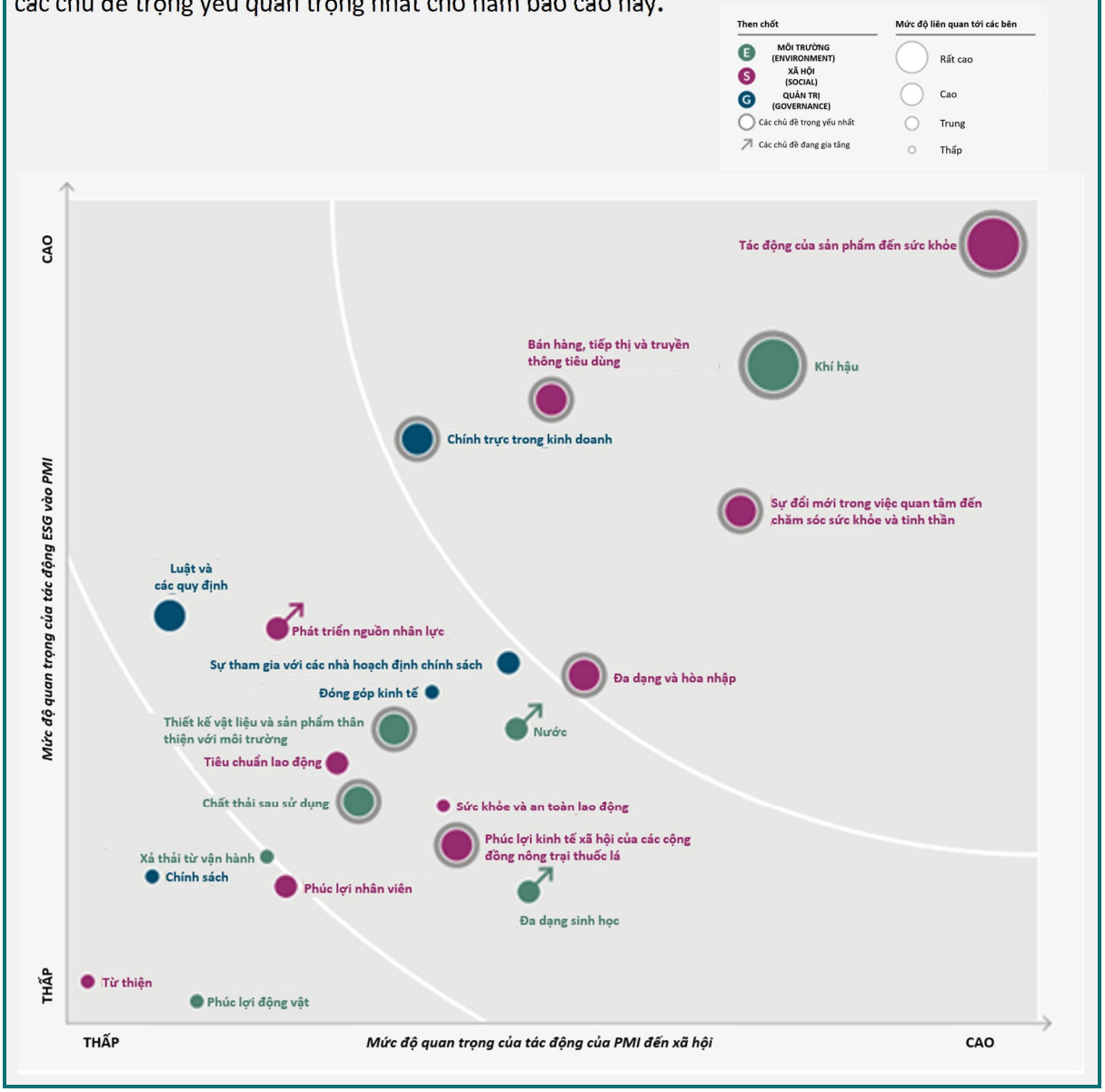

3.2. Mô tả quy trình hiện hành trong quản lý các chủ đề phát triển bền vững

Hộp 31: Biện pháp quản lý các chủ đề trọng yếu được nhận dạng năm 2021 của PMI[209]

Ngành: Thuốc lá

Sau khi PMI đã xác định được các chủ đề phát triển bền vững trọng yếu, các chủ đề này sẽ được sử dụng để rà soát chiến lược phát triển bền vững của họ.

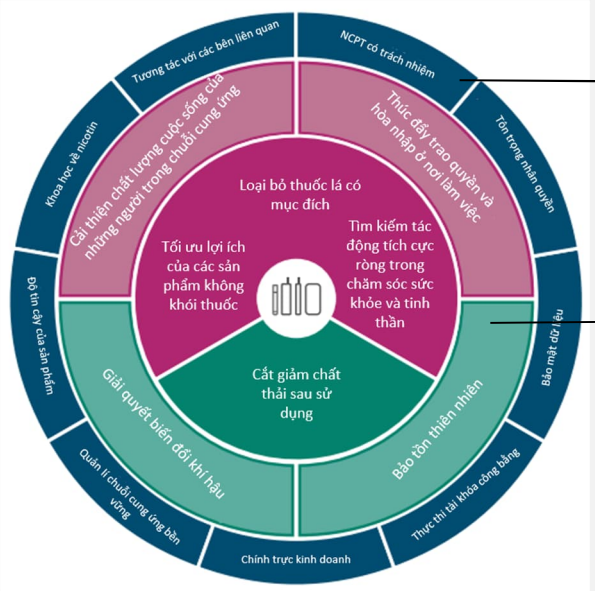

Vòng ngoài: 8 chủ đề trọng yếu trong phát triển bền vững đã được xác định.

Các vòng trong: Phương án xử lý các tác động về phát triển bền vững của PMI.

Doanh nghiệp này cũng công bố tham vọng và mục tiêu của họ theo chiến lược đã điều chỉnh, được sử dụng như một công cụ để theo dõi tiến độ và đánh giá hiệu quả của phương án chiến lược. Bảng dưới đây trích một số mục tiêu và chỉ tiêu cho các tác động của sản phẩm PMI.

	Mục tiêu	Chủ đề ESG ưu tiên và SDGs chính
Loại bỏ thuốc là có mục đích	1 Chủ động hướng tới việc loại bỏ thuốc lá bằng cách đảm bảo các sản phẩm không khói chiếm ít nhất 30% khối lượng vận chuyển và hơn một nửa doanh thu ròng của chúng tôi vào 2025 trong khi tiếp tục cắt giảm lượng hàng vận chuyển dễ cháy	Tác động sản phẩm đến sức khỏe
Tối ưu hóa lợi ích của các sản phẩm không khói	2 Phát triển và thương mại hóa các sản phẩm không khói thuốc thay thế dựa trên cơ sở khoa học và cung cấp chúng ở 100 thị trường (trong đó ít nhất một nửa của thị trường thu nhập trung và thấp) và tiếp tục tăng tổng số lượng người dùng 3 Triển khai mạnh mẽ các chương trình ngăn chặn thanh thiếu niên tiếp cận trong các kênh bán lẻ gián tiếp và đảm bảo doanh số tuân thủ Quy tắc Tiếp thị	Tác động sản phẩm đến sức khỏe; Bán hàng, Tiếp thị, và truyền thông tiêu dùng
Tìm kiếm tác động tích cực ròng đến chăm sóc sức khỏe và tinh thần	4 Tận dụng năng lực khoa học và phát triển để tạo ra ít nhất 1 tỉ đô la Mỹ trong doanh thu ròng hang năm từ các sản phẩm về chăm sóc sức khỏe và tinh thần	Đổi mới trong chăm sóc sức khỏe và tinh thần
Cắt giảm chất thải sau sử dụng	5 Cắt giảm chất thải sau sử dụng và ngăn chặn xả rác bằng cách thực hiện các chương trình toàn diện đối với tất cả hàng tiêu dùng của chúng tôi 6 Tuân thủ các nguyên tắc thiết kế xanh và tuần hoàn cho tất cả các thiết bị điện tử không khói thuốc	Nguyên liệu và sản phẩm thiết kế xanh; Chất thải sau sử dụng

	Các chỉ số hiệu quả then chốt	2021 Kết quả	2025 Mục tiêu
	1 Tỉ lệ vận chuyển sản phẩm không khói thuốc (Không khói thuốc/Tổng)	12.8%	>30%
	2 Tỉ lệ doanh thu ròng của sản phẩm không khói thuốc đã điều chỉnh (Không khói thuốc/Tổng)	29.1%	>50%
	3 Số lượng thị trường các sản phẩm không khói thuốc của PMI sẵn sàng để bán	71	100
	4 Phần trăm thị trường các sản phẩm không khói thuốc của PMI sẵn sàng để bán là thị trường có thu nhập trung và thấp	43%	>50%
	5 Tổng số người dùng các sản phẩm không khói thuốc của PMI (triệu người)	21.7	
	6 Phần trăm khối lượng vận chuyển bao trùm bởi thị trường với các chương trình ngăn chặn giới trẻ tiếp cận tại các kênh bán lẻ gián tiếp	91%	>90%
	7 Doanh thu ròng năm từ các sản phẩm chăm sóc sức khỏe và tinh thần (tỉ Đô-la Mỹ)	0.1	≥1
	8 Phần trăm khối lượng vận chuyển bao trùm bởi thị trường với các chương trình chống xả rác dành cho thuốc lá dễ cháy	n/a	≥80%
	9 Phần trăm khối lượng vận chuyển bao trùm bởi thị trường với các chương trình thu hồi cuối vòng đời sản phẩm cho hàng tiêu dùng không khói	9 thí điểm	≥80%
	10 Phần trăm thiết bị không khói thuốc của PMI với chứng nhận thiết kế xanh	n/a	100%
	11 Số thiết bị điện tử không khói tích lũy được bảo trì và sửa chữa từ năm 2021 (nghìn)	62	1,000

4. Quản trị

4.1. Giám sát của Hội đồng Quản trị

Hộp 32: Công bố thông tin về cấu trúc quản trị đối với phát triển bền vững của Johnson Matthey[210]

Ngành: Hóa phẩm

Cấu trúc quản trị đối với vấn đề phát triển bền vững của Johnson Matthey bắt đầu từ cấp Hội đồng quản trị và được phân bổ xuống các ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị, Hội đồng tư vấn Phát triển bền vững và ban Điều hành. Báo cáo chỉ rõ vai trò và trách nhiệm cụ thể trong quản lý các vấn đề phát triển bền vững, đặc biệt là đối với Hội đồng Quản trị, Ủy ban Giá trị Xã hội và Giám đốc Môi trường, Sức khỏe, An toàn lao động (EHS) và Vận hành.

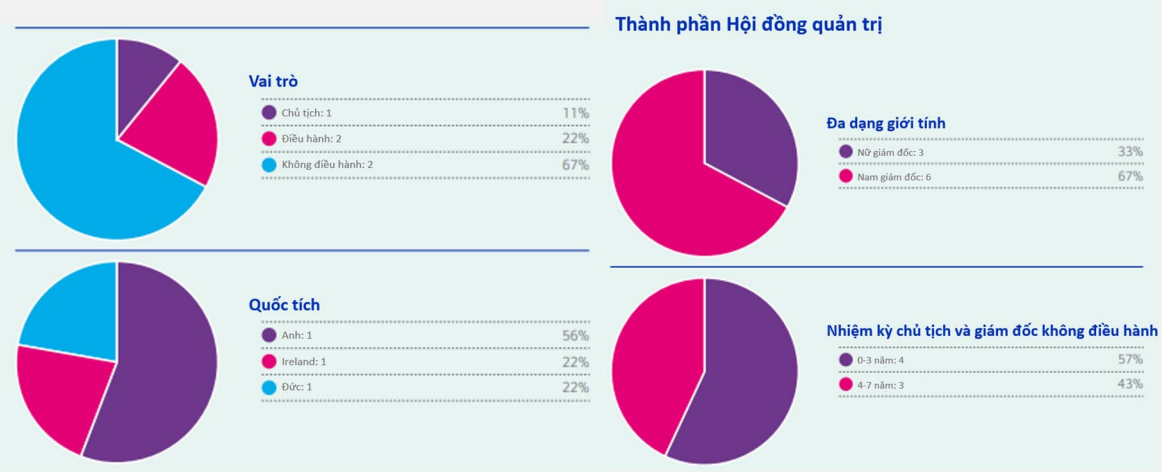

Về cấu trúc quản trị, Johnson Matthey công bố số liệu về tính đa dạng trong thành phần của Hội đồng quản trị, bao gồm đa dạng về giới tính, số năm kinh nghiệm và quốc tịch. Thêm vào đó, doanh nghiệp này cũng khẳng định một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị có kỹ năng và kinh nghiệm liên quan đến phát triển bền vững và cụ thể hóa nội dung này cho mỗi thành viên Hội đồng Quản trị để thể hiện chất lượng của Hội đồng quản trị.

Trách nhiệm lớn nhất trong quản lý vấn đề liên quan phát triển bền vững thuộc về Hội đồng Quản trị. Johnson Matthey đã công bố các phương thức để các ủy ban thuộc Hội đồng Quản trị báo cáo và cập nhật cho Hội đồng Quản trị về các vấn đề này.

Vai trò của hội đồng quản trị và ủy ban của doanh nghiệp

Hội đồng quản trị có trách nhiệm thiết lập và giám sát việc thực hiện chiến lược của tập đoàn, bao gồm ngân sách hàng năm và kế hoạch kinh doanh chi tiết. Trong đó, Hội đồng có cân nhắc các vấn đề liên quan đến khí hậu, bao gồm cả khi xét duyệt các yêu cầu cho chi phí vốn hoặc các sáng kiến mới.

Ủy ban Giá trị Xã hội (SVC) họp ít nhất 3 năm một lần. SVC hỗ trợ hội đồng quản trị trong giám sát triển khai chiến được phát triển bền vững, theo dõi và giám sát quy trình để đạt được mục tiêu và chỉ tiêu, kèm theo các cập nhật thường xuyên từ Giám đốc Môi trường, Sức khỏe & An Toàn và Vận hành. Jane Griffiths, Chủ tịch Ủy ban Giá trị Xã hội, báo cáo với Hội đồng Quản trị sau mỗi cuộc họp, bao gồm trình bày các khuyến nghị từ Ủy ban. Xem xét sự gia tăng nhanh trong phản hồi của xã hội đối với biến đổi khí hậu, SVC liên tục cập nhật tài liệu về các vấn đề phát sinh mỗi buổi họp, như pháp lý và kỳ vọng từ các bên liên quan. SVC cũng mời các chuyên gia bên ngoài để ghi nhận góc nhìn từ bên ngoài đối với kế hoạch phát triển bền vững của chúng tôi, và các chủ đề mới nổi khác, mà trong năm nay bao gồm vấn đề về tính đa dạng và hòa nhập, và nhân quyền. Để biết thêm về công việc của SVC, vui lòng xem trang 98.

Trong năm, Hội đồng quản trị mở rộng đã tiếp nhận báo cáo cập nhật pháp lý liên quan đến khí hậu và một buổi đào tạo trong việc thực hiện các khuyến nghị của TCFD.

Cùng với Ủy ban Tín cử, Hội đồng Quản trị đảm bảo rằng, trong các giám đốc, có kiến thức chuyên môn cần thiết liên quan đến phát triển bền vững và khí hậu. Để xem thêm thông tin về kỹ năng và kinh nghiệm của các giám đốc không điều hành của chúng tôi, vui lòng xem trang 86-87.

Cụ thể đối với các hoạt động của Ủy ban Giá trị Xã hội, doanh nghiệp này đã công bố các nhân sự thường xuyên tham gia vào các cuộc họp về giá trị xã hội và đóng góp ý kiến để làm tròn trách nhiệm của Ủy ban.

Những người thường xuyên tham gia các cuộc họp ủy ban:

- Giám đốc nhân sự
- Giám đốc EHS và Giám đốc vận hành
- Giám đốc Quan hệ Doanh nghiệp
- Cố vấn Chung và Thư kí Công ty
- Giám đốc Phát triển bền vững Tập Đoàn

Hội đồng quản trị và Ủy ban tham dự

Hội đồng quản trị tham dự	Hội đồng quản trị	Ủy ban Giá trị Xã hội
Patrick Thomas	8/8	2/3
Robert MacLeod	8/8	3/3
Liam Condon	-	-
Stephen Oxley	8/8	3/3
Rita Forst	5/5	1/1
Jane Griffiths	8/8	3/3
John O'Higgins	8/8	3/3
Xiaozhi Liu	8/8	3/3
Chris Mottershead	8/8	3/3
Doug Webb	8/8	3/3

Trách nhiệm	Các công việc đã thực hiện	Kết quả
Phát triển bền vững	• Giám sát kế hoạch và hành động để thi hành chiến lược phát triển bền vững và các sáng kiến then chốt của tập đoàn, bao gồm khuyến khích lực lượng lao động để đảm bảo sự hiểu biết về tầm nhìn và để thúc đẩy sự tham gia nội bộ. • Thảo luận cách các công ty khác đã dẫn dắt và quản trị chiến lược về phát triển bền vững thế nào, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm. • Thảo luận về sự phát triển của chính sách định giá các-bon, để phát triển và thử nghiệm bắt đầu từ 01/04/2022 • Tiếp nhận các cập nhật thông tin về rà soát theo chiều ngang thường xuyên, bao gồm pháp lý và kiện tụng về biến đổi khí hậu	• Xác nhận hỗ trợ cho chiến lược phát triển bền vững của chúng tôi. • Nhất trí và đề xuất với hội đồng quản trị về định nghĩa mục tiêu phát triển bền vững của chúng tôi một cách chi tiết hơn, bao gồm mục tiêu cắt giảm về GHG and phát khí thải NOx thông qua sử dụng công nghệ.
Đa dạng và hòa nhập	• Đánh giá mục tiêu về đa dạng và hòa nhập giới tính cho 2030 và các sáng kiến để hỗ trợ đạt được các thành tích đó. • Tiếp nhận trình bày từ Accenture về các thử thách phải đối mặt xung quanh đa dạng và hòa nhập, đổi mới trong lĩnh vực này và cách ủy ban có thể thúc đẩy hành trình về đa dạng và hòa nhập của JM.	• Các mục tiêu về Đa dạng & Hòa nhập đã được Ban điều hành trình bày và giải trình với hội đồng quản trị (HĐQT). HĐQT đã cung cấp nhận xét về cách cải thiện đa dạng, hòa nhập và gắn kết trong doanh nghiệp. • Thống nhất với HĐQT kế hoạch hành động cho năm tài chính tiếp theo, tiếp tục xây dựng hành trình về đa dạng, hòa nhập và gắn kết của chúng tôi.
Đạo đức và tuân thủ	• Rà soát các hành động để tiếp tục xúc tiến văn hóa đạo đức trong JM, bao gồm chiến dịch 'đưa ra quyết định đúng' của JM • Tiếp nhận thông tin cập nhật chủ đề và xu hướng trên Speak Up (Hãy nói ra)	• Đề xuất với HĐQT phê duyệt cho Tuyên bố Chế độ nô lệ hiện đại và Công bố thông tin về Khoáng sản Xung đột.
Báo cáo	• Tiếp nhận bản tóm tắt về các khuyến nghị của TCFD từ ERM, một công ty tư vấn về phát triển bền vững, và công việc đang thực hiện đảm bảo sẵn sáng cho việc báo cáo TCFD	• Đánh giá và đề xuất với Hội đồng quản trị phê duyệt Mục Kinh doanh Bền vững của báo cáo thường niên 2022.

4.2. Vai trò của ban **Điều** hành trong các quy trình, kiểm soát và thủ tục quản trị **được** áp dụng **để** theo dõi, quản lý và giám sát các vấn **đề** liên quan **đến** phát triển bền vững

Hộp 33: Quản trị các vấn **đề** phát triển bền vững **ở** Johnson Matthey năm 2022 [211]

Ngành: Hóa phẩm

Vai trò của ban điều hành

Hội đồng quản trị giao trách nhiệm vận hành kinh doanh cho Giám đốc Điều hành; bao gồm chịu trách nhiệm chung cho các vấn đề liên quan khí hậu, được trợ giúp bởi Nhóm các thành viên cấp quản lý của Tập đoàn (Group Leadership Team (GLT)). Giám đốc Điều hành được hỗ trợ bởi Giám đốc Môi trường, Sức khỏe & An toàn (EHS) và Vận hành – người chịu trách nhiệm cho các vấn đề hàng ngày liên quan đến khí hậu và thực hiện cập nhật cho nhóm GLT về các bước đã thực hiện để phát triển và triển khai chiến lược phát triển bền vững của chúng tôi, bao gồm các tiêu chí then chốt, rủi ro và cơ hội. Giám đốc EHS và Vận hành cũng đồng thời được hỗ trợ bởi Hội đồng Phát triển bền vững. Hội đồng Phát triển bền vững được thành lập bao gồm các nhân sự cấp quản lý từ trong các lĩnh vực và khối chức năng của chúng tôi, cùng nhau xây dựng tầm nhìn, mục tiêu về phát triển bền vững của chúng tôi. Để ưu tiên thúc đẩy hành trình phát triển bền vững và xâu chuỗi tất cả yếu tố vào kinh doanh, chúng tôi đã bổ nhiệm Giám đốc Phát triển bền vững mới có hiệu lực từ 16/5/2022. Giám đốc Phát triển bền vững sẽ báo cáo cho Giám đốc Điều hành và là một thành viên của Nhóm GLT.

4.3. Tích hợp **đánh** giá hiệu quả triển khai công tác phát triển bền vững vào hệ thống lương thưởng đãi ngộ

Hộp 34: Chính sách đãi ngộ liên quan đến công tác phát triển bền vững của DSM đối với ban Điều hành năm 2018[212]

Ngành: Sức khỏe và Dinh dưỡng

DSM công bố cả kế hoạch khuyến khích ngắn hạn và kế hoạch khuyến khích dài hạn trong đó có sự liên kết với mục tiêu và chỉ tiêu công tác phát triển bền vững.

Các chính sách khuyến khích ngắn hạn(Short term incentive (STI)) liên kết với phát triển bền vững và mục tiêu cá nhân

Một phần của STI được liên kết với các mục tiêu chung về phát triển bền vững cũng như mục tiêu cá nhân, chiếm 25% của lương cơ bản đối với hoàn thành hiệu quả công việc. Việc sàng lọc/điều chỉnh thêm về cách đo lường hiệu quả công việc trong các lĩnh vực phát triển bền vững và trọng số tương đối của chúng có thể được thực hiện sau khi đánh giá chính thức. Các chỉ số chung liên kết đến phát triển bền vững sau đây có thể áp dụng cho STI:

- Giải pháp Cuộc sống Tươi sáng hơn: % vận hành kinh doanh đáp ứng tiêu chuẩn ECO+ và Con người+ (các sản phẩm đem đến lợi ích môi trường và xã hội tốt hơn so với các giải pháp tham chiếu thường thấy)
- Chỉ số Tương tác Nhân viên: so sánh tương đối với Chuẩn hiệu quả công việc cao trong ngành
- Hiệu suất An toàn: được xác định dựa trên chỉ số về tần suất xảy ra thương tích ghi nhận được.

Bên cạnh các mục tiêu phát triển bền vững chung (15%), mục tiêu (10%), một số các chỉ tiêu (tài chính và phi tài chính) sẽ áp dụng

Lĩnh vực mục tiêu	Thưởng hoàn thành mục tiêu (% của lương cơ bản)
- Phát triển bền vững (ba mục tiêu với trọng số bằng nhau, 5% mỗi mục tiêu; Giải pháp Cuộc sống Tươi sáng hơn, Tương tác Nhân viên và An toàn)	15
- Cá nhân (tài chính và phi tài chính)	10
Tổng	25

Các chính sách khuyến khích dài hạn (Long-term Incentives(LTI))

Các thành viên của Hội đồn quản trị được nhận cổ phiếu liên kết với hiệu quả và kết quả kinh doanh. Theo Kế hoạch về cổ phiếu theo kết quả kinh doanh, cổ phiếu sẽ được cấp có điều kiền cho các thành viên của Hội đồng quản trị. Việc chuyển nhượng cổ phần này có điều kiện về hiệu quả công việc đạt được theo chỉ tiêu đã được xác định cho giai đoạn ba năm. Bốn chỉ số đo lường hiệu quả sau đây, với trọng số bằng nhau, có thể áp dụng để tính toán chuyển nhượng Cổ phiếu theo LTI:
Hiệu suất Tổng Lợi nhuận của Cổ đông tương đối (relative total shareholder return) so với tập đoàn tương đương
Tỷ suất Lợi nhuận trên Sử dụng Vốn (ROCE)
Cải thiện Hiệu quả Năng lượng
Cải thiện Hiệu quả Phát thải khí Nhà kính

5. Chiến lược

5.1. Định vị trên thị trường, chiến lược, mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị

Hộp 35: Mô hình kinh doanh và chiến lược sản phẩm của SAP năm 2022[213]

Ngành: Công nghệ

SAP đã trình bày tổng quát về mô hình kinh doanh và các khía cạnh về phát triển bền vững trong chiến lược sản phẩm của họ.

Mô hình Kinh doanh của chúng tôi

Chúng tôi triển khai hiện thực hóa tầm nhìn và chiến lược thông qua mô hình kinh doanh của mình, có thể được tóm gọn như sau:
Chúng tôi tạo ra giá trị bằng cách nhận dạng nhu cầu của khách hàng, sau đó phát triển và chuyển giao các giải pháp đám mây, phần mềm, dịch vụ, và hỗ trợ giải quyết các nhu cầu này. Thông qua việc chủ động thu thập phản hồi của khách hàng thường xuyên, chúng tôi cố gắng để liên tục cải thiện giải pháp của mình, xác định các hoạt động kinh doanh cần thiết và mang lại giá trị tốt hơn cho khách hàng xuyên suốt vòng đời và nâng cao tính trung thành của khách hàng.

Doanh thu của chúng tôi đến từ lệ phí của khách hàng thông qua đăng kí sử dụng giải pháp đám mây. Giấy phép phần mềm, hỗ trợ tại chỗ, tư vấn, phát triển, đào tạo và các dịch vụ khác cũng đóng góp đáng kể vào doanh thu.

Phát triển bền vững

SAP đưa ra các giải pháp và dịch vụ về phát triển bền vững có thể giúp khách hàng thúc đẩy thực thi phát triển bền vững không chỉ bên trong tổ chức, mà còn thông qua toàn bộ chuỗi giá trị. **Đám mây SAP cho Doanh nghiệp Bền vững** tập hợp một danh mục giải pháp toàn diện cho doanh nghiệp có mục tiêu, cho phép doanh nghiệp quản lí một cách toàn diện về phát triển bền vững. Đổi mới sản phẩm bao gồm các giải pháp sau: **Tháp Kiểm soát Phát triển bền vững SAP** cho việc chỉ đạo và báo cáo toàn diện thông qua chỉ số ESG, **Quản lí Dấu chân Sản phẩm SAP** cho việc tính toán và quản lí phát thải, và **Thiết kế và Sản phẩm có Trách nhiệm SAP** để cắt giảm rác thải và thúc đẩy kinh doanh tuần hoàn. SAP cũng lập kế hoạch để hoàn thiện thêm doanh mục phát triển bền vững với các giải pháp hỗ trợ chủ đề về môi trường, xã hội và quản trị. Vào cuối năm, SAP và PwC công bố một chiến lược hợp tác đổi mới để đưa phát triển bền vững thành một phần không thể thiếu của vận hành kinh doanh tiêu chuẩn để giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu ESG và phát thải ròng bằng 0.

5.2. Lợi ích và quan điểm của các bên liên quan

Hộp 36: Quản lý các bên liên quan tại SAP năm 2022[214]

Ngành: Công nghệ

SAP công bố biện pháp phối hợp với các nhóm bên liên quan khác nhau trong quy trình phát minh và phát triển sản phẩm, dịch vụ của mình. SAP nhấn mạnh sự tham gia của Hội đồng Tư vấn Phát triển bền vững và Hội đồng Tư vấn Đạo đức trí tuệ nhân tạo.

Khách hàng

Chương trình trải nghiệm toàn cầu xuyên suốt Doanh nghiệp

Nhằm xử lý tốt hơn và cải thiện phản hồi của khách hàng thông qua nghiên cứu sử dụng giải pháp Qualtrics, chúng tôi phát triển **Chương trình Trải nghiệm toàn cầu xuyên suốt Doanh nghiệp (XM)**. Chương trình này nhằm đạt được trải nghiệm xuyên suốt nhất quán cho khách hàng, bao gồm các sáng kiến chuẩn hóa trải nghiệm và phương pháp giúp nhận dạng và cải thiện lỗ hổng trải nghiệm ở SAP.

Nhân viên

Chúng tôi thường xuyên khảo sát nhân viên trong suốt năm. Để biết kết quả của khảo sát nhân viên gần đây nhất và các hành động theo đó, xem phần Nhân viên.

Chúng tôi hướng tới quan hệ lao động mang tính xây dựng trên toàn cầu, làm việc với quy định của mỗi quốc gia. Chúng tôi đang có các đối tác xã hội trên 37 quốc gia ở châu Âu, châu Á, châu Phi và châu Mỹ. Những bộ phận đại diện nhân viên này bao gồm các thành viên nghiệp đoàn được bầu cử và các thành viên không thuộc nghiệp đoàn tham vấn bởi bộ phận quản lý ở SAP chủ yếu về các chủ đề định hình môi trường làm việc và quy trình làm việc. Thỏa thuận thương lượng tập thể với các nghiệp đoàn được đưa ra ở các quốc gia có quy định. Tổng thể, 50% nhân viên của chúng tôi được đại diện bởi hội đồng lao động hoặc một nghiệp đoàn độc lập, hoặc được bảo vệ bởi các thỏa thuận thương lượng tập thể. Điều kiện lao động và điều khoản lao động của những nhân viên còn lại không bị ảnh hưởng hoặc quyết định dựa trên những thỏa thuận thương lượng tập thể lao động khác. Để nuôi dưỡng mục tiêu mỗi nhân viên SAP trên toàn cầu đều được lắng nghe và lên tiếng mà không sợ hãi hay bị phản đối, chúng tôi thành lập Văn phòng Thanh tra toàn cầu, hoạt động trên tư cách là kênh thông tin độc lập, bảo mật bên cạnh các cơ chế khiếu nại chính thống, bao gồm công cụ báo cáo tố giác Speak Out. Để biết thêm thông tin, xem mục Ứng xử Kinh doanh.

Thêm vào đó, ban Điều hành trả lời các câu hỏi của nhân viên trong một cuộc họp đầy đủ hàng quý. Trong các buổi thảo luận thường ngày, các giám đốc Điều hành giải thích chiến lược cho nhân viên và trả lời trực tiếp các câu hỏi của họ.

Phân tích viên tài chính và Nhà đầu tư

Để biết thêm thông tin về hội thoại của chúng tôi với cộng đồng tài chính (bao gồm phân tích viên tài chính, nhà đầu tư từ định chế và cổ đông lẻ), xem mục Quan hệ nhà đầu tư.

Các chính phủ

Để biết thêm thông tin về hội thoại của chúng tôi với chính phủ, xem mục Chính sách Công.

Phân tích viên ngành

Nhóm Quan hệ phân tích viên, ban Điều hành và các nhà Điều hành của chúng tôi có quan hệ vững mạnh với các phân tích viên IT và tương tác với họ về các giải pháp chiến lược và dịch vụ của SAP một cách thường xuyên.

Đối tác

Với hơn 20,000 đối tác trên thế giới, hệ sinh thái SAP là tối quan tọng với sự thành công của chúng tôi. Chúng tôi áp dụng phương pháp tương tác đa phương diện, khởi đầu với Cổng truy nhập Đối tác SAP chuyên dụng và kích thích tương tác. Các đối tác nhận được truyền thông thường xuyên bao gồm thư được cá nhân hóa, gói tập huấn và hội thảo trực tuyến với các thông báo mới nhất và tư duy lãnh đạo liên quan đến quan hệ đối tác cụ thể. Ngoài ra, các sự kiện trực tuyến cũng được tổ chức trong suốt năm, trên toàn cầu và thu thập thêm phản hồi của đối tác về cách SAP có thể liên tục cải thiện.

Các tổ chức phi lợi nhuận (NPO) và học thuật

Hội thoại của chúng tôi với các NPO và viện nghiên cứu học thuật giúp chúng tôi hiểu cách xử lý những vấn đề cấp thiết nhất và những kỳ vọng ở chúng tôi với tư cách là một tập đoàn lớn. Ví dụ, Liên minh Đại học SAP giới thiệu các sinh viên và khoa viện tới phần mềm SAP bằng cách cung cấp mạng lưới và hoạt động giáo dục và hợp tác để xây dựng kĩ năng công nghệ. Để biết thêm thông tin về cách chúng tôi tương tác với NPO, xem mục Nhân viên và Đóng góp của chúng tôi cho Mục tiêu Phát triển bền vững của LHQ.

Hội đồng Tư vấn Phát triển bền vững

Hội đồng Tư vấn Phát triển bền vững của chúng tôi bao gồm các chuyên gia đại diện từ khách hàng, nhà đầu tư, đối tác, NPO và tổ chức học thuật. Vào năm 2022, hội đồng thảo luận về những sáng kiến then chốt liên quan đến các giải phát quản lý phát triển bền vững, công tác môi trường và trách nhiệm xã hội

Hội đồng Tư vấn đạo đức Trí tuệ nhân tạo

Hội đồng Tư vấn đạo đức Trí tuệ nhân tạo của chúng tôi bao gồm các chuyên gia học thuật, chính sách và ngành. Họ tư vấn về việc phát triển và vận hành các nguyên tắc hướng dẫn dành cho trí tuệ nhân tạo. Chẳng hạn, vào năm 2022, hội đồng thảo luận về cách để nhận dạng những rủi ro cao về đạo đức trí tuệ nhân tạo và cách để phát triển phương án sử dụng theo đó.

5.3. Các tác động, rủi ro và cơ hội trọng yếu và mối liên kết với chiến lược và mô hình kinh doanh

Hộp 37: Tác động của các vấn đề phát triển bền vững đến kinh doanh của Societe Generale năm 2018[215]

Ngành: Ngân hàng

Societe Generale công bố 4 lĩnh vực chính của kinh doanh đã bị ảnh hưởng bao gồm: gói sản phẩm và dịch vụ; các hoạt động thích ứng và giảm thiểu trực tiếp; công tác đầu tư vào nghiên cứu và phát triển; và vận hành.

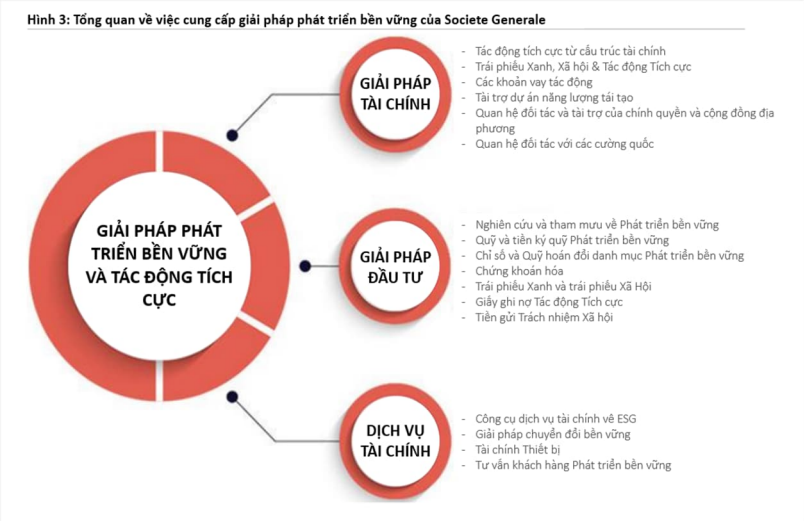

Ngân hàng này đã công bố đầy đủ các gói giải pháp tài chính để hỗ trợ sự chuyển dịch của khách hàng.

Thêm vào đó, ngân hàng tham gia vào các hoạt động trên thị trường các-bon cùng với các hoạt động nghiên cứu và phát triển liên quan tới rủi ro và cơ hội về khí hậu. Về vận hành, ngân hàng công bố việc áp dụng "các chính sách môi trường vào hoạt động độc quyền" và áp dụng cơ chế thuế các-bon nội bộ.

3.4.2. Các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ

Societe Generale đã là một thành viên lâu năm của thị trường các-bon. Thông qua những bàn giao dịch dành cho thị trường các-bon, Societe Generale đã tham gia vào trung gian môi giới, đàm phán và tạo điều kiện cho việc giao dịch phát thải trong thể chế Cơ chế Giao dịch khí phát thải của châu Âu. Ngân hàng này đã được xếp hạng Môi giới Phát thải số 2 bởi tổ chức Rủi ro Năng lượng và hạng 1 cho nghiên cứu liên quan đến chủ đề này năm 2018. Những năng lực này đã giúp Societe Generale hỗ trợ khách hàng trong việc quản lý các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu và chuyển đổi năng lượng, đáp ứng nhu cầu tuân thủ thông qua các cơ thể thu mua, kiếm tiền từ cân đối hạn ngạch thừa, cung cấp các dịch vụ bảo hiểm rủi ro bằng chi phí cấp phép sử dụng khẩn cấp, hoặc trên quy mô rộng hơn xử lý cấu phần các-bon trong quản lý tài sản năng lượng của khách hàng.

3.4.3. Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển

Societe Generale đã tham gia tương đối vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển trong những năm vừa qua:

- *Rủi ro liên quan đến khí hậu.* Trong khuôn khổ Sáng kiến Tài chính – Chương trình Môi trường của LHQ, Societe Generale đã đóng góp vào việc phát triển phương pháp ở cấp thị trường cho phép các định chế tài chính hiểu rõ hơn các rủi ro biến đổi khí hậu trong hoạt động của họ.
- *Cơ hội liên quan khí hậu.* Các vấn đề Trách nhiệm xã hội và Đầu tư theo tác động (SRI) cũng như các nhân tố Môi trường, Xã hội, Quản trị đã trở thành những điều hướng về hiệu suất quan trọng. Bên cạnh cân nhắc tài chính và kinh tế vĩ mô, các nhân tố ESG đã trở nên dễ dàng định lượng hơn và được cân nhắc khi đánh giá một doanh nghiệp. Từ 2016, nhóm nghiên cứu ESG của Societe Generale đã giúp nhà đầu tư và quản lý tài sản tích hợp những tiêu chí này vào quyết định đầu tư. Đáng chú ý, Societe Generale tiên phong tạo ra Sáng kiến Tác động tích cực của LHQ nhằm tạo ngôn ngữ chung và phát triển giải pháp mới để cung cấp vốn cho Mục tiêu Phát triển bền vững cùng với các khách hàng.
- *Quản lý tác động.* Sau Cam kết COP 21 của Societe Generale năm 2015 nhằm giảm "các hoạt động trong ngành than nhằm tuân thủ kịch bản 2 độ C vào năm 2020 của Cục Năng lượng Quốc tế", Societe Generale đã phát triển một phương pháp nội bộ để theo dõi các cơ sở sản xuất Khai thác mỏ và Nhiên liệu than và những thay đổi này đã được tích hợp vào chính sách của tập đoàn. Societe Generale cũng thử nghiệm phương pháp điều chỉnh danh mục đầu tư tín dụng theo Sáng kiến đầu tư 2 độ C.
- *Các chủ đề khác.* Tập đoàn cũng tham gia vào một nghiên cứu của Hiệp hội Doanh nghiệp tư nhân Pháp (AFEP) về so sánh các kịch bản 2 độ C và một nghiên cứu khác của nhóm Doanh nghiệp vì Môi trường ZEN 2050 về việc giảm phát thải các-bon nền kinh tế Pháp vào năm 2050.

3.4.4. Vận hành (bao gồm các loại vận hành và vị trí cơ sở)

Societe Generale cũng tạo ra tác động môi trường qua các hoạt động kinh doanh. Nhận thức được các trách nhiệm của mình, Societe Generale tiếp tục áp dụng chính sách môi trường vào các hoạt động độc quyền; những chính sách này bao gồm kiểm soát và cải thiện tác động trực tiếp của họ tới môi trường với sự kết hợp của nhiều bên liên quan khác nhau.

Như một phần của phương án chủ động, 6 năm trước tập đoàn đã bắt đầu áp dụng "Thuế các-bon nội bộ", cơ chế được xây dựng và mở rộng trên cơ sở giai đoạn can thiệp. Mỗi năm, thuế các-bon được tính trên mỗi chủ thể thuộc tập đoàn dựa trên phát thải khí nhà kính (10 Euro/tấn CO2 tương đương) và tổng số tiền thu được sẽ phân phối dưới dạng phần thưởng cho các sáng kiến tốt nhất về hiệu quả môi trường, thông qua "Giải thưởng Hiệu quả Môi trường". Trong 6 năm qua, thuế các-bon nội bộ đã ủng hộ cho 305 sáng kiến ở 32 quốc gia tham gia trên 4 lục địa.

Societe Generale cũng dành riêng một phần cho các tác động đến kế hoạch tài chính. Trích dẫn nội dung báo cáo này được trích ở đây.

3.5.1. Chi phí vận hành và doanh thu

Việc áp dụng các sản phẩm và dịch vụ liên quan đến khí hậu, đầu tư vào nghiên cứu và phát triển cùng với những thay đổi trong vận hành đã đem đến những thay đổi trong doanh thu và chi phí vận hành của Societe Generale, tuy rằng những thay đổi này được kỳ vọng là cận biên.

Tập đoàn đã mang đến doanh thu từ việc tăng các giải pháp đầu tư và tài chính khác nhau, tuy rằng ở giai đoạn này các giải pháp chưa định lượng được. Doanh thu từ thuế các-bon nội bộ đã hỗ trợ 305 sáng kiến ở 32 quốc gia tham gia trên 4 lục địa. Tổng phân bổ trung bình hàng năm là 3 triệu Euro và đạt được 126 triệu Euro tiết kiệm định kỳ.

Tập đoàn có các nhóm chuyên trách áp dụng công cụ và phương pháp khí hậu để theo dõi tác động lên vận hành và tài chính. Ngoài ra còn có nhóm Chính sách Môi trường Xã hội, Nghiên cứu ESG, Trái phiếu xanh, xã hội và tác động tích cực, Sản phẩm bền vững và tác động tích cực cũng như các chuyên viên về ESG trong Quản lý tài sản và Dịch vụ chứng khoán. Tập đoàn cũng xây dựng năng lực quản trị rủi ro liên quan khí hậu. Tất cả nhân lực và chi phí liên quan có tác động đến chi phí vận hành của tập đoàn, tuy chi phí này chưa được định lượng.

3.5.2. Phân bổ nguồn vốn

Trong những năm gần đây Societe Generale đã chuyển dịch phân bổ vốn sang các nguồn năng lượng xanh hơn và tách dần khỏi các nguồn phát thải cao nhất. Tuy rằng việc này tập trung chủ yếu vào gia tăng danh mục đầu tư năng lượng tái tạo và giảm danh mục than và chỉ đóng góp vào một phần nhỏ trong tổng tác động liên quan đến biến đổi khí hậu.

Vị trí dẫn đầu của Societe Generale trên thị trường năng lượng tái tạo được xác nhận bởi Bảng xếp hạng của nền tảng tài chính Dealogic năm 2018, trong đó tập đoàn đã xếp số 2 trong Tư vấn Vay và Tài chính của thị trường năng lượng tái tạo EMEA. Năm 2018, ngân hàng tư vấn khách hàng về các khoản giao dịch lên tới 4.1 tỷ USD và đóng vai trò là Bên dẫn đầu sắp xếp được chỉ định cho 20 giao dịch với tổng giá trị nợ là 2.1 tỷ USD. Những xếp hạng này dựa trên phân tích của 105 ngân hàng quốc tế.

Để biến những cơ hội này thành tác động tài chính, vào Tháng 12 năm 2017, Societe Generale cam kết gây quỹ 100 tỷ EUR dành cho chuyển đổi năng lượng. Từ năm 2016 đến 2020, Societe Generale đã tự đặt mục tiêu gây quỹ biểu trưng 85 tỷ EUR trong phát hành trái phiếu xanh chủ trì hoặc đồng chủ trì bởi Ngân hàng. Bên cạnh đó là quỹ 15 tỷ EUR dưới dạng tư vấn và bắt buộc tài chính dành cho khu vực ngành năng lượng tái tạo.

3.5.3. Mua lại hoặc thoái vốn

Lumo là một công nghệ tài chính của Pháp cho phép kết hợp những kỹ năng mạnh mẽ trong tài chính tham gia và các năng lượng tái tạo và tăng tốc chuyển đổi năng lượng kể từ 2012. Nền tảng này cho phép các cộng đồng địa phương, cá nhân và doanh nghiệp tham gia vào rót vốn cho các dự án địa phương hỗ trợ năng lượng tái tạo tại Pháp.

Qua thu mua mô hình này, Societe Generale, một trong số những bên dẫn đầu cung cấp vốn cho năng lượng tái tạo, củng cố năng lực của tập đoàn để phục vụ những khách hàng năng lượng lớn của mình bằng cách cung cấp cho họ giải pháp cho giai đoạn khó khăn để gọi vốn nhóm cho việc phát triển các dự án, như được yêu cầu bởi "Kế hoạch Giải phóng năng lương tái tạo" của chính phủ Pháp trong khuôn khổ "Kế hoạch Khí hậu".

Hộp *38*: Phản ứng của Aurizon với rủi ro và cơ hội liên quan khí hậu[216]

Ngành: Giao thông vận tải

Trong bảng dưới đây, Aurizon đã cụ thể hóa tác động tiềm tàng của mỗi rủi ro và cơ hội vật lý/chuyển đổi tới kinh doanh, cũng như phản ứng của doanh nghiệp thông qua sự thay đổi trong Kế hoạch chiến lược và Quản trị rủi ro.

Rủi ro	Mô tả	Loại rủi ro	Tác động tiềm tàng đến kinh doanh	Kế hoạch chiến lược và Quản trị rủi ro	Chỉ tiêu
Nhu cầu nhiệt than	Nhu cầu nhiệt than trên biển đối mặt với chính sách năng lượng và các quyết định về hỗn hợp nhiên liệu định hướng bởi chi phí năng lượng, an ninh năng lượng và quy định về phát thải khí nhà kính.	Chuyển đổi: Thị trường, Chính sách & Pháp lý, Công nghệ **Cấp độ rủi ro: Cao**	Khoảng 25% doanh thu từ Than & Sỉ than và 30% doanh thu từ Mạng lưới liên quan đến vận chuyển nhiệt than. **Dòng thời gian: Trung và dài hạn**	- Bản chất các hợp đồng của Aurizon đảm bảo sự chắc chắn lớn hơn cho các dòng doanh thu tương lai; 79% danh mục kinh doanh Than có thời lượng hợp đồng còn lại trên 3 năm (tính tại 30 Tháng 6 năm 2023). - Tiếp tục áp dụng phân tích kịch bản để kiểm tra khả năng ứng phó của đội phương tiện, các khoản đầu tư vốn, cơ hội vận chuyển và kiểm tra lỗi. - Tiếp tục phát triển cơ hội vận chuyển Sỉ than và Chuyên chở Công- ten-nơ, bao gồm xác định (và điều hành) các cơ hội phân bổ đội xe để hỗ trợ phát triển Sỉ than. - Tham vọng của Aurizon để phát triển Sỉ than và Chuyên chở Công-ten-nơ (như đã chia sẻ vào Ngày Nhà đầu tư Tháng 7 năm 2023) có thể giảm 10-20% cổ phần doanh thu Vận hành từ nhiệt than vào năm 2030.	- Số lượng đội phương tiện hiện tại và dự kiến phục vụ sản xuất điện từ than và công suất thép tại các quốc gia nhập khẩu than. - Phát triển các dự án sản xuất thép dựa trên hydro (và các quy trình carbon thấp mới nổi khác), bao gồm yêu cầu về chi phí và cơ sở hạ tầng. Đầu tư vốn vào ngành than của Úc. - Phát triển (và phê duyệt theo quy định) các mỏ than mới của Úc.
Nhu cầu than luyện kim	Nhu cầu than luyện kim trên biển đối mặt với phát triển kinh tế, phát triển chú trọng thép, phương pháp sản xuất thép (bao gồm gia tăng quy trình các-bon thấp), độ tin cậy của hàng hóa nhập khẩu và quy định về phát thải khí nhà kính	Chuyển đổi: Thị trường, Chính sách & Pháp lý, Công nghệ **Cấp độ rủi ro: Trung bình**	Khoảng 30% doanh thu từ Than & Sỉ than và 70% doanh thu từ Mạng lưới liên quan đến vận chuyển than luyện kim. **Dòng thời gian: Dài hạn**		

Hộp 39: Khả năng ứng phó chiến lược dựa trên các kịch bản khí hậu tại Lendlease năm 2023[217]

Ngành: Xây dựng và Bất động sản

Lendlease đã công bố quy trình phân tích kịch bản kể từ năm 2011, đồng thời hàng năm tiếp tục rà soát và làm mới danh mục tác động liên quan khí hậu với 3 kịch bản khí hậu: Thời tiết tiêu cực (kịch bản nhiệt độ trung bình tăng 3 độ), Theo Hiệp định Paris (kịch bản nhiệt độ tăng 2 – 3 độ) và Chuyển dịch (kịch bản nhiệt độ tăng dưới 2 độ). Với mỗi tác động, Lendlease đã xác lập mức độ hành động cần thiết để đạt được độ nhạy chống chịu bền vững. Phần dưới đây được trích từ báo cáo của Lendlease.

Kịch bản	Tác động liên quan khí hậu	Ngưỡng nhạy cảm và Hành động		
		Khoản đầu tư	Phát triển	Xây dựng
Kịch bản Thời tiết tiêu cực (>3 độ C) Kịch bản Thời tiết tiêu cực nhìn vào thế giới nơi hành động vì khí hậu bị trì hoãn bởi sự chia rẽ. Sự trì hoãn này dẫn tới một thế giới nơi biến đổi khí hậu vật lý là lớn nhất trong cả 3 kịch bản dẫn đến sự gián đoạn nghiêm trọng. • Dưới những tác động vật lý cao hơn trong kịch bản này, Lendlease nhận định cần thay đổi chiến lược trong tất cả các doanh nghiệp để quản lý rủi ro chuỗi cung ứng toàn cầu và nguồn cung nhân lực. Ngay cả vậy, doanh nghiệp vẫn sẽ đối mặt với mức điểm nhạy cảm tương đối tiêu cực. • Việc tích hợp "Vị thế dẫn đầu phát triển bền vững" như một ưu tiên chiến lược và các mục tiêu Phát thải ròng và tuyệt đối bằng 0) đem lại những điểm tích cực cao hơn mà không cần thêm hành động nào bên ngoài chiến lược hiện hành của chúng tôi.	Tác động của biến đổi khí hậu đến tài sản, cộng đồng và các thành phố	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
	Tiếp cận và chi phí nguồn vốn	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
	Sự sẵn có của sản phẩm, nguyên liệu và tài nguyên quốc tế	Thay đổi	Thay đổi	Thay đổi
	Sự sẵn có và chi phí của nguồn lao động	Thích ứng	Thích ứng	Thích ứng
	Dẫn đầu ngành về giá trị phi các-bon hóa	Thích ứng	Hấp thụ	Hấp thụ
Kịch bản theo Hiệp định Paris (2-3 độ C) Kịch bản theo Hiệp định Paris: Sự chuyển đổi theo thị trường hướng tới tương lai các-bon thấp qua các cam kết của chính phủ toàn cầu với Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu, dẫn tới nhiều quy định pháp luật về hành động vì khí hậu hơn và tác động vật lý của biến đổi khí hậu thấp hơn so với Kịch bản Thời tiết tiêu cực. • Vị thế dẫn đầu trong phát triển bền vững và các mục tiêu Nhiệm vụ Zero tạo ra các điểm tích cực dẫn tới tăng chi phí các-bon và chi phí tuân thủ với phát triển bền vững/quy định khí hậu. • Mặc dù có rất nhiều sản phẩm và nguyên vật liệu "khó khử các-bon" trong chuỗi cung ứng của chúng tôi, bao gồm bê tông, thép, nhôm, việc đạt được mục tiêu này sẽ đem lại kết quả rất tích cực cho Lendlease.	Chi phí tuân thủ pháp luật phát triển bền vững/khí hậu	Hấp thụ	Hấp thụ	Hấp thụ
	Tăng chi phí các-bon	Thích ứng	Thay đổi	Thay đổi
	Sự phát triển của thay đổi nhu cầu tránh xây mới	Thay đổi	Thay đổi	Thay đổi
	Nhu cầu phi các-bon hóa chuỗi cung ứng	Thích ứng	Thay đổi	Thay đổi
	Gia tăng kiểm định các hành động và thương hiệu dẫn tới dẫn đầu ngành về giá trị phi các-bon hóa	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
Kịch bản Chuyển dịch (<2 độ C) Kịch bản Chuyển dịch: Một lộ trình khử các-bon nhanh chóng khi mức phát thải toàn cầu đã gần bằng 0 vào năm 2040, được thúc đẩy bởi toàn xã hội. • Tốc độ thay đổi cần thiết để hạn chế nóng lên toàn cầu ở ngưỡng dưới 1.5 độ có khả năng tăng mức độ nhạy cảm trong chuỗi cung ứng của chúng tôi, do nhu cầu chuyển dịch theo hướng nội địa hóa; đồng thời sẽ đặt ra yêu cầu phải thay đổi và có các hoạt động thích ứng để giảm thiểu tác động. • Vị thế dẫn đầu của chúng tôi về tính bền vững và các mục tiêu của Sứ mệnh Zero tạo ra tác động tích cực để chuyển dịch kỳ vọng về "giấy phép hoạt động xã hội" và sẽ đem đến điểm tích cực cho Lendlease nếu chúng tôi điều chỉnh chiến lược thông qua tăng tốc lộ trình khử các-bon.	Tăng tốc độ thay đổi trong tác động liên quan khí hậu	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
	Ưa chuộng công ty và sản phẩm địa phương hơn quốc tế	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
	Thay đổi kì vọng về giấy phép hoạt động xã hội dẫn tới dẫn đầu ngành về giá trị phi các-bon hóa	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
	Kì vọng về đầu tư nghiên cứu phát triển để phi các-bon hóa	Thay đổi	Thích ứng	Thích ứng
	Nhu cầu người tiêu dùng thay đổi vì sinh hoạt tác động thấp hơn	Thay đổi	Thay đổi	Thích ứng

Cấp độ hành động yêu cầu để đạt được ngưỡng nhạy cảm

Hấp thụ: Chiến lược hiện hành hấp thụ tác động của rủi ro khí hậu
Thích ứng: Cần thay đổi chiến lược hiện hành để phản ứng với rủi ro
Thay đổi: Cần chiến lược mới hoặc thay đổi hoàn toàn để phản ứng với rủi ro

Ngưỡng nhạy cảm

Nhạy cảm tiêu cực cao hơn — Nhạy cảm tích cực cao hơn

6. Quản trị rủi ro

6.1. Mô tả các quy trình và chính sách liên quan đến xác định, đánh giá và ưu tiên các rủi ro và cơ hội liên quan đến phát triển bền vững của doanh nghiệp

Hộp *40*: Các quy trình và công cụ của Societe Generale để nhận dạng, ưu tiên và quản lý rủi ro liên quan khí hậu vào năm 2021[218]

Ngành: Ngân hàng

Societe Generale miêu tả 6 công cụ then chốt sử dụng cho nhận dạng và quản lý rủi ro liên quan đến khí hậu trên danh mục của họ, dựa trên mức độ trưởng thành. Dưới đây là một ví dụ của công cụ Chỉ số Nhạy cảm về Khí hậu doanh nghiệp. Công cụ này đo lường tác động của rủi ro chuyển đổi trên rủi ro tín dụng của các khách hàng là doanh nghiệp tại Societe Generale. Societe Generale đã giải thích mỗi bước của quy trình đánh giá rủi ro chuyển đổi, bao gồm trách nhiệm được giao của từng vị trí cụ thể.

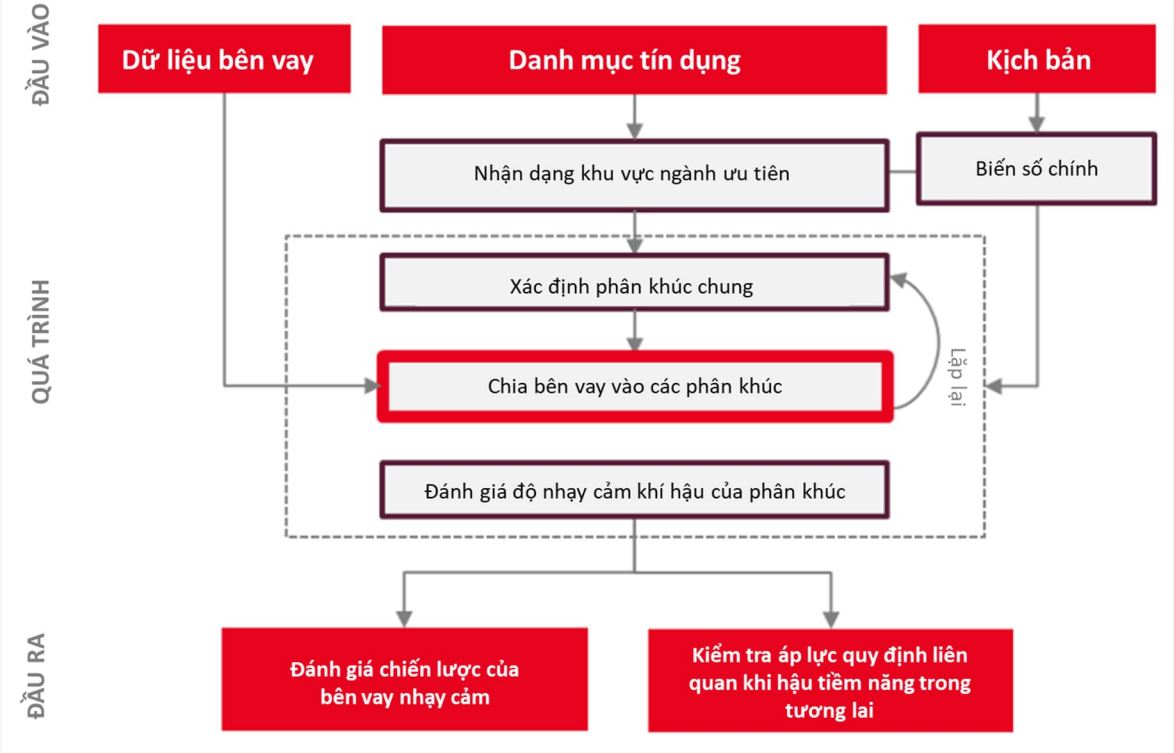

Phần đánh giá này được rà soát bởi bộ phận quản trị phù hợp: Chỉ số CCVI tính toán dựa theo phương pháp này được đề xuất bởi Tuyến phòng thủ Đầu tiên (first line of defense), có thể tùy chỉnh theo yêu cầu đánh giá (và sau đó điều chỉnh CCVI) theo yêu cầu cụ thể của bên vay. Sau đó, chỉ số được thẩm định bởi Bộ phận Rủi ro ở Tuyến phòng thủ Thứ hai (second line of defense). Chỉ số CCVI được rà soát mỗi năm một lần cùng với rà soát đánh giá xếp hạng nội bộ. Thêm vào đó, Hội đồng Rủi ro đánh giá hàng năm việc sử dụng công cụ CCVI và phân tích kết quả trong các lĩnh vực khả dụng.

Chỉ số CCVI xác định những khách hàng nhạy cảm với rủi ro chuyển đổi và sẽ kiểm tra chiến lược chuyển đổi của họ. Đối với những bên vay được đánh giá ở mức nhạy cảm hoặc nhạy cảm cao, giám đốc quản lý quan hệ khách hàng đưa ra ý kiến đánh giá chính thức đối với chiến lược của khách hàng liên quan đến rủi ro chuyển đổi kèm theo một cuộc thảo luận với khách hàng. Đối với các ảnh hưởng về dài hạn, trọng tâm sẽ được dành cho rủi ro tài chính đến hạn. Đánh giá cũng tăng cường trọng tâm đối với tính kịp thời của việc thực hiện chuyển đổi chiến lược của khách hàng so với kịch bản. Quả thực, trong trường hợp thích ứng chậm, bên vay có thể gặp khó khăn trong tăng thanh khoản cần thiết để cấp nguồn tài chính cho các kế hoạch chuyển đổi.

Societe Generale cũng công bố các chính sách Môi trường và Xã hội về việc giám sát tác động của rủi ro chuyển đổi lên rủi ro danh tiếng.

1) Xác định rủi ro Môi trường và Xã hội: Bước này bao gồm nhận dạng liệu hoạt động hoặc giao dịch liên quan đến hoạt động của đối tác có đem lại rủi ro tiềm tàng về Môi trường và Xã hội không. Cụ thể, việc này dựa trên phân tích nhằm xác nhận xem các đối tác hoặc hoạt động nói trên có nằm trong danh mục loại trừ hay nhận dạng rủi ro Môi trường và Xã hội không, và liệu họ có phải tuân theo chính sách của ngành hay vướng phải các mâu thuẫn về Môi trường và Xã hội. Quy trình này tạo điều kiện để rà soát tuân thủ với tiêu chí loại trừ của các chính sách của các ngành khác nhau.

2) Đánh giá Môi trường và Xã hội (của đối tác hoặc giao dịch được nhận dạng là có rủi ro vè môi trường và xã hội (E&S)): Khi một rủi E&S đã được xác định, bộ phận kinh doanh thực hiện đánh giá tuân thủ với tiêu chí của các chính sách Môi trường Xã hội áp dụng và tầm nghiêm trọng của bất cứ mâu thuẫn nào. Đánh giá này có thể bao gồm phân tích về xu hướng dự đoán của các tiêu chí. Đánh giá Môi trường Xã hội có thể có kết quả tích cực, tùy điều kiện (điều kiện hợp đồng, kế hoạch hành động, ràng buộc) hoặc tiêu cực.

3) Hành động Môi trường và Xã hội: Các hành động giảm nhẹ có thể được khuyến nghị để giảm nhẹ rủi ro đã xác định.

Một công cụ then chốt khác để đánh giá khả năng ứng phó của ngân hàng là các bài tập kiểm tra sức chịu đựng (stress test). Societe Generale công bố kết quả của việc tự nguyện tham gia vào một bài kiểm tra sức chịu đựng về mặt pháp lý được chủ trì bởi Ngân hàng Trung ương Châu Âu như sau.

Hình 12. Khái quát mô hình kịch bản chuyển đổi được sử dụng trong bài tập thí điểm của ACPR

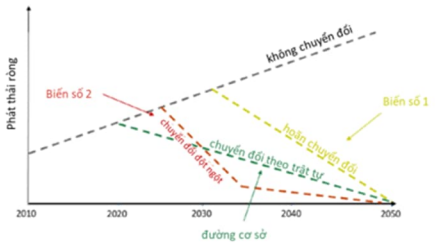

Hình 12. Khái quát mô hình kịch bản chuyển đổi được sử dụng trong bài tập thí điểm của ACPR
Bài tập này được thực hiện dưới giả định bảng cân đối kế toán cơ động. Theo giả định này, rủi ro của các tổ chức sẽ thay đổi theo thời gian cùng với phát triển kinh tế và xu hướng thay đổi tron ngành, đồng thời sẽ điều chỉnh theo các cam kết đặc thù của tổ chức nhằm tạo điều kiện thực hiện chuyển đổi. Tập đoàn đã tích hợp chiến lược khí hậu với các dự báo thay đổi của bảng cân đối tài chính. Ví dụ, cam kết theo danh mục đầu tư bao gồm giảm dần nhiệt than và giảm nguy cơ rủi ro trong ngành dầu khí ở upstream.

Sự tham gia của Tập đoàn vào bài tập này (với phạm vi rộng hơn các bài diễn tập kịch bản nội bộ đã được áp dụng cho tới nay) đã đem lại nhiều giá trị.
Đầu tiên, việc này tạo điều kiện xây dựng những phương án mới để ứng phó với các rủi ro khí hậu (trong khung dài hạn và cụ thể cho từng ngành) và là một cơ hội để kiểm tra khả năng thích ứng của hệ thống stress testing đối với các đặc tính này, kể cả khi việc phân tích tác động trong dài hạn (đến 2050) vẫn còn nhiều thách thức.
Đây là một cơ hội tốt để tiếp tục tăng nhận thức trong bộ phận Rủi ro và các chức năng, đơn vị kinh doanh hỗ trợ trong rủi ro khí hậu. Cuối cùng, đây là một bước nối hữu ích để chuẩn bị cho các bài tập stress test về khí hậu trong tương lai và việc áp dụng các bài tập đó để ghi nhận phương hướng chiến lược kinh doanh (theo kỳ vọng của các bên tư vấn như đã đề cập trong Hướng dẫn rủi ro môi trường của ECB).

6.2. Mô tả mức độ và phương pháp tích hợp các quy trình quản trị rủi ro và cơ hội liên quan phát triển bền vững vào quy trình quản trị rủi ro của cả doanh nghiệp

Hộp *41*: Tích hợp rủi ro liên quan khí hậu vào khung đánh giá rủi ro tiêu chuẩn ở Societe Generale năm 2021[219]

Ngành: Ngân hàng

Societe Generale công bố rằng "rủi ro liên quan khí hậu không hình thành một hạng mục rủi ro mới nhưng góp phần làm nghiêm trọng hơn các hạng mục sẵn có như rủi ro tín dụng, thị trường, vận hành, phát hành và thanh khoản" trong khung quản trị rủi ro của họ. Điều này phù hợp với khuyến nghị thực hành tốt của bên quản lý ngành Ngân hàng Pháp và Ngân hàng Trung ương Châu Âu. Doanh nghiệp cũng trình bày tác động của những rủi ro liên quan khí hậu đã được nhận dạng lên các hạng mục rủi ro có sẵn. Dưới đây là ví dụ được trích dẫn.

Rủi ro	Vật lý	Chuyển đổi
Rủi ro tín dụng và Rủi ro tín dụng đối tác	Rủi ro vật lý có thể tăng xác suất default của khách hàng do trực tiếp làm hư hại tài sản của họ ở các khu vực bị ảnh hưởng (các sự kiện vật lý có thể ảnh hưởng tới các cơ sở sản xuất, nhà xưởng, trung tâm dịch vụ và quản lý) và gián tiếp tác động đến mô hình kinh doanh của họ do làm gián đoạn chuỗi cung ứng, lộ trình thương mại hoặc thị trường. Trong trường hợp khách hang default, rủi ro vật lý cũng có thể khiến khả năng thu hồi một phần các tài sản thế chấp cam kết khó khăn hơn, ví dụ như làm giảm định giá khoản cọc trên các danh mục bất động sản vì rủi ro lũ lụt tăng cao.	Rủi ro chuyển đổi, đối với những ngành bị ảnh hưởng bởi chính sách chuyển đổi các-bon thấp (VD. giá các-bon cao), có thể tác động đến khả năng tạo ra doanh thu và thực hiện các cam kết tài chính của khách hàng nếu họ không thực hiện các biện pháp thích ứng mô hình kinh doanh hoặc nếu họ không thể cấp vốn cho các biện pháp thích ứng cần thiết (chẳng hạn như nghiên cứu và phát triển để triển khai các sản phẩm và dịch vụ các-bon thấp thay thế). Rủi ro chuyển đổi cũng có thể ảnh hưởng gián tiếp đến định giá tài sản của khách hàng, ví dụ qua tác động đến định giá trữ lượng nhiên liệu hóa thạch như than hay dầu mỏ - với giá trị có khả năng giảm trong nền kinh tế các-bon thấp (hiện tượng tài sản bị mắc kẹt). Điều này có thể đặc biệt tác động đến định giá khoản cọc.
Rủi ro thị trường	Các sự kiện vật lý nghiêm trọng có thể dẫn đến thay đổi trong kỳ vọng thị trường và có thể gây ra biến đổi giá bất ngờ. Chẳng hạn, lốc xoáy ảnh hưởng đến bất động sản của doanh nghiệp ở một số khu vực có thể tác động đến kỳ vọng về khả năng tạo ra doanh thu cũng như giá trị cổ phiếu của doanh nghiệp.	Rủi ro chuyển đổi có thể tạo ra biến đổi giá đột ngột của chứng khoán và chứng khoán phái sinh, ví dụ như các sản phẩm thuộc ngành công nghiệp bị ảnh hưởng bởi các tài sản bị mắc kẹt.

7. Chỉ tiêu và mục tiêu

7.1. Các chỉ tiêu liên quan đến vấn đề trọng yếu trong phát triển bền vững

Hộp 42: Ví dụ về báo cáo các chỉ tiêu phát triển bền vững của SSAB năm 2017[220]

Ngành: Vật liệu và Công trình

SSAB công bố rõ các chỉ tiêu công tác về vấn đề phát triển bền vững trong vòng 5 năm trở lại đây.

305-1, 305-2: PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Nghìn tấn	2017	2016	2015	2014	2013
305-1: Phát thải khí nhà kính trực tiếp (Phạm vi 1)					
Sản xuất thép bằng quặng sắt ở Bắc Âu	9,117	9,323	8,850	8,910	8,643
Sản xuất thép bằng vụn sắt ở Mỹ	690	644	581	651	651
Các cơ sở báo cáo khác	21	22	18	17	17
Tổng	**9,828**	**9,989**	**9,448**	**9,578**	**9,311**
Phát thải gián tiếp từ phát điện năng được mua, nhiệt năng hoặc hơi nước (Phạm vi 2)					
Sản xuất thép bằng quặng sắt ở Bắc Âu	167	185	182	193	194
Sản xuất thép bằng vụn sắt ở Mỹ	1,032	964	934	1,009	1,234
Các cơ sở báo cáo khác	17	17	17	18	18
Tổng	**1,216**	**1,166**	**1,133**	**1,220**	**1,447**

305-3: PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH GIÁN TIẾP (PHẠM VI 3)

Nghìn tấn	2017	% PHẠM VI 3
Hàng hóa và dịch vụ mua	1,827	65%
Các hoạt động liên quan nhiên liệu và năng lượng	395	14%
Vận chuyển và phân phối hạ nguồn	512	18%
Chất thải từ vận hành	51	2%
Di chyển trong công tác	7	0%
Di chuyển của nhân viên	36	1%
Tổng phát thải phạm vi 3	**2,826**	**100%**

305-4: CƯỜNG ĐỘ PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH

Nghìn tấn phát thải các-bon/tấn thép thô	2017	2016	2015	2014	2013
Sản xuất thép bằng quặng sắt ở Bắc Âu	1.7	1.7	1.7	1.6	1.7
Sản xuất thép bằng vụn sắt ở Mỹ	0.7	0.7	0.7	0.7	0.8
Trung bình	**1.4**	**1.4**	**1.4**	**1.3**	**1.4**

305-4: NƯỚC RÚT TỪ NGUỒN

Triệu mét khối	2017	2016	2015	2014	2013
Nước bề mặt (trong đất liền)	203	203	160	179	180
Nước bề mặt (trên biển)	226	225	204	199	205
Nước máy	2	1	1	1	1
Tổng lượng nước rút	**431**	**429**	**365**	**379**	**386**

XẢ THẢI RA CÁC ĐƯỜNG NƯỚC

Tấn	2017	2016	2015	2014	2013
Chất rắn lơ lửng	322	286	228	616	423
Dầu khoáng	6	6	9	12	18

302-1 TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG TRONG DOANH NGHIỆP

GWh/TJ	2017	2016	2015	2014	2013
Nhiên liệu					
Khí tự nhiên	3,099/11,157	3,073/11,063	2,754/9,914	2,596/9,345	2,574/9,266
Prô-ban	1,172/4,220	1,099/3,956	1,043/3,756	1,034/3,722	934/3,361
Dầu nhiên liệu	207/746	279/1,003	204/733	635/2,288	785/2,824
Tổng nhiên liệu không tái tạo	**4,479/16,123**	**4,451/16,023**	**4,001/14,404**	**4,265/15,355**	**4,292/15,451**
Điện năng, Nhiệt năng và Hơi nước					
Điện năng, được thu mua	3,302/11,887	3,319/11,948	3,243/11,677	3,469/12,490	3,475/12,510
Nhiệt năng, được thu mua	30/108	26/93	23/83	24/87	27/98
Hơi nước tạo ra từ xử lý các loại khí	1,400/5,040	1,195/4,302	1,114/4,010	1,033/3,720	974/3,506
Tổng tiêu thụ năng lượng	**9,210/33,158**	**8,990/32,366**	**8,381/30,172**	**8,792/31,652**	**8,768/31,565**
Điện năng và Nhiệt năng được bán					
Nhiệt năng được bán	1,169/4,207	1,101/3,965	1,006/3,620	1,081/3,893	1,086/3,910
Năng lượng tiêu thụ ròng	**8,042/28,950**	**7,889/28,400**	**7,376/26,552**	**7,711/27,759**	**7,682/27,655**

7.2. Mục tiêu để theo dõi hiệu quả của chính sách và hành động

Hộp 43: Ví dụ về báo cáo các mục tiêu phát triển bền vững của SSAB năm 2017[221]

Ngành: Vật liệu và Công trình

SSAB công bố mục tiêu về giảm phát thải khí nhà kính và các biện pháp được triển khai thành công để đạt được mục tiêu.

305-5 Giảm phát thải khí nhà kính

SSAB đã đặt mục tiêu giảm phát thải các-bon trực tiếp từ vận hành. Mục tiêu là để đạt được phần giảm bớt lâu dài là 300,000 tấn phát thải CO2 tính đến cuối năm 2020, so với đường cơ sở là năm 2014. Phần giảm bớt này tương đương 3.1% tổng lượng phát thải các-bon của SSAB năm 2014.

Phát thải các-bon có thể được giảm bớt bằng cách tuần hoàn đồ vụn và thừa vào quy trình làm thép, tối ưu việc sử dụng nguyên vật liệu (than cốc và than) trong sản xuất sắt và bằng cách cải thiện hiệu quả năng lượng của nhiên liệu. Tính đến cuối 2017, SSAB đạt được 218,000 hoặc 73% của mục tiêu. Những biện phát tiết kiệm các-bon quan trọng nhất là:

- Đổi từ dầu nặng nhiên liệu sang khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) ở Borlange, đạt hiệu năng đầy đủ của các-bon vào năm 2015
- Khởi động lò đun ở Oxelosund vào 2015, làm tăng nhiệt nổ và dẫn đến giảm phát thải nhờ giảm tiêu thụ than cốc
- Giảm tỉ lệ nhiên liệu luyện kim và phát thải các-bon qua giảm lượng hơi ẩm trong bi sắt ở Raahe vào 2016
- Tăng sản lượng trong sản xuất bê tông cốt thép ở Lulea vào 2016 nhờ cải thiện tận dụng nguyên liệu thô
- Các bể chứa mới ở Raahe năm 2017 với khối lượng tăng, nâng cao sản lượng nhờ bớt sánh
- Mọi tiết kiệm năng lượng từ giảm tiêu thụ nhiên liệu cũng giảm phát thải các-bon

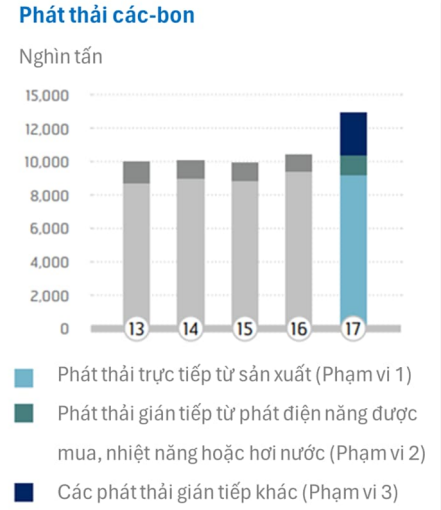

Trong một ví dụ khác, SSAB công bố mục tiêu trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và kết quả tiến độ trong năm báo cáo.

MỤC TIÊU TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Tương tác nhân viên vượt qua ngưỡng trung bình của các công ty công nghiệp toàn cầu (ngưỡng này được đo hàng năm, gần đây nhất vào năm 2017)

KẾT QUẢ NĂM 2017

- Tổng thể, chỉ số Tương tác Nhân viên (được đo bằng "Tiếng nói" – khảo sát nhân viên của SSAB toàn cầu) đạt dưới tiêu chuẩn toàn cầu và hơi dưới ngưỡng "Tiếng nói" 2015
- SSAB: 69 (70 vào năm 2015)
- Tiêu chuẩn toàn cầu: 72

8. Cơ sở báo cáo

Hộp *44*: Cơ sở báo cáo của các tiêu chí phát triển bền vững đã công bố của Tập đoàn NatWest đối với Tổng phát thải các-bon phạm vi 1, 2, 3 trong vận hành năm 2022[222]

Ngành: Ngân hàng

Chỉ tiêu và Đơn vị báo cáo	Phạm vi và loại trừ	Phương pháp	Báo cáo và kiểm soát nội bộ
Tổng phạm vi phát thải các-bon (CO_2) trong vận hành (không bao gồm phát thải tài chính)	Phát thải các-bon trực tiếp từ vận hành của chúng tôi là tổng hợp tương đương các-bon từ tiêu thụ và sử dụng: • Phạm vi 1: khí tự nhiên, nhiên liệu hóa thạch lỏng, thất thoát khí flo hóa và phương tiện sở hữu/cho thuê. • Phạm vi 2: điện năng, làm ấm và làm mát các cơ sở của tập đoàn NatWest (dựa trên thị trường và vị trí). • Phạm vi 3: giấy và nước, hạng mục 5: chất thải (chỉ ở Vương quốc Anh và Ai-len), hạng mục 6: di chuyển trong công tác bao gồm đường hàng không, đường sắt, đường bộ, hạng mục 7: nhân viên di chuyển tới chỗ làm và làm việc tại gia. Phát thải các-bon trong vận hành chuỗi giá trị của chúng tôi là tổng hợp tương đương các-bon từ tiêu thụ và sử dụng Phạm vi 3, mọi phát thải thượng nguồn và hạ nguồn ngoại trừ hạng mục 8, 10 và 14. Giải thích kĩ hơn có ở trang 69 của Báo cáo công bố thông tin liên quan khí hậu của Tập đoàn NatWest 2021. Thời gian báo cáo về phát thải và các chỉ tiêu vận hành khác là 12 tháng, kết thúc tại ngày 30 Tháng 9 mỗi năm.	Ranh giới báo cáo phát thải được xác định là mọi chủ thể và cơ sở do Tập đoàn NatWest sở hữu hoặc kiểm soát vận hành. Nếu không có dữ liệu trực tiếp, chúng tôi tính toán ngoại suy – phần này chiếm 1.46% tổng phát thải Phạm vi 1, 2, 3 trực tiếp từ vận hành trong năm 2022. Phát thải được tính toán dựa trên Giao thức Khí nhà kính theo Tiêu chuẩn doanh nghiệp và hướng dẫn đi kèm bao gồm tất cả khí nhà kính, được báo cáo trên đơn vị tấn các-bon tương đương và tiềm tàng giá trị nóng lên toàn cầu. Khi chuyển đổi dữ liệu sang phát thải các-bon, chúng tôi sử dụng Nhân tố Phát thải từ Nhân tố chuyển đổi Phát thải của chính phủ Vương quốc Anh dành cho báo cáo doanh nghiệp (Bộ phận Kinh doanh, Chiến lược Năng lượng & Công nghiệp, 2021) hoặc từ các nhà cầm quyền địa phương theo yêu cầu. NatWest tận dụng phần mềm bên thứ ba để ghi nhận tác động môi trường của tập đoàn và đảm bảo rằng yêu cầu về khung kiểm soát và soát xét/xác minh được đáp ứng. Mọi dữ liệu được tổng hợp trên cấp độ khu vực để phản ánh tiêu thụ tổng hợp theo vùng. Kết quả tiêu thu theo khu vực sẽ được tổng hợp để phản ánh tổng phát thải của tập đoàn. Các giá trị tương đương các-bon được ghép với nguồn thông qua mô-đun chuyển đổi tự động trong hệ thống của bên thứ ba.	Dữ liệu phát thải các-bon và tương đương được kiểm định bởi dịch vụ bên thứ bao mỗi tháng. Kiểm tra kĩ hơn hàng tháng và hàng quý được tiến hành trên độ hoàn thiện và biến thiên của dữ liệu.

Phụ lục H: Báo cáo phát triển bền vững – từ góc nhìn của DNNVV

Hộp *45*: BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG – TỪ GÓC NHÌN CỦA DNNVV – trích từ PTF-RNFRO – Hướng tới kinh doanh bền vững: thực hành tốt trong mô hình kinh doanh, báo cáo rủi ro và cơ hội ở Liên minh Châu Âu[223]

"[...] Những doanh nghiệp vừa và nhỏ là tối quan trọng đối với nền kinh tế và phải đối mặt với rủi ro và cơ hội, VD. Rủi ro chuyển đổi hoặc vật lý liên quan biến đổi khí hậu, cũng như tác động đến xã hội và môi trường.

Trên thức tế, hiệu ứng nhỏ giọt từ các đối tác chuỗi giá trị và quy định pháp luật địa phương của DNNVV sẽ dẫn đến việc những chủ thể này này càng phơi nhiễm với yêu cầu về thông tin phát triển bền vững từ các bên liên quan của họ.

Tuy nhiên, báo cáo phát triển bền vững bởi DNNVV kém trưởng thành hơn các công ty lớn do các tổ chức lớn thường có vài năm kinh nghiệm và thử nghiệm với báo cáo phát triển bền vững và có khả năng cao hơn để thực thi tốt hoặc dẫn đầu trong báo cáo so với DNNVV. Mặc dù vậy, khả năng diễn giải mô hình kinh doanh, rủi ro và cơ hội là chìa khóa thành công đối với bất cứ doanh nghiệp nào bao gồm cả DNNVV.

Khả năng và nhu cầu của DNNVV đối với tự nguyện chuẩn bị báo cáo phát triển bền vững sẽ tùy thuộc vào nhiều nhân tố khác nhau, bao gồm kích thước, khu vực ngành, sự sở hữu, mô hình kinh doanh và hạn chế về tài nguyên của họ. Một số DNNVV nhất định có thể thấy những lợi ích của việc tạo ra niềm tin và uy tín với khách hàng, nhà cung cấp, các bên liên quan khác và xã hội; hoặc có khả năng tiếp cận nguồn tài chính trước đó không thể, chẳng hạn như các khoản trợ cấp từ chính phủ yêu cầu nộp hồ sơ thầu ứng tuyển. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng có thể có lợi thế trong thu hút và giữ chân những nhân viên có nhu cầu làm việc cho các doanh nghiệp hướng tới tác động tích cực lên môi trường và xã hội. Thông tin phát triển bền vững có liên quan, kịp thời, có thể so sánh và chính xác có thể hỗ trợ DNNVV suy tính tổng quát về chiến lược và mô hình kinh doanh của họ. Thông tin này có thể làm rõ những cơ hội và rủi ro liên quan tới tác động lên môi trường và con người, nhờ vậy thông tin tốt hơn cho các quyết định và khoản đầu tư.

Tương tự, một nghiên cứu từ tổ chức Kế toán Châu Âu[224] về quản trị rủi ro ở DNNVV lưu ý rằng sự thiếu chủ động trong đánh giá và xem xét các tác động phát triển bền vững trong kinh doanh (báo gồm phương pháp sản xuất và giao hàng, tiếp cận nguyên liệu thô, v.v.) có thể dẫn tới mô hình kinh doanh lạc hậu. Tài liệu cũng đề cập tới rủi ro về tài sản mắc kẹt mà các DNNVV phải đối mặt. Thêm vào đó, diễn biến đại dịch COVID-19 và ảnh hưởng của nó tới chuỗi cung ứng và thị trường là một minh chứng rằng nhận thức và quản lý vững mạnh trong chuỗi cung ứng là cần thiết."

Phụ lục I: VỀ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA EY (EY SUSTAINABILITY CRITICAL ASSESSMENT TOOL)

Trong cuốn Sổ tay này sẽ giới thiệu Công cụ đánh giá Phát triển bền vững (EY Sustainability Critical Assessment Tool) được cung cấp bởi EY như một ví dụ về tiến hành đánh giá mức độ trưởng thành trong triển khai ESG. Công cụ của EY sẽ cung cấp thông tin cần thiết để đánh giá vị trí của doanh nghiệp trong triển khai các vấn đề về phát triển bền vững. Khi hoàn thành bản đánh giá (thời lượng khoảng 10 phút), doanh nghiệp có thể nhận một báo cáo với những điểm mạnh và điểm yếu nổi bật để đưa ra gợi ý về cách doanh nghiệp có thể cải tiến và tạo ra tác động đối với những thách thức về phát triển bền vững.

Bảng 44: Mô tả theo mức độ trưởng thành của các phân loại xếp hạng doanh nghiệp (persona) của EY[225]

	Cấp độ trưởng thành từ cao nhất đến thấp nhất			
Phân loại xếp hạng về phát triển bền vững (Persona)	Chủ thể Tiên phong dẫn đầu[226]	Chủ thể Kích hoạt[227]	Chủ thể Tồn tại[228]	Chủ thể Tụt hậu[229]
Mô tả	Các chủ thể tiên phong dẫn đầu thuộc nhóm có điểm đánh giá cao nhất trong thực hiện nỗ lực phát triển bền vững. Họ nằm ở vị trí dẫn đầu trong việc xem xét các tác động của phát triển bền vững đến kinh doanh và đánh giá những việc cần làm để	Các chủ thể kích hoạt thuộc nhóm có điểm đánh giá cao thứ nhì trong thực hiện nỗ lực phát triển bền vững. Do đó, không ngạc nhiên khi các chủ thể này đã thiết lập các phương án	Các chủ thể Tồn tại là nhóm ghi điểm thấp thứ nhì trong thực hiện các nỗ lực về phát triển bền vững. Các chủ thể Tồn tại vượt xa các chủ thể Tụt hậu trong triển khai chiến lược và quy trình ở một số lĩnh vực then chốt, với các dẫn chứng rõ ràng hơn về cấu trúc ứng phó với phát triển bền vững và các vấn đề có liên quan trong doanh nghiệp của họ.	Các chủ thể Tụt hậu thuộc nhóm có điểm đánh giá thấp nhất trong thực hiện các nỗ lực phát triển bền vững. Mặc dù các chủ thể này có thể đã thiết lập sẵn một số chiến lược và quy trình, những doanh nghiệp thuộc nhóm Tụt hậu thể hiện rất ít hành động hướng tới thúc đẩy phát triển bền vững.

	Cấp độ trưởng thành từ cao nhất đến thấp nhất			
Phân loại xếp hạng về phát triển bền vững (Persona)	Chủ thể Tiên phong dẫn đầu[226]	Chủ thể Kích hoạt[227]	Chủ thể Tồn tại[228]	Chủ thể Tụt hậu[229]
	sẵn sàng cho những thách thức đến từ phát triển bền vững.	chiến lược và quy trình đa dạng liên quan tới phát triển bền vững.	Hầu hết nhóm này có các KPI liên kết với biện pháp và những cam kết của họ về phát triển bền vững để làm rõ trách nhiệm giải trình cho các mục tiêu có thể đo lường liên quan đến phát triển bền vững. Phần lớn cũng có hệ thống quản lý dữ liệu để ghi nhận dữ liệu phát triển bền vững.	Hành vi phổ biến nhất ở nhóm Tụt hậu là việc đã tiến hành đánh giá rủi ro và chủ đề trọng yếu để xác định các chủ đề quan trọng trong phát triển bền vững, tuy nhiên có khá ít các chủ thể có thực hiện nhiều hành động hơn.

Chi tiết về Bảng câu hỏi và các cấp độ trưởng thành được miêu tả trong bảng 11 dưới đây.

Bảng 45: Công cụ đánh giá Chủ đề Phát triển bền vững tối quan trọng được cung cấp bởi EY

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
Quản trị và Chiến lược	Quản trị và Chiến lược	Sứ mệnh và tầm nhìn phát triển bền vững	1	Khẳng định nào sau đây là phù hợp nhất khi mô tả về tầm nhìn của doanh nghiệp?	▲ Tầm nhìn của doanh nghiệp xem xét đến quan điểm và lợi ích của nhiều bên liên quan khác nhau và tập trung vào giá trị dài hạn (trên 10 năm) cùng với thay đổi tích cực về môi trường và xã hội của doanh nghiệp
					▲ Tầm nhìn của doanh nghiệp bao gồm định hướng đem lại các kết quả tích cực về môi trường và xã hội

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
					▲Tầm nhìn của doanh nghiệp có định hướng, nhưng còn hạn chế về việc mang lại các kết quả tích cực về môi trường và xã hội
					▲Tầm nhìn của doanh nghiệp không xem xét đến việc mang lại các kết quả tích cực về môi trường và xã hội
					▲Không biết
		Cấu trúc và Trách nhiệm quản trị	2	Doanh nghiệp có cấu trúc quản trị cho phép giám sát phát triển bền vững từ tầng cao nhất không?	▲Có
					▲Không
					▲Không biết
		Cấu trúc và Trách nhiệm quản trị	3	Khẳng định nào sau đây mô tả đúng nhất cấu trúc quản trị phát triển bền vững của doanh nghiệp?	▲Trách nhiệm cuối cùng trong phát triển bền vững gắn với vai trò của cấp Điều hành/Quản trị và được phân cấp phân quyền
					▲Trách nhiệm liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững trong doanh nghiệp được đảm đương bởi một vị trí Trưởng ban Phát triển bền vững hoặc tương đương
					▲Trách nhiệm liên quan đến các vấn đề phát triển bền vững thuộc về một nhóm làm việc hoặc ủy ban
					▲Không đáp án nào trên đây

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
					▲ Không biết
		Văn hóa và Năng lực	4	Doanh nghiệp có cung cấp hỗ trợ phát triển năng lực về phát triển bền vững (chẳng hạn như tổ chức khóa tập huấn, hội thảo đào tạo, v.v.) hay không?	▲ Có
					▲ Không
					▲ Không biết
		Văn hóa và Năng lực	5	Hỗ trợ nào về năng lực liên quan đến phát triển bền vững được cung cấp trong doanh nghiệp?	▲ Doanh nghiệp có phương pháp được tùy chỉnh để nâng cao kỹ năng, năng lực liên quan đến phát triển bền vững cho nhân viên ở tất cả các cấp
					▲ Doanh nghiệp có phương pháp triển khai nâng cao kỹ năng, năng lực liên quan đến phát triển bền vững cho các lãnh đạo cấp cao
					▲ Doanh nghiệp có cung cấp các lựa chọn hạn chế, tùy chọn để nâng cao kỹ năng, năng lực về phát triển bền vững cho một nhóm nhân viên
					▲ Không biết
		Văn hóa và Năng lực	6	Doanh nghiệp có kế hoạch nâng cao những kỹ năng cần có để ứng phó với các cơ hội và thách thức trong	▲ Có
					▲ Không
					▲ Không biết

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
				phát triển bền vững không?	
		Văn hóa và Năng lực	7	Phương pháp tiếp cận của doanh nghiệp đối với việc xây dựng năng lực về phát triển bền vững là gì?	▲Kế hoạch nhân lực của doanh nghiệp là thông tin đầu vào cho công tác xây dựng chiến lược bền vững trong kinh doanh, tạo ra sự linh hoạt trong doanh nghiệp và thông tin cho các khoản đầu tư đặc biệt vào các mục tiêu phát triển bền vững then chốt của doanh nghiệp
					▲Kế hoạch nguồn nhân lực của doanh nghiệp được liên kết với chiến lược kinh doanh và sử dụng các phương pháp dự đoán, lập kế hoạch kịch bản và thấu hiểu mục tiêu then chốt để lên kế hoạch cho các thách thức phát triển bền vững trong tương lai
					▲Tổ chức thu thập thông tin, báo cáo và phân tích dữ liệu và xếp hạng, so sánh với các yêu cầu và thông lệ tốt trong phát triển bền vững
					▲Không biết
			8	Chế độ Đãi ngộ có được liên kết với hiệu quả thực hiện các KPI về phát triển bền vững trong doanh nghiệp không?	▲Có
					▲Không
					▲Không biết

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
		Khuyến khích của doanh nghiệp	9	Chế độ Đãi ngộ được liên kết với hiệu quả thực hiện các KPI về phát triển bền vững được quản lý trong doanh nghiệp như thế nào?	▲Các KPI tập trung hướng tới đánh giá tác động được liên kết với chế độ lương thưởng hàng năm cũng như các chế độ khuyến khích dài hạn, được xem là trọng yếu và được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp, được phản ánh trong các chỉ số báo cáo và công bố thông tin; Các chế độ khuyến khích được quyết định bởi Ủy ban Đãi ngộ, có bao gồm năng lực về ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) trong tiêu chí lựa chọn.
					▲Các KPI môi trường, xã hội, hướng tới đánh giá tác động được xem là trọng yếu và liên kết với chế độ lương thưởng hàng năm cũng như các chế độ khuyến khích dài hạn
					▲Các KPI môi trường, xã hội, hướng tới đánh giá tác động được liên kết với các chế độ khuyến khích dài hạn
					▲Không biết
	Đánh giá Chủ đề Trọng yếu	Đánh giá Chủ đề Trọng yếu	10	Doanh nghiệp có tiến hành đánh giá chủ đề trọng yếu để nhận dạng các vấn đề trọng yếu/chủ đề quan trọng hay không?	▲Có
					▲Không
					▲Không biết

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
		Đánh giá Chủ đề Trọng yếu	11	Khẳng định nào sau đây mô tả đúng nhất cách doanh nghiệp tiến hành đánh giá chủ đề trọng yếu?	▲Có quy trình xác định chủ đề trọng yếu tiên tiến, có sự tham gia của cấp Điều hành và các bên liên quan then chốt, và được thực hiện tối thiểu là hàng năm
					▲Quy trình đánh giá chủ đề trọng yếu được tiến hành tối thiểu là hàng năm với sự tham gia của một số bên liên quan phù hợp
					▲Có đánh giá khái quát với một số chủ đề trọng yếu, được tiến hành vài năm một lần
					▲Không đáp án nào trên đây
					▲Không biết
		Đánh giá Chủ đề Trọng yếu	12	Doanh nghiệp có tích hợp kết quả đánh giá chủ đề trọng yếu vào các quy trình kinh doanh rộng hơn (VD. Chiến lược, rủi ro và tương tác với các bên liên quan) hay không?	▲Có
					▲Không
					▲Không biết
		Đánh giá Chủ đề Trọng yếu	13	Khẳng định nào sau đây mô tả đúng nhất cách doanh nghiệp tích hợp các chủ đề trọng yếu vào các	▲Các chủ đề trọng yếu được xem xét và tích hợp vào các quy trình kinh doanh rộng hơn (VD. Chiến lược, rủi ro và giao tiếp với các bên liên quan) theo định kỳ tối thiểu là hàng quý

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
				quy trình kinh doanh rộng hơn?	▲Các chủ đề trọng yếu được tích hợp vào quy trình chiến lược, quản trị rủi ro và tương tác với các bên liên quan của doanh nghiệp đến một mức nhất định
					▲Các chủ đề trọng yếu được rà soát trong bối cảnh của các quy trình chiến lược, quản trị rủi ro và tương tác với các bên liên quan của doanh nghiệp theo định kỳ tối thiểu là hàng năm
					▲Không đáp án nào trên đây
					▲Không biết
	Chiến lược ESG, Cam kết và Mục tiêu	Chiến lược Phát triển bền vững	14	Doanh nghiệp có xây dựng chiến lược phát triển bền vững với cam kết, mục đích và mục tiêu rõ ràng liên quan đến phát triển bền vững hay không?	▲Có
					▲Không
					▲Không biết
		Chiến lược Phát triển bền vững	15	Khẳng định nào sau đây mô tả đúng nhất chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp?	▲Doanh nghiệp có chiến lược phát triển bền vững chi tiết và có sự cân nhắc đối với các cam kết, mục tiêu và mục đích về kinh tế, xã hội, quản trị và môi trường và được liên kết với đánh giá chủ đề trọng yếu
					▲Doanh nghiệp có chiến lược phát triển bền vững được liên kết với đánh giá chủ đề trọng yếu, được

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
					đưa vào triển khai toàn doanh nghiệp và tích hợp với chiến lược kinh doanh
					▲ Doanh nghiệp có chiến lược phát triển bền vững ở mức khái quát với trọng tâm là môi trường và chưa liên kết với đánh giá chủ đề trọng yếu
					▲ Không biết
		Mục tiêu và các KPI	16	Doanh nghiệp có các KPI thúc đẩy trách nhiệm giải trình về công tác phát triển bền vững hay không?	▲ Có
					▲ Không
					▲ Không biết
		Mục tiêu và các KPI	17	Liên quan tới các KPI đó, khẳng định nào sau đây mô tả đúng nhất về doanh nghiệp?	▲ Doanh nghiệp có các KPI toàn diện về phát triển bền vững để phục vụ công tác báo cáo hiệu quả hàng năm (bao gồm các chỉ số đo lường về môi trường, xã hội và kinh tế) và được công bố trong Báo cáo Thường niên/ Báo cáo Phát triển bền vững
					▲ Doanh nghiệp có các chỉ số KPI tiêu chuẩn tập trung vào môi trường, xã hội và kinh tế
					▲ Doanh nghiệp có một số chỉ số KPI nhất định ở cấp cao tập trung vào môi trường
					▲ Không biết
			18		▲ Có

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
Hoạt động vận hành Dữ liệu và Báo cáo	Quản lý Chuỗi Giá trị	Quản lý Thượng nguồn và Hạ nguồn Chuỗi cung ứng		Doanh nghiệp có chủ động tìm cách để giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động kinh doanh ở phân khúc upstream (thượng nguồn) và downstream (hạ nguồn) của chuỗi cung ứng không? Chẳng hạn, tiến hành rà soát liên tục đối với quy trình vận chuyển, xử lý và sử dụng sản phẩm, v.v.	▲ Không ▲ Không biết
		Quản lý Thượng nguồn và Hạ nguồn Chuỗi cung ứng	19	Trong quá trình chủ động tìm cách để giảm thiểu các tác động tiêu cực của hoạt động kinh doanh ở upstream và downstream, điều nào sau đây mô tả đúng nhất phương pháp tiếp cận của doanh nghiệp?	▲ Các tác động tại upstream và downstream được hiểu rõ và tích hợp vào trong hoạt động vận hành kinh doanh và ra quyết định của doanh nghiệp. Việc tìm nguồn cung của chuỗi cung ứng được điều chỉnh phù hợp với các tiêu chí phát triển bền vững ưu tiên và được theo dõi và báo cáo với cả nội bộ và bên ngoài ▲ Chính sách chuỗi cung ứng/ mua sắm được xây dựng và cho phép cho các nhà cung cấp truy cập cùng với Quy tắc Ứng xử cho nhà cung cấp. Có sự ưu tiên cho các nguồn cung từ các nhà cung cấp với các chứng nhận nhất định đáp ứng được các ưu tiên phát triển

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
					bền vững khác (ví dụ: là các nhà cung cấp địa phương). Việc này được theo dõi và báo cáo nội bộ
					▲Quy tắc Ứng xử của Nhà cung cấp được áp dụng với kỳ vọng về môi trường và xã hội rằng tất cả các nhà cung cấp phải tuân thủ
					▲Không biết
	Tương tác với Các bên liên quan	Tương tác với Các bên liên quan	20	Các bên liên quan nào sau đây được tương tác và tham vấn về các vấn đề phát triển bền vững để định hình chiến lược và thúc đẩy trọng tâm của doanh nghiệp? Hãy chọn các bên liên quan then chốt với doanh nghiệp của bạn.	▲Cấp độ trưởng thành sẽ phụ thuộc vào số lượng và mức trọng yếu của các bên liên quan mà doanh nghiệp đề nghị tham gia và tham vấn trong danh sách được liệt kê sau đây: Khách hàng/ Nhà cung cấp/ Nhân viên/ Nhà đầu tư/ Cổ đông/ Cộng đồng/ Cơ quan Quản lý, Cơ quan Chính phủ, Nhà Hoạch định Chính sách, các Tổ chức Phi Chính phủ/ Khác - cụ thể hóa nếu có.
					▲Không đáp án nào trên đây
					▲Không biết
		Tương tác với Các bên liên quan	21	Khẳng định nào sau đây mô tả chính xác nhất việc tương tác với các bên liên quan trong doanh nghiệp?	▲Có kế hoạch tương tác với các bên liên quan được triển khai trên toàn doanh nghiệp
					▲Các bên liên quan được doanh nghiệp chủ động và tích cực tương tác (VD. Mức độ thường xuyên là hàng năm thông qua đánh giá trọng yếu) và được ghi nhận

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
					bởi doanh nghiệp trong cơ sở dữ liệu tương tác với các bên liên quan
					▲Có quy trình hạn chế hoặc không chính thức trong tương tác với các bên liên quan
					▲Không biết
	Chương trình ESG và Khả năng Quản lý Thay đổi	Các Chương trình và Sáng kiến ESG	22	Một phương pháp quản lý thay đổi có cấu trúc có được sử dụng cho các sáng kiến phát triển bền vững trước đây không, ví dụ Chiến lược Thay đổi, Đánh giá Tác động, v.v.?	▲Có
					▲Không
					▲Không biết
		Các Chương trình và Sáng kiến ESG	23	Khẳng định nào sau đây mô tả đúng nhất về cách doanh nghiệp quản lý sự thay đổi liên quan đến cơ hội và thách thức trong phát triển bền vững?	▲Doanh nghiệp có văn hóa về thay đổi, trong đó các ý tưởng mới được triển khai thường xuyên và duy trì thông qua phương án tiếp cận quản lý thay đổi đã thiết lập, có sự tham gia của các lãnh đạo và nhân viên vào thực hiện các thay đổi, liên kết các thay đổi về phát triển bền vững phù hợp với giá trị và mục đích của doanh nghiệp, và tận dụng mạng lưới về sự thay đổi đã được thiết lập; Các dự án phát triển bền vững được củng cố với thay đổi được ưu tiên cao và nhân viên có hiểu biết chung về tác động kinh doanh của việc không tham gia.

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
					▲Doanh nghiệp sử dụng phương án tiếp cận quản lý thay đổi có cấu trúc và dành năng lực (thời gian, nguồn lực chuyên môn, ngân sách) để tập trung vào các sáng kiến phát triển bền vững; Tuy nhiên, KPI không được giám sát và cấp lãnh đạo chưa điều chỉnh hành vi của họ phù hợp với tầm nhìn phát triển bền vững
					▲Doanh nghiệp sử dụng phương án tiếp cận quản lý thay đổi có cấu trúc nhưng dành năng lực (thời gian, nguồn lực chuyên môn, ngân sách) hạn chế để tập trung vào các sáng kiến phát triển bền vững
					▲Không đáp án nào trên đây
					▲Không biết
	Báo cáo ESG	Công bố Thông tin về Phát triển bền vững	24	Doanh nghiệp có báo cáo về hiệu quả triển khai để thúc đẩy tính minh bạch về các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững hay không?	▲Có
					▲Không
					▲Không biết
		Công bố Thông tin về Phát triển bền vững	25	Điều nào sau đây mô tả đúng nhất về cách doanh nghiệp báo cáo về hiệu	▲Công bố thông tin về phát triển bền vững và tài chính được tích hợp và được báo cáo chung trong Báo cáo Thường niên/ Báo cáo Tích hợp

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
				quả triển khai công tác phát triển bền vững?	▲Công bố thông tin về phát triển bền vững theo tiêu chuẩn được công khai trong Báo cáo Phát triển bền vững hoặc trong Báo cáo Thường niên, và được đăng tải trên trang Web
					▲Có một số công bố thông tin về phát triển bền vững ở mức khái quát trên trang Web
					▲Không biết
		Công bố Thông tin về Phát triển bền vững	26	Báo cáo phát triển bền vững của doanh nghiệp có tuân theo các khung và tiêu chuẩn báo cáo đã được công nhận không? (ví dụ: GRI, SASB, TCFD, v.v.)	▲Có
					▲Không
					▲Không biết
			27	Điều nào sau đây mô tả đúng nhất về cách doanh nghiệp tuân theo khung và tiêu chuẩn báo cáo đã được công nhận? (ví dụ: GRI, SASB, SDGs, v.v.)	▲Doanh nghiệp hoàn toàn tuân theo các khung và hướng dẫn báo cáo thông lệ dẫn đầu đồng thời hợp tác với bên thứ ba để đảm bảo soát xét báo cáo theo các khung và nguyên tắc hướng dẫn này
					▲Doanh nghiệp hoàn toàn tuân theo các khung và hướng dẫn báo cáo thông lệ dẫn đầu
					▲Doanh nghiệp đã bắt đầu tuân theo một phần với các khung và hướng dẫn báo cáo
					▲Không biết

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
	Quản lý dữ liệu	Quản lý dữ liệu	28	Doanh nghiệp có hệ thống quản lý dữ liệu để ghi nhận dữ liệu liên quan đến phát triển bền vững hay không?	▲ Có
					▲ Không
					▲ Không biết
		Quản lý dữ liệu	29	Điều nào sau đây mô tả đúng nhất về hệ thống quản lý dữ liệu được sử dụng để ghi nhận dữ liệu liên quan đến phát triển bền vững?	▲ Doanh nghiệp có hệ thống quản lý dữ liệu tiên tiến với các biện pháp kiểm soát và xác thực được đưa vào để kiểm tra dữ liệu
					▲ Doanh nghiệp đã thiết lập hệ thống quản lý dữ liệu (ví dụ: kết hợp excel và các giải pháp tùy chỉnh/có sẵn) để quản lý công tác phát triển bền vững
					▲ Doanh nghiệp có hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản (VD. dựa vào các công cụ excel) để quản lý công tác phát triển bền vững
					▲ Không biết
Giám sát	Giám sát	Soát xét & Xác minh độc lập bởi Bên thứ ba	30	Doanh nghiệp có tương tác với bên thứ ba tham gia để cung cấp soát xét và xác minh về công tác phát triển bền vững hay không?	▲ Có
					▲ Không
					▲ Không biết
		Soát xét & Xác minh độc lập bởi Bên thứ ba	31	Điều nào sau đây mô tả đúng nhất về cách bên thứ ba này cung cấp soát	▲ Bên thứ ba đảm nhận soát xét và xác minh ở mức độ vừa đủ đối với thông tin về công tác phát triển bền vững đã được lựa chọn

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
				xét và xác minh về công tác phát triển bền vững?	▲ Bên thứ ba đảm nhận soát xét và xác minh ở mức độ hạn chế đối với hai hoặc nhiều chỉ số, và/hoặc đảm bảo về việc báo cáo tuân theo các hướng dẫn thực thi tốt nhất (VD. GRI) hàng năm
					▲ Bên thứ ba đảm nhận soát xét và xác minh ở mức độ hạn chế đối với ít nhất một chỉ số hàng năm
					▲ Không biết
Năng lực liên quan đến Phát thải Khí Nhà kính GHG	Công bố thông tin về Phát thải Khí Nhà kính	Công bố thông tin về Phát thải Khí Nhà kính	32	Doanh nghiệp có thực hiện kiểm kê phát thải Khí Nhà kính không?	▲ Có
					▲ Không
					▲ Không biết
			33	Khẳng định nào sau đây mô tả đúng nhất về kiểm kê và báo cáo khí nhà kính trong doanh nghiệp?	▲ Kiểm kê bao gồm phát thải Khí nhà kính Phạm vi 1, 2 và 3 (nếu liên quan và phát thải Phạm vi 3 gồm có phát thải trọng yếu trong hoạt động kinh doanh); báo cáo công bố rõ ràng phạm vi, phương pháp luận và dữ liệu lịch sử được cung cấp để phân tích xu hướng
					▲ Kiểm kê bao gồm phát thải Phạm vi 1 và 2 và phát thải Phạm vi 3 trọng yếu được báo cáo công khai
					▲ Kiểm kê chỉ bao gồm Phạm vi 1 và 2 và được báo cáo công khai

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
					▲Kiểm kê chỉ bao gồm phát thải Phạm vi 1 và 2 và không được báo cáo công khai
					▲Không biết
			34	Doanh nghiệp có đo lường phát thải khí nhà kính (GHG) phạm vi 3 (phát thải ở upstream và downstream của doanh nghiệp) hay không?	▲Có
					▲Không
					▲Không biết
			35	Doanh nghiệp làm thế nào để đo lường Phát thải Khí nhà kính Phạm vi 3?	▲Doanh nghiệp hiện đang đo lường tất cả các hạng mục Phát thải Phạm vi 3 có liên quan và trọng yếu
					▲Doanh nghiệp hiện đang đo lường (ít nhất) một trong 15 hạng mục Phát thải Phạm vi 3
					▲Doanh nghiệp hiện đang thu thập dữ liệu về tài chính và vận hành để bắt đầu đo lường Phát thải Phạm vi 3
					▲Không biết
			36	Doanh nghiệp có đặt ra các mục tiêu cắt giảm	▲Có
					▲Không

Phân loại	Nhóm	Năng lực	STT	Câu hỏi đánh giá	Cấp độ trưởng thành (thứ tự giảm dần cho mỗi năng lực)
				phát thải khí nhà kính hay không?	▲ Không biết
			37	Khẳng định nào sau đây mô tả đúng nhất về mục tiêu cắt giảm khí nhà kính của doanh nghiệp?	▲ Mục tiêu được công khai, báo cáo hàng năm và tuân theo một khung báo cáo (như sáng kiến Mục tiêu trên cơ sở Khoa học (SBTi))
					▲ Mục tiêu được công khai và báo cáo hàng năm nhưng không tuân theo bất kì khung báo cáo nào
					▲ Mục tiêu được công bố nội bộ với khung thời gian và phạm vi cố định
					▲ Không biết
			38	Doanh nghiệp đã đặt ra cam kết phát thải ròng bằng 0 hay chưa?	▲ Có
					▲ Không
					▲ Không biết
			39	Doanh nghiệp đã đặt ra cam kết "không tàn phá rừng" hay chưa?	▲ Có
					▲ Không
					▲ Không biết

Phụ lục J: Thỏa thuận Xanh Châu Âu – Nhân tố thay đổi cuộc chơi xanh

Đến năm 2050, châu Âu đặt mục tiêu trở thành lục địa trung hòa khí hậu đầu tiên trên thế giới. Với vai trò tiên phong toàn cầu, EU đang đi đầu trong hành trình khử các-bon, đóng vai trò là hình mẫu cho các quốc gia và khu vực kinh tế khác để khuyến khích họ hành động nhanh hơn về giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thỏa thuận Xanh châu Âu luôn được dự định là một nhân tố thay đổi cuộc chơi xanh và vào ngày 14 tháng 7 năm 2021, kế hoạch 'Fit for 55' đã nêu rõ hơn chiến lược và thúc đẩy cho những nỗ lực chuyển đổi này. Những nỗ lực đáng kể của EU sẽ thúc đẩy động lực trong các lĩnh vực như tài chính, năng lượng, giao thông, di chuyển, nông nghiệp và quản trị doanh nghiệp, và thúc đẩy các hoạt động khác bao gồm lâm nghiệp và đa dạng sinh học.

a. Tổng quan và mục tiêu

Thỏa thuận Xanh châu Âu (EGD) là một phần quan trọng trong chiến lược của EU nhằm thực hiện Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc và các mục tiêu phát triển bền vững. EGD là một chương trình toàn diện và dài hạn của EU nhằm giải quyết các thách thức liên quan đến khí hậu và môi trường đến năm 2050. Được phê duyệt vào ngày 15 tháng 1 năm 2020, EGD đã định hình chiến lược của EU nhằm "thúc đẩy EU thành một xã hội công bằng và thịnh vượng, với một nền kinh tế hiện đại, cạnh tranh và sử dụng hiệu quả tài nguyên, nơi có phát thải ròng khí nhà kính bằng không vào năm 2050 và tăng trưởng kinh tế được tách ra khỏi việc sử dụng tài nguyên".[230]

EGD sẽ áp dụng nhất quán tất cả các cơ chế và công cụ chính sách: *quy định và tiêu chuẩn hóa, đầu tư và đổi mới, cải cách quốc gia, đối thoại với các đối tác xã hội và hợp tác quốc tế*. Việc này sẽ đẩy nhanh và củng cố quá trình chuyển đổi cần thiết trong tất cả các lĩnh vực. Nhìn chung, các chính sách EGD được phân loại theo 9 lĩnh vực chính, một số bao gồm các hoạt động/các bên tham gia cả trong và ngoài EU (Khí hậu, Môi trường và Đại dương, Nông nghiệp), trong khi nhiều lĩnh vực chủ yếu tập trung vào các hoạt động tại châu Âu (Công nghiệp, Năng lượng, Giao thông vận tải, Nghiên cứu và Phát triển, Tài chính và Xây dựng).

EGD không phải là một chiến lược duy nhất để giải quyết các thách thức liên quan đến môi trường và khí hậu của châu Âu, và cũng không phải là một luật; nó là một chiến lược chính sách chung, phác thảo các tham vọng và mục tiêu trong các lĩnh vực chính sách khác nhau. EGD cung cấp khuôn khổ và khung tổng thể bao trùm cho quá trình chuyển đổi xanh cần thiết. Để triển khai được EGD, các quy định và tiêu chuẩn hiện hành sẽ được sửa đổi trong vài năm tới và các luật và chỉ thị mới sẽ được xây dựng và áp dụng triển khai. EGD bao gồm tám yếu tố chính trải dài trên nhiều lĩnh vực khác nhau, nhằm mục đích chuyển đổi nền kinh tế của EU vì một tương lai bền vững. Sự thành công của tổng thể EGD sẽ phụ thuộc vào việc xây dựng và sau đó là việc thực hiện vô số chiến lược và quy định trong tám lĩnh vực chính, như được nêu dưới đây.

Hình 36: Thỏa thuận Xanh châu Âu - Chuyển đổi nền kinh tế EU vì một tương lai bền vững[231]

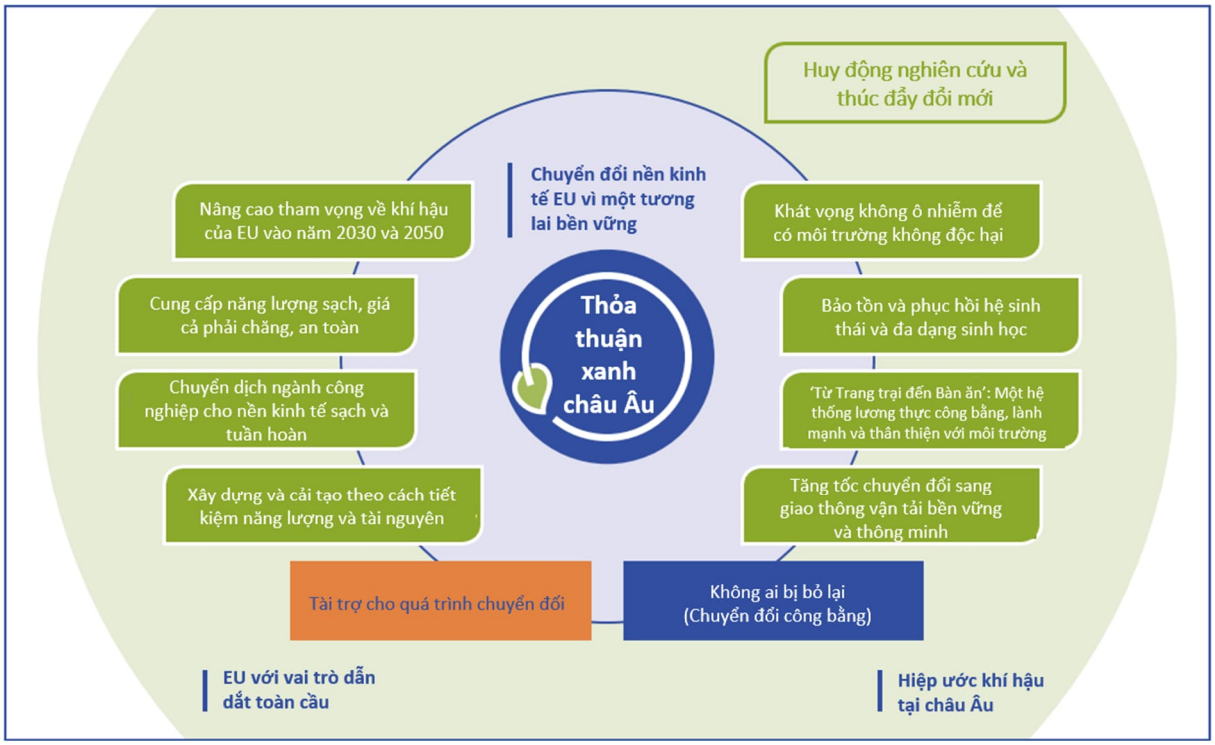

Bảng 46: Tám yếu tố chính của Thỏa thuận xanh châu Âu[232]

STT	Yếu tố chính	Mô tả	Kế hoạch hành động
1	Nâng cao tham vọng về khí hậu của EU vào năm 2030 và 2050	Cắt giảm lượng khí thải ít nhất 55% vào năm 2030 (so với mức năm 1990) và trở thành lục địa trung hòa về khí hậu đầu tiên vào năm 2050.	• 'Luật khí hậu' châu Âu • Kế hoạch toàn diện nhằm nâng mục tiêu khí hậu của EU cho năm 2030 lên ít nhất 50% và tiến tới 55% • Sửa đổi các biện pháp pháp lý liên quan để đạt được mức tham vọng nâng cao về biến đổi khí hậu: Chỉ thị về Hệ thống Giao dịch Phát thải; Nghị định Phân công trách nhiệm; Nghị định về sử dụng đất, thay đổi việc sử dụng đất và lâm nghiệp; Chỉ thị về Hiệu quả Năng lượng; Chỉ thị về Năng lượng tái tạo; Tiêu chuẩn hiệu suất khí thải CO2 cho ô tô và xe bán tải • Sửa đổi Chỉ thị về Thuế năng lượng • Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Các-bon (CBAM) cho các ngành được lựa chọn • Chiến lược mới của EU về Thích ứng với Biến đổi khí hậu

STT	Yếu tố chính	Mô tả	Kế hoạch hành động
2	Cung cấp năng lượng sạch, giá cả phải chăng, an toàn	Tăng cường kết nối giữa các hệ thống năng lượng với cơ sở hạ tầng hiện đại, hiệu quả sử dụng năng lượng cao, bắt đầu khử các-bon trong lĩnh vực khí đốt, tăng cường hợp tác xuyên biên giới và phát huy hết tiềm năng năng lượng gió ngoài khơi.	• Kế hoạch Năng lượng và Khí hậu Quốc gia • Chiến lược về tích hợp thông minh các ngành • Sáng kiến "Làn sóng cải tổ" cho ngành xây dựng • Đánh giá và xem xét Nghị định về Mạng lưới Quốc gia Châu Âu - Năng lượng • Chiến lược về điện gió ngoài khơi
3	Chuyển dịch ngành công nghiệp cho nền kinh tế sạch và tuần hoàn	Hỗ trợ cải cách hiện đại hóa các ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm trung hòa về khí hậu và tuần hoàn, tập trung đặc biệt vào các ngành công nghiệp tiêu thụ năng lượng cao (thép và xi măng). Ủy ban châu Âu sẽ đề xuất một chính sách sản phẩm bền vững kèm theo kế hoạch hành động về nền kinh tế tuần hoàn để hiện đại hóa nền kinh tế của EU.	• Chiến lược Công nghiệp của EU • Kế hoạch Hành động Nền kinh tế Tuần hoàn • Các sáng kiến thúc đẩy thị trường chủ lực cho các sản phẩm trung hòa về khí hậu và tuần hoàn trong các ngành công nghiệp tiêu thụ năng lượng cao • Hỗ trợ quá trình sản xuất thép không khí các-bon vào năm 2030 • Cơ sở pháp lý về pin để hỗ trợ Kế hoạch Hành động Chiến lược về Pin và nền kinh tế tuần hoàn • Đề xuất cải cách pháp lý về chất thải
4	Xây dựng và cải tạo theo cách tiết kiệm năng lượng và tài nguyên	Tăng hiệu suất năng lượng của các tòa nhà (thiết kế nền kinh tế tuần hoàn, số hóa, chống biến đổi khí hậu), phát triển các cơ chế tài chính đổi mới cho công tác cải tạo, bao gồm nhà ở xã hội, trường học và bệnh viện (không để ai bị bỏ lại phía sau)	• "Làn sóng cải tạo" các tòa nhà công và tư • Xem xét lại Quy định về Sản phẩm Xây dựng • Sáng kiến mới về cải tạo
5	Khát vọng không ô nhiễm để có môi trường không độc hại	Bảo tồn đa dạng sinh học, giảm ô nhiễm do dư thừa chất dinh dưỡng, giảm ô nhiễm vi nhựa, rà soát các tiêu chuẩn chất lượng không khí, giảm ô nhiễm và cải thiện việc phòng ngừa việc lắp đặt công nghiệp và tìm kiếm các	• Chiến lược hóa chất vì sự bền vững • Kế hoạch hành động vì không ô nhiễm đối với môi trường nước, không khí và đất • Điều chỉnh các biện pháp để giải quyết ô nhiễm từ các cơ sở công nghiệp lớn

STT	Yếu tố chính	Mô tả	Kế hoạch hành động
		giải pháp thay thế bền vững cho hóa chất	
6	Bảo tồn và phục hồi hệ sinh thái và đa dạng sinh học	Giải quyết vấn đề quản lý rừng và khu vực biển, bảo vệ môi trường, và vấn đề suy giảm loài và hệ sinh thái	• Chiến lược Đa dạng Sinh học của EU đến năm 2030 • Các biện pháp giải quyết các nguyên nhân chính gây suy thoái đa dạng sinh học • Chiến lược Rừng mới của EU • Các biện pháp hỗ trợ chuỗi giá trị không phá rừng
7	'Từ Trang trại đến Bàn ăn': Một hệ thống lương thực công bằng, lành mạnh và thân thiện với môi trường	Xây dựng và áp dụng một hệ thống lương thực công bằng, lành mạnh và thân thiện với môi trường	• Các kế hoạch chiến lược quốc gia, tham chiếu đến các tham vọng của Thỏa thuận Xanh châu Âu và Chiến lược 'Từ Trang trại đến Bàn ăn' • Chiến lược 'Từ Trang trại đến Bàn ăn'
8	Tăng tốc chuyển đổi sang giao thông vận tải bền vững và thông minh	Số hóa - giao thông tự động, hệ thống quản lý giao thông thông minh, ứng dụng thông minh. Sử dụng các phương thức vận tải khác nhau - ví dụ như đường sắt hoặc đường thủy. Chấm dứt các khoản trợ cấp cho nhiên liệu hóa thạch; áp dụng Hệ thống Giao dịch Phát thải của EU cho hàng hải, giao thông đường bộ và nhà ở.	• Chiến lược về giao thông vận tải bền vững và thông minh • Lời kêu gọi tài trợ để hỗ trợ triển khai các điểm sạc và tiếp nhiên liệu công cộng như một phần của cơ sở hạ tầng nhiên liệu thay thế • Đánh giá các tùy chọn pháp lý để thúc đẩy sản xuất và cung cấp nhiên liệu thay thế bền vững cho các phương thức vận tải khác nhau • Sửa đổi Chỉ thị về Vận tải Kết hợp • Xem xét lại Chỉ thị về Cơ sở Hạ tầng Nhiên liệu Thay thế và Quy định về Mạng lưới Giao thông Châu Âu • Các sáng kiến để tăng và quản lý tốt hơn năng lực của đường sắt và đường thủy nội địa • Tiêu chuẩn phát thải chất gây ô nhiễm không khí nghiêm ngặt hơn đối với các phương tiện động cơ đốt trong

b. Tài trợ cho quá trình chuyển đổi

Tài chính bền vững có vai trò quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu chính sách theo Thỏa thuận xanh châu Âu cũng như các cam kết quốc tế của EU về các mục tiêu khí hậu và bền vững.

- *Chỉ thị Báo cáo Bền vững Doanh nghiệp (CSRD),* có hiệu lực vào ngày 5 tháng 1 năm 2023, hiện đại hóa và củng cố các quy tắc để các công ty báo cáo về các tác động xã hội và môi trường của họ. Điều này nhằm mục đích cung cấp cho các nhà đầu tư và các bên liên quan thông tin cần thiết để đánh giá các tác động, rủi ro và cơ hội bền vững của các công ty. Nhìn chung, chỉ thị này là một bước quan trọng trong việc cải thiện tính minh bạch và trách nhiệm công bố của doanh nghiệp về các vấn đề bền vững trong EU. Các công ty thuộc CSRD sẽ phải báo cáo theo Tiêu chuẩn Báo cáo Bền vững Châu Âu (ESRS). Các tiêu chuẩn được phát triển dưới dạng dự thảo bởi EFRAG, trước đây được gọi là Nhóm tư vấn báo cáo tài chính châu Âu, một cơ quan độc lập tập hợp nhiều bên liên quan khác nhau.[233]

- *Hệ thống phân loại của EU (EU taxonomy)* là nền tảng của khung tài chính bền vững của EU và là một công cụ minh bạch thị trường quan trọng. Đây là một hệ thống phân loại xác định các tiêu chí cho các hoạt động kinh tế phù hợp với các mục tiêu khí hậu và môi trường. Nó giúp các công ty và nhà đầu tư xác định các hoạt động bền vững, mở rộng quy mô đầu tư xanh và tránh "tẩy xanh" (greenwashing_ phù hợp với các mục tiêu của Thỏa thuận xanh châu Âu. Quy định phân loại đã đưa ra khung và Ủy ban châu Âu hiện đang xây dựng các tiêu chí sàng lọc kỹ thuật chi tiết.[234]

- Các **định** mức so sánh tham chiếu về khí hậu và các công bố ESG đối với các định mức: Vào tháng 5 năm 2018, Ủy ban đã đưa ra đề xuất về một quy định sửa đổi quy định về định mức so sánh tham chiếu. Sửa đổi này sẽ tạo ra một danh mục mới của các định mức bao gồm các định mức các bon thấp và các định mức tác động các bon tích cực, sẽ cung cấp cho các nhà đầu tư thông tin tốt hơn về dấu chân các-bon của các khoản đầu tư của họ. Quy định sửa đổi về định mức đã được công bố trên Công báo Chính thức vào ngày 9 tháng 12 năm 2019. Ủy ban sẽ thông qua các văn bản pháp quy ủy quyền vào giữa năm 2020.[235]

- *Tiêu chuẩn Trái phiếu xanh châu Âu* nhằm mục đích thiết lập một tiêu chuẩn vàng cho trái phiếu xanh. Tiêu chuẩn, là tự nguyện, dựa trên các tiêu chí chi tiết của phân loại EU để xác định các hoạt động kinh tế xanh, đảm bảo mức độ minh bạch phù hợp với thông lệ tốt nhất của thị trường và thiết lập giám sát các công ty thực hiện đánh giá trước và sau khi phát hành ở cấp độ châu Âu.[236]

- *Quy định xếp hạng ESG* yêu cầu các công ty tài chính cung cấp xếp hạng ESG của riêng họ phải tiết lộ thông tin giống như các nhà cung cấp chuyên ngành. Nó cũng yêu cầu các cơ quan xếp hạng ESG phục vụ thị trường EU phải được ESMA ủy quyền và giám sát, để tăng sự rõ ràng và giảm thiểu xung đột lợi ích.[237]

c. Gói Fit for 55

Gói Fit for 55 nhằm mục đích biến tham vọng khí hậu của Thỏa thuận xanh thành luật. Gói này là một tập hợp các đề xuất sửa đổi luật liên quan đến khí hậu, năng lượng và giao thông vận tải và đưa ra các sáng kiến lập pháp mới để điều chỉnh luật pháp EU với các mục tiêu khí hậu

của EU. Gói đề xuất nhằm cung cấp một khuôn khổ chặt chẽ và cân bằng để đạt được các mục tiêu khí hậu của EU, trong đó:

- đảm bảo quá trình chuyển đổi công bằng và công bằng về mặt xã hội;
- duy trì và tăng cường sự đổi mới và khả năng cạnh tranh của ngành công nghiệp EU đồng thời đảm bảo một sân chơi bình đẳng đối với các nhà điều hành kinh tế của nước thứ ba;
- củng cố vị thế của EU là khu vực dẫn đầu trong cuộc chiến toàn cầu chống biến đổi khí hậu.[238]

Hình 37: Đánh giá tác động ngành phù hợp với 55 - Nguồn: Phân tích KPMG[239]

	Xe hơi	Hóa chất	Năng lượng	Chính phủ và Khu vực công	Nông nghiệp	Khoa học sự sống	Sản xuất công nghiệp	Cơ sở vật chất	Khai khoáng	Bất động sản	Vận tải và Logistics	Các ngành toàn cầu (Chăm sóc sức khỏe, Cơ sở hạ tầng, Chính phủ, Khoa học đời sống)
Sửa đổi Hệ thống Giao dịch Phát thải của EU (EU ETS), bao gồm hàng hải, hàng không và CORSIA, cũng như đề xuất về ETS như nguồn lực riêng của EU	X	X	X			X	X	X	X	X	X	X
Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon (CBAM) và đề xuất về CBAM như nguồn lực riêng của EU	X						X	X		X		X
Quy định Chia sẻ Nỗ lực (ESR)	X		X				X					
Sửa đổi Chỉ thị Thuế Năng lượng (ETD)			X			X	X	X	X			X
Sửa đổi Chỉ thị Năng lượng Tái tạo (RED) để thực hiện tham vọng của mục tiêu khí hậu 2030 mới	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X
Sửa đổi Chỉ thị Hiệu quả Năng lượng (EED) để thực hiện tham vọng của mục tiêu khí hậu 2030 mới	X	X	X	X		X	X	X	X	X		X
Sửa đổi Quy định về việc tích hợp phát thải và hấp thụ khí nhà kính từ việc sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF)			X	X		X						
Sửa đổi Chỉ thị về triển khai cơ sở hạ tầng nhiên liệu thay thế	X	X	X	X	X	X	X	X			X	
Sửa đổi Quy định về tiêu chuẩn hiệu suất phát thải CO_2 đối với ô tô khách mới và xe thương mại nhẹ mới	X	X	X	X	X	X	X	X			X	
Sửa đổi Chỉ thị về Hiệu suất Năng lượng của Tòa nhà (EPBD)		X		X	X		X	X		X		X
Sửa đổi Gói Năng lượng Thứ Ba cho Khí đốt (Chỉ thị 2009/73/EU và Quy định 715/2009/EU) để điều chỉnh các thị trường khí đốt phi carbon hóa	X	X	X			X					X	
Quy định về Pin và Pin Thải	X	X	X				X				X	X
Quy định về Hướng dẫn Cơ sở Hạ tầng Năng lượng Xuyên Châu Âu	X			X				X			X	X
Quy định về Mạng lưới Vận tải Xuyên Châu Âu	X			X				X				X

UK PACT

www.ukpact.co.uk

For any enquiries, please get in touch via email at communications@ukpact.co.uk

[1] EY and Indian Chamber of Commerce (2021, March). Building long— term business resilience. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_in/topics/climate-change/2021/05/building-long-term-business-resilience.pdf?download
[2] EY (2021). Setting the ESG agenda to achieve sustainable long-term value. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_my/topics/climate-change/ey-tl-setting-the-esg-agenda-to-achieve-long-term-value.pdf?download - p. 4
[3] Eitelwein, O., & Paquet, S. (2021, June 4). Why Sustainability has become a corporate imperative. Retrieved from EY Parthenon: https://www.ey.com/en_gl/insights/strategy/why-sustainability-has-become-a-corporate-imperative
[4] Porter, M., Serafeim, G., & Kramer, M. (2019, October 16). Where ESG Fails. Retrieved from Harvard Business School Institutional investor: https://www.institutionalinvestor.com/article/b1hm5ghqtxj9s7/Where-ESG-Fails
[5] EYGM Limited. (2018). Global Institutional Investor Survey 2018.
[6] ICCR Institute. (2016). The Business Case for Corporate Investment in Sustainable Practices.
[7] Ernst & Young LLP (2015). Infinite possibilities: procurement in 2025.
[8] EY and Indian Chamber of Commerce (2021, March). Building long— term business resilience. Retrieved from EY: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_in/topics/climate-change/2021/05/building-long-term-business-resilience.pdf?download
[9] Henisz, W., Koller, T., & Nuttall, R. (2019, November 14). Five ways that ESG Creates Value. Retrieved from McKinsey: https://www.mckinsey.com/capabilities/strategy-and-corporate-finance/our-insights/five-ways-that-esg-creates-value
[10] Henisz, W., Koller, T., & Nuttall, R. (2019, November 14). Five ways that ESG Creates Value. Retrieved from McKinsey: https://www.mckinsey.com/capabilities/strategy-and-corporate-finance/our-insights/five-ways-that-esg-creates-value
[11] COSO & WBCSD. (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social, and governance-related risks. Retrieved from: https://www.wbcsd.org/erm
[12] World Economic Forum (2023, January). The Global Risks Report 2023, 18th Edition. Retrieved from World Economic Forum: https://www.weforum.org/reports/global-risks-report-2023/
[13] COSO & WBCSD. (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social, and governance-related risks. Retrieved from: https://www.wbcsd.org/erm
[14] EY. (May 2023). Global Sustainable Finance, ESG Risk Management: Risk and Control Frameworks.
[15] Task Force on Climate-related Financial Disclosures. Retrieved from TCFD: https://www.fsb-tcfd.org/
[16] EY. (2023, January). Sustainability governance, risk and compliance (GRC) – Solution narrative.
[17] EY. (2021, June). The future of sustainability reporting standards. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_gl/topics/sustainability/ey-the-future-of-sustainability-reporting-standards-june-2021.pdf
[18] Intergovernmental Panel on Climate Change. (2014). Climate Change 2014: Impacts, Adaptation, and Vulnerability. Part A: Global and Sectoral Aspects - p. 50.
[19] United Nations, Human Rights. (2021). Fact sheet no.38, Frequently Asked Questions on Human Rights and Climate Change. Retrieved from: https://www.ohchr.org/sites/default/files/Documents/Publications/FSheet38_FAQ_HR_CC_EN.pdf
[20] UNDP (2024, January). ESG: From Challenges to Opportunities. Retrieved from: https://www.undp.org/belarus/stories/esg-challenges-opportunities
[21] University of Notre Dame. (2021). Rankings. Retrieved from: https://gain.nd.edu/our-work/country-index/rankings/
[22] Hallegatte, S., M. Bangalore, L. Bonzanigo, M. Fay, T. Kane, U. Narloch, J. Rozenberg, D, Treguer and A. VogtSchilb. (2016). Shock Waves: Managing the Impacts of Climate Change on Poverty. Climate Change and Development Series. Washington, DC: World Bank
[23] World Bank Group. (2022). COUNTRY CLIMATE AND DEVELOPMENT REPORT – VIETNAM. Retrieved from: http://vepg.vn/wp-content/uploads/2022/07/CCDR-Full-report_01.07_FINAL.pdf

[24] The economic security line in Vietnam is $5.50 per person per day in 2011 purchasing power parity (PPP) terms. Washington, DC: World Bank. https://documents.worldbank.org/en/publication/documents-reports/documentdetail/099945004182217194/P17626100f8c0005d0b7270db2c28481e36.
[25] The World Bank. (2022, July 1). *Key Highlights: Country Climate and Development Report for Vietnam*. Retrieved from World Bank: Key Highlights: Country Climate and Development Report for Vietnam (worldbank.org)
[26] PricewaterhouseCoopers. (2022). Vietnam ESG Readiness Report 2022. Retrieved from PwC: Vietnam ESG Readiness Report 2022 (pwc.com)
[27] Jan 2021 to Mar 2021 survey conducted by SSC and EY with companies listed in HNX and HOSE
[28] Evans, S. (2017, May 11). Mapped: Climate change laws around the world. Retrieved from Carbon Brief: https://www.carbonbrief.org/mapped-climate-change-laws-around-world/
[29] Philipova, E. (2023, June 2). How many companies outside the EU are required to report under its sustainability rules?. Retrieved from Refinitiv.com: How many non-EU companies are required to report under EU sustainability rules? | Refinitiv Perspectives
[30] European Commission. (2024). Corporate sustainability reporting. Retrieved from European Commission: Corporate sustainability reporting (europa.eu)
[31] SGX-ST Listing Rules: Practice Note 7.6. Retrieved from: https://rulebook.sgx.com/rulebook/practice-note-76-sustainability-reporting-guide
[32] Segal, M. (2023, July 10). Singapore Proposes Mandatory Climate Reporting for both Public and Private Companies. Retrieved from ESG Today: https://www.esgtoday.com/singapore-proposes-mandatory-climate-reporting-for-both-public-and-private-companies/
[33] UNPRI. (2020, April 7). About PRI Regulation database. Retrieved from PRI: About PRI global responsible investment regulation database | PRI (unpri.org)
[34] Members – United Nations Environment – Finance Initiative. Retrieved from Unepfi.org: Our Members – United Nations Environment – Finance Initiative (unepfi.org)
[35] The World Bank. (2022, July). Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển Việt Nam. Retrieved from World Bank: content (worldbank.org) – pg. 67-72
[36] Schirmbeck, S. (2017). Vietnam's Environmental Policies at a Crossroads. Retrieved from: 13367.pdf (fes.de) – pg. 5
[37] The World Bank. (2022, July). Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển Việt Nam. Retrieved from World Bank: content (worldbank.org) – pg. 71
[38] The World Bank. (2022, July). Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển Việt Nam. Retrieved from World Bank: content (worldbank.org) – pg. 67-72
[39] Phân tích rút ra từ Đánh giá trợ cấp năng lượng của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, hoàn thành vào tháng 6 năm 2018 (chưa công bố).
[40] Bộ KH&ĐT & UNDP. (2022). Đánh giá chi tiêu công và đầu tư khí hậu của Việt Nam. Hà Nội: Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc.
[41] For a review of key issues with public investment management in Vietnam, see The World Bank. (2018, July). Public Investment Management in Vietnam: Assessment and Reform Priorities for Overcoming the Bottlenecks. Public Investment Review. Washington, DC: World Bank. Retrieved from Open Knowledge Repository: http://hdl.handle.net/10986/31762.
[42] Luật Bảo vệ Môi trường Số. 55/2014.QH13. Retrieved from: Luật bảo vệ môi trường 2014 số 55/2014/QH13 (thuvienphapluat.vn) và các văn bản quy định, hướng dẫn liên quan
[43] Luật Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng Số. 50/2010/QH12. Retrieved from: Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 2010 số 50/2010/QH12 áp dụng 2024 (thuvienphapluat.vn) và các văn bản quy định, hướng dẫn liên quan
[44] Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng số 59/2010/QH12 sẽ được thay thế bởi Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng Số. 19/2023/QH12. Retrieved from: https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Law19-2023-QH15-Protection-of-Consumers-Rights-574669.aspx?tab=1

từ ngày 01/07/2024, trong đó bổ sung thêm một số quyền lợi của người tiêu dùng và các quy định về giao dịch từ xa.

[45] OECD (2004, May 3). OECD Principles of Corporate Governance 2004. Retrieved from: https://doi.org/10.1787/9789264015999-en

[46] SSC, HOSE, HNX, IFC, WB & SECO. (2019, August). Bộ Nguyên tắc Quản trị Công ty theo thông lệ tốt nhất . Retrieved from: vietnam_cg_code_of_best_practices_v1.0_english.pdf (ecgi.global)

[47] Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Retrieved from: Thông tư 96/2020/TT-BTC quy định công bố thông tin trên thị trường chứng khoán mới nhất (thuvienphapluat.vn)

[48] Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững. (2015). Retrieved from Vbcsd: https Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững (vbcsd.vn)

[49] Pham, H. H. (2023). Hướng dẫn Bộ chỉ số Doanh nghiệp bền vững (CSI) 2023. Retrieved from Vbcsd*:* vbcsd-202371894933.pdf

[50] EY. (2021). The future of sustainability reporting standards. Retrieved from: ey-the-future-of-sustainability-reporting-standards-june-2021.pdf

[51] IFRS. (2024). IFRS Foundation welcomes culmination of TCFD work and transfer of TCFD monitoring responsibilities to ISSB from 2024. Retrieved from: https://www.ifrs.org/news-and-events/news/2023/07/foundation-welcomes-tcfd-responsibilities-from-2024/

[52] EY adaptation of BloombergNEF. (2023, July10). Mother of All Sustainability Reporting Standards Unveiled. Retrieved from: https://about.bnef.com/blog/mother-of-all-sustainability-reporting-standards-unveiled/
For the full list of sources, refer to Appendix 1.

[53] Blackrock. (2022). Sustainability Reporting: Convergence to Accelerate Progress. Retrieved from: https://www.blackrock.com/corporate/literature/publication/blk-commentary-sustainability-reporting-convergence.pdf

[54] TCFD. (2017). Recommendations of the Task Force on Climate-related Financial Disclosures. Retrieved from: https://assets.bbhub.io/company/sites/60/2020/10/FINAL-2017-TCFD-Report-11052018.pdf

[55] EY. (2021). The future of sustainability reporting standards. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_gl/topics/sustainability/ey-the-future-of-sustainability-reporting-standards-june-2021.pdf

[56] GRI. (2023). Project for Climate Change Standard(s). Retrieved from: https://www.globalreporting.org/standards/standards-development/project-for-climate-change-standard-s/

[57] IFRS. (2023). IFRS S2 Climate-related Disclosures. Retrieved from: https://www.ifrs.org/issued-standards/ifrs-sustainability-standards-navigator/ifrs-s2-climate-related-disclosures/#:~:text=IFRS%20S2%20requires%20an%20entity,related%20risks%20and%20opportunities%20that

[58] European Commission. (2023, July 31). Daily News 31/07/2023. Retrieved from: https://ec.europa.eu/commission/presscorner/detail/en/mex_23_4044

[59] GRI ASEAN & Centre for Governance and Sustainability. (2022, July). Climate Reporting in ASEAN State of Corporate Practices. Retrieved from: https://www.globalreporting.org/media/oujbt3ed/climate-reporting-in-asean-state-of-corporate-practices-2022.pdf

[60] Vietnamnews (2017, June 15). Sustainability Reporting Standard launched. Retrieved from: Sustainability Reporting Standard launched (vietnamnews.vn)

[61] GIZ. (2023, March). Vietnam's Climate Risks and Best Practices for TCFD Disclosure. Retrieved from: https://www.giz.de/en/downloads_els/Vietnam%20Climate%20Risks%20and%20Best%20Practices%20for%20TCFD%20Disclosure.pdf

[62] GIZ. (2023, March). Vietnam's Climate Risks and Best Practices for TCFD Disclosure. Retrieved from: https://www.giz.de/en/downloads_els/Vietnam%20Climate%20Risks%20and%20Best%20Practices%20for%20TCFD%20Disclosure.pdf

[63] PricewaterhouseCoopers. (2022). Vietnam ESG Readiness Report 2022. Retrieved from PwC: https://www.pwc.com/vn/en/publications/vietnam-publications/esg-readiness-2022.html

[64] PricewaterhouseCoopers. (2022). Vietnam ESG Readiness Report 2022. Retrieved from PwC: https://www.pwc.com/vn/en/publications/vietnam-publications/esg-readiness-2022.html
[65] UNPRI. Signatory directory. Retrieved from PRI: https://www.unpri.org/signatories/signatory-resources/signatory-directory
[66] Task Force on Climate-Related Financial Disclosures. Retrieved from: https://www.fsb-tcfd.org/support-tcfd/
[67] EY. Why ESG integration is becoming the new imperative for private equity firms. Retrieved from: https://www.ey.com/en_in/climate-change-sustainability-services/why-esg-integration-is-becoming-the-next-imperative-for-private-equity-firms
[68] GFAN. (2022). 2022 Progress Report. Retrieved from: GFANZ-2022-Progress-Report.pdf (bbhub.io) – pg. 13, 21
[69] Almeida, M., & Wong, C. X. (2023). ASEAN Sustainable Finance State of the Market 2022. Retrieved from Climate Bonds Initiative: https://www.climatebonds.net/files/reports/cbi_asean_sotm_2022_02f.pdf – pg. 2. As of 2022, the ASEAN State of the Sustainable Finance Market report covers green, social, sustainability, and sustainability-linked loans and bonds, as well as transition bonds.
[70] Almeida, M., & Wong, C. X. (2023). ASEAN Sustainable Finance State of the Market 2022. Retrieved from Climate Bonds Initiative: cbi_asean_sotm_2022_02f.pdf (climatebonds.net) – pg. 3, 8
[71] Almeida, M., & Wong, C. X. (2023). ASEAN Sustainable Finance State of the Market 2022. Retrieved from Climate Bonds Initiative: cbi_asean_sotm_2022_02f.pdf (climatebonds.net) – pg. 34
[72] Almeida, M., & Wong, C. X. (2023). ASEAN Sustainable Finance State of the Market 2022. Retrieved from Climate Bonds Initiative: cbi_asean_sotm_2022_02f.pdf (climatebonds.net) – pg. 34
[73] The World Bank. (2022, July 1). Key Highlights: Country Climate and Development Report for Vietnam. Retrieved from World Bank: Key Highlights: Country Climate and Development Report for Vietnam (worldbank.org)
[74] BTA. (2023, December 12). Vietnam needs about 368 billion USD to reach Net Zero goal. Retrieved from: https://en.dangcongsan.vn/trade-investment/vietnam-needs-about-368-billion-usd-to-reach-net-zero-goal-607554.html#:~:text=(CPV)%20%2D%20Vietnam%20needs%20about,the%20World%20Bank%20(WB).
[75] VNA. (2023, November 27). Green credit - key “pillar” of green economy. Retrieved from Vietnam+ (VietnamPlus): https://v3-en.vietnamplus.vn/green-credit-key-pillar-of-green-economy-post274560.vnp
[76] Almeida, M., & Wong, C. X. (2023). ASEAN Sustainable Finance State of the Market 2022. Retrieved from Climate Bonds Initiative: cbi_asean_sotm_2022_02f.pdf (climatebonds.net) – pg. 12, 34
[77] Chailease (2022, August 24). CHAILEASE INTERNATIONAL LEASING COMPANY LIMITED SIGNS THE FIRST SOCIAL SYNDICATED LOAN IN TAIWAN AND VIETNAM. Retrieved from: https://www.chailease.com.vn/en/news/news-about-chailease/chailease-international-leasing-company-limited-signs-the-first-social-syndicated-loan-in-taiwan-and-vietnam-/259/1
[78] CFA Institution, GSIA & PRI. (2023, November). Definitions for Responsible Investment Approaches. Retrieved from: https://www.unpri.org/investment-tools/definitions-for-responsible-investment-approaches/11874.article#ESG_integration
[79] CFA Institution, GSIA & PRI. (2023, November). Definitions for Responsible Investment Approaches. Retrieved from: https://www.unpri.org/investment-tools/definitions-for-responsible-investment-approaches/11874.article#ESG_integration
[80] Na, B. C., & Venugopal, L. (2023). 2022 Asia Pacific Corporate Governance and ESG Survey Results. Retrieved from AON: 2022 Asia Pacific Corporate Governance and ESG Survey Results (aon.com)
[81] A4S Essential Guide to Debt Finance. (2019, May). Retrieved from: https://www.accountingforsustainability.org/content/dam/a4s/corporate/home/KnowledgeHub/Guide-pdf/A4S%20Essential%20Guide%20to%20Debt%20Finance1.pdf.downloadasset.pdf – pg. 9
[82] Boffo, R., and R. Patalano. (2020). ESG Investing: Practices, Progress and Challenges. Retrieved from OECD Paris: www.oecd.org/finance/ESG-Investing-Practices-Progress-and-Challenges.pdf

[83] A4S Essential Guide to Debt Finance. (2019, May). Retrieved from: https://www.accountingforsustainability.org/content/dam/a4s/corporate/home/KnowledgeHub/Guide-pdf/A4S%20Essential%20Guide%20to%20Debt%20Finance1.pdf.downloadasset.pdf
[84] UNGC & Deloitte. (2010, June 17). UN Global Compact Management Model. Retrieved from: https://d306pr3pise04h.cloudfront.net/docs/news_events%2F9.1_news_archives%2F2010_06_17%2FUN_Global_Compact_Management_Model.pdf
[85] Resources & Tools | UN Global Compact Network Malaysia & Brunei. (2016). Retrieved from UNGCMYB: https://www.ungcmyb.org/resources-tools
[86] Sharpe, E. (2023). Sustainable Development Goals Playbook for Small-Medium Enterprises. Retrieved from Global Compact Network UK: https://www.unglobalcompact.org.uk/sdg-playbook-for-smes/
[87] 1.5°C Business Playbook. (2023, September). Retrieved from Exponential Road Map: https://exponentialroadmap.org/1-5-business-playbook/
[88] Transition Task Force. (2024, April). Transition Planning Cycle. Retrieved from: https://transitiontaskforce.net/the-transition-planning-cycle/
[89] The SME ESG Jumpstart Guide. (2023). Retrieved from Joint Committee on Climate Change JC3: https://www.jc3malaysia.com/sme-esg-jumpstart-guide
[90] EY. (2021, October). ESG integration in business: a key imperative. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_in/topics/climate-change/esg-leadership-dialogues/esg-integration-in-business-a-key-imperative.pdf
[91] GRI & United Nations Global Compact. INTEGRATING THE SDGs INTO CORPORATE REPORTING: A PRACTICAL GUIDE. Retrieved from: https://d306pr3pise04h.cloudfront.net/docs/publications%2FPractical_Guide_SDG_Reporting.pdf
[92] EY. (2023, January). Sustainability governance, risk and compliance (GRC), Solution narrative.
[93] Retrieved from Transition Taskforce: https://transitiontaskforce.net/
[94] SDG Services. PRINCIPLES. Retrieved from: https://www.sdg.services/principles.html
[95] COSO & WBCSD (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social and governance-related risks. Retrieved from: https://www.wbcsd.org/erm
[96] IFC ESG Guidebook, 2021
[97] DiversityInc, Truvalue Labs (data as of 20 August 2020)
[98] COSO & WBCSD. (October 2018). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social and governance-related risks. Retrieved from https://www.wbcsd.org/erm
[99] COTECONNS. (2023, May). Annual Report 2022. Retrieved from: https://www.coteccons.vn/wp-content/uploads/2023/04/Full_AR2022-CTD_ENG_23-May.pdf
[100] Network for Business Sustainability. (2010). Embedding sustainability in organisational culture. Retrieved from: EP-Embedding-Sustainability-in-Organizational-Culture.pdf (embeddingproject.org)
[101] Financial Conduct Authority. (2023, February). Discussion Paper: Finance for positive sustainable change: governance, incentives and competence in regulated firms. Retrieved from FCA: https://www.fca.org.uk/publication/discussion/dp23-1_updated.pdf
[102] EY. Corporate responsibility. Retrieved from: https://www.ey.com/en_gl/corporate-responsibility
[103] PRI Association & UNGC. (2012, June). Integrating ESG issues into executive pay - Guidance for investors and Companies. Retrieved from PRI: https://www.unpri.org/download?ac=1878
[104] Unilever. (2020). Annual report and accounts 2020. - pg. 81
[105] Country Gender Equality Profile Viet Nam 2021. (2021, October 26). Retrieved from: vn-CGEP_Full.pdf (unwomen.org)
[106] Country Gender Equality Profile Viet Nam 2021. (2021, October 26). Retrieved from: vn-CGEP_Full.pdf (unwomen.org)
[107] Country Gender Equality Profile Viet Nam 2021. (2021, October 26). Retrieved from: vn-CGEP_Full.pdf (unwomen.org)
[108] How to Close the Gender Gap. (2021, May). Retrieved from Harvard Business Review: How to Close the Gender Gap (hbr.org)

[109] McKinsey & Company & LeanIn.Org. (2021). Women are setting a new standard for leadership. Retrieved from: Women are setting a new standard for leadership (leanin.org)
[110] Bateman, K. (2022, March 3). 15 strategies helping to close the gender gap around the world. Retrieved from World Economic Forum: How is the world helping women bridge the gender gap? | World Economic Forum (weforum.org)
[111] IFAC. (2015, November). Materiality in <IR> Guidance for the preparation of integrated reports. Retrieved from: 1315_MaterialityinIR_Doc_4a_Interactive.pdf (integratedreporting.org)
[112] European Commission. (2019). Guidelines on reporting climate-related information. Retrieved from: Guidelines on reporting climate-related information (europa.eu)
[113] IFAC. (2015, November). Materiality in <IR> Guidance for the preparation of integrated reports. Retrieved from: 1315_MaterialityinIR_Doc_4a_Interactive.pdf (integratedreporting.org)
[114] GRI 3: Material Topics 2021. Retrieved from: https://globalreporting.org/pdf.ashx?id=12453
[115] IFAC. (2015, November). Materiality in <IR> Guidance for the preparation of integrated reports. Retrieved from: 1315_MaterialityinIR_Doc_4a_Interactive.pdf (integratedreporting.org)
[116] EY. (2022, June). ESG due diligence, Methodology playbook version 1.0
[117] IFAC. (2015, November). Materiality in <IR> Guidance for the preparation of integrated reports. Retrieved from 1315_MaterialityinIR_Doc_4a_Interactive.pdf (integratedreporting.org)
[118] EFRAG. (2022, January). [Draft] ESRG 1 Double materiality conceptual guidelines for standard-setting Working paper. Retrieved from: Double Materiality Guidelines (efrag.org)
[119] COSO & WBCSD. (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social, and governance-related risks. Retrieved from: https://www.wbcsd.org/erm
[120]
Accountability. Retrieved from: https://www.accountability.org/standards/
[121] Ceres. The Ceres Roadmap for Sustainability. Retrieved from Ceres: https://www.ceres.org/roadmap
[122] WBCSD. (2016, August). Guidelines for Environmental and Social Impact Assessment (ESIA). Retrieved from: https://www.wbcsd.org/Sector-Projects/Cement-Sustainability-Initiative/Resources/Guidelines-for-Environmental-and-Social-Impact-Assessment-ESIA
[123] GRI Standards. Retrieved from GRI: https://www.globalreporting.org/standards/
[124] Business & Human Rights Resource Center. Retrieved from Business & Human Rights Resource Centre: https://business-humanrights.org/en/un-guiding-principles/implementation-tools-examples/implementation-by-companies/type-of-step-taken/human-rights-due-diligence
[125] Integrated Reporting. (2016, October). Creating value: The cyclical power of integrated thinking and reporting. Retrieved from International Integrated Reporting Council: http://integratedreporting.org/wp-content/uploads/2017/05/CreatingValue_IntegratedThinkingK1.pdf
[126] Sustainability Accounting Standards Board Standards. Retrieved from Sustainability Accounting Standards Board (SASB): https://www.sasb.org/
[127] GRI 3: Material topics
[128] GRI 3: Material topics
[129] EY. (2022, June). ESG due diligence - Methodology playbook version 1.0
[130] IFC ESG Guidebook
[131] GRI 3: Material topics
[132] Materiality in <IR> Guidance for the preparation of integrated reports. (2015, November).
[133] Bertels, S. and Dobson, R. (2017). The Road to Context: Contextualising your Strategy & Goals Guide. Retrieved from Embedding Project: https://embeddingproject.org/pub/resources/EP-Road-to-Context.pdf
[134] Bertels, S. and Dobson, R. (2017). The Road to Context: Contextualising your Strategy & Goals Guide. Retrieved from Embedding Project: https://embeddingproject.org/pub/resources/EP-Road-to-Context.pdf
[135] TCFD. (2021, October). Task Force on Climate-related Financial Disclosures Guidance on Metrics, Targets, and Transition Plans. Retrieved from: https://assets.bbhub.io/company/sites/60/2021/07/2021-Metrics_Targets_Guidance-1.pdf

[136] TCFD. (2021, October). Task Force on Climate-related Financial Disclosures Guidance on Metrics, Targets, and Transition Plans. Retrieved from: https://assets.bbhub.io/company/sites/60/2021/07/2021-Metrics_Targets_Guidance-1.pdf
[137] UN PRI. (2012, June). Integrating ESG issues into executive pay - Guidance for investors and Companies, PRI Association and the United Nations Global Compact office. Retrieved from: https://www.unpri.org/download?ac=1878
[138] Heineken. (2019, March). Heineken announces Every Drop – water ambition for 2030.
[139] IFC (2021, June 16). Focus 15: Sustainability Committees: Structure and Practices. Retrieved from: Focus 15: Sustainability Committees: Structure and Practices (ifc.org)
[140] International Development Partners Group, Nepal. (2017). A Common Framework for Gender Equality & Social Inclusion. Retrieved from: GESIframeworkReportFinal2017compressed.pdf (unwomen.org)
[141] EY UKI Sustainable Supply Chain Playbook
[142] BSR. (2018, September). Climate + Supply Chain, The Business Case for Action. Retrieved from: https://www.bsr.org/reports/BSR_Climate_and_Supply_Chain_Management.pdf
[143] EY UKI Sustainable Supply Chain Playbook
[144] 18102019-GESI-Mainstreaming-Guidelines__EN_Final.pdf (aus4vietnam.org)
[145] COSO & WBCSD. (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social, and governance-related risks. Retrieved from: https://www.wbcsd.org/erm
[146] COSO & WBCSD. (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social, and governance-related risks. Retrieved from: https://www.wbcsd.org/erm
[147] COSO & WBCSD. (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social, and governance-related risks. Retrieved from: https://www.wbcsd.org/erm
[148] COSO & WBCSD. (2018, October). Enterprise Risk Management, Applying enterprise risk management to environmental, social, and governance-related risks. Retrieved from: https://www.wbcsd.org/erm
[149] Shift and Institute for Human Rights and Business (IHRB) (2013). Oil and Gas Sector Guide on Implementing the UN Guiding Principles on Business and Human Rights. European Commission. Retrieved from IHRB: https://www.ihrb.org/pdf/eu-sector-guidance/EC-Guides/O&G/EC-Guide_O&G.pdf
[150] ISO/TC 46. Retrieved from https://www.iso.org/committee/52702.html
[151] ISO 14054. Retrieved from https://www.iso.org/standard/38381.html
[152] Equator Principles. Retrieved from Equator Principles: http://www.equator-principles.com/
[153] PRI. Retrieved from UN Principles for Responsible Investment: https://www.unpri.org/
[154] International Finance Corporation (2021). IFC ESG Guidebook
[155] IFC. (2015, November). Environmental and Social Management System Implementation Handbook – General.
[156] IFC. (2007, April). Stakeholder Engagement: A Good Practice Handbook for Companies Doing Business in Emerging Markets. - pg. 19
[157] IFC. (2007, April). Stakeholder Engagement: A Good Practice Handbook for Companies Doing Business in Emerging Markets.
[158] IFC. (2007, April). Stakeholder Engagement: A Good Practice Handbook for Companies Doing Business in Emerging Markets.
[159] IFC (2015, March). Environmental and Social Management System (ESMS) Implementation Handbook. - pg. 50
[160] IFC (2007, May). Stakeholder Engagement: A Good Practice Handbook for Companies Doing Business in Emerging Markets. Retrieved from: https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/mgrt/ifc-stakeholderengagement1.pdf
[161] EY. (2022, June). ESG Data Operating Model Key Design Considerations (Playbook).
[162] EFRAG. (2021, October). Towards Sustainable Businesses: Good Practices in Business Model, Risks and Opportunities Reporting in the EU.

[163] Value Reporting Contents Foundation, Integrated Reporting Framework (2021, September). Transition to integrated reporting, A guide to getting started. Retrieved from: https://www.integratedreporting.org/wp-content/uploads/2022/08/Transition-to-integrated-reporting_A-Getting-Started-Guide.pdf
[164] Thông tư Số 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Retrieved from: 96/2020/TT-BTC in Vietnam, Circular 96/2020/TT-BTC providing guidelines on disclosure of information on securities market in Vietnam (thuvienphapluat.vn)
[165] VCCI news. (2024). Establishing Internationally Competitive, Leading Enterprises. Retrieved from: https://vccinews.com/news/51603/establishing-internationally-competitive-leading-enterprises.html
[166] ESG. (2024). Retrieved from Business.gov.vn: ESG (business.gov.vn)
[167] SCORE Vietnam. Retrieved from: SCORE Việt Nam.
[168] EY. (2021, October), ESG integration in business: a key imperative. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_in/topics/climate-change/esg-leadership-dialogues/esg-integration-in-business-a-key-imperative.pdf
[169] GRI & UNGC. INTEGRATING THE SDGs INTO CORPORATE REPORTING: A PRACTICAL GUIDE. Retrieved from: https://d306pr3pise04h.cloudfront.net/docs/publications%2FPractical_Guide_SDG_Reporting.pdf
[170] IFAC. (2015, November). Materiality in <IR> Guidance for the preparation of integrated reports.
[171] OECD. Science, technology and innovation. Retrieved from: https://www.oecd.org/innovation/green/toolkit/aboutsustainablemanufacturingandthetoolkit.htm
[172] Transition Task Force. Retrieved from: https://transitiontaskforce.net/
[173] Integrated Reporting. (2021, September). Transition to integrated reporting, A guide to getting started. Retrieved from: https://www.integratedreporting.org/wp-content/uploads/2022/08/Transition-to-integrated-reporting_A-Getting-Started-Guide.pdf
[174] Asian Development Bank. (2023, June). Green Finance for Asian state-owned enterprises. Retrieved from ADB: https://www.adb.org/sites/default/files/publication/891471/green-finance-asian-state-owned-enterprises.pdf – pg. 21
[175] EY adaptation from Asian Development Bank. (2023, June). Green Finance for Asian state-owned enterprises. Retrieved from ADB: https://www.adb.org/sites/default/files/publication/891471/green-finance-asian-state-owned-enterprises.pdf – pg. 21 and Asian Development Bank. (2021, July 30). Financing clean energy in developing Asia-volume 1. Retrieved from https://dx.doi.org/10.22617/TCS210206-2 – pg. 168
[176] Asian Development Bank. (2021, July 30). Financing clean energy in developing Asia-volume 1. Retrieved from https://dx.doi.org/10.22617/TCS210206-2 – pg. 62
[177] World Bank Group. (2021, September 27). Climate Explainer: Concessional Finance. World Bank. Retrieved from: https://www.worldbank.org/en/news/feature/2021/09/16/what-you-need-to-know-about-concessional-finance-for-climate-action#:~:text=Concessional%20finance%20is%20an%20efficient,collective%20climate%20and%20development%20objectives.
[178] Asian Development Bank. (2017, October 31). DFI working group on blended concessional finance for Private Sector Projects: Summary Report. Retrieved from https://www.adb.org/documents/blended-concessional-finance-private-sector-projects – pg. 3
[179] Asian Development Bank. (2023, August 16). Guarantees. Retrieved from ADB: https://www.adb.org/what-we-do/private-sector-financing/guarantees
[180] World Bank. (n.d.). Guarantees program. Retrieved from World Bank: https://www.worldbank.org/en/programs/guarantees-program
[181] EY analysis
[182] ICMA. (2020, June). Sustainability-linked Bond Principles. Retrieved from ICMA: https://www.icmagroup.org/assets/documents/Regulatory/Green-Bonds/June-2020/Sustainability-Linked-Bond-Principles-June-2020-171120.pdf
[183] Fernando, J. (2023, March 25). Equity for shareholders: How it works and how to calculate it. Investopedia. Retrieved from Investopedia: https://www.investopedia.com/terms/e/equity.asp
[184] Inframation News. Investors. Retrieved from: Investors | Inframation News

[185] EY. (2023). The evolution of ESG investing. Retrieved from EY: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_ca/topics/financial-services/pdf/ey-esg-asset-manager-survey-report.pdf - pg. 3
[186] Asian Development Bank. (2012, December). Environment safeguards: A good practice sourcebook (draft Working Document). Retrieved from https://www.adb.org/sites/default/files/institutional-document/33739/files/environment-safeguards-good-practices-sourcebook-draft.pdf - pg. 12
[187] Asian Development Bank. (2023, August 3). Environment safeguards. Retrieved from https://www.adb.org/who-we-are/safeguards/environment
[188] International Finance Corporation. (n.d.). How to apply for financing. IFC. Retrieved from https://www.ifc.org/en/what-we-do/products-and-services/how-to-apply-for-financing
[189] International Finance Corporation. (2012). IFC performance standards on environmental and Social Sustainability. Retrieved from https://www.ifc.org/content/dam/ifc/doc/mgrt/ifc-performance-standards.pdf - pg. 3
[190] Sumitomo Mitsui Banking Corporation. (2021, April 5). News release - Launch of the SMBC-JICA Sustainable Finance Framework. Retrieved from https://www.smbc.co.jp/news_e/pdf/e20230929_01.pdf - pg. 1, 2
[191] HSBC. (n.d.). Sustainability for business in Vietnam. HSBC Vietnam. Retrieved from HSBC: https://www.business.hsbc.com.vn/en-gb/campaigns/sustainability
[192] HSBC. (2022, March 4). New release - HSBC and Vingroup realise their green commitment with the first syndicated green loan. Retrieved from https://www.google.com/url?sa=t&rct=j&q=&esrc=s&source=web&cd=&cad=rja&uact=8&ved=2ahUKEwikgr-p5ICBAxW_zDgGHdWeBEsQFnoECB8QAQ&url=https%3A%2F%2Fwww.about.hsbc.com.vn%2F-%2Fmedia%2Fvietnam%2Fen%2Fnews-and-media%2F220311-hsbc-and-vingroup-realise-green-strategy-en.pdf&usg=AOvVaw0M0GZEgb2xGqCepZy-fhf1&opi=89978449
[193] KKR ESG. (2023, June). Responsible investment policy. Retrieved from KKR: https://www.kkr.com/_files/pdf/responsible-investment-policy.pdf - pg. 3, 4
[194] Temasek Corporate. (n.d.). Sustainability in our investments. Temasek Corporate Website. Retrieved from: https://www.temasek.com.sg/en/sustainability/sustainability-in-our-investments#embedding-esg
[195] Lee, N., O'Donnell, M., &; Ross, K. (2020, September). Gender Equity in Development Finance Survey. Retrieved from Center for Global Development: https://www.cgdev.org/sites/default/files/gender-equity-in-development-finance-survey.pdf - pg. 2,10
[196] Asian Development Bank. (2023a, April 24). 2022 development effectiveness review. Retrieved from ADB: https://www.adb.org/documents/development-effectiveness-review-2022-report – pg. 18, 34, 36, 73
[197][197] Agence Française de Développement, &; UN Women. (2021). Public Development Banks driving gender equality . Retrieved from: https://financeincommon.org/sites/default/files/2021-10/PublicDevelopmentBanks-Driving-gender-equality.pdf - pg. 45,46
[198] IFC. (n.d.). IFC's work on gender equality and economic inclusion. Retrieved from IFC: https://www.ifc.org/en/what-we-do/sector-expertise/gender
[199] UKPACT. (2021, April). Guidance on gender equality and social inclusion (GESI). Retrieved from https://f.hubspotusercontent10.net/hubfs/7376512/cp/general/UK%20PACT%20GESI%20Guidance.pdf?hsCtaTracking=2b59d319-333f-4053-a9ab-52492b2353a1%7C023f06ea-5c31-408a-99cd-c43abc2262b9 – pg.3
[200] United Nations (2023). Synergy Solutions for a World in Crisis: Tackling Climate and SDG Action Together. Retrieved from: UN Climate SDG Synergies Report-091223B_1.pdf – pg. 27, 51
[201] UKPACT. (2021, April). UK PACT's GESI ambition. Retrieved from: https://f.hubspotusercontent10.net/hubfs/7376512/cp/general/UK%20PACT%20GESI%20Ambition%20Statement.pdf- pg. 6
[202] GRI & UNGC. (2022). An Analysis of the Goals and Targets 2022. Retrieved from: info.unglobalcompact.org/l/591891/2022-07-28/4tgdtg/591891/1659023233WdpbKkHR/GRI_UNGC_SDG_Reporting_AnalysisOfGoalsAndTargets_update2022.pdf – pg. 552
[203] UKPACT. (2021, April). Guidance on gender equality and social inclusion (GESI). Retrieved from: UK PACT GESI Guidance.pdf (hubspotusercontent10.net) – pg. 3

[204] GRI & UNGC. (2022). An Analysis of the Goals and Targets 2022. Retrieved from: info.unglobalcompact.org/l/591891/2022-07-28/4tgdtg/591891/1659023233WdpbKkHR/GRI_UNGC_SDG_Reporting_AnalysisOfGoalsAndTargets_update2022.pdf – pg. 104-122, pg. 288-306

[205] Vinamilk. (2022). Vinamilk Sustainable Development Report 2022. Retrieved from: https://www.vinamilk.com.vn/static/uploads/article/1683632005-a8367043262056cdfbcdd116e02df5302f165403da2790ab1cb6d2c01c017a3e.pdf - pg. 78

[206] bp. Reporting centre. Retrieved from: Reporting centre | Sustainability | Home (bp.com)

[207] Novaland. (2021). Sustainable Development Report 2021. Retrieved from: eng_bcptbv2021.pdf (novaland.com.vn)- pg. 8

[208] Philip Morris International. (2022, February). 2021 Sustainability Materiality Report. Retrieved from: pmi-2021-sustainability-materiality-report.pdf

[209] Philip Morris International. (2022). 2021 PMI Integrated Report. Retrieved from: PMI Integrated Report 2021, page 40-49

[210] Johnson Matthey. (2022). Annual Report and Accounts 2022. Retrieved from: 6e0c0d7d-7f21-0e5f-7746-fc46b1f16fc2 (matthey.com) – pg. 83

[211] Johnson Matthey. (2022). Annual Report and Accounts 2022. Retrieved from: 6e0c0d7d-7f21-0e5f-7746-fc46b1f16fc2 (matthey.com) – pg. 83

[212] DSM. (2018). Royal DSM Integrated Annual Report 2018. Retrieved from: https://annualreport.dsm.com/assets/ar2018/en_US/downloads/DSM-Annual-Report-2018.pdf - pg. 133

[213] SAP (2023). SAP Integrated Report. Retrieved from: SAP Integrated Report 2022 – pg. 52, 55

[214] SAP (2023). SAP Integrated Report. Retrieved from: SAP Integrated Report 2022 – pg. 275-276

[215] Societe Generale (2019, June 27). Climate Disclosure: Societe Generale's Task Force on Climate-related Financial Disclosures Report. Retrieved from: climate-disclosure-societe-generale-tcfd-report-june.pdf (societegenerale.com) - pg. 14-19

[216] Aurizon. (2023). 2023 Sustainable Report. Retrieved from: https://www.aurizon.com.au/sustainability - pg. 28-33

[217] lendlease. (2023, August 14). Lendlease Group 2023 Annual Report. Retrieved from: 2590033.pdf (lendlease.com) - pg. 48, 49

[218] Societe Generale. (2021, December). Climate Disclosure. Retrieved from: https://www.societegenerale.com/sites/default/files/documents/CSR/societe-generale-climate-disclosure-report-december-2021-en.pdf - pg. 23-30

[219] Societe Generale. (2021, December). Climate Disclosure. Retrieved from: https://www.societegenerale.com/sites/default/files/documents/CSR/societe-generale-climate-disclosure-report-december-2021-en.pdf - pg. 23-30 and lendlease. (2023, August 14). Lendlease Group 2023 Annual Report. Retrieved from: 2590033.pdf (lendlease.com) - pg. 48, 49

[220] SSAB. (2017). Annual Report. Retrieved from: https://ssabwebsitecdn.azureedge.net/-/media/files/company/investors/annual-reports/2017/ssab-annual-report-2017-en.pdf?m=20180319123646 – pg. 120-126

[221] SSAB. (2017). Annual Report. Retrieved from: https://ssabwebsitecdn.azureedge.net/-/media/files/company/investors/annual-reports/2017/ssab-annual-report-2017-en.pdf?m=20180319123646 – pg. 120-126

[222] NatWest Group. (2023). Basic of Reporting 2022. Retrieved from: https://investors.natwestgroup.com/~/media/Files/R/RBS-IR-V2/results-center/17022023/nwg-2022-sustainability-basis-of-reporting.pdf - pg. 2

[223] PTF-RNFRO. (2021, October). Towards Sustainable Businesses: Good Practices in Business Model, Risks and Opportunities Reporting in the EU, Main Report. Retrieved from: https://www.efrag.org/Assets/Download?assetUrl=/sites/webpublishing/SiteAssets/EFRAG%20PTF-RNFRO%20-%20Main%20Report.pdf&AspxAutoDetectCookieSupport=1

[224] Accountancy Europe (2020, July). SME Risk Management Sustainability. Retrieved from: https://www.accountancyeurope.eu/wp-content/uploads/SME-sustainability_Accountancy-Europe-2020.pdf
[225] EY Ireland (2023, April 19). Sustainability Critical Assessment: Is your organisation ready for what's next?. Retrieved from: https://www.ey.com/en_ie/sustainability/sustainability-assessment
[226] EY Ireland (2023, April 19). Sustainability Critical Assessment Report Pioneer. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_ie/noindex/ey-state-of-sustainability-assessment-report-pioneer.pdf
[227] EY Ireland (2023, April 19). Sustainability Critical Assessment Report Activator. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_ie/noindex/ey-state-of-sustainability-assessment-report-activator.pdf
[228] EY Ireland (2023, April 19). Sustainability Critical Assessment Report Survivor. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_ie/noindex/ey-state-of-sustainability-assessment-report-survivor.pdf
[229] EY Ireland (2023, April 19). Sustainability Critical Assessment Report Lagger. Retrieved from: https://assets.ey.com/content/dam/ey-sites/ey-com/en_ie/noindex/ey-state-of-sustainability-assessment-report-lagger.pdf
[230] EUR-Lex. (2019, December 11). Thông tin liên lạc từ Comission - Thỏa thuận xanh châu Âu. Retrieved from: EUR-Lex - 52019DC0640 - EN - EUR-Lex (europa.eu)
[231] European Commission, Financing Sustainable Growth. (2019). Retrieved from: https://finance.ec.europa.eu/document/download/385df525-a170-4275-bf07-515719385076_en?filename=200108-financing-sustainable-growth-factsheet_en.pdf
[232] European Commission, The European Green Deal. Retrieved from: https://commission.europa.eu/strategy-and-policy/priorities-2019-2024/european-green-deal_en
[233] Ủy ban Châu Âu, Báo cáo bền vững doanh nghiệp. Retrieved from: Báo cáo bền vững doanh nghiệp - Ủy ban Châu Âu (europa.eu)
[234] Ủy ban Châu Âu, phân loại EU cho các hoạt động bền vững. Retrieved from: phân loại EU cho các hoạt động bền vững - Ủy ban châu Âu (europa.eu)
[235] European Commission, Renewed sustainable finance strategy and implementation of the action plan on financing sustainable growth. Retrieved from: https://finance.ec.europa.eu/publications/renewed-sustainable-finance-strategy-and-implementation-action-plan-financing-sustainable-growth_en
[236] Ủy ban Châu Âu, Tiêu chuẩn trái phiếu xanh châu Âu - Hỗ trợ quá trình chuyển đổi. Retrieved from: Tiêu chuẩn trái phiếu xanh châu Âu - Hỗ trợ quá trình chuyển đổi - Ủy ban châu Âu (europa.eu)
[237] Ủy ban Châu Âu, hoạt động xếp hạng ESG. Retrieved from: hoạt động xếp hạng ESG - Ủy ban châu Âu (europa.eu)
[238] Hội đồng Liên minh châu Âu. Thỏa thuận xanh châu Âu. Retrieved from: Thỏa thuận xanh châu Âu - Consilium (europa.eu)
[239] KPMG. (2022, January). Hướng dẫn chính sách Thỏa thuận xanh Châu Âu. Retrieved from: Hướng dẫn chính sách Thỏa thuận xanh Châu Âu (kpmg.com)